

PHẦN THỨ BA. NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA NGHỀ PHÓNG VIÊN

CHƯƠNG 17. SINH HOẠT CỦA MỘT PHÓNG VIÊN

Gene Miller băn khoăn. Ông vừa được biết có vài điểm đáng nghi ngờ trong trường hợp của một người phạm tội sát nhân ở Florida. Đối với một phóng viên thường, khi có cảm giác mơ hồ là có cái gì sai lằm thì chỉ có việc bỏ qua một bên. Người đàn ông kia có tội thật không? Người đó đang ở trong khám. Tại sao lại phải băn khoăn.

Nhưng Miller bắt đầu nghĩ ngợi. Là con người nhạy cảm và thấu hiểu sâu xa nguyên tắc làm việc, ông quyết định đi điều tra trường hợp rắc rối này. Không một người nào trong tờ báo của ông, tờ *Miami Herald*, giúp ông trong việc này cả. Ông phải làm việc một mình. Ông không thể nào ng ỡ viết, với sự căm phẫn, một bài kết tội gã đàn ông kia như nhiều người ở Florida đang nghĩ. Vì không có bằng chứng hiển nhiên, người ta chỉ có đôi chút cảm tưởng là gã kia có tội.

Kiên nhẫn và cẩn thận, phóng viên này đã đi theo đường lối thông thường trong một trường hợp sát nhân. Ông nghiên cứu những nhân viên có nhiệm vụ đi bắt phạm nhân, những nhân chứng, hoàn cảnh của người phạm tội, những bằng chứng mà người phạm tội đã đưa ra.

Cuối cùng, Miller cho thấy rằng người vô tội kia đã bị kết án sáu năm tù ở về một tội sát nhân mà anh ta không phải là thủ phạm. Qua lần xử thứ hai, người này được tòa án tha bổng và sau đó tòa án Tiểu bang Florida đã bồi thường cho anh ta 45.000 Mỹ Kim.

Chưa hết Trong một trường hợp khác, hoàn toàn không dính dáng gì đến trường hợp thứ nhất, Miller lại thành công. Nhờ lòng kiên nhẫn và cuộc đi điều tra tỉ mỉ của ông mà một người đàn bà vô tội ở Louisiana đã được trả tự do sau khi bị bắt giam vì hai vụ sát nhân mà bà ta không nhúng tay vào.

ƯU ĐIỂM CỦA LÊ LỐI THÔNG THƯỜNG

Những thành tích sáng chói như vậy rất hiếm trong lịch sử báo chí Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mặc dầu Gene Miller đã đoạt một giải Pulitzer, ông ta cũng như các chủ biên của ông đều không cho rằng sự thành công của ông tùy thuộc

vào cái gì hơn là khả năng hoàn thành công việc theo lề lối thông thường. Vì nói cho đúng, rất nhiều bài tường thuật xuất sắc đều căn cứ vào lề lối làm việc này cả. Cũng như có lần, Morton Mintz của tờ *Washington Posts*, sau khi đăng bài tường thuật về thuốc Thalido mide, loại thuốc bị coi là nguyên nhân của những vụ sinh ra quái thai, đã nói: “Nhiều bài báo quan trọng trước kia ngày nay trở thành ‘ngớ ngẩn’. Nhiều người trong giới báo chí ở Washington mong muốn những công việc hấp dẫn. Vì quá chú ý đến điểm đó nên họ bỏ quên mất nhiều đi đâu có thể tạo ra những tin tức có ý nghĩa”.

Khi Oscar Griffin của tờ *Pecos Independent* ở Tiểu bang Texas khám phá ra câu chuyện làm cho Billie Sol Estes, một đại nông gia ở Tiểu bang này bị kết tội và bị tù, đó cũng lại nhờ vào một cuộc đi đâu tra được bắt đầu theo lề lối làm việc thông thường. Trường hợp tương tự như vậy là trường hợp của George Thiem của tờ *Chicago Daily News* đi đâu tra về một kiểm toán viên ở Tiểu bang Illinois bị tù vì gian lận.

Cuộc đi đâu tra theo lề lối thông thường về những tin đồn liên quan đến vụ thẩm sát (thường dân) ở Mỹ Lai, Nam Việt-Nam, đã thúc đẩy Seymour M. Hersh phải đi khắp nước (Mỹ), kiên nhẫn phỏng vấn các cựu binh sĩ, nhưng khi ông tung câu chuyện này ra thì bằng chứng về vụ này đã làm cho Trung úy William L. Calley phải ra tòa. Cũng chính lề lối làm việc thông thường đã giúp cho Lucinda Frank và Thomas Power của hãng UPI, khi họ đi nghiên cứu về đời sống và cái chết của Diana Oughton, viết được một loạt bài về nữ nhân viên khủng bố này khiến cho họ đoạt giải thưởng. Và khi Norman C. Miller của tờ *The Wall Street Journal* khai ra vụ dầu “sà-lách” làm nhiều nhà đầu tư ở Hoa Kỳ mất hàng triệu Mỹ Kim, ông đã làm một công việc còn tí mỉ hơn công việc của một nhân viên đi đâu tra loại điệp viên James Bond.

Đi đâu này cũng không cần phải nhấn mạnh thêm nữa. Nguyên tắc căn bản của hầu hết các phóng viên giỏi là làm việc tận tâm. Đi đâu này đã giải thích tại sao một tờ báo nhỏ như tờ *Winston-Salem Journal* và *Sentinel* đã có thể ngăn cản được một công ty đặt mìn phá hoại một thắng cảnh đẹp nhất ở Bắc Carolina để làm đường lộ, và tờ *Press Enterprise* ở Riverside, California, đã can đảm tố cáo những người có thể lợc và tham những cố gắng tìm cách đoạt tài sản của một bộ lạc da đỏ bất hạnh.

Người phóng viên mà các kết quả đạt được chỉ hoàn toàn căn cứ vào trực giác và vào các dịp may chỉ là “con chim lạ” thường được thấy trong những cuốn sách rẻ tiền với hình bìa loè loẹt và trong những màn nhạc kịch tằm thường trên truyền hình mà thôi.

PHÓNG VIÊN LÀM VIỆC NHƯ THẾ NÀO?

Phân biệt được một phóng viên giỏi với một phóng viên kém là một việc dễ dàng. Phóng viên giỏi biết rằng phần lớn thì giờ làm việc của anh sẽ được dùng vào những công việc thường ngày và anh chuẩn bị đầy đủ để hoàn thành những công việc đó một cách tốt đẹp. Phóng viên kém chỉ để ý đến các chi tiết tằm thường, đọc báo, kiểm soát các danh tính cùng địa chỉ, đặt ra các câu hỏi về những chi tiết không quan trọng và ghi chép cẩn thận khi anh thấy có thể được.

Điểm khác biệt giữa hai người này là phóng viên giỏi biết rằng anh phải chú ý đến tất cả mọi chuyện dù hầu hết các câu chuyện này chỉ tằm thường, trong khi người kia chỉ mong đợi vào những tin lớn mà có lẽ không bao giờ đến với anh.

Những người mới bước chân vào làng báo phải học những sự kiện này thật kỹ lưỡng.

Trong một cuộc đầu phiếu sôi nổi tại Đại Hội Đảng Liên Hiệp Quốc, một phóng viên trẻ nhận thấy có một đại diện có dáng dấp Á Đông ở phía bên kia, trong chỗ tối của văn phòng, luôn luôn dơ tay cùng với khối Sô Viết. Người phóng viên, trẻ tuổi đó ghi chép và viết rằng đại diện của Trung Hoa Quốc Gia đã ủng hộ Liên Bang Sô Viết; đi đầu này có thể làm cho Đài Loan xúc động.

Paul Ward, phóng viên từng đoạt giải Pulitzer cho tờ *Baltimore Sun*, ngồi đằng sau người phóng viên trẻ tuổi kia, nghi ngờ về điểm đó liền chịu khó len lỏi đi cả một trăm bước đến bàn của phái đoàn người Á Châu kê trên và phối kiểm lại. Phái đoàn này chính thật từ Miền Điện đến, và Ward đi viết một tin khác hẳn. Ward đã giữ đúng một trong những nguyên tắc đầu tiên của nghề phóng viên là không bao giờ chấp nhận việc coi mọi việc là dĩ nhiên và phải luôn luôn phối kiểm; trong khi đó, người phóng viên trẻ tuổi kia lại nghi rằng phỏng đoán là được rồi.

Bảng phân phối công tác. Một chủ biên, sau khi đọc lướt nhanh một bản phân phối công tác, có thể nói qua về việc các phóng viên của một tổ chức làm tin được phân phối như thế nào. Ông là người có thể nhận thức rằng những phóng viên nào được giao phó những công tác cần có sự thận trọng và cố gắng và những phóng viên nào chỉ có thể nhận được những công việc đòi hỏi ít khả năng chuyên nghiệp hơn.

Bản phân phối công tác là một ‘lệnh hành quân’ cho người ký giả trong các công việc hàng ngày thuộc mọi ‘trận tuyến tin tức’. Nên nhớ rằng mọi phóng viên đều nhận được một số công tác và ít lời chỉ dẫn về những tiến triển của chúng.

Một bản phân phối công tác phải giản dị và gọn gàng khiến cho ngay cả một chủ biên không được thông báo trước hoặc không dự cuộc họp ngắn của tòa soạn, khi cần đến, cũng có thể nói một cách đại khái rằng tin tức trong ngày ra sao, và ban biên tập sử dụng các nguồn tin như thế nào. Sau đó, ông có thể nghe phóng viên điện thoại hoặc đích thân về tòa soạn báo cáo những tin tức đã thu thập được.

Rất ít phóng viên thấy bản phân phối công tác. Vài phóng viên gọi điện thoại về xin cho biết công tác của họ, một số khác được gọi đến tòa soạn để nghe qua những công việc mà họ phải làm và để được phân phối tùy theo công việc. Trừ phi có một loạt công tác phức tạp, hoặc một công tác thật đặc biệt, không có phóng viên nào được chỉ dẫn tỉ mỉ về việc anh phải làm như thế nào, nơi nào anh phải đi, và phương tiện chuyên chở nào anh cần sử dụng.

Thi hành công tác. Khi một phóng viên nhận được một công tác làm tin tại chỗ, việc anh làm đầu tiên là đi ngay đến tận nguồn tin. Chỉ khi nào công tác là viết đặc ký hoặc phỏng vấn, anh mới có thì giờ để tham khảo tài liệu ở thư viện hoặc khởi hành một cách thông thả.

Anh quen dùng xấp giấy và cây viết chì nhưng ngày nay, nếu là người khôn ngoan thì mang theo một máy ghi âm.

Qua kinh nghiệm, người phóng viên nhận thức được rằng phải đi khi nào và đến nơi nào để thu thập tài liệu cho một loại câu chuyện nào. Về những vụ hỏa hoạn, tai nạn và những tai họa khác, nơi xảy ra đều là những nguồn tin tốt nhất. Tuy nhiên, đối với những tin tức cảnh sát, không phải lúc nào

cũng chắc chắn đến tại chỗ xảy ra tội ác sẽ là cách thức trực tiếp nhất để gỡ lẩn đầu mỗi câu chuyện, trừ phi những nguồn tin chính yếu phát xuất từ đó. Tại các hội nghị chính trị và ngoại giao, những tin tức quan trọng nhất thường ở cách xa diễn đàn của diễn giả. Về các cuộc hòa giải lao động, trong khi cả hai bên đều họp kín trong phòng hội nghị, tin tức có thể phát xuất từ bất cứ chỗ nào.

Sự kiện quan trọng mà các phóng viên cần ghi nhớ là phải di động luôn luôn. Thường thường, người phóng viên cảm thấy rằng hầu hết thì giờ của mình đều dành cho việc chờ đợi người khác và chỉ cầu ý người khác để được tiếp xúc với họ. Khi có sự kiện xảy ra, phóng viên phải biết bỏ bớt thời giờ chờ đợi để đi gọi điện thoại, ghi chép hoặc dùng phương pháp nào đó để liên lạc với nguồn tin. Trong bất cứ trường hợp nào, bất kể có việc hay không có việc gì xảy ra khi đang thi hành công tác, cứ mỗi 30 phút hoặc một tiếng đồng hồ, phóng viên, phải gọi điện thoại về tòa soạn một lần. Nếu không làm thế thì cả hệ thống thu thập tin tức bị tê liệt vì thiếu liên lạc.

Nhiều phóng viên học hỏi được một cách khá nhanh chóng rằng việc tìm đến nguồn tin tùy thuộc phần lớn vào hoàn cảnh và cơ hội. Khi thông thả, việc gọi điện thoại cho một nhân vật quan trọng và xin được gặp họ tại một nơi thuận tiện là một phương pháp tốt đẹp để tiến hành công tác, nhất là đối với những ký mục gia và xã luận gia. Phóng viên luôn luôn phải nhờ vào điện thoại, vào cuộc phỏng vấn bên lề và vào câu hỏi viết ra giấy một cách vội vàng.

Phương thức căn bản. Không một phóng viên chuyên nghiệp nào được dùng những mưu kế và xảo thuật mà cấp trên của anh không được biết. Thật rất đúng khi nói rằng phóng viên đã có những sự góp phần đáng khen bằng cách viết những bài báo đầu tay của anh giống như những người duy trì trật tự ở bệnh viện, những giáo chức, cảnh sát viên, lính cứu hỏa và cả những thám tử khi có cơ hội, nhưng không có tờ báo nào lại muốn những phóng viên của mình thực hiện công tác như vậy một cách đần độn mà không có đôi chút nhu cầu thực tế và căn bản.

Chỉ khi cần phương pháp trực tiếp bị thất bại, phóng viên mới nên nghiên cứu một kế hoạch. Nhiều khi có thể tìm ra một nguồn tin một cách nhanh chóng bằng cách dò danh sách trong một cuốn niêm giám điện thoại, hoặc niêm giám thành phố. Nhiều khi, phóng viên tiếp xúc được với nguồn tin

có tiếng là khó gặp bằng cách đến thẳng và tự giới thiệu mình. Trước khi hành động theo kế hoạch, phóng viên phải nghiên cứu kế hoạch đó để xem có lợi gì cho anh không nếu anh thành công và đồng thời cũng để xem nó có gây khó khăn nào cho anh và cho tổ chức làm tin của anh không, nếu anh thất bại.

Phóng viên có thể tự kiểm tra được tin nếu anh thi hành công tác hàng ngày một cách tốt đẹp. Thường thường, khi phối kiểm tất cả các khía cạnh của một câu chuyện, phóng viên có thể tìm ra được một người cung cấp cho nhiều sự kiện tốt để đi sâu tra thêm. Nhờ những đức tính cương quyết, lịch thiệp và kiên nhẫn, phóng viên có thể thuyết phục được một nguồn tin khách quan để thảo luận về lập trường của nguồn tin kia. Đó là lối thông thường mà ký mục gia Jack Anderson đã sử dụng khi ông viết về nhiều câu chuyện quan trọng trong đầu thập niên 1970, từ việc Hoa Kỳ chống đối Ấn Độ trong cuộc chiến tranh Ấn-Hồ năm 1971 đến những phương pháp gây ảnh hưởng ở quốc gia này và ở hải ngoại của Công Ty Quốc Tế Điện Thoại và Điện Tín. Cũng như Anderson, nhiều phóng viên khác nhận thấy rằng tính kiên nhẫn và những cố gắng của họ đã được đền bù bằng những tiết lộ mà họ không ngờ có được; nhưng thật ra có rất ít người được ưu đãi để có được nhiều sự tiết lộ của các nguồn tin chính phủ.

Khi nào có thể, phóng viên cần phải đi sâu tra kỹ lưỡng về bối cảnh của những nhân vật chính trong tin tức. Trong một vụ án sát nhân mà cái chết của một người được xác nhận là do tai nạn rủi ro, một nữ phóng viên đã khám phá ra rằng một vị thẩm phán vài năm trước đây vì rủi ro đã bắn lựu và làm chết người bạn cùng đi săn với ông. Một cuộc đi sâu tra về một công ty lớn đang gặp khó khăn tài chính cho thấy một trong những nhân vật quan trọng của công ty này là một kẻ từng bị kết tội rõ ràng nhưng nay đã thay tên đổi họ. Người ta cũng lại được biết rằng tác giả của một cuốn sách hài hước và triết lý bán chạy nhất đã bị ở tù vì có liên hệ với một vụ lường gạt, nhưng ông đã thành công việc khôi phục công quyền của ông.

Hỏi, hỏi và hỏi nữa! Muốn hoàn thành những công tác được trao phó, thường thường, phóng viên phải nêu lên những câu hỏi, hỏi một cách lễ độ nhưng luôn luôn kiên trì, không phải hỏi bất cứ câu nào, nhưng một câu hỏi có thể đem lại một câu trả lời đáng làm được tin tức.

Phóng viên bước vào văn phòng của một quận nào đó và vui vẻ hỏi: “Có tin gì mới không?” thì hầu như sẽ được trả lời “Không có gì cả”. Nhưng nếu

anh xin phép được xem xét những sự kiện mới nhất, có thể anh sẽ thấy được một câu chuyện dù nhỏ nhưng thích thú. Đi đâu có lợi cho phóng viên là anh có được vài ý kiến về câu chuyện để sau đó anh có thể biết được chỗ của nguồn tin mà đến. Nó làm cho công việc đi đâu tra của anh dễ dàng hơn nhiều.

Ít phóng viên có thể là người trong cuộc và cũng nên tránh việc đó. Tiếng nói ồn ào, những ngón tay tố cáo, và cử chỉ có kịch tính đều không thích hợp với ký giả chuyên nghiệp. Không ích gì cho phóng viên khi bất hòa với nguồn tin, hoặc dọa nạt hoặc chọc tức nguồn tin. Những cử chỉ đó có thể làm hỏng một câu chuyện và làm mất tin tưởng của người cho anh câu chuyện đó. Duy trì được tính khí nhẹ nhàng và ôn hòa sẽ có nhiều sự đền bù cho người đi sâu thập tin tức chuyên nghiệp.

Người phóng viên ồn ào hoặc lạnh lùng chỉ làm hại cho chính mình. Ít khi người phóng viên này chứng tỏ được anh là một [niềm] hãnh diện cho tổ chức làm tin của anh và cho nghề nghiệp của anh.

Đôi khi nguồn tin tỏ ra kiêu ngạo, hách dịch và hay dọa nạt. Trong những trường hợp này, người phóng viên đi kèm đạm nhất nếu có nổi giận cũng có thể được tha thứ trước những áp lực như vậy. Tuy nhiên, như nhiều phóng viên đã biết, nổi giận không ích gì cho công việc làm tin mặc dầu thỉnh thoảng có vẻ thích hợp với người viết xã luận. Người phóng viên giàu kinh nghiệm bất chấp sự khiêu khích, lúc nào cũng giữ được bình tĩnh, đứng ở thế thủ và luôn luôn luôn nêu ra những câu hỏi.

Những phóng viên trẻ tuổi đi công tác lần đầu tiên thường tự hỏi trước khi đến gần nguồn tin khó tính đầu tiên của anh: “Tại sao nguồn tin phải nói với mình?”. Thật ra, ít phóng viên ngày nay duy trì được nhóm người ủng hộ. Tuy nhiên, không vì thế mà những phóng viên trẻ tuổi lại cảm thấy bị bỏ rơi vì thiếu kinh nghiệm. Họ sẽ được tiếp kiến không phải vì là họ người như thế nào nhưng chính vì cơ quan mà họ đại diện. Từ những bước đầu đó, họ sẽ học hỏi đầy đủ một cách nhanh chóng để tự bước đi trên con đường của họ bằng cách đặt ra các câu hỏi thích hợp đúng vào người họ muốn hỏi và đúng lúc.

Ghi chép sự kiện. Vài phóng viên giỏi thỉnh thoảng mới ghi chú chút ít một cách vội vàng vào mặt sau của một chiếc phong bì cũ hoặc trên một mảnh giấy nhỏ. Một số người khác ghi chép những biến chuyển của thời tiết khi đi ngang qua Công Trường Times (ở New York), vào một ngày

xuân đẹp trời. Đây là những người chuyên nghiệp lâu năm trong nghề mà phương pháp của họ thay đổi tùy theo tính nết, thói quen và nhu cầu của họ.

Những phóng viên ngày nay, nhất là những người trẻ, hầu như đều nhận ra rằng việc ghi chú kỹ lưỡng có ích cho họ hơn là ghi chú bất thường của một số phóng viên lão thành. Lý do là công việc làm tin hiện đại cần phải cẩn thận hơn, hoàn hảo hơn và nếu có thể được, chính xác hơn nhưng tin tức thu thập được từ hồi 35 năm, 40 năm trước đây. Có rất nhiều phương pháp, kể cả phương pháp điện tử lẫn sự tận tâm, để kiểm soát sự chính xác của những bài tường thuật trên báo chí ngày nay mà thế hệ trước không thấy có. Một nhu cầu cấp bách cho phóng viên là phải có tập tài liệu trong tay về địa điểm anh đến, những việc anh làm và những đi đầu chỉ dẫn cho anh. Không phải phóng viên nào cũng có thể hoàn thành được mọi công tác với chiếc máy ghi âm đầu.

Nhiều nhà báo thời trước chỉ có trong một tay một xấp giấy để ghi chép, gấp lại làm hai làm ba, và ghi chú vội vàng khi thấy sự kiện xảy ra. Nhưng trong những ngày càng phức tạp gần đây, phóng viên cần phải ghi chép một cách có hệ thống và đầu đặn hơn. Cuốn sổ ghi loại bỏ túi của những tốc ký viên hiện nay là dụng cụ khuôn mẫu cho người phóng viên cẩn thận, có thể giúp cho người này phát triển được các phương pháp gia tăng tốc độ viết của họ nếu họ không biết tốc ký. Mọi đi đầu ghi vào sổ tay đều phải kèm theo ngày tháng; không nên vứt bỏ đoạn nào, ngay cả khi những đi đầu ghi chép đã được sử dụng rồi. Theo lệ thường, các phóng viên cần giữ lại bản sao những bài viết của họ cùng với những đi đầu ghi chú nguyên thủy ở một nơi thuận tiện để có thể phối kiểm khi có điểm nghi ngờ trong bài viết.

Tất nhiên, có rất nhiều dịp trong đó phóng viên không thể ghi chép được gì. Nhiều nhà chính trị và ngoại giao bực mình khi thấy phóng viên cứ chìa cuốn sổ ghi trước mặt trong một cuộc nói chuyện thường. Nhiều người khác vì lý do này hoặc lý do khác không muốn lời nói của họ được thu vào máy ghi âm. Theo nguyên tắc, khi nào phóng viên thích hợp đứng vào người họ muốn hỏi và đúng lúc.

Khi phóng viên trở thành một “diễn viên” (actor) trong một câu chuyện thời sự, chẳng hạn trong một trận bão lốc mà anh là một nhân chứng mắt thấy tai nghe, thì sự quan trọng của việc ghi chép những sự kiện và cảm tưởng của chính anh càng ngày càng trở thành hiển nhiên. Không ai hy vọng rằng một phóng viên đang bước đi trong một trận bão lại có thể dừng

chân và ghi vội vào cuốn sổ tay vài hàng chữ về hành động can đảm của mình. Tuy nhiên, một khi phóng viên này đã được an toàn, anh có đôi chút thì giờ để định thần trở lại trước khi viết bài, lúc đó là lúc giúp anh ghi được những điểm quan trọng về những kinh nghiệm của anh.

Cũng tương tự như vậy, khi một phóng viên bị dính líu vào một biến cố kéo dài nhiều ngày và do đó có thể viết được một câu chuyện thì việc ghi chép đầy đủ những chi tiết mỗi ngày bao giờ cũng giúp một cách đắc lực cho phóng viên khi anh phải bắt đầu viết. Đây là phương pháp mà George N. Allen đã sử dụng. Allen là một phóng viên ở New York, có bằng Sư Phạm và đến dạy học hai tháng tại một trường Trung học ở Brooklyn để thu thập tài liệu viết một loạt bài đầu tiên về những điều kiện sinh hoạt học đường. Allen đã có hơn 300 trang giấy ghi chú lúc ông thu thập xong tài liệu.

Về vấn đề ghi chép, không nên cứ thấy cái gì ghi cái đó. Cần phải có một phương pháp cho việc này nếu không thì người phóng viên chỉ là một tốc ký viên. Chuyên viên tốc ký ghi tất cả mọi chữ trong một vụ xử án phức tạp mà anh được nghe. Nếu anh phải làm một bản phúc trình cấp tốc, anh sẽ thấy ngay rằng anh bị ngập trong đống tài liệu, vì lẽ đó, các phóng viên được huấn luyện kỹ càng thường chừa một khoảng lề ở bên trái trang giấy trên đó họ ghi chép. Ngoài tài liệu ghi được, họ viết vài chữ ở khoảng lề để chỉ rõ chủ đề. Nếu theo cách này thì ngay khi nghe xong một vụ xử án dài suốt ngày, phóng viên có thể đọc lướt qua những điều ghi bên lề để quyết định đâu là những điểm quan trọng nhất, sắp xếp theo thứ tự thích hợp nhất cho một câu chuyện thời sự và bắt đầu nói chuyện với nhân viên cải biên ở tòa soạn, hoặc đọc câu chuyện cho người viết hoặc chính anh tự viết bài lấy.

Chiếc máy ghi âm. Qua kinh nghiệm, các phóng viên làm việc cho các phương tiện truyền thông điện tử đã hiểu rõ giá trị của chiếc máy ghi âm như thế nào rồi, dù trong cuộc phỏng vấn chính thức hoặc trong những cuộc nói chuyện không chính thức với các nguồn tin. Nhưng những phóng viên bảo thủ hơn làm việc cho báo in vẫn còn chống lại việc sử dụng loại dụng cụ cần thiết này vì họ không muốn sẽ phải bực mình hoặc họ nghĩ rằng nó sẽ làm cho những đối tượng của họ chống lại họ. Sự thật thì nhiều người trong đời sống công cộng, cả ở nước này lẫn ở hải ngoại, hiện nay đều hoan nghênh máy ghi âm khi họ có điều gì muốn nói với một phóng

viên và cũng muốn được chắc chắn rằng những đi ều họ nói ra đi ều được thuật lại một cách chính xác. Cuộc phỏng vấn lịch sử của James Reston (báo *The New York Times*) với Thủ Tướng Chu Ân Lai ở Bắc Kinh về chính sách của Trung Cộng đối với Hoa Kỳ đã được tiến hành bằng một cuộc sắp đặt trước với một chiếc máy ghi âm. Trong nhiều năm nay, nhiều thông tin viên khác đã thành công trong việc sử dụng máy ghi âm trong những cuộc phỏng vấn quan trọng với những nhân vật nổi danh trên thế giới như Thủ Tướng Indira Gandhi của Ấn Độ. Vì vậy, thật là một việc bất thường khi để cho một ngu ời tin quan trọng phải cung cấp một máy ghi âm để thu thanh một câu chuyện nếu phóng viên không có.

Ở nơi nào mà một cuộc phỏng vấn hoặc một cuộc họp báo cần phải có một câu chuyện thời sự tiếp theo ngay, không có cái gì có thể ngăn được một phóng viên xuất sắc ghi chép hay đọc phần chính tài liệu mà anh nhớ được rồi sau đó chuẩn bị một bài viết đầy đủ hơn càng sớm càng tốt. Không một ai, nhất là một chủ biên hay s ốt ruột, lại chờ một phóng viên trong bất cứ trường hợp nào cứ muốn trì hoãn việc gọi điện thoại hoặc gửi bài cho đến khi tất cả các chữ trong tài liệu được ghi âm của anh phóng viên này đã được viết lại đầy đủ và được nghiên cứu xong xuôi. Đối với vài loại công tác của xí nghiệp báo chí, vấn đề trì hoãn có thể có được khi thời gian không phải là một yếu tố. Nhưng cả khi vấn đề thời gian không được coi là cần thiết, chiếc máy ghi âm cũng vẫn là sự bảo vệ tốt nhất cho phóng viên chống lại những đi ều phàn nàn về trích dẫn sai lạc.

Một trong những kết quả chính của sự gia tăng việc sử dụng máy ghi âm là càng ngày có nhiều tin tức được đem phổ biến ở mọi cấp bậc, từ hội đồng xã đến ủy ban quốc hội, từ cuộc phỏng vấn một viên cảnh sát trưởng đến cuộc yết kiến một ông vua. Nhiều phóng viên thời trước quen viết những câu chuyện chính trị dựa vào những ngu ời tin bí mật không được tiết lộ đã đâm hoảng khi thấy những chính trị gia mà trước đây họ bảo vệ một cách hăng hái như vậy nay đã lao mình vào những chương trình nói chuyện trên truyền hình và có những nhận xét kém thận trọng nhất. Và những phóng viên trẻ với những chiếc máy ghi âm nghĩ rằng không có đi ều gì hỏi những nhân vật quan trọng để đem phổ biến lại cứ phải dành riêng cho những phóng viên kỳ cựu nhất.

Như thế không có nghĩa là công việc làm tin bởi cảnh đã bị xuống dốc. Vấn đề này sẽ được đề cập đến trong chương sau. Đi ều đó có nghĩa là ký giả nói chung phải tranh đấu hơn nữa để đưa các ngu ời tin ra công khai.

Về phương diện này, báo in phải chịu ơn các ký giả điện tử là những người đã đi được một bước không lồ trong việc làm tin một cách ngay thật hơn.

Kiểm soát bài viết. Đôi khi, những phóng viên thiếu kinh nghiệm bị đặt vào tình trạng thụ động khi một viên chức chính phủ hoặc kỹ nghệ tư yêu cầu được xem những điếu ghi chép hoặc bài viết trước khi bài được gửi về tòa soạn. Một nguyên tắc bất di dịch cho tất cả các tòa báo và cơ quan thông tấn là chỉ riêng những chủ biên mới có quyền quyết định việc phải làm gì với những dữ kiện thu thập được và bài sẽ viết như thế nào? Khi có sự khẩn khoản đòi xem bài viết trước khi gửi về tòa báo, phóng viên phải giới thiệu nguần tin với chủ biên và chờ đợi kết quả. Anh không nên đưa bản thảo cho người khác xem trước trừ những trường hợp phải kiểm duyệt hoặc phải xin phép giới chức quân sự, nếu cần.

Trong vài loại công tác, như khi viết về khoa học, một số ký giả chuyên nghiệp đã tự ý gửi bài viết của họ cho các tác giả những thiên khảo cứu khoa học mà bài viết của họ đã căn cứ vào, cốt để bảo đảm sự chính xác. Trong bất cứ trường hợp nào, khoa học gia cũng không được quyền sửa đổi hoặc loại bỏ những sự kiện mà ký giả đã trình bày. Tuy nhiên, khoa học gia được yêu cầu vạch rõ những lỗi lầm và nêu ra những lời phê thích ứng. Các chủ biên sẽ được tham khảo ý kiến về những chỗ bị sửa đổi.

Hầu hết những thủ tục như vậy không sao tránh khỏi khi viết những câu chuyện phức tạp thuộc phạm vi kỹ thuật nhưng bao giờ phóng viên cũng thận trọng giữ gìn bản sao bài viết của mình để đề phòng những sự sửa đổi vì một lý do khác với lý do bảo đảm sự chính xác.

Dĩ nhiên, có nhiều khó khăn hơn đối với những ai muốn xuất hiện trong buổi truy vấn hình trực tiếp về bệnh vực quan điểm của mình, chẳng hạn như một số những câu hỏi không khó khăn lắm đã được đề nghị từ trước hoặc một diễn văn thích hợp đã thuộc sẵn. Thật vậy, những điếu đó đã từng xảy ra nhưng ngày nay càng ngày càng trở nên hiếm thấy. Phóng viên truy vấn hình, không kém gì những đồng nghiệp báo chí của họ, không thích họ bị các nguần tin sử dụng vào những mục đích đáng nghi ngờ. Còn về những người tham dự trong các câu chuyện được ghi âm muốn nghe lại những chuyện đó, thật ra không có sự chống đối mạnh mẽ đối với lời yêu cầu như vậy dù nó có thể làm trì hoãn tất cả công việc của tòa soạn. Tuy nhiên, khi một phóng viên làm việc đó, các chủ biên của anh luôn luôn phải được biết

về những trường hợp người phóng viên đã đồng ý hủy bỏ những phần tài liệu đã được thu băng. Công việc này không được chắc chắn và các phóng viên tài tử không nên làm.

PHÓNG VIÊN VÀ TÒA SOẠN

Không một phóng viên nào có thể thi hành nhiệm vụ một cách tốt đẹp nếu không có sự hướng dẫn và yểm trợ của tòa soạn. Về những công tác thông thường hoặc về những vấn đề chuyên môn như khoa học hoặc quân sự, vấn đề tinh thần trong công việc làm tin thường không quan trọng lắm. Tuy nhiên, về những khu vực như bót cảnh sát, Tòa thị chính, tòa án, v.v. phóng viên thường được hành động theo ý mình vì đã được giao phó một công tác nhất định, cho nên cần phải thận trọng.

Tổ chức nhóm làm tin chung. Có hai loại tổ chức nhóm làm tin chung (pool reporting) — một được công nhận và một không được công nhận. Loại thứ nhất có tính cách quan trọng đặc biệt. Báo chí phải thành lập nhóm làm tin chung từ khi có những vụ đánh đập ký giả sau vụ ám sát Tổng Thống Kennedy. Trong việc thu thập tin tức về một vị tổng thống, một nhân vật quan trọng ngoại quốc, một lãnh tụ tôn giáo lớn, hoặc một vấn đề dính líu đến an ninh quốc gia, việc tổ chức nhóm làm tin chung càng ngày càng trở nên thiết yếu. Nhóm làm tin chung, gồm những người do chính các thông tin viên chọn lọc, có một nhiệm vụ lớn lao đối với quần chúng nói chung và với phương tiện truyền thông nói riêng.

Nhóm làm tin chung thứ hai — không được công nhận — có nhiều sự may rủi. Mặc dầu các chủ biên luôn luôn tuyên bố chống lại nhóm này, mọi người đều biết rằng nhiều phóng viên trong hầu hết các đô thị lớn — nơi này còn có sự cạnh tranh — đã thực hành cách làm tin chung nhiều năm nay rồi. Những nhóm như vậy được thành lập nhằm mục đích bảo vệ chính những phóng viên. Các chủ biên thay vì phá vỡ nhóm đã chấp nhận những tin tức do nhóm này cung cấp nếu không sẽ phải tốn nhiều tiền hơn khi gửi thêm phóng viên đi công tác và rút cục kết quả cũng chỉ có thế. Mặc dầu những phóng viên giỏi không thích lối làm tin chung từng nhóm, nhưng không một ai trong bọn họ có thể đoán chắc rằng anh chưa hề làm việc với một nhóm nào trong dịp này hoặc trong dịp khác. Vì vậy, trong khi thảo

luận về cách thức làm tin, việc đặt ra các nguyên tắc tổng quát rất là cần thiết theo đó một tổ hợp như vậy hoạt động một cách độc lập không chịu sự kiểm soát của tòa soạn.

1. Nếu một phóng viên làm việc với nhóm nào đó, anh phải đảm bảo rằng tất cả những tin tức anh nhận được *theo giao ước* sẽ được chuyển đến cho nhóm và đôi khi anh sẽ không trao một phần nào của bài viết cho đến khi mọi người trong nhóm đều sẵn sàng để cũng làm như thế. Những ai đã gặp các phóng viên bước đến phòng điện thoại với một dấu hiệu được đã định từ trước có thể biết các phóng viên làm việc cho nhóm nào. (Trong các nhóm chụp hình chung, các nhiếp ảnh viên, ở vài đô thị lớn chắc chắn trong vài trường hợp gặp rút đã chụp cùng một bức hình ở cùng một chỗ).
2. Nếu một phóng viên nhận được một công tác đặc biệt từ tòa soạn trao cho khi anh đang hoạt động với nhóm, anh phải ngưng công tác với nhóm. Anh phải báo cho mọi người trong nhóm rằng hiện giờ anh có trách nhiệm trực tiếp với tòa soạn nên không thể cung cấp và tiếp nhận tin tức qua nhóm. Như vậy, anh cắt liên lạc với nhóm và đi làm phần vụ của anh cho đến khi có chỉ thị khác. Khi công tác đặc biệt của anh hoàn thành, anh tuyên bố trở lại với nhóm và anh có thể khôi phục tình trạng bình thường của anh miễn là không làm trở ngại những người trong nhóm, trong những liên lạc với ban đô thành hoặc ban phân phối công tác của họ.

Những thể lệ không chính thức này đã bành trướng thêm trong nhiều năm từ các lãnh vực săn tin trong các đô thị lớn và vẫn còn tồn tại khi các phóng viên và nhiếp ảnh viên cùng những người cộng sự với họ thỏa hiệp với nhau và độc lập hẳn với các chủ biên của họ. Họ đã đi trước so với bất cứ liên hiệp ký giả nào (union of journalists), dù trong lãnh vực báo in hoặc phương tiện truyền thông điện tử, và họ cũng không cần phải có hợp đồng nào cả. Trong lúc vài phóng viên có thể báo tin cho tòa soạn biết rằng sắp sửa có sự thỏa thuận giữa các nhóm, nếu câu chuyện đã khá đầy đủ, các chủ biên thường phải tự liệu lấy.

Chỉ khi nào những nhóm làm tin chung được công nhận hoạt động thì các chủ biên và các chủ nhiệm mới có thể quyết định về những tin tức nào sẽ được thu thập. Nhưng ngay cả trong vấn đề này, khi chủ biên bị coi là kém phần quan trọng hơn nguần tin — trường hợp một viên chức cao cấp trong chính phủ hoặc một vị thẩm phán trong một vụ án sôi nổi — các

phương tiện truyền thông phải dàn xếp với các nhóm. Sau đó, người ta phải chấp nhận những thể lệ đặc biệt để thích ứng với từng trường hợp đặc biệt: lều lối thông thường của các phóng viên không đủ rõ ràng để được áp dụng trong những trường hợp này. Về những vụ quan trọng như đám cưới tại Tòa Bạch Ốc, cuộc kinh lý của Tổng Thống với sự bảo đảm an ninh chặt chẽ, chỉ có các nhóm được ở lại. Nhưng đó không phải là phương pháp tốt nhất để thu thập tài liệu cho một câu chuyện.

Gọi điện thoại về tòa soạn. Một khó khăn thường làm hỏng công việc của nhiều phóng viên là khi họ liên lạc với tòa soạn bằng điện thoại để báo một tin quan trọng nhưng lại phải nói chuyện với một chủ biên không biết tí gì về cái tin đó. Những sự trì hoãn do việc phải giải thích rằng ai đã trao công tác rồi tại sao câu chuyện đã xảy ra và xảy ra như thế nào, thường làm nản lòng những phóng viên hăng say. Tuy nhiên, sự thiếu liên lạc này lại quá thông thường trong các tòa soạn báo in cũng như trong các đài truyền thanh truyền hình.

Điều đáng khuyến khích là trong nghề nên thực tập nhiều cho có thói quen để các phóng viên gọi điện thoại về tòa soạn cho người đã trao công tác cho họ hoặc người luân phiên thay thế nhưng đã được chỉ dẫn sơ lược về những công việc các phóng viên đang làm. Liên lạc lỏng lẻo giữa các chủ biên và các phóng viên có thể chóng đưa đến tình trạng mất tinh thần, cả trong những tổ chức làm tin hoàn hảo nhất.

Vấn đề làm tin ban đêm. Khi một phóng viên phụ trách câu chuyện đang diễn tiến cho một tờ báo buổi chiều hoặc một cơ quan thông tấn và đưa những tài liệu ghi chú được cho nhân viên cải biên, các chủ biên hay thắc mắc thường đòi hỏi phải viết câu chuyện ngay trong ban đêm — chuyện dành cho ấn bản đầu tiên của ngày hôm sau — và phải do người có mặt tại chỗ viết.

Có hai lý do chính đáng để giải thích vấn đề này. Lý do thứ nhất là phóng viên rất có thể đến tòa soạn sớm hơn một nhân viên cải biên làm việc ban đêm và người này phải thảo luận về bản tin viết lại cho báo buổi sáng ngày hôm sau. Lý do thứ nhì là việc viết bản tin ban đêm có thể giúp cho phóng viên theo sát câu chuyện mà anh đang thu thập tài liệu. Nhiều khi bản tin viết trong ban đêm chỉ là câu chuyện duy nhất mà một phóng viên của tờ

báo buổi chiều có thể viết được. Anh có thể gọi điện thoại cho nhân viên cải biên viết phần còn lại.

Sự khác biệt giữa một câu chuyện được viết lại cho ngày hôm sau ở tòa soạn và một câu chuyện viết ban đêm do phóng viên thực hiện tại chỗ không được rõ ràng lắm. Vài phóng viên đã nhầm lẫn khi cho rằng hai loại đó chỉ là một.

Thật ra không phải như vậy. Một phóng viên đang liên lạc trực tiếp với một nguồn tin có thể có tài liệu mới để làm một câu chuyện cũ trở thành mới. Một nhân viên cải biên làm việc trong những giờ sáng sớm tinh sương, phải sử dụng triệt để những cái gì đã được in ra rồi nhưng phải làm cho có thời gian tính. Do đó, một bài viết tại chỗ thường có giá trị hơn một bài viết lại cho ngày hôm sau dựa vào một ít đoạn cuối của một bài cắt trong báo buổi sáng.

Thí dụ, khi làm tin về một cuộc vận động chính trị, nhiều tờ báo quan trọng gửi phóng viên đi theo ứng cử viên chính. Dĩ nhiên, các ứng cử viên thường đọc nhiều bài diễn văn quan trọng của họ vào buổi tối. Thành thử phóng viên báo buổi sáng có được một câu chuyện nóng hổi nhưng như vậy lại làm cho phóng viên buổi chiều bị thiệt thòi nhiều. Thường thường thì không có gì cả cho ấn bản đầu tiên của báo buổi chiều trừ bài viết về bài diễn văn đã đăng trên báo buổi sáng.

Nếu không có phóng viên đi theo ứng cử viên, thì rất có thể nhiều tờ báo buổi chiều đăng trong ấn bản đầu tiên câu chuyện đại khái như sau:

Ông Marvin J. Zugsmith, người được đảng Cộng Hòa chỉ định ra tranh cử thượng nghị sĩ, đã tố cáo tại Quốc Hội các nghị sĩ Dân Chủ đang tiêu xài phung phí.

Trong một bài diễn văn đọc đêm qua, tại thành phố Merion ông Zugsmith đã cảnh cáo...

Đó là cách thức mà vài cơ quan thông tấn dùng để làm tin đánh đi trong ban đêm nếu không có những tiến triển mới. Một nhân viên cải biên ở tòa soạn cũng có thể dựng nên câu chuyện như vậy bằng cách sử dụng thì quá khứ trong phần mở đầu, thí dụ như sau:

Các nghị sĩ và dân biểu Dân Chủ hôm nay đã đôi chát tại Quốc Hội về việc ông Marvin J. Zugsmith, người được đảng Cộng Hòa chỉ định ra tranh, cử nghị sĩ tố cáo rằng các nghị sĩ đã tiêu xài tiền của Liên Bang một cách không cần thiết.

Lời tố cáo của ông Zugsmith đã được đưa ra tại thành phố Merion...

Một phóng viên đi theo ông Zugsmith sẽ dành bài diễn văn cho báo buổi sáng và tập trung ý kiến vào một khía cạnh mới nếu có thể được. Sau chót, bài viết của anh sẽ chú trọng đến giai đoạn tới của ứng cử viên trong cuộc tranh cử, thảo luận về vấn đề này, và đề cập đến những phản ứng của bài diễn văn đêm qua. Do đó, bài viết trong ban đêm có thể là một câu chuyện mới hơn.

Các chủ biên bao giờ cũng thích một bài viết “sống động” trong ban đêm của một phóng viên hơn là bài viết lại của một nhân viên cải biên.

Đây không phải là những vấn đề làm bối rối phương tiện truyền thông điện tử, nơi mà các phóng viên và thu hình viên được phái đi với những chỉ thị để tìm cái gì mới, tươi và sống trong một câu chuyện thời sự ở trạng thái tĩnh nhưng quan trọng. Nhưng trong lãnh vực báo in, nhiều bài được viết lại từ những bản tin của thông tấn xã và các bài cắt trong các báo buổi sáng thường chỉ đưa ra được một ấn bản đầu tiên “chết” (dead first edition). Một phóng viên với lòng hăng say và trí tưởng tượng lại muốn cố gắng sản xuất một câu chuyện khác, có thể dựng một câu chuyện cũ nên một câu chuyện “sống” cho một tờ báo giống như một thu hình viên thích tìm tòi có thể làm một câu chuyện hay cho truyền hình.

CHUYỆN “SỐNG” HAY CHUYỆN “CHẾT”

Trong tình trạng tin tức “tĩnh”, như trường hợp cuộc đình công của công nhân kéo tàu ở thành phố New York đã qua ngày thứ tư, theo thông lệ viết bài cho ấn bản đầu tiên của một tờ báo buổi sáng là viết lại những bài báo cắt những bản tin thông tấn. Thường thường, bài viết đại khái như sau:

Cuộc đình công của 3.500 công nhân kéo tàu ở New York hôm nay đã bước sang ngày thứ năm mà vẫn chưa có một sự dàn xếp cụ thể nào.

Các thương thuyết viên của Liên Hiệp Nghiệp Hoàn Công Nhân Kéo Tàu và của cơ quan quản trị đã chuẩn bị họp nữa để thương thuyết với sự giúp đỡ của các hòa giải viên Liên Bang, Tiểu Bang. Nguyên nhân chính là Liên Hiệp Công Nhân kéo tàu đòi thêm giờ nghỉ cho công nhân...

Độc giả có thể thấy ngay rằng “khía cạnh mới” thật ra không có gì lạ cả. Nó chỉ là một phần mở đầu có con số và đáng lẽ tường thuật những biến cố xảy ra trong ngày đình công thứ tư lại loan báo rằng ngày đình công thứ

năm sắp sửa bắt đầu. Nói tóm lại đó là câu chuyện chết. Vậy phải làm thế nào để nó trở thành “sống”?

Cũng với biến cố trên, một phóng viên đã viết một bài như sau:

Bài của Michael Berlin

Ray Harrison nói ông là “một trong những người may mắn”.

“Tôi đã sống 24 năm trên tàu kéo, phần nhiều ở New York và lên xuống ở bờ biển này.”

Harrison, 54 tuổi, một công nhân làm việc trên boong tàu, vì thâm niên, đã được sắp xếp vào một trong những phiên luân chuyển tốt — bốn ngày làm, hai ngày nghỉ — và làm trên một trong những chiếc tàu mới, chiếc Dalzell Eagle (được hạ thủy năm 1960).

Ông nói: “Trong những chiếc tàu cũ, tôi đã từng ngủ ở mũi tàu dưới ống dẫn nước. Chỗ này chật chội, ẩm ướt ướt những chiếc giường nhỏ hẹp, thành thử người có vóc dáng lớn lớn không thể hợp với đây được”.

Hầu hết những công nhân trong số 3.500 phu kéo tàu đang đình công là những người bị xếp trong những phiên luân chuyển dài hơn. làm việc đây đủ 12 tiếng đồng hồ trên chiếc tàu hoạt động 24 giờ mỗi ngày. “Bạn không được ngồi xuống trừ khi di chuyển giữa những công tắc, và ngay cả khi bạn có phận sự bảo trì chiếc tàu, cạo sơn, lau boong. Bạn muốn làm như bạn rộn cho đến hết giờ”.

Harrison, một người đàn ông khỏe mạnh, với những ngón tay đầy [vết] chai vì sống nhiều năm trong đời bằng nghề kéo tàu này, nói tiếp: “Dành nhiều thì giờ với gia đình là một trong những ước vọng lớn nhất của chúng tôi”.

Một điều kỳ lạ trong cuộc đình công kỳ lạ này — trong đó không có những toán gác đình công, và trụ sở của cả hai bên đều đặt ở trong một cao ốc — là phe chủ cũng muốn cho công nhân có thêm giờ nghỉ.

Harrison công nhận một cách miễn cưỡng: “Họ bắt đầu đồng ý rằng chúng tôi cần nhiều thì giờ nghỉ hơn”.

Nguyên nhân của vụ đình công này đang bước sang ngày thứ năm là đòi thêm giờ nghỉ ngơi. Các công ty tàu kéo đã chấp thuận việc cho mỗi chiếc tàu kéo thêm một nhóm công nhân luân phiên thứ tư để công nhân có thể nghỉ một ngày và làm một ngày.

Về chi phí, các chủ tàu phải rút bớt ở những số lời khác.

Đời sống trên tàu kéo không phải là đời sống trên nhung lụa nhưng dễ chịu.

Harrison nói: “Hầu hết các nhóm làm việc với nhau rất tốt đẹp. Trên chiếc Eagle, chúng tôi thường có 11 người và hai nhóm luân phiên làm việc cứ sáu giờ một lần.

Khi có tàu đến, chúng tôi có nhiều công việc phải làm như kéo tàu bốn năm giờ mỗi ngày rồi lại xếp hàng hóa, dậu, xi măng,... sau đó chuẩn bị cho tàu rời bến, hầu như trong 24 giờ, chẳng có lúc nào ít hoạt động cả...”

Trích The New York Post.

Như vậy, đời sống của một công nhân kéo tàu được nổi bật lên trong những chi tiết đầy màu sắc mà một nhân viên cải biên ở tòa soạn viết lại một cách quy ước trong ngày thứ hai khó lòng đạt được. Sự khác biệt giữa phóng viên và nhân viên cải biên là ở chỗ đó.

LỀ LỐI TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN

Vì tổ chức làm tin chung hiện nay đang được thịnh hành trong tất cả các giai đoạn làm tin của báo tin cũng như của các phương tiện truyền thông điện tử, cho nên có một khuynh hướng làm giảm bớt sự quan trọng của cá nhân người phóng viên. Người ta viện lẽ rằng những tin tức trong thời đại này quá phức tạp nên riêng một người không thể nào đảm nhiệm được cả một câu chuyện quan trọng. Thế nhưng người ta thường nhấn mạnh rằng các tạp chí thời sự đã cho thấy một nhân viên cải biên (được ca tụng với một tước vị thật kêu) có thể lấy tài liệu của cả tá phóng viên và sắp xếp thành một bài báo rõ ràng và đầy đủ nhờ ở sự hiểu biết của ông ta về một vấn đề riêng biệt. Tại sao các nhật báo lại không thể làm được việc đó và tại sao không làm nhanh hơn?

Câu trả lời là những nhân viên cải biên không chuyên ngành của các nhật báo đã làm công việc đó trong nhiều năm về tất cả mọi vấn đề nhưng ít người nổi bật lên và được tin cậy trong vai trò của họ. Điều này vẫn đúng cho đến khi các tạp chí thời sự chứng tỏ rằng nghệ thuật viết lại bài vở của một số phóng viên đã được công nhận, mặc dầu chậm trễ, đích là một nghệ thuật. Về khả năng chuyên môn của những nhân viên cải biên của các tạp chí thời sự, một phần thì do ở nhận thức sai lầm và phần còn lại thì được

xây dựng trên công việc liên tục hoàn toàn thuận lý trong một lãnh vực chuyên biệt. Điều này khó có thể có được ngoại trừ đối với các tờ báo lớn nhất và giàu nhất.

Do đó, kết quả là các báo hàng ngày phải tiếp tục tùy thuộc vào tài năng cá nhân của các thông tin viên, cộng với sự đi đầu khiến khôn khéo và đầy sáng kiến của các chủ biên, để sản xuất những tin ngoài thông lệ hàng ngày. Nhu cầu làm tin từng nhóm không vì vậy mà xung đột với lẽ lối cá nhân của một phóng viên tuân theo một quan niệm, một cảm nghĩ hoặc ngay cả phần mở đầu của các báo khác. Không có một tờ báo nào, dù lớn hay nhỏ, có thể không chú ý đến loại nỗ lực này vì nó là trọng tâm của báo chí như đang được thi hành tại Hoa Kỳ.

CHƯƠNG 18. NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN CHO PHÓNG VIÊN

Những nhiệm vụ chính yếu của phóng viên là làm tin một cách đầy đủ và chính xác, thuật tin đúng sự thật, giải thích tin cho đúng ý nghĩa qua việc sử dụng tài liệu bối cảnh và diễn giải, bảo vệ nguồn tin khi cần và tôn trọng những đi đầu tâm sự khi đã bằng lòng chấp thuận. Để làm tròn nhiệm vụ, phóng viên khai triển một số phương pháp và đem áp dụng với những mức độ khác nhau cho mỗi công tác được trao phó từ câu chuyện về ban giám đốc của một ngôi trường nhỏ nhất đến Tòa Bạch Ốc và những hội đồng của quốc gia, từ những sân chơi của các trường đại học ở Berkeley và Cambridge đến trận địa của các cuộc chiến tranh ở nước ngoài.

Nếu những phương pháp này được sử dụng với lòng can đảm và trí phán xét tốt, phóng viên có thể vượt qua được những hạn chế giao tế quần chúng và sự bảo mật chính thức không cần thiết thường hay tìm cách thoái thác không tiết lộ nhiều nguồn tin riêng và công. Các phóng viên tự phụ hoặc các nguồn tin khó tính thường hay lạm dụng những phương pháp này cũng như tất cả các phương pháp khác để đánh lạc hướng hoặc để che giấu sự thật.

Tuy vậy cũng không làm cho các phương pháp này kém phần cần thiết. Người phóng viên sẽ cảm thấy ngay rằng anh bị các đồng nghiệp và các chủ biên của anh phán xét để xem anh am hiểu những nguyên tắc căn bản đến đâu, anh sử dụng những nguyên tắc đó hiệu quả như thế nào và anh tôn trọng chúng như thế nào?

XUẤT XỨ CỦA NGUỒN TIN

Trong cuộc bạo động đẫm máu ở nhà lao Attica thuộc Tiểu Bang New York năm 1971, sau cuộc tấn công cuối cùng của cảnh sát Tiểu Bang, một viên chức thuộc Ban Cải Huấn loan báo rằng những con tin mà các tù nhân giữ đã bị cắt cổ. Hầu hết các phóng viên sẵn tin vụ này đã quá tin vào lời tuyên bố đó rồi đem dùng trên các đài truyền thanh truyền hình và báo chí, không nêu rõ nguồn tin và cũng không phối kiểm. Thật ra thì cũng không phải là

tốt khi nói nhiều về quan điểm của một viên chức của Tiểu Bang ưa gây kinh hoàng, nhưng điều đáng phiến trách là đối với một lỗi lầm dễ nhận biết như vậy mà không phối kiểm và cứ để cho hầu hết các tổ chức làm tin trên toàn quốc phổ biến tin đó một cách thiếu thận trọng như vậy.

Sự thật về vụ kể trên chỉ được khám phá khi hai phóng viên của tờ *Rochester Times Union* ở New York có được trong tay bản tường trình về những cuộc giải phẫu của một y sĩ khám nghiệm ở quận Monroe. Hai phóng viên này là Richard Cooper và John Machacek. Họ đã tiết lộ rằng những cuộc giải phẫu cho thấy các con tin bị chết vì đạn của cảnh sát (những tù nhân nổi loạn không có súng). Như vậy, trọng tâm của câu chuyện lại chuyển sang một hướng khác và cuộc điều tra tiến hành một cách vô tư hơn. Nhờ công tác hôm đó, Cooper và Machacek đã được tặng giải thưởng Pulitzer về phóng sự địa phương năm 1972.

Nêu rõ nguồn tin. Sau vấn đề thuật tin đúng sự thật, nguyên tắc quan trọng nhất trong việc làm tin là cách thức nêu rõ nguồn tin và những nguồn tin này được mô tả với công chúng như thế nào. Một phần vì sự miễn cưỡng của nhiều nguồn tin trong và ngoài chính phủ cho phép nêu rõ xuất xứ của những nguồn tin đó và một phần khác vì sự ân cần của chính các phóng viên, phương thức sơ đẳng này trong lãnh vực báo chí đã trở thành một vấn đề gai góc. Có ít phóng viên và lại càng có ít nguồn tin hiểu biết cặn kẽ những nguyên tắc căn bản về việc cho tin và nhận tin, trừ phi tin đó được đem phổ biến công khai và mọi người đã chấp nhận từ trước như vậy. Sở dĩ có tình trạng này là vì những định nghĩa thay đổi từ người này qua người khác và từ hoàn cảnh này qua hoàn cảnh khác cho nên mới có vấn đề *cho tin để làm tài liệu bối cảnh* (background) và *tiết lộ riêng nhưng cấm phổ biến* (off the record).

Người nào đã từng làm phóng viên trong một thời gian đầu biết rằng anh không thể lúc nào cũng trích dẫn tất cả những lời nói của bất cứ ai. Một nguồn tin dù thuộc lãnh vực công hay tư cũng không thể nào chịu đựng nổi việc tiếp xúc luôn luôn hàng ngày với một phóng viên trừ phi phóng viên này túc trực. Có nhiều trường hợp trong đó người phóng viên, nhất là khi đang có cuộc điều tra, phải tự kiềm chế không được phát biểu ý kiến riêng của mình về những điều được tiết lộ cho mình và phải giữ kín những nguồn tin của mình. Nếu không làm như vậy, có thể sẽ không có cuộc

phóng sự đi đầu tra xứng đáng với danh hiệu đó và toàn thể căn bản của nền báo chí phục vụ công ích (public service journalism) sẽ bị lung lay.

Khi mối liên lạc giữa một phóng viên và các nguồn tin của anh bị những nhân viên tuyên truyền khéo léo hơn làm lũng đoạn để ủng hộ một chính sách của nhiều quyền lợi riêng tư mạnh mẽ hoặc một chủ trương gây ra tranh luận, chắc chắn việc này sẽ trở nên một vấn đề quan trọng đối với công chúng. Trong những trường hợp này, các chủ biên thường lên tiếng chống lại những phần tử xảo trá lợi dụng lối cho tin bối cảnh đó, và một số chủ biên đã tạm thời ngăn cấm phóng viên của họ làm một cái gì đối với những cuộc họp báo cho tin bối cảnh như vậy. Thường thường, cơn bão cũng qua đi và mọi việc tiếp tục diễn tiến một cách tốt đẹp như đã từng xảy ra trong quá khứ.

Do đó, để hiểu rõ những đi đầu căn bản của việc nêu rõ nguồn tin, thiết tưởng nên đem phân tích những mức độ của việc này như người ta đã được hiểu. Cuộc thảo luận sau đây căn cứ vào kinh nghiệm thu thập được trong gần 50 năm làm báo và có thể được coi là quan điểm của những ký giả chuyên nghiệp hiện đang hoạt động:

Tin Đễ Phổ Biến. Ngay trong đầu thế kỷ này, các phóng viên không ý thức được những hạn chế của họ ở mức độ cao. Cách thức, làm việc của họ là đi dự một cuộc hội họp hoặc một cuộc phỏng vấn, ghi chép những đi đầu họ nghe được rồi về viết bài tường thuật và tự do đưa vào những câu trích dẫn trực tiếp bất kể những đi đầu đó đúng hay không đúng với lời nói của người phát biểu. Họ áp dụng cách thức này cho tất cả các tin tức thuộc lập pháp, tòa án và các cơ quan khác của chính phủ cũng như kỹ nghệ tư nhân.

Những người làm ra tin tức thường được nêu danh tính. Những đi đầu gì họ nói ra đầu được gán ghép trực tiếp cho họ. Nếu một nhân viên công quyền gợi ý một cách khờ khạo rằng có thể là một việc tốt khi lấy trộm một tập tài liệu dày trong vài ngày để phóng viên có may mắn nghiên cứu và thấu hiểu tài liệu trước khi viết bài thì người đó sẽ bị tố cáo là phản bội tự do báo chí. Nếu nhân viên đó tìm cách khuyên nhủ các phóng viên về ý nghĩa của tin tức nhưng lại yêu cầu họ đừng coi anh như một nguồn tin, anh sẽ bị đả đảo như một kẻ tuyên truyền.

Trong thời đại phức tạp và nguy hiểm này, qui tắc cũ “cái gì cùng phổ biến được” đã có vài sự thay đổi mạnh mẽ mà các phóng viên và chủ biên thuở xưa không bao giờ chấp nhận. Nhiều khuôn mặt công cộng (public figures)

hiện nay đã nhận thay những sự rủi ro của việc nói chuyện “không chuẩn bị” và thường sửa soạn những lời tuyên bố của họ trước khi nói với công chúng hoặc để phổ biến. Những vụ sáng chế máy ghi âm và băng từ tính lại càng bắt buộc các phóng viên phải thận trọng và thành thật trong những vụ trích dẫn trực tiếp.

Ngày nay, nhiều phóng viên Hoa Kỳ hoạt động trên nguyên tắc căn bản là, ngoài vài sự hạn chế, những tài liệu có thể được các phương tiện truyền thông sử dụng phải mang hình thức đúng như hình thức chính được đưa ra. Một hạn chế là phải có sự thỏa thuận rõ ràng hoặc thông cảm giữa phóng viên và nguồn tin muốn dấu đi một vài hoặc tất cả những tin tức hoặc không đem phổ biến những tin vì một lý do nào đó. Sự thỏa thuận này phải được cấp trên của phóng viên chấp thuận, vì đó là vấn đề nguyên tắc.

Một hạn chế khác, quan trọng hơn, là những luật lệ chi phối các phương tiện truyền thông, trong đó có luật phỉ báng, luật chống sự xâm phạm đời tư và vài điều lệ rộng lớn ngăn cấm việc sử dụng vài loại tin tức như bí mật nguyên tử và một số vấn đề ảnh hưởng quốc phòng. Trong một số tiểu bang, người ta còn cấm tiết lộ danh tính của những thiếu nhi phạm pháp.

Những phóng viên có trách nhiệm và những phương tiện truyền thông sử dụng họ đều phải tôn trọng những tiêu chuẩn thông thường đã được chấp nhận.

Sau hết, các phóng viên cũng như tất cả các công dân Mỹ đều bị ràng buộc bởi các điều khoản của Hiến Pháp và các luật lệ của Liên Bang, của tiểu bang và của địa phương. Điều này cũng có nghĩa là phải biết cái gì có thể hoặc không có thể đăng được, đặc biệt là những trường hợp xúc phạm tòa án hoặc xúc phạm quốc hội.

Thói quen tốt cho phóng viên là nên coi tài liệu mà anh được biết như có thể đăng được trong khuôn khổ những hạn chế được trình bày ở đây. Anh cũng nên phối kiểm tài liệu đó một cách cẩn thận với nguồn tin và sửa chữa những đoạn trích dẫn sai lầm để cho được chính xác trước khi dùng máy điện thoại hoặc máy vô tuyến điện để chuyển tin đi. Tin tức ngày nay phức tạp hơn ngày xưa và đòi hỏi sự cẩn thận và sự giải thích nhiều hơn.

Trong những trường hợp bị coi là tiết lộ bí mật của chính quyền như trường hợp báo *The New York Times* phát hành cuốn “Tài Liệu của Ngũ Giác Đài” (The Pentagon Papers) liên quan đến chiến tranh Việt Nam, ban giám đốc và các sở hữu của tờ báo có quyết định cuối cùng về việc sử dụng những tài liệu như vậy. Trong trường hợp “Tài Liệu của Ngũ Giác

Đài”, sáng kiến, kiến thức và danh tiếng của Neil Sheehan, thông tin viên của *The Times* hoạt động ở Ngũ Giác Đài, là một yếu tố quyết định cho một trong số những vụ đối đầu (confrontations) nổi tiếng nhất giữa chính phủ và báo chí trong lịch sử Hoa Kỳ.

Nêu ngu ồn tin nhưng không trích dẫn trực tiếp. Một biến đổi đầu tiên trong nguyên tắc “càng lấy nhiều tin để đăng càng hay” là phải ấn định rõ ràng rằng chỉ có thể trần thuật (paraphrase) chứ không được trích dẫn trực tiếp (direct quotation). Không một phóng viên nào thích chấp nhận loại hạn chế này vì trích dẫn trực tiếp làm cho tin tức có tính cách chính thống. Tuy vậy, có lúc cũng phải chấp nhận.

Từ khi các phóng viên Hoa Kỳ không dùng tốc ký và thường tự soạn những đoạn trích dẫn khi cần đến để cho sát với ý kiến của người phát ngôn, không có ai tuyên bố một câu quan trọng về chính sách lại thích lối làm việc đó. Nếu không có thì giờ để soạn trước lời tuyên bố và nếu không có sẵn sàng một chiếc máy ghi âm, người ta thường nêu ra nguyên tắc chống việc trích dẫn trực tiếp.

Thật ra, ngu ồn tin phải là một yếu tố quan trọng trong tin tức. Không có một nữ tài tử hoặc một tay ăn chơi của một hộp đêm nào lại có thể nói rành rọt rằng “bạn có thể sử dụng những đi đầu tôi nói với bạn, nhưng không được trích dẫn trực tiếp”. Câu nói đó thường là của Tổng Thống Hoa Kỳ, của Ngoại Trưởng Hoa Kỳ, của phát ngôn viên quân sự khi trình bày tóm lược tình hình và đôi khi của phát ngôn viên của chính quyền tiểu bang hoặc địa phương hoặc của giới kỹ nghệ tư.

Tuy nhiên, các vị thẩm phán, các chính trị gia cũng vẫn sử dụng nguyên tắc “không được trích dẫn trực tiếp” khi nào các vị đó có thể nói được như vậy. Nếu phóng viên có thể thuyết phục được ngu ồn tin cho trích dẫn thì lúc đó báo chí lại có trách nhiệm là phải xem xét tài liệu được sử dụng có hoàn toàn chính xác hay không chứ không phải cứ để cho phóng viên tự soạn. Trong việc này, các phương tiện truyền thông điện tử tỏ ra rất đặc lực.

Phát ngôn viên. Trước Đệ Nhị Thế Chiến, sự hiện diện của phát ngôn viên trong tin tức quốc nội của báo chí Hoa Kỳ không phổ thông như ngày nay. Các chủ biên thường đòi hỏi rằng các ngu ồn tin phải được nêu rõ bằng danh tính của người cho tin dù có hay không có sự trích dẫn trực tiếp.

Nhiều phóng viên và chủ biên không thích chỉ nêu trong tin tức một người vô danh và không nói lên được cái gì ngoài sự liên hệ với cơ quan mà người đó đại diện.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, phát ngôn viên xuất hiện nhan nhản trong Chính Phủ Liên Bang Hoa Kỳ và Tổ Chức Liên Hiệp Quốc. Danh tính của họ được nêu lên trên các bản tin của Quốc Hội và của các cơ quan công quyền. Khi phần bình luận bị kềm chế và các phương tiện truyền thông quá khát khao tin tức đến nỗi chấp nhận cả những nguồn tin vô danh (anonymous sources), các phát ngôn viên xuất hiện như những người có thẩm quyền về tin tức của các tòa đô chính, những ban giám đốc học đường, bộ chỉ huy cảnh sát và có khi cả của những sở rác rưởi.

Ngày nay thật là chuyện thông thường khi các phát ngôn viên làm tin cho các công ty nhỏ để đăng trên các báo địa phương. Tên của họ còn được thấy cả trong những trang thể thao và trong những tin tức phụ nữ nhưng chưa thấy trong quảng cáo.

Cho tới nay, người ta chưa được biết nguồn tin của việc sử dụng phát ngôn viên. Ở Châu Âu, và nhất là Anh Quốc, trong nhiều năm, các phóng viên tôn trọng ý muốn của các nhân viên chính thức trong chính phủ không tiết lộ danh tính của họ khi họ cho tin tức. Ở Bộ Ngoại Giao Anh, vẫn còn có lệ không nêu tên người cho tin tức bởi vì “những công bộc” Anh phải dấu tên tuổi và phải dành việc đó cho những người được dân chúng chính thức bầu ra. Khi người Mỹ thi hành thông lệ đó thì họ làm cho người Anh khó chịu.

Sự khác biệt là ở Anh và ở lục địa Châu Âu, thường không khó khăn khi muốn biết ai là người nói ra câu chuyện nếu tin tức được gán cho một phát ngôn viên vô danh. Còn ở Hoa Kỳ, có quá nhiều nguồn tin thành thử dân chúng không bao giờ có thể chắc chắn về cấp bậc và thẩm quyền của phát ngôn viên vô danh nhưng tất cả đều tùy thuộc ở việc tường thuật câu chuyện quan trọng đến mức độ nào. Sự thu hẹp xuất xứ nguồn tin lại tăng thêm một cấp độ nữa.

Khi nguồn tin chính phủ hoặc tư nhân nói: “Bạn có thể gán những câu đó cho một phát ngôn viên của cơ quan này hoặc cơ quan nọ”, phóng viên chỉ có hai cách chọn: hoặc anh sử dụng câu chuyện sao cho phù hợp với những điều kiện đã được đưa ra hoặc anh bỏ câu chuyện đó đi và thông báo cho tòa báo biết. Thường thường, vì cần phải tranh đua, phóng viên cứ sử dụng câu chuyện dù xảy ra thế nào mặc lòng. Một số lớn các tin tức ngoại giao

và quân sự ngày nay được phổ biến qua các phát ngôn viên vô danh và phóng viên cũng không sử dụng được bao nhiêu. Lề lối này đã được chấp nhận. Các phương tiện truyền thông đã tự hạn chế lấy.

Tin tức bối cảnh. Sử dụng nguồn tin vô danh là một thể thức khó khăn và rắc rối trong làng báo Mỹ, nhưng đồng thời nó lại là một trong những thể thức quan trọng nhất ở chỗ nó cho phép sử dụng một số tin tức mà không ai muốn rằng người có thẩm quyền đưa ra. Phóng viên là phương tiện truyền thông phải chịu nhận lấy những rủi ro về những cái gọi là tin tức bối cảnh (background news) của “các nguồn tin thông thạo”, “các nguồn tin chính thức”, “các nguồn tin ngoại giao”... hoặc nếu không rõ nguồn tin thì nêu tên của phóng viên và tên của tổ chức làm tin của phóng viên này. Chữ “bối cảnh” tự nó đã rắc rối rồi. Khi được sử dụng trong một câu chuyện, chữ đó có nghĩa là chi tiết lịch sử giúp cho việc giải thích vài biến cố thông thường. Theo nghĩa trong ngành phóng viên, bối cảnh có nghĩa là sử dụng tài liệu trong một câu chuyện mà không nêu rõ nguồn tin. Nguồn gốc của chữ bối cảnh trong ngành phóng viên có thể do ở việc nguồn tin giới thiệu tài liệu.

Ngày nay, người ta thường nghe nói: “Bây giờ, tôi không thể để cho nêu tên tôi ra như một người có thẩm quyền về những điều mà tôi nói với bạn nhưng tôi cố gắng để bạn để làm bối cảnh (có nghĩa là chỉ để cho biết mà thôi)”.

Một biến thể của lời nói đó là nguồn tin lưu ý phóng viên rằng “Đây chỉ là tài liệu bối cảnh dành riêng cho bạn sử dụng”.

Điều quan trọng cho phóng viên là phải nhớ rằng loạt tài liệu bối cảnh được cung cấp cho họ là để họ tùy nghi sử dụng, nhưng không nên đăng khi nào thấy không có lý do chính đáng để đăng. Dù sao, không phải tất cả những tài liệu bối cảnh đều có giá trị để đáng làm thành tin. Một số khác là do ở những nguồn tin không hiểu rõ rằng những điều họ muốn nói và thỉnh thoảng có người lại dùng loại tài liệu bối cảnh như một thứ quảng cáo cho một chủ trương, một ý kiến hoặc một cá nhân. Một đặc điểm là các chủ biên không muốn đăng một câu chuyện khi nó được đưa ra với nhãn hiệu “có thể đăng được” (on the record), và đôi khi lại cũng câu chuyện đó khi được một nhân viên chính thức bí mật cho với tính cách “làm bối cảnh” (và một trường hợp tuy hiếm có nhưng có thể xảy ra là có một phóng viên a tòng).

Trong lãnh vực báo chí, việc cung cấp tin tức để làm bối cảnh cũng lâu đời như việc ẩn loát. Các cơ quan ngoại giao Châu Âu đã sử dụng thể thức này từ lâu khi có những thông tin viên và những tờ báo được ưu đãi. Ở Hoa Kỳ, người ta áp dụng thể thức này trong Đệ Nhị Thế Chiến và các phóng viên ở Thủ đô Washington cho rằng người đem áp dụng lần đầu tiên thể thức này là Ernest K. Lindley của tạp chí *Newsweek*. Nhận thấy các viên chức cao cấp không thể nói với ông rằng tin có thể đăng được và cũng lại không muốn nói với ông là không được đăng, Lindley thuyết phục họ cho ông những lời giải thích cần thiết về những biến cố thường xảy ra và sắp xảy ra với lời hứa là không tiết lộ danh tính họ như những nguồn tin của ông. Như vậy, bối cảnh trở thành ở giữa “đăng được” và “cấm đăng”.

Giới chức chính quyền và tin tức bối cảnh. Phương pháp săn tin bành trướng ra khắp Thủ Đô Washington và từ đó phát huy đến các tiểu bang trong Liên Bang. Rất ít tổ chức làm tin ngày nay ở Hoa Kỳ có thể nhận rõ được tất cả những nguồn tin, nhất là khi càng ngày càng có thêm hạn chế. Do đó, các ngôn từ “nguồn tin thông thạo” và “giới chính thức” không được hoan nghênh trong làng báo ở tất cả các cấp bậc. Không một phóng viên trẻ hoặc thiếu kinh nghiệm nào lại được khuyến khích “đùa giỡn” với loại tin tức bối cảnh trừ phi anh được chỉ thị rõ rệt của các chủ biên của anh. Lý do là vì tương đối chỉ có một số ít nguồn tin có đủ kinh nghiệm để có thể nắm vững việc cung cấp những tài liệu bối cảnh mà không có những sự lầm lẫn khi phán xét.

Phóng viên và tin tức bối cảnh. Khi làm cho tờ *The New York Times*, James Reston đã có dịp nói về việc làm tin bối cảnh như sau:

Đây là một thể thức đáng chú ý ở chỗ nó bắt buộc người viết phải hiểu thế nào là một hình thức cưỡng bách bách đạo văn. Như thế có nghĩa là viên chức giải thích cái họ đã làm hoặc sắp làm hoặc nghĩ là sắp làm để cho hiểu rõ là người viết có thể đăng điều họ nói theo thẩm quyền của người viết chứ không cần phải gán ghép gì cho họ hoặc cho cơ quan họ hoặc cả cho “một nguồn tin chính thức”.

Dưới những nguyên tắc căn bản đó, các phóng viên được phép nói rằng chính phủ dự tính làm những việc này hoặc nghĩ sẽ làm những việc này hoặc nếu các phóng viên có quá thận trọng thì họ có thể nghĩ đến những

câu như “có một quan điểm trong chính phủ”. Nhưng họ không thể gán cho một thẩm quyền nào những điều mà họ nói.

Thế thức đó có nhiều điều lợi cho cả viên chức lẫn phóng viên. Về phía viên chức, nếu có nghĩ đến việc giới thiệu một chính sách mới nhưng không hoàn toàn chắc chắn là chính sách đó sẽ như thế nào (hầu hết các viên chức đều ở trong trạng này), họ có thể nhờ đó mà khám phá được những phản ứng của quần chúng về đề nghị của họ. Điều quan trọng hơn là họ có thể giải thích được vài sự rắc rối trong các vấn đề của họ (kể cả những khó khăn của họ đối với những viên chức khác) và nhờ đó họ đạt được sự hiểu biết và sự chấp nhận cái mà họ đề nghị.

Phóng viên cũng được lợi ở chỗ, trong những cuộc tiếp xúc, họ được biết cái gì sắp sửa xảy ra và do đó có thể thông tin cho độc giả một cách tốt đẹp hơn. Nhưng có điều rắc rối là nếu có một sự hiểu lầm về câu chuyện đã được loan báo hoặc nếu câu chuyện này gây khó khăn cho Chính Phủ, Tòa Bạch Ốc lúc nào cũng có thể phủ nhận những tin tức đã loan và các phóng viên không tiết lộ nguồn tin đã bị nghi việc vì không có một sự biện hộ nào thích đáng.

Người ta không có cảm tình mấy đối với phóng viên không có sự biện hộ chính đáng nào trong câu chuyện chỉ có tính cách bối cảnh. Bản chất của con người và cách thức cư xử của con người là như vậy, cho nên không thể tránh được việc ngu ần tin của một câu chuyện bối cảnh quan trọng sẽ bị tiết lộ nếu nó gây ra tranh luận.

Trên nguyên tắc, các phóng viên cố gắng bảo vệ những ngu ần tin. Chỗ khó khăn là các phóng viên rời khỏi bữa tiệc thân mật ở Washington do một viên chức thết đãi một số phóng viên ưu đãi với mục đích cho tin bối cảnh, thường cứ tiết lộ những đi ều mà họ được nghe bởi vì họ không có hứa gì cả. Và khi họ bị chỉ trích, họ có thể trả đũa, và tiết lộ lại là một đường lối tốt nhất để đánh lại.

Vì càng ngày càng quan tâm đến an ninh quốc gia, những ngu ần tin chính phủ cũng như các phương tiện truyền thông đ ều chú trọng đến vấn đề tin tức bối cảnh trong sinh hoạt báo chí mặc dù có vài nơi chống đối. Trong việc cung cấp tin tức bối cảnh, cũng có nhiều cấp độ khác nhau. Thí dụ, trong thời gian khá dài giữ chức vụ ngoại trưởng, ông Dean Rusk có thói quen nói chuyện riêng với một số phóng viên chọn lọc trong một cuộc họp mà ông gọi là hạn chế để cho tin bối cảnh (deep background session). Thế có nghĩa là tài liệu trước hết dùng để *hướng dẫn* (một chữ có thể hiểu bằng

nhì ều cách) các thông tín viên tham dự buổi họp hạn chế; các thông tín viên này hứa trong bất cứ trường hợp nào cũng không tiết lộ những đi ều họ thu được trong buổi họp. Dĩ nhiên, những thông tín viên này cũng không “bó tay” được những đ ồng nghiệp kém ưu đãi hơn họ và không được mời vào dự những buổi họp của Bộ Ngoại Giao, cho nên vấn đề cho tin bối cảnh cũng tỏ ra có chỗ yếu kém. Tuy nhiên, ngày nay, vấn đề “cho tin bối cảnh hạn chế” cũng đã được hiểu rõ. Giống như lối “thông báo quốc phòng” của Anh Quốc⁴⁹, đó là một trong những qui tắc của làng báo Hoa Kỳ.

Khi người viết tin bối cảnh phản pháo. Trong cuộc chiến tranh Ấn-H ồi năm 1971, nhì ều câu chuyện được bí mật gán cho “các viên chức Tòa Bạch Ốc” bỗng xuất hiện nhan nhản trên nhì ều nhật báo lớn. Thật ra, những bài báo này bênh vực chính sách thân H ồi của Chính Phủ Mỹ và cho rằng Washington hiện đang cố gắng duy trì hòa bình và tố cáo Ấn Độ gây chiến. Thượng Nghị Sĩ Barry Goldwater, thuộc đảng Cộng Hòa ở Tiểu Bang Arizona, ngay đó đã nhận ra rằng “các viên chức Tòa Bạch Ốc” chính là Tiến sĩ Henry A. Kissinger, cố vấn của Tổng Thống Nixon về các vấn đề an ninh quốc gia và chuyển đến Quốc Hội một tài liệu về một cuộc họp ngắn của Tiến Sĩ Kissinger ở Tòa Bạch Ốc trước 50 phóng viên để cho tin bối cảnh. Việc này đã cung cấp một chuyện hiêm có về những sự việc xảy ra.

Thoạt đ ầu, ông Ronald L. Ziegler, tham vụ báo chí tại Tòa Bạch Ốc, giới thiệu Tiến sĩ Kissinger r ồi đưa ra những nguyên tắc căn bản cho các phóng viên này có quyền chọn một trong hai đi ều: hoặc chấp nhận những nguyên tắc này hoặc ra khỏi phòng họp (và không thấy có ai ra khỏi phòng).

“Những gì Tiến Sĩ Kissinger nói với quý vị sẽ chỉ để làm bối cảnh. Quý vị có thể nêu rõ xuất xứ là do “các viên chức Tòa Bạch Ốc” đưa ra nhưng không được trích dẫn trực tiếp. Dĩ nhiên chúng ta có một số thắc mắc và một số câu hỏi về tình trạng ở Nam Á. Dĩ nhiên những gì chúng tôi nói với quý vị là chỉ để làm bối cảnh bởi vì đó là bối cảnh. Chúng tôi nghĩ rằng nó sẽ giúp ích cho quý vị trong khi chờ đợi ông Kissinger xuất hiện vào chi ều nay để thảo luận với quý vị về những quan điểm của chúng tôi trên căn bản bối cảnh để giúp cho vấn đề được sáng tỏ hơn đối với quý vị.”

Trong tình trạng rắc rối như vậy, đáng lẽ Tiến Sĩ Kissinger phải thận trọng hơn khi tiếp xúc với các nhà báo để cho tin bối cảnh. Nhưng vị giáo sư của Harvard hăng say này, người từng sắp đặt những chuyến công du của Tổng Thống Nixon sang Trung Hoa và Nga Sô, không băn khoăn gì cả. Một khoảng thời gian ngắn sau khi xảy ra vụ Goldwater kể trên, Tiến Sĩ Kissinger lại tổ chức một cuộc họp ngắn cho tin bối cảnh trước một nhóm phóng viên trên chuyến phi cơ lúc trở về sau một hội nghị ở Azores giữa Tổng Thống Nixon và Tổng Thống Pháp Pompidou. Trong cuộc họp cho tin bối cảnh hạn chế này, vị cố vấn đặc biệt của Tổng Thống Nixon cảnh cáo rằng nếu Nga Sô không tìm cách ngăn cản Ấn Độ trong cuộc chiến tranh với H ồ Quốc thì “n ền bang giao giữa Hoa Kỳ và Nga Sô có thể phải xét lại” và có thể sẽ ảnh hưởng đến chương trình của Tổng Thống Nixon viếng thăm Moscow.

Vụ này “nổ lớn”. Tờ *Washington Post*, không có một phóng viên nào trong nhóm phóng viên trên chuyến phi cơ kể trên đã cho đăng tải câu chuyện và tiết lộ danh tính của người tuyên bố. Tờ *The New York Times* cũng làm theo ngay tức khắc. Trong hoàn cảnh này, không ai có thể làm gì được để bênh vực Tiến Sĩ Kissinger và một lần nữa tin bối cảnh lại bị tiết lộ. Về phía Tòa Bạch Ốc, ông Ziegler lập tức phải phủ nhận ngay chuyện Tổng Thống Nixon đang nghĩ đến việc hủy bỏ cuộc công du sang Nga Sô...

Do đó, Benjamin C. Bradlee, chủ biên chấp hành của tờ *Washington Post*, cho rằng việc “loan tin bối cảnh” là “những phương tiện của chính phủ để làm cho báo chí tường thuật tin tức theo quan điểm của chính phủ”. Ông nói rằng “vì vậy, đường lối của tờ báo này là “làm tất cả mọi nỗ lực hợp lý để gán tin tức cho các nguồn tin của nó” và ra những chỉ thị thích hợp cho ban biên tập. Ông giải thích: “Chúng tôi đã là nạn nhân của sự lờ mờ gạt này và đã cung cấp tin thất thiệt cho độc giả trong một khoảng thời gian khá lâu”.

A.M. Rosenthal, tổng thư ký tòa soạn của tờ *The New York Times*, không nổi xung như vậy nhưng cũng cứng rắn trong việc giữ những người cho tin bối cảnh trong những giới hạn vừa phải. Ông dặn nhân viên tòa soạn chỉ chú ý đến những người cho tin bối cảnh “khi nào chính phóng viên và chủ biên tin tưởng rằng có một lý do quan trọng vượt ra ngoài sự thuận lợi của nguồn tin để cho tin tức không chịu ảnh hưởng của viên chức hoặc cơ quan chính phủ”.

Chính phủ đã kín đáo đứng ngoài tranh chấp, một trong nhiều cuộc tranh chấp diễn ra trong nhiều năm nay. Đối với Tổng Thống, phát ngôn viên Tòa Bạch Ốc nói rằng “vấn đề này sẽ để cho cộng đồng báo chí giải quyết”.

Với thời gian, Tiến Sĩ Kissinger vẫn giải quyết vấn đề của ông mà không cần sự giúp đỡ của cộng đồng báo chí bằng cách cho đăng những lời tuyên bố trong các cuộc họp của ông nhưng cấm trích dẫn trực tiếp trong vài trường hợp tể nhị. Sự xuất hiện nổi tiếng nhất của ông xảy ra trước lúc hoàng hôn trong một “họp đêm” ở Moscow hồi cuối mùa Xuân năm 1972 khi ông họp mặt với những thông tin viên được tập họp ở đó để cho biết về bối cảnh và ý nghĩa của thỏa ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT) giữa Hoa Kỳ và Nga Sô.

Tin không được đăng. Chỉ có mỗi một qui tắc cho vấn đề cho tin mà không được đăng (off the record) và được các phóng viên chấp nhận. Đó là sự tín nhiệm không nên để cho vi phạm.

Những phóng viên trẻ tuổi và những người không quen với lề lối làm việc của báo chí thường hỏi tại sao người ta muốn cho phóng viên biết một bí mật mà lại không muốn phổ biến. Có nhiều trường hợp tiết lộ bí mật trở thành cần thiết vì đó là một vấn đề thuộc chính sách chung. Trong Đệ Nhị Thế Chiến, các thông tin viên được phép liên lạc với Bộ Chỉ Huy của Tướng Eisenhower đã được báo tin và thường được thông báo về ngày phản công. Những cuộc công du trong thời chiến của Tổng Thống Roosevelt và cuộc viếng thăm của Tổng Thống Eisenhower tại Cao Ly được giữ hoàn toàn bí mật mặc dầu đã có thông báo trước cho báo chí. Ở Việt Nam, những vụ thông báo tình hình chiến tranh vẫn được tiếp tục. Văn Phòng Điều tra Liên Bang (Federal Bureau of Investigation) ít nhất cũng đã một lần thông báo đầy đủ cho các phương tiện truy tìm thông về một vụ bắt cóc nhưng yêu cầu không được làm “rùm beng” với hy vọng nạn nhân có thể được cứu thoát. Trong các lãnh vực chính trị, ngoại giao, khoa học và tội ác — đây chỉ nêu ra vài lãnh vực có tin tức quan trọng — không có phóng viên nào được quyên viết tất cả những đi đầu mà người đó biết.

Sự quyết tâm bảo vệ những bí mật là một biểu tượng mà phóng viên cố gắng hiến cho nghề nghiệp. Anh ta không nên dùng những bí mật đó để thay vào những tin thiếu hụt ngày hôm sau, anh phải hiểu rằng ngu ồn tin tín nhiệm anh hôm nay cần phải được bảo vệ. Trong vòng năm năm hoặc mười năm

nữa, một ngu ần tin khiêm nhường có thể là một thị trường, một thống đốc, một thủ tướng và có khi là một tổng thống nữa. Không có phóng viên nào có thể chiếm được lòng tin của những ngu ần tin quan trọng này trong vài phút.

Do đó, mỗi vi phạm lời hứa không đăng tin là một vấn đề nghiêm chỉnh bậc nhất đối với các phương tiện truy ền thông. Khi một tờ báo từ chối lời yêu cầu giảm bớt tin tức về một vụ bắt cóc, nạn nhân đã bị giết và biến cố này đã được đề cập đến trên tất cả các phương tiện truy ền thông. Khi một thẩm phán quận năn nỉ báo chí đừng đăng chuyện đứa bé tám tuổi “thú nhận” việc nó giết cha mẹ nó, để chờ các nhà chuyên môn về bệnh tinh thần phân tích nội vụ đã, mà vẫn có một tờ báo đăng lên, việc này khiến cho ai nấy đều đau lòng. Sự nhanh nhẩu của một thông tin viên AP loan một tin chớp nhoáng về việc kết thúc Thế Chiến, vi phạm lời cam kết giữa anh với các đồng nghiệp của anh và Tướng Eisenhower, chắc chắn chẳng làm ai vui lòng. Làm tin kiểu đó không phải việc đáng ngưỡng mộ, giống như trường hợp hãng United Press đã loan tin vụ “đình chiến giả” h ả Đệ Nhất Thế Chiến, không phải vi phạm đi ều bí mật mà là dựa vào báo cáo láo.

Thực ra có một vài tin “không đăng được” (off-the-record confidences), mà người cho không nên cho, và người nhận cũng không nên nhận. Đôi khi phóng viên không dùng được loại tin mật đó. Trong làng báo đã có câu châm ngôn rằng “việc gì có hai người biết thì cả thiên hạ đều biết”.

Có những trường hợp, thường liên quan đến các tin lớn, phóng viên bị đó “bó tay”, nhưng tin mật vẫn bị tiết lộ do một người nào đó ở cùng một tòa soạn. Kỳ cục hơn nữa là trường hợp một phóng viên nhận được một tin “không-đăng-được” ở chỗ này lại thông đ ồng với một đ ồng nghiệp ở chỗ khác để đưa tin đó ra. Lối đó chỉ là một sự lợi dụng trắng trợn, phi nguyên tắc, không thể coi là phục vụ công ích được. Hậu quả của loại vi phạm chuyện mật này là khiến cho qu ần chúng đọc giả giảm niềm tin vào thiện chí của báo chí.

Tranh thủ đi ều bí mật. Việc ghi xuất xứ cho ngu ần tin là một việc phức tạp, đôi khi dễ lẫn lộn nữa, nhưng phóng viên phải tự rèn sao cho đủ kiên nhẫn và hiểu biết hơn để giải quyết được vấn đề. Đừng cam kết nếu biết mình không thể giữ đúng lời cam kết, và phải phân minh với tòa soạn trước mọi vấn đề mờ ám.

Nói chung, ở nơi nào mà việc ghi xuất xứ có nhiều cấp độ, nên luôn luôn nâng xuất xứ lên cao hơn một nấc. Nghĩa là nếu người ta cho tài liệu chỉ để làm bối cảnh thì phóng viên phải cố gắng thuyết phục ngu ồn tin rằng “nếu tin này do một phát ngôn viên tuyên bố thì độc giả sẽ chú ý đến nhiều hơn”. Phải cố gắng không ngừng thuyết phục các phát ngôn viên hay các “xếp lớn”, nếu có thể, tiết lộ danh tính của họ. Ngu ồn tin mà bí mật quá chỉ làm giảm niềm tin của quần chúng đối với người đi sâu thập tin tức. Phóng viên đừng bao giờ quên rằng trong một xã hội tự do, những mục đích của mình không nhất thiết phải trùng hợp với những mục đích của các ngu ồn tin. Ông Dean Acheson, khi còn làm ngoại trưởng, đã nói rõ đi đâu đó trong một bức thư gửi cho một phóng viên: “Nếu tôi sắp sang một nước khác để thuyết phục vị ngoại trưởng nước đó thỏa thuận với tôi về một đi đâu mà tôi muốn bàn kín hoàn toàn với ông ta, thì việc của anh là phải tìm ra và tường thuật đi đâu đó. Nhưng làm thế thì mục đích của tôi không đạt được. Vậy muốn cho công bằng, chắc anh cũng nên hiểu cho rằng, bổn phận của anh là tò mò tìm hiểu, còn bổn phận của tôi là phải giữ bí mật”.⁵⁰

TIN VIẾT TRƯỚC KHI XẢY RA

Có nhiều tin cần được viết trước khi chuyện thực sự xảy ra, khiến cho phóng viên khó mà làm cho bài báo mình sống động. Nói cho cùng, không ai có thể tường thuật một cách tỉ mỉ, có màu sắc, một bài diễn văn, hoặc một cuộc phóng hỏa tiễn, hoặc một cuộc diễn hành, trước khi những việc này xảy ra thực sự. Thế nhưng chúng ta vẫn phải có loại bài viết trước để tờ báo của chúng ta không có vẻ “báo cũ” và theo kịp truyề hình, truyề thanh. Không có ký giả nhật báo hoặc tạp chí thời sự nào khoái loại bài này, nhưng không thể làm gì khác được. Chờ cho việc xảy ra rồi mới có bài đăng chẳng hạn, thì chẳng khác nào không đăng tin tức gì hết.

Bài viết trước. Vì những lý do đó, “bài viết trước” (the advance) trở nên một phần không thể thiếu trong ngành báo chí Mỹ. Chính ra việc làm tin viết trước đặt căn bản trên niềm tin và sự hợp tác mật thiết giữa ngu ồn tin và các phương tiện truyề thông, với các phóng viên làm người trung gian. Nếu ngu ồn tin lưu ý nhà báo rằng tin này sẽ ra được khoảng thời gian nào

đó, nhà báo sẽ, hoặc tôn trọng lời yêu cầu này, hoặc không dùng bài viết trước. Cách giữ tin như thế gọi là *bài chờ đăng* (embargo).

Làm tin về một bài diễn văn quan trọng, đặc biệt là diễn văn tranh cử, chứng minh nguyên tắc này một cách giản dị nhất. Một ứng cử viên tranh cử muốn những bài diễn văn của mình được phổ biến sâu rộng, sẵn sàng để báo chí đăng trước khi đọc, là đi đầu hiển nhiên. Giả thử một bài diễn văn dự trù đọc vào lúc 10 giờ tối; một “bài chờ đăng” phải được đưa trước từ 6 giờ chiều, để kịp xuất hiện trên mặt báo vào sáng sớm hôm sau và cả trên truyền thanh, truyền hình nữa. Lời dặn “chờ đăng” thường được ghi thật rõ trên bản thảo bài báo viết trước.

Nếu ấn bản đầu của một nhật báo buổi sáng được báo ra vào lúc 8 giờ tối, thì nội dung bài diễn văn, hoặc ít ra bản tin về bài diễn văn đọc sau đó hai tiếng đồng hồ, chiếm chỗ quan, trọng. Các đài quảng bá cũng dùng lối này được. Thế thức (đã được cả người tin lẫn nhà báo công nhận) để thực hiện loại bài này như sau:

Phần mở sẽ dựa trên yếu tố tin tức nào đó trong bài diễn văn, và viết theo lối không có phê bình. Nhưng ngay đoạn hai của bài báo, phải cho độc giả biết bài này dựa vào một diễn văn soạn sẵn “để đọc sau”. Chi tiết này không đặt ở phần mở vì sợ phần mở nặng nề quá. Sau đây là một thí dụ:

Thông Đốc Williston tôi qua đã tố cáo đôi thủ của ông là J. Horton Denfield thuộc đảng Cộng Hòa có ý định tăng thuế lợi tức trong Tiểu Bang, nếu ông này đắc cử.

Trong bài diễn văn soạn trước để đọc trong bữa tiệc thường niên ở Hội Quán Đảng Dân Chủ Tonawanda tại khách sạn Baltimore, vị Thông Đốc Dân Chủ báo động:

“Đôi thủ của tôi nói rằng Tiểu Bang chúng ta phải điều hòa chi và thu. Ông ta hứa đưa ra một ngân sách quân sách quân bình nhưng không nói rõ sẽ áp dụng sách lược kinh tế nào để đạt điều đó. Tôi cho rằng chỉ có mỗi một cách để đạt mục đích quân bình ngân sách là tăng thuế lợi tức Tiểu Bang”.

Dĩ nhiên trong “bài viết trước” còn có thể sử dụng nhiều chi tiết hơn nữa. Và các chất liệu này cũng có thể được truyền thanh và truyền hình khai thác khiến cho nội dung bài diễn văn trở nên quen thuộc đối với độc giả hoặc thính giả khi thực sự nghe bài diễn văn. Bốn phận của phóng viên là, sau khi viết bài hoặc trao dữ kiện cho nhân viên cải biên phải phối kiểm với bài diễn văn thực sự được đọc. Nếu không có chỗ nào thay đổi quan

trọng, phóng viên chỉ cần điện thoại về tòa báo hoặc đọc ngay một đoạn bài chèn (insert) để thay cho đoạn thứ hai của bài báo, khỏi phải ngụ ý nói đây là “bài viết trước”.

Để cho thấy bài diễn văn quả thực đã được đọc, đoạn hai của bài báo có thể viết như sau:

Vị Thống Đốc Dân Chủ đã phải ngưng lời tới tám lần trước những tràng pháo tay tán thưởng, khi ông lên tiếng trong buổi tiệc ở Hội Quán Dân Chủ Tonawanda, tại Khách Sạn Baltimore, hồi 10 giờ tối qua. Ông nói rằng: ...

Đoạn ba và phần còn lại của bài báo có thể được dùng như cũ không cần thay đổi gì. Cũng có khi diễn giả thêm thắt đôi câu khiến bản văn khác đi, thì bài báo cần có đoạn chèn. Chỉ khi tối cần thiết mới phải đổi phần mà của “bài viết trước”. Phải giữ những thay đổi ở mức tối thiểu.

Sự phát triển của lời vận động tranh cử tổng thống, thống đốc và đại biểu địa phương bằng truyền hình đã làm giảm giá trị các “bài viết trước” của nhật báo. Thật không bỏ công làm một “bài viết trước” để rồi bài nay khác hẳn với những gì diễn giả nói trên đài, như trường hợp nhiều cuộc vận động tranh cử gần đây chứng minh. Điều này cộng với sự bành trướng của lối soạn diễn văn chiếu lệ mà các ứng cử viên dùng đi dùng lại trong các cuộc tranh cử có giới hạn thời gian, đã khiến cho nhật báo bỏ lối viết bài trước. Ngoài ra, còn có một vài ứng cử viên chỉ thị cho ban vận động của mình soạn trước một lô bài diễn văn rồi gửi cho các báo để giữ chỗ, thực tình chưa chắc những bài đó sẽ được đọc.

Như vậy, cần phải xét lại lối làm tin dựa vào bài viết trước. Trong tương lai, rất có thể chiếc máy ghi âm tối tân — với những bộ phận đặc biệt chuyển từ âm thanh ra chữ chữ ở nhà in trong nháy mắt — sẽ tiện dụng hơn bất cứ loại bài “đóng hộp” nào, đối với nhật báo. Ở truyền hình, phương tiện mới này sẽ còn tỏ ra tiện dụng gấp nhiều lần hơn nữa trong các cuộc vận động tranh cử của những năm sắp tới.

BÀI CHỜ ĐĂNG

Có nhiều loại “bài chờ đăng” (embargo). Loại thông thường và dễ dùng nhất là loại “chờ đăng tự động”, nghĩa là bài viết sẵn có ghi rõ thời gian có thể phổ biến, ở nhật báo cũng như ở các đài quảng bá.

Tuy nhiên, thường thường một “bài chờ đăng” là bài có thể đăng vào khoảng thời gian nào đó (chứ không nhất thiết phải đúng “boong” giờ, phút). Trong trường hợp như thế này, bài báo chí cần được giữ lại cho đến lúc bài diễn văn bắt đầu được đọc.

Theo thông lệ, khi nào nhận được dấu hiệu bài diễn văn được đọc là nhà báo cho phổ biến “embargo” ngay. Loại “embargo” này thường áp dụng cho những bài quan trọng như thông điệp của Tổng Thống gửi Quốc Hội, của thống đốc gửi cơ quan lập pháp tiểu bang, hoặc các văn kiện tương tự.

Cách dùng “embargo”. Trước những dữ kiện phức tạp, như bản ngân sách hoặc văn kiện lập qui của Liên Bang, tiểu bang, địa phương hoặc các chương trình tư nhân, mang sắc thái tin tức đặc biệt, cần có nhiều ngày có khi cả tuần lễ, để chuẩn bị cho bài báo. Về ngân sách, các giới chức công quyền phải mở “lớp giảng ngân sách” cho phóng viên để giúp họ hiểu rõ chi tiết và cho phép họ chất vấn các chuyên viên. Tất cả tài liệu, dù in trên giấy tờ hoặc chỉ được ghi chú từ các cuộc phỏng vấn, đều phải “chờ đăng” vào một giờ nào đó và gửi cho các phương tiện truyền thông sử dụng.

Không phải chỉ những tài liệu chính quyền mới phải “chờ đăng” lâu. Các đại học cùng như các cơ sở khác cũng thường để cho phóng viên có đủ thời giờ tự làm quen, hoặc cho các chủ biên hiểu rõ về các tài liệu phức tạp, qua hình thức “bài chờ đăng”. Chẳng hạn có bản phúc trình liên quan tới quyền lợi của Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, Viện Carnegie Phụng Sự Hòa Bình Thế Giới đã đưa “bài chờ đăng” để các phóng viên có đủ thì giờ phỏng vấn các lãnh tụ của bản phúc trình ở Liên Hiệp Quốc, vụ “chờ đăng” nổi tiếng nhất là vụ kế hoạch Baruch về Kiểm Soát Nguyên Tử, các phóng viên có tới bốn ngày để tìm hiểu các nguyên tắc của kế hoạch.

“Embargo” có đi kèm kiện. Lối dùng “embargo” để tránh lộn xộn vì kỳ hạn không được thông báo ở các nhật báo và các đài quảng bá còn tệ hơn nữa, đã lan tràn ra khắp các ngành truyền thông. Tuy nhiên, các phóng viên, biên tập viên và xướng ngôn viên cũng chẳng “béo bỏ” gì. Báo chí cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu, thường thì như vậy, khi họ phải chịu những đi kèm kiện đặc biệt để có bài “embargo” nếu muốn có tin này tin nọ.

Thí dụ, sau những thất bại sơ khởi của chương trình hòa tiến Hoa Kỳ, Bộ Quốc Phòng đã đưa cho báo chí các bài viết trước nói về các cuộc phỏng

hỏa tiễn và vệ tinh, với điều kiện không được đăng cho tới khi thực sự khai hỏa. Mục đích là để giảm bớt sự xì xào trong dân chúng, nếu có thất bại thì cũng đỡ mất mặt trước những thành công của Nga Sô. Về sau, khi chương trình không gian của Mỹ phát triển và đạt được nhiều thành tích tốt, người ta cũng bớt sự dè dặt nêu trên. Và các cuộc phóng hỏa tiễn công khai vẫn được thực hiện ở các căn cứ Cape Kennedy và Vandenberg AFB, không cần thông báo trước cho báo chí.

Loại “bài chờ đăng có điều kiện” được dùng nhiều trong thời chiến tranh Việt Nam để phòng ngừa báo chí có thể vô ý tiết lộ cho địch quân biết một cuộc hành quân nào đó của ta. Báo chí được phép đăng những tin như thế khi nào không cần phải giữ bí mật quốc phòng nữa.

Có nhiều phóng viên vẫn vi phạm những điều kiện của loại bài “chờ đăng” này và thường bị “treo bút” một thời gian.

Khi “embargo” bị lộ. Điều lệ phổ quát đối với một tin chờ đăng bị lộ, vì cố ý hay vô ý cũng vậy, là: “Tin bị lộ là một tin bị lộ hết”. Những vụ cố ý vi phạm bài chờ đăng trong những biến cố lớn thường rất hiếm. Nếu có, vụ đó thành một vụ nổi danh ngay.

Chẳng hạn, khi cuốn phim màu đầu tiên về vụ nổ quả bom khinh khí đầu tiên sắp được Ủy Ban Nguyên Tử Năng Hoa Kỳ trình chiếu, Ủy Ban này quyết định cho báo chí xem trước để chuẩn bị cho các bài báo. Điều kiện là “chờ đăng” một tuần sau. Nhưng, ngay sau khi xem xong, một ký mục gia (columnist) đã đăng ngay một bài điểm phim. Hãng Columbia Broadcasting Company thấy thế bèn chiếu luôn cuốn phim, và các báo khai thác ào ào.

Ngoài ra, còn có những trường hợp các báo cố tình tiết lộ bài chờ đăng với lý lẽ mơ hồ là quần chúng đòi hỏi tin đó. Một trường hợp này liên quan đến bản phúc trình về bệnh ung thư trong số người hút nhiều thuốc lá. Lại có nhiều trường hợp khác nữa, nhưng hầu hết các “embargo” đều được tôn trọng.

Ở các cấp địa phương và tiểu bang, nguồn tin có uy quyền thường buộc được báo chí giữ đúng kỳ hạn chờ đăng, nhưng đối với đoàn báo chí độc lập ở thủ đô Washington thì việc này hơi khó. Tuy nhiên, cách có vẻ hợp tình hợp lý là thông báo cho nguồn tin biết rằng kỳ hạn “chờ đăng” đã bị vi phạm, các phóng viên khác đương nhiên khỏi bị ràng buộc. Như vậy, nguồn tin và phóng viên phải cộng tác mật thiết với nhau.

“Embargo” giả. Hệ thống “bài chờ đăng” có thể biến thành phức tạp đến nỗi trở nên một gánh nặng hơn là một tiện nghi cho báo chí. Khi ông Thomas A. Dewey làm Thống Đốc Tiểu Bang New York, ông ký nhiều dự luật do lập pháp thông qua và gửi sang, nhưng ông chỉ cho Tham Vụ Báo Chí của ông đưa tin cho các báo trên căn bản phân phối là bài này cho báo sáng, bài kia cho báo chiều, lai rai trong khoảng 30 ngày, cho đến khi khóa hợp lập pháp bế mạc. Các phóng viên bắt buộc phải phản đối lối đưa tin như thế, vì lối đó chỉ giúp cho ông Thống Đốc ngày nào cũng có tên trên báo. Các phóng viên đòi ông ta cho phổ biến toàn bộ các điếu luật sau khi ký, trong một khoảng thời gian vừa phải. Tuy Thống Đốc Dewey có thay đổi đôi chút nhưng thật ra ông vẫn tiếp tục dùng lối đó cho đến khi rời khỏi chức vụ.

Đối với loại “embargo” này, phóng viên có quyền chống đối, nhưng không được vi phạm. Vì vi phạm kỳ hạn chờ đăng chỉ gây thêm hỗn loạn. Phóng viên, một khi nhận được một tài liệu có ghi chữ “chờ đăng”, tuyệt đối không được tiết lộ tài liệu đó trước hạn kỳ. Chỉ có một trường hợp tiết lộ tài liệu đó trước hạn kỳ là khi nào, nhờ vận may hoặc nhờ khéo xoay sở, anh ta có nội dung tài liệu đó trước khi nhận được bản văn có ghi “embargo”.

THAY ĐỔI TRONG BÀI VIẾT TRƯỚC

Đôi khi, ngay như kỳ hạn “chờ đăng” được tôn trọng đúng mức, cũng có những cảnh ngộ vượt khỏi sự kiểm soát, gây nên những xáo trộn trong bản văn khiến cho phần mở được soạn trước trở nên vô nghĩa.

Đã có trường hợp diễn giả lăn đùng ra chết trong khoảng thời gian bài diễn văn đã được đưa cho báo chí nhưng chưa được đọc. Thế là báo chí đăng bài diễn văn của một người đã chết. Lại có trường hợp diễn giả thuộc loại hùng biện bỏ bài viết trước và ứng khẩu nói luôn.

Cũng lại có những trường hợp trong đó các nhân vật chính quyên đưa ra những điếu trong các bản văn làm sẵn khác hẳn với những điếu mà các vị đó thực sự nói ra. cả những vị tổng thống Hoa Kỳ cũng không tránh khỏi những lỗi lầm báo chí đó như lịch sử đã chứng minh. Có một lần, vì bị hụt giờ trong một chương trình truyền hình, Tổng Thống Eisenhower đã bỏ

mất đoạn chốt của bài nói chuyện của ông. Đoạn này chứa đựng “tin lớn” của bài được soạn trước của ông khiến ông phải cho phép các phóng viên khai thác dưới hình thức một cuộc phỏng vấn.

Việc soạn bài trước bị giảm giá [trị]. Sau hết, kỹ thuật đã làm cho việc soạn bài trước bị giảm giá [trị] một cách rõ rệt. Vì máy ghi âm cũng như những yêu cầu của truyền hình trực tiếp đã làm cho việc viết bài sẵn không còn quan trọng như trước kia nữa. Thật vậy, các phóng viên hiện nay đều nghi ngờ và có khi tỏ ra không ưa những bài được soạn trước vì nó có nhiều sự may rủi và thường không đúng với những điều được nói ra. Ở nơi nào bài soạn trước vẫn còn được một số người có trách nhiệm thuộc các cơ quan công quyền hoặc các hãng tư sử dụng, điều trước tiên mà phóng viên cần phải chú ý là phải phối kiểm bằng tất cả những phương tiện mình sẵn có. Và chắc chắn là phải soát lại khi nó được thực sự phổ biến.

Những sự dè phòng. Khi có những sự thay đổi quan trọng giữa bài soạn trước và lời tuyên bố trực tiếp hoặc bài diễn văn được đọc, phóng viên cần phải ghi chú những sự thay đổi đó trong bài viết của mình và cố gắng lấy cho được một điều giải thích của nguồn tin. Nếu điểm chính trong câu chuyện bị loại bỏ thì chắc chắn là phải chuyển ngay câu chuyện sang một khía cạnh khác nhưng bắt buộc phải tường thuật những điều không được tuyên bố và những lý do tại sao lại không tuyên bố. Thường thường, người ta cũng chấp nhận việc nguồn tin thay đổi nội dung một bài soạn sẵn trước giờ phổ biến, nếu có đủ lý do để làm như vậy. Nhưng những sự thay đổi này cũng phải được thuật lại.

“BÓ TAY” MỘT PHÓNG VIÊN

Sở trường của phóng viên là khả năng, tính ngay thẳng và tự do. Nếu một điểm bị tổn thương thì cả ba đều bị tổn thương. Khi một phóng viên chiếm được một địa vị cao trong làng báo, anh ta sẽ thấy rằng thiên hạ không ngừng cảm dỗ anh để lung lạc anh, đòi hướng anh theo phe này phe nọ, thuyết phục anh “bẻ cong ngòi bút” chút xíu. Nhưng rất ít phóng viên bị

ảnh hưởng vì những sự nịnh bợ. Những người bị ảnh hưởng như vậy thường không ở được lâu trong nghề.

Thỉnh thoảng, cũng có phóng viên bị buộc phải thiên bên này hoặc bên kia vì phải chiều theo chính sách của tổ chức làm tin của anh, lúc ấy anh thường thấy chính những người anh cùng đứng một phe với họ bắt đầu “rỉ tin” cho đối thủ của anh (tức tổ chức làm tin khác). Người phóng viên vô phúc này bị “bó tay” trong lúc đối thủ của anh hưởng lợi vì không bị ràng buộc gì vào nguồn tin. Đây là cái giá mà một tổ chức làm tin phải trả cho tinh thần bè phái bất cứ thuộc lãnh vực nào, và tổ chức này chắc chắn phải mất dần sự kính trọng của công chúng vì công chúng không tin nó có tinh thần vô tư trong tin tức.

Cho nên đi đầu tốt cho các phóng viên là nên đứng ngoài những hoàn cảnh trong đó họ có thể bị “bó tay”.

CHƯƠNG 19. CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ GIAO TẾ QUẦN CHÚNG

Guồng máy lớn mạnh của ngành giao tế quần chúng ngày nay đã lọc nhiều tin tức trước khi những tin tức này đến phóng viên. Thỉnh thoảng, những chuyên gia ngành này thúc đẩy việc cung cấp tin tức và tăng gia khối lượng tin tức. Tuy nhiên, khi những nhà tuyên truyền, những người làm việc tài tử và những người không thạo việc đi đầu khiến guồng máy giao tế quần chúng thì đó có thể là một trở ngại cho việc thu thập tin tức và một mối đe dọa cho chính thể dân chủ.

Những mâu thuẫn giữa lời tuyên bố và hành động của Chính Phủ Hoa Kỳ bành trướng hồi cuối thập niên 1960 là một trong những sản phẩm của giao tế quần chúng quá độ ở Tòa Bạch Ốc, Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc Phòng Mỹ. Tình trạng tể chế làm dân chúng mất tin tưởng vào vài mục tiêu đã được loan báo của chính phủ nhất là dưới chính quyền Johnson, cũng là do ở sự nghi ngờ mà các phương tiện truyền thông gây ra.

Vì sức mạnh của một chính thể dân chủ tùy thuộc phần lớn ở lòng tin cậy của dân chúng vào các đại diện mà họ bầu ra và ở nền báo chí tự do của họ, chắc chắn là sự sử dụng sai lầm các kỹ thuật giao tế quần chúng có thể trở thành một gánh nặng cho một xã hội cởi mở. Và điều này cũng đúng đối với nội bộ của một chính phủ lẫn khu vực tư nhân của quốc gia.

VẤN ĐỀ CỦA PHÓNG VIÊN

Mỗi lần một phóng viên giao thiệp với nhân viên giao tế quần chúng và đối với anh hầu như không thể tránh được những người này ngoại trừ ở các thành phố nhỏ và những tổ chức không quan trọng, vấn đề của phóng viên là phải phân định xem tin tức có bị tể chế tài chi phối không. Bất cứ ở đâu, mà anh thay có sự sai lạc, nửa thật hoặc không thật gì cả, công việc của anh là phải tìm cho đúng câu chuyện trước khi phò biến cho công chúng.

Đó là một trong những khía cạnh khó khăn nhất trong công việc của người phóng viên. Cách thức giao thiệp của anh, trong những giới hạn của luật

pháp và sự hành nghề đứng đắn, là tìm kiếm lối vào tự do để đi đến các nguồn tin — người, chỗ, hồ sơ — bất cứ nơi nào có thể đến được.

Thật ra, lối đi như vậy là một sự bảo đảm hỗ tương về lòng tin cậy giữa những phương tiện truyền thông và tổ chức hoặc người được “quảng bá”. Một thí dụ đáng chú ý về sự hợp tác như vậy trong quyền lợi của dân chúng là cuộc họp báo của Tổng Thống Hoa Kỳ. Những hoạt động của vài cơ quan chính phủ có thói quen đi đầu khiến tất cả những công việc sau cửa kín là loại giao tế quần chúng “bết” nhất.

Những chuyên viên quảng bá. Đa số những công việc giao tế quần chúng thành công ở Hoa Kỳ đều do các cựu kỹ giả đi đầu khiến. Họ hoạt động vừa như là công chức, vừa như là cá nhân, vừa như là nhân viên cộng tác hoặc người làm công.

Những trường hợp của chuyên viên giao tế quần chúng “cây nhà lá vườn” hiện nay rất hiếm, Vài người từ các ngành quảng cáo hoặc truyền thanh truyền hình sang. Một số khác đạt được vài thành tích trong ngành nhưng không được huấn luyện trước chút nào. Nhưng đó là việc hời như không thể làm được ngày nay mặc dầu người ta đã làm như vậy cách đây nửa thế kỷ. Trong khi những nhà xã hội học (sociologists) được sử dụng trong ngành giao tế quần chúng, rất ít những nhà khoa học xã hội (social scientists) chịu rời bỏ lãnh vực của họ để đến làm việc tại chỗ huyền ảo của tin tức, của những cái gọi là nửa tin tức hoặc tin tức giả tạo. Biến cố giả tạo hời như hoàn toàn là sản phẩm của giao tế quần chúng.

Đôi khi, vì được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, một biến cố giả tạo trở thành tin tức, như trường hợp một luật sư biện hộ cho một tổ chức tranh đấu mệnh danh là Hắc Báo (Black Panthers) đã cãi đi cãi lại rằng 28 người trong tổ chức này bị cảnh binh giết chết ở nhiều nơi khác nhau. Vụ này đã làm cho Edward Epstein, một nhà khoa học chính trị trẻ tuổi ở Đại Học Harvard viết cho tạp chí *The New Yorker*, mỗi xẻ từng vụ một, và cho thấy không có một vụ âm mưu nào cả. Cho đến lúc đó, cả tờ báo lớn nhất ở Hoa Kỳ cũng coi lời tuyên bố của vị luật sư kể trên là thật.

Giao tế quần chúng tổng quát. Giao tế quần chúng hoạt động dưới nhiều danh hiệu và nhiều hình thức khác nhau. Đó là vì sự thực hành của nó, mặc dầu rất ích lợi, bị thiếu uy tín trừ trong những khu vực có tổ chức. Nói chung, sự quảng cáo cho chính nó không được tốt lắm. Trên thực tế, ở vài

cấp độ, có một loại vết xấu dính liền với công việc, nhất là khi những liên lạc viên báo chí (press agents) chiếm những cột báo dành cho tin tức để đăng những tấm hình hấp dẫn của các nữ tài tử.

Những liên lạc viên báo chí hiện nay vẫn có mặt, dù được công nhận hay không. Trong số những nhân viên hữu ích nhất, có một nhóm nhỏ chuyên viên phụ trách việc quảng cáo cho những màn trình diễn lớn ở Broadway. Công việc của những người này là lấy tên của những màn trình diễn và những vai chính để loan báo cho công chúng biết. Họ làm công việc này vì giao ước và thường vì thông tin.

Giới kinh doanh và kỹ nghệ, các tổ chức và các viện đại học cũng như các nhóm từ thiện, thích được những nhân viên giao tế qu ân chúng có tiếng đại diện ở một số cấp độ.

Lại có loại có vấn về đường lối, không có nổi một máy in ronéo [tại] trụ sở mà chỉ đưa ra những lời khuyên nhủ khôn ngoan về thái độ của qu ân chúng. Sau đó, có những công ty, hoặc là những hãng giao tế qu ân chúng riêng biệt, hoặc là những bộ phận của các quảng cáo cuộc, để giao thiệp với tổ chức, cần được quảng bá. Về số nhân viên hoạt động của tổ chức, khi đã đủ, thường có một nhóm quảng bá viên. Họ không phải chỉ phục vụ những phương tiện truyền thông bên ngoài mà còn phụng sự cho cả những cơ quan nội bộ (đôi khi được gọi là nội san) dành cho các nhân viên. Những công ty như General Motors, General Electric, Oil of New Jersey, North American Rockwell và nhiều công ty nổi tiếng khác đều cố gắng tổ chức ngành giao tế qu ân chúng ở cấp độ chuyên nghiệp.

Tin tức chính phủ. Nhóm quan trọng nhất trong tất cả những nhóm giao tế qu ân chúng là ở trong chính phủ và thuộc mọi cấp độ: liên bang tiểu bang và địa phương. Ở đây, người ta thận trọng trong việc dùng danh từ giao tế qu ân chúng. Người tư vấn đường lối là một khuôn mặt rất hiếm thay trong chính phủ và ít khi được trao phó công tác trong đó lời khuyên nhủ của họ là giảm bớt thuế hoặc tăng thêm hiệu năng. Sự phân biệt giữa nhân viên ưu tú giao tế qu ân chúng trong lãnh vực kỹ nghệ và nhân viên hoạt động trong ngành quảng bá không thấy có trong chính phủ.

Ở đây quảng bá được gọi với một danh từ khác và được hoạt động theo một đường lối khác khi có những nhân viên chính thức đảm nhiệm. Trong chính phủ, những nỗ lực này đều được gọi là công tác thông tin (information work). Người đảm nhiệm công việc này thường được gọi là

nhân viên thông tin công quyền (Public Information Officer) hoặc nhân viên phụ trách báo chí (Press Officer) vì họ chỉ làm công việc thông tin chứ không làm quảng bá cho các cơ quan của họ. Mong sao đó là sự thật!

Trong chính phủ, việc đặt danh hiệu cho các cơ quan này trở thành một vấn đề rắc rối. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ không những có nhân viên phụ trách thông tin mà còn có các viên chức phụ trách các dân sự vụ (Public Affairs Officers). Quân lực Hoa Kỳ cũng có những giám đốc thông tin (Directors of Information) hoặc những sở thông tin (Information Services), và những sĩ quan lược thuyết (Briefing Officers) cũng như những sĩ quan thông tin (Information Officers). Nhiều bộ khác trong chính phủ liên bang cũng có những cơ quan và những nhân viên như vậy. Thêm vào đó, ở cấp độ chỉ đạo đường lối mỗi nhân vật quan trọng đều có tham vụ báo chí (Press Secretary) đôi khi được mang danh hiệu là Phụ Tá Đặc Biệt (Special Assistant) thí dụ như vị Phụ Tá Ngoại Trưởng phụ trách dân sự vụ (Assistant Secretary of State for Public Affairs).

Người ta cũng thấy những viên chức như vậy ở cấp độ tiểu bang và địa phương và ở bất cứ nơi nào có áp lực đòi hỏi tin tức của các phương tiện truyền thông và có đủ tiền để chi phí cho công việc đó.

Hai tiêu chuẩn cho nhân viên giao tế quần chúng. Một trong những hiện tượng của thời đại chúng ta là báo chí vừa được sử dụng hệ thống giao tế quần chúng lại vừa được đưa ra những lời phê bình nghiêm khắc nhất. Không có một chủ biên nào trong tòa báo có thể nói được rằng một người có thể thâm nhập tin tức ở Bộ Quốc Phòng hoặc Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trong những ngày gần đây mà không có sự giúp đỡ nào. Dẫu sao, khi Tổng Thống Eisenhower lên tiếng trước Hội Chủ Bút Hoa Kỳ (American Society of Newspaper Editors) rằng ông muốn bỏ cơ quan thông tin quân sự để tránh sự cạnh tranh của các cơ quan, ông đã được vỗ tay tán thưởng rất lâu. Các nhóm thông tin của chính phủ được củng cố hoặc bị hủy đó hoàn toàn, không bị báo chí phản đối. Ngay cả những Giám Đốc Thông Tin thành công nhất trong chính phủ Hoa Kỳ cũng không tránh khỏi được những lời chỉ trích chua chát nhất của báo chí. James C. Hagerty, Tham Vụ Báo Chí của Tổng Thống Eisenhower, đã bị tố cáo là luôn luôn “thao túng tin tức” (managing the news) cũng như những người kế tiếp ông là Pierre Salinger trong chính phủ Kennedy và Bill D. Moyers trong chính phủ Johnson. Có một sự trùng hợp hiếm có là không một người nào trong ba vị kể trên ở lâu

trong chính phủ và cả ba đã rời khỏi chính quyền khi hết nhiệm vụ ở Tòa Bạch Ốc.

Trái lại, vai trò của nhân viên giao tế quàn chúng trong địa hạt kinh doanh và kỹ nghệ tương đối ổn định hươu. Những giao dịch của nhân viên này với báo chí thường do chính nhân viên này tạo ra và các ngân khoản được sử dụng có thể dẫ dào hơn ở trong chính phủ. Trong lãnh vực giao tế quàn chúng, những sự đầ bù hầ như tương xứng với trách nhiệm cá nhân. Những rủi ro cũng to lớn hơn như đã được chứng minh qua những cuộc đi ầu tra của Công Ty Quốc Tế Điện Thoại và Điện Tín (ITT) và các phương pháp của ngành giao tế quàn chúng mạnh mẽ mà Công Ty sử dụng đã bảo vệ đắ lực Công Ty trong các vụ kiện.

Tuy nhiên, dầ chuyên viên giao tế quàn chúng làm việc trong chính phủ hoặc trong các giới công thương, giá trị chính yếu của anh thường được đo lường bằng hai tiêu chuẩn: thứ nhất là xem anh có thể gặp cấp trên của anh bất cứ lúc nào và có thể ảnh hưởng đến những quyết định liên quan đến tin tức; thứ hai là xem anh có thể có được lòng tin cậy và sự mền chuộng của các phóng viên giao thiệp với anh không. Chuyên viên giao tế quàn chúng cần phải có cả hai đi ầu kiện đó nếu không thì không thể nào hoạt động hữu hiệu được.

Một ý nghĩ sai lầm. Có vài người trong ngành giao tế quàn chúng có chủ ý tốt khi tự nghĩ rằng họ là một phần tử của những phương tiện truy ền thông mà họ muốn gây ảnh hưởng. Họ nghĩ quá trớn như vậy cho nên họ vướg phải một lỗi lầm là cho rằng phóng viên thường lười biếng muốn có những tin tức làm sẵn. Vì tin vào sự cần thiết đó một cách nghiêm chỉnh nên họ bắt đầ nên lí lẽ rằng các phương tiện truy ền thông không thể hoạt động được nếu không có nhân viên giao tế quàn chúng.

Dĩ nhiên, tất cả những đi ầu đó đầ phi lý. Mục đích của một nhân viên giao tế quàn chúng thông thường là đại diện cho khách hàng hoặc cấp trên của anh trước công chúng cách nào có thể được coi là tốt đẹp nhất. Bất cứ dịch vụ nào anh cung cấp cho các phương tiện truy ền thông để thi hành nhiệm vụ quan trọng của anh đầ chỉ là ngẫu nhiên. Cũng như quảng cáo viên trình bày quảng cáo, anh không phải là một phần tử của tòa báo. Có một sự thật đáng tiếc là một thiểu số phóng viên không được huấn luyện kỹ càng thường chấp nhận hầ hết những gì người ta trao cho.

Vì báo chí lệ thuộc vào giao tế qu ân chúng đến nỗi không thể xuất bản được nếu không có những tài liệu của giao tế qu ân chúng, nên sự thật là loại sản phẩm này có thể có lợi khi bớt in những diễn văn và những lời tuyên bố chính thức đi và khuyến khích việc tranh đua thâu thập tin tức hơn nữa.

Điề u này cũng đúng với truy ền hình, truy ền thanh và các tạp chí thời sự. Trong khi những phương tiện này không là một mục tiêu hấp dẫn đối với những nhân viên liên lạc báo chí như những nhật báo trên căn bản hàng ngày, một hành động của giao tế qu ân chúng trên một phương tiện truy ền thông có phạm vi hoạt động trên toàn quốc được hưởng những lợi lớn. Vì vậy, kết quả là các phương tiện truy ền thông điện tử và các tạp chí luôn luôn bị những người “đi thuyết phục” làm áp lực hoặc bí mật hoặc công khai. Vài nhân viên giao tế qu ân chúng lấy làm hài lòng là họ phục vụ qu ân chúng bằng cách thông tin trên một phạm vi quốc gia hơn là phạm vi địa phương.

Người trung gian ngay thẳng. Người chuyên nghiệp thực tiễn từ lãnh vực báo chí bước vào ngành giao tế qu ân chúng không có những ý nghĩ như vậy. Họ tự coi họ như là một loại người trung gian, chân thành, cố gắng làm một công việc đứng đắn là đại diện khách hàng hoặc cơ quan họ và thông báo tin tức cho qu ân chúng biết. Anh bị khinh khi như bất cứ nhân viên tuyên truy ền nào nếu ngụy tạo tin tức; anh từ chối việc phân phối hàng hóa xấu vì nó làm lung lay địa vị của anh đối với báo chí. Anh phải chịu khó thuyết phục cấp trên của anh để đưa ra những tin tức chính xác càng nhanh càng hay. Nếu là tin tốt, anh sẽ được hưởng tất cả những gì liên hệ đến anh; nếu là tin xấu, tốt hơn hết là nên nói nhanh, nói thẳng và thành thật.

Chuyên viên tế tế qu ân chúng xuất sắc nhất hành động trên căn bản theo đó cung cấp tin tức chính xác là chính sách vững vàng nhất. Anh không nên phàn nàn với các chủ biên về việc các phóng viên làm đi ều gì méch lòng cấp trên của anh. Anh cũng không nên tìm cách phỉnh gạt hoặc “hướng dẫn” phóng viên một cách không hợp lý và phải hiểu rằng những sự phỉnh gạt đó bao giờ cũng đưa đến thất bại. Anh phải biết những phóng viên muốn gì và cố gắng giúp đỡ họ khi nào anh có thể làm được. Nếu việc gì anh không làm được, anh nên nói ngay rằng anh không làm được và

không nên nhúng tay vào. Điều cần thiết nhất là anh không làm công việc thay người phóng viên và cũng không bao giờ tìm cách làm như vậy.

Đó là loại nhân viên giao tế quàn chúng, chuyên viên thông tin hoặc nhân viên phụ trách báo chí muốn tạo dựng một nỗ lực hợp tác có giá trị giữa ngành giao tế quàn chúng và báo chí. Nếu anh chú ý cung cấp những tin tức quan trọng cho quàn chúng, anh phải chịu sự rủi ro hầu như hàng ngày là làm méch lòng hoặc cấp trên trong cơ quan của anh, hoặc những phóng viên giao dịch với anh. Qua những nỗ lực của anh, cũng như đôi khi qua những nỗ lực của phóng viên, quàn chúng được thông tin đầy đủ và đứng đắn. Ở nơi nào mà phóng viên có thể thâm đạt được những lời khen và những phần thưởng thì ở nơi đó không có vinh quang cho nhân viên giao tế quàn chúng cương trực cố gắng làm một công việc ngay thẳng.

Phóng viên muốn gì? Một phóng viên có kinh nghiệm giao thiệp với một hãng giao tế quàn chúng không chờ đợi và không đòi hỏi những ân huệ. Nếu anh được tòa soạn phái đi công tác, anh mong chờ được biết câu chuyện xảy ra như thế nào và vào lúc nào. Anh phải đi hàng mấy dặm đường để lấy cho tòa báo một cái tin làm sẵn mà đáng lẽ có thể được gửi đến tòa báo một cách dễ dàng. Nếu có một người là nhân vật chính trong câu chuyện, phóng viên hy vọng có một dịp may để phỏng vấn và lấy tin trực tiếp. Nếu có những sự khiếu nại, phóng viên có thể được thấy bằng chứng cụ thể đưa ra. Nếu có những giấy tờ hoặc những tài liệu liên hệ với câu chuyện, dĩ nhiên phóng viên có thể yêu cầu được tham khảo.

Không có một hãng hoặc một nhân viên giao tế quàn chúng nào lại nghĩ đến việc đùa giỡn với báo chí hoặc làm lãng phí thời giờ của phóng viên và tránh né phóng viên. Trong nhiều năm kinh nghiệm, phóng viên nhận thấy rằng nhân viên giao tế quàn chúng chuyên nghiệp có thể giúp ích họ rất nhiều để đến tận nguồn tin, để có được những tài liệu căn bản, những tin riêng và những hình ảnh. Từ khi các phóng viên nhận thấy rằng những nhân viên giao tế quàn chúng xuất sắc biết những tiêu chuẩn làm tin cao nhất, họ đặt tin tưởng vào nguồn tin giao tế quàn chúng.

Đó có thể là một sự khác biệt đối với những chủ biên thuở xưa nhưng những phương tiện truyền thông mới không do dự trong việc cộng tác với các cơ quan giao tế quàn chúng trong và ngoài chính phủ nếu sản phẩm hứa hẹn là sẽ hấp dẫn và xứng đáng. Điều này đặc biệt đúng với truyền hình là phương tiện truyền thông lúc nào cũng tìm kiếm chuyện phim thời

sự. Thế nhưng các tạp chí hình ảnh thường đi ra ngoài thông lệ bằng cách đăng hình một nữ tài tử quyền rũ hoặc người mẫu ở trang bìa cốt để lôi cuốn độc giả quen thuộc. Đó có thể không phải là nền báo chí tốt nhưng nó rất thực tiễn.

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP

Một phóng viên làm việc với một hãng hoặc nhân viên giao tế qu ân chúng có trách nhiệm và có kinh nghiệm thường tuân theo một số tiêu chuẩn, nguyên tắc và phương pháp thường được chấp nhận và được phổ biến trong nhiều năm nay. Bộ quy chuẩn không chính thức này không được ghi lại và chỉ tồn tại bởi vì nó rất có ích cho những người sử dụng nó và thỉnh thoảng nó được thay đổi. Do đó, bao giờ cũng nên kiểm soát lại những nguyên tắc căn bản với nhân viên giao tế qu ân chúng là những người trực tiếp liên hệ trước khi lên đường thi hành bất cứ công tác quan trọng nào.

Đối xử đồng đều. Phóng viên giao dịch với các nguồn tin giao tế qu ân chúng phải ý thức rằng tất cả các đại diện các phương tiện truyền thông đều được đối xử như nhau. Chắc chắn là anh có quyền mong đợi rằng không có người nào sẽ được ưu đãi. Tuy nhiên, sự đảm bảo việc đối xử đồng đều này ngụ ý rằng phóng viên phải đang hành nghề và sẵn sàng tiếp nhận khi nhân viên giao tế qu ân chúng có một tin nào đó để cung cấp. Nếu phóng viên bỏ qua, anh hoàn toàn chịu lấy trách nhiệm. Nếu anh phải trở về tòa soạn của anh mà không có sự dàn xếp trước, anh không được hưởng một cuộc tiếp xúc đặc biệt nào của nhân viên giao tế qu ân chúng

Hãng hoặc nhân viên giao tế qu ân chúng cũng đảm nhiệm công việc giao dịch với những nhóm phóng viên được trao phó công tác liên tục như lấy tin ở Tòa Thị Chính, tin quân sự, kỹ nghệ hoặc khoa học. Nếu một tin riêng mà anh cần phải tiết lộ một phần cho nhân viên giao tế qu ân chúng biết để phối kiểm một góc cạnh nào đó thì nhân viên được tiếp xúc này phải giữ điếu bí mật đó. Nếu đem tiết lộ câu chuyện cho các phóng viên cạnh tranh hoặc lại đem cung cấp chung cho các phương tiện truyền thông thì nhân viên giao tế qu ân chúng không được hưởng sự khoan hồng của làng báo. Khi sự vi phạm đối với điếu phải giữ kín bị khám phá, nhân viên này bị mất lòng tin nhiệm của phóng viên giao dịch với anh. Lời hứa giữ kín câu

chuyện trời buộc nhân viên giao tế qu'ân chúng không khác gì lời hứa trời buộc phóng viên đã chấp nhận một tin không được đăng.

Phóng viên phải thấy khó chịu trước sự toan tính của một nhân viên giao tế qu'ân chúng đưa ra một tin tức để làm quả bóng thăm dò. Nếu đó không phải là tin tức, phóng viên bao giờ cũng phải đề cao cảnh giác và đứng ngoài trừ phi tòa soạn chỉ thị cho anh phải tiếp tục theo dõi. Anh được huấn luyện không phải để nhận lời khen vì một hãng, một người hoặc một vật gì mà cốt để cho các sự kiện tự nó nói lên. Vì lý do đó, anh nghi ngờ tất cả những lời biện hộ mà anh có khuynh hướng coi như là tuyên truyền. Và anh phải đề phòng nhân viên giao tế qu'ân chúng ham làm như vậy và thờ ơ với những sự kiện có thật trong tin tức.

Lấy tin bằng điện thoại. Một khi phóng viên trở thành quen thuộc với nhân viên giao tế qu'ân chúng nhất là trong chính phủ, hầu như anh chỉ dùng điện thoại để hỏi dò tin tức. Phương pháp thường dùng điện thoại của các phương tiện truyền thông chiếm nhiều thì giờ làm việc của bất cứ nhân viên phụ trách báo chí nào hoặc của các chuyên viên giao tế qu'ân chúng và có khi còn làm phiền những nhân viên này cả ở nhà riêng không kể giờ giấc. Do đó, phóng viên có thể nhận thấy rằng không phải lúc nào anh cũng có thể tiếp xúc ngay được với người ở một cơ sở giao tế qu'ân chúng mà anh muốn. Trong trường hợp chưa tiếp xúc được, anh cho số điện thoại của anh và yêu cầu gọi lại việc này hầu như bao giờ cũng có thể được thực hiện trong một thời gian phải chăng.

Vài phóng viên sử dụng điện thoại lành nghề. Họ đưa ra một lời yêu cầu đặc biệt và chờ một câu trả lời đích đáng. Nếu có câu trả lời, họ ghi chép rất cẩn thận các chi tiết và hỏi rằng họ có thể được phép đăng như thế nào. Nếu họ không được trả lời, họ cũng vẫn vui lòng tiếp tục công việc và tiếp xúc với các nguồn tin khác. Trái lại, có một số phóng viên lãng phí thời giờ để lôi cuốn một nhân viên giao tế qu'ân chúng bận rộn và có lẽ không thạo tin lắm vào một cuộc thảo luận dài và có tính cách lý thuyết về một vấn đề thời sự chưa được giải quyết. Bởi vì với địa vị của họ, nhân viên giao tế qu'ân chúng không thể nào không chấp nhận thảo luận mặc dầu họ có lý do để làm như vậy. Khi có tin để cung cấp, phóng viên lãng phí thời giờ đó sẽ ở trong số những người được gọi trước nhất để cho tin.

Thỉnh thoảng phóng viên gặp phải những nhân viên giao tế qu ân chúng mới vào nghe, nhút nhát và có khi lại đ ần độn nữa. Những nhân viên này không biết thảo luận bằng điện thoại nên thường mỗi phóng viên thử phỏng đoán những tin tức mà họ có thể cho đ ược r ồi đặt ra những câu hỏi. Những sự phỏng đoán tin tức này căn cứ vào sự đi ều hành thường là ở trong các tổ chức quân sự hoặc dân sự c ần có sự bảo đảm an ninh. Dĩ nhiên, nhân viên giao tế qu ân chúng lão luyện có thể cho phóng viên đ ầy đủ tin tức khi họ hỏi đ ến.

Tin tức làm sẵn. “Tin tức làm sẵn” (handout) là cái tên mà đã từ lâu giới làm báo tặng một cách khinh miệt cho bản tin đ ể phổ biến của ngành giao tế qu ân chúng. Các nhân viên giao tế qu ân chúng ngày nay cũng dùng danh từ đó không bao giờ nghĩ đ ến ý nghĩa nguyên thủy của nó. Tin tức làm sẵn thường đ ược dùng đ ể quảng cáo cho các cơ quan nên ít khi đ ược các phóng viên chú ý, mặc d ầu những tin này đôi khi khá hữu ích cho trang phụ nữ hoặc vài lãnh vực khác khi đ ược viết g ắn lại.

Tuy nhiên, trong tay một chuyên viên giao tế qu ân chúng có huấn luyện, bản tin làm sẵn có thể rất ích lợi cho phóng viên. Thí dụ, bản văn của một bài diễn văn quan trọng: một bản tóm tắt của bài diễn văn này do một biên tập viên thành thạo soạn thảo có thể rất có ích cho một ký giả trong lúc vội vàng.

Một loại bản tin làm sẵn nữa thường đ ược các phóng viên tìm kiếm là bản tóm lược các sự kiện trong đó ghi những sự kiện chính yếu về một vấn đề thời sự nào đó. Những bản tóm lược sự kiện này đặc biệt có ích cho việc viết những bài về những cuộc đi hoặc đ ến, những vụ xây cất mới hoặc những vấn đề không thông thường như chế tạo phi cơ siêu thanh, hỏa tiễn, t iền thủy đ ỉnh nguyên tử. Những bản niên đại ký (chronologies), tiểu sử (biographies) và những bản tóm tắt những biến cố quan trọng thường là những bản văn làm sẵn rất đ ược hoan nghênh.

Không có phóng viên nào lại có ý nghĩ cho rằng bản tin làm sẵn là một sự lăng nhục (insult) trí thông minh của anh. Nếu cho rằng làm mất thì giờ của một nhân viên giao tế qu ân chúng là c ần thiết thì ít nhất phóng viên cũng nên mất thì giờ đ ể đọc bản tin làm sẵn trước khi v ứt nó đi.

NHỮNG YẾN TIỆC, QUÀ BIỂU VÀ TIẾP TÂN

Đối với phóng viên trẻ tuổi và chưa có kinh nghiệm thì có thể là không cần thiết nhưng đối với những ký giả đứng đắn, yên tiệc và tiếp tân có vài sự hấp dẫn. Những cuộc vui này thường là một phần công việc của các thông tin viên chính trị và ngoại giao; họ cần phải kiên nhẫn chịu đựng những món thịt gà dai như cao su và món đậu cứng như đá trong bữa tiệc.

Lừa phỉnh hoặc ưu đãi? Tin tức thường hiếm có trong cuộc tiếp tân thương mại và cuộc tiếp xúc thường không có gì đặc sắc. Còn trong các bữa tiệc, thức ăn thường nguội lạnh, đồ uống nhạt nhẽo và các bài diễn văn có vẻ như vô tận. Sau ít năm giao dịch như vậy với ngành giao tế qu ân chúng, người ký giả trung bình sẽ cảm thấy sung sướng nếu được ở nhà một buổi tối xum họp với gia đình.

Nhiều quà biếu cũng không phải là một vấn đề đối với ký giả có kinh nghiệm và thường phụ trách những tin tức quan trọng trong ngày. Đối với ký giả cũng như đối với chủ biên, thật hiển nhiên là một món quà cụ thể của bất cứ ngu ần tin nào đều có thể có hại cho công việc làm tin. Vài ký giả đã cần thận gửi trả lại những hộp “xì gà” hoặc những chai rượu ngọt mà người ta biếu họ trong dịp lễ Giáng Sinh. Quà biếu bất cứ thuộc loại nào từ các ngu ần tin giao tế qu ân chúng đều phải được coi là đáng nghi ngờ cả. L ề lối tốt nhất và cũng là l ề lối mà các phương tiện truy ền thông có trách nhiệm khuyến cáo nên theo là không cho phép các nhân viên tòa soạn nhận bất cứ một món quà biếu nào và trả tất cả những phí khoản trong khi thi hành nhiệm vụ kể cả tiền di chuyển, tiền khách sạn và những vé đi xem các màn trình diễn cần thiết cho công việc. Ở cấp bậc nhà báo đang hành nghề (working press), thật hiếm có cơ hội cho một phóng viên có được hai tuần lễ để hưởng một cuộc đi chơi được trả tiền máy bay hoặc một cái gì cũng quyến rũ như vậy. Anh ta quá bận rộn với công việc hàng ngày nhưng trong bộ phận của tòa báo phụ trách các vấn đề giải trí, phụ nữ và ảnh hoạt xã hội, những cơ hội và những sự khước từ tham dự các cuộc vui và tiếp tân quá nhiều thành thử rất khổ mà nói được rằng những ký giả chuyên môn của những ngành này đang làm hoặc đang chơi.

Các kỹ nghệ xe hơi, phi cơ và điện ảnh — chỉ cần nêu ra một số ít lãnh vực quan trọng này — thường thích pha lẫn những vụ loan báo tin tức chính đáng với các cuộc giải trí thân hữu. Điều này cũng lại đúng với ngành truy ền hình thương mại. Thế nhưng, như đã đôi khi xảy ra, những người đi

thuyết phục có thể có khách đầy nhà và sau đó lại thấy rằng họ thâm nhập được nhiều lời chỉ trích hơn là ca tụng. Đó là một công việc tế nhị cả cho nhà báo lẫn người muốn có được tiếng tốt. Điều chắc chắn là về phía nhà báo hiện nay có một sự giám sát nghiêm ngặt hơn trước về những hoàn cảnh của việc cung cấp tin tức trùng hợp với những yến tiệc, những vụ tặng quà và những cuộc tiếp tân

TIN TỨC TỪ CÁC NGUỒN TIN GIAO TẾ QUẦN CHÚNG

Những tin tức xuất phát từ các nguồn tin giao tế quần chúng thường được chuẩn bị phù hợp với lề lối làm việc của báo chí. Các nhân viên chấp hành hoặc hoạt động có kinh nghiệm của ngành giao tế quần chúng đều biết điều đó. Chỉ có những nhân viên giao tế quần chúng khù khờ mới thật sự nghĩ rằng tài liệu được đưa ra dưới danh nghĩa của họ sẽ được các phương tiện truyền thông sử dụng đúng như hình thức mong muốn.

Phối kiểm các sự kiện. Phóng viên trước hết phải phối kiểm các sự kiện của một nguồn tin giao tế quần chúng. Thí dụ cần phải gọi điện thoại để hỏi giờ được phép đăng một bản tin làm sẵn và để chắc chắn là tin tức đó đích thực do nguồn tin loan báo. Cái ngày gạt gẫm báo chí vẫn chưa qua. Cho nên mỗi đi đầu loan báo cần phải được trắc nghiệm để biết đích thực tin tức không được loan như thế nào cũng như nó được cung cấp như thế nào. Không có phóng viên nào lại tự mãn với bản tin làm sẵn nếu anh ta còn có thì giờ để làm cho công việc được tốt đẹp hơn.

Viết tin từ những nguồn tin giao tế quần chúng. Một đi đầu loan báo của một hãng giao tế quần chúng thường phục vụ những quyền lợi của hãng tung tin ra. Không có đi đầu gì sai lầm trong việc một phóng viên hiểu rõ rằng quyền lợi của tòa báo anh và quyền lợi của hãng giao tế quần chúng không nhất thiết phải trùng hợp. Một lề lối lối hủ là trích dẫn một bản văn có tính cách tuyên truyền đem gán cho một nhân vật danh tiếng để làm một bản tin phổ biến cho báo chí. Vài nhân viên quảng cáo thiếu sáng kiến vẫn cứ duy trì lề lối không cần thiết gán đi đầu loan báo cho hai hoặc ba người hoặc cơ quan mà họ muốn quảng cáo.

Do đó, người phóng viên khi sử dụng những dữ kiện của các nguồn tin giao tế qu ân chúng để viết bài nên tự hỏi bằng câu giản dị nhất của các câu hỏi: “Cái gì đã xảy ra?”. Sau đó, phần mở đầu và những tài liệu có thể không giống những bản văn được ph ờ biến cho báo chí đã được đưa lên báo. Kết quả có thể không làm hài lòng cơ quan tung tin ra nhưng đi ều đó không quan trọng. Nhiệm vụ trước tiên của phóng viên là phục vụ qu ân chúng. Thế nhưng không phải bao giờ cũng phải giảm giá [trị] những đi ều loan báo của hãng giao tế qu ân chúng mà hoàn toàn trái lại, nếu đi ều loan báo do ở một nguồn tin có trách nhiệm và chứa đựng những tin tức quan trọng thực sự đối với cộng đ ồng.

Dưới đây là vài thí dụ cho thấy hãng giao tế qu ân chúng và báo chí đã cùng sử dụng một số dữ kiện và khai thác những dữ kiện đó khác nhau như thế nào:

Thí dụ 1:

MỘT SỰ THAY ĐỔI NHÂN VIÊN CHỈ HUY (của giao tế qu ân chúng)

Ông J. Cadwalader Winnefall, Chủ Tịch Công Ty Kỹ Nghệ J.C. Winnefam hôm nay loan báo rằng ông Evans B. Arctander, Tổng Quản Trị Viên của Công Ty, đã được chỉ định giữ chức vụ đi ều khiển chi nhánh của Công Ty ở London.

Ông Winnefall nói: “Chúng tôi rất lấy làm hãnh diện về thành tích của ông Arctander trong Công Ty của chúng tôi. Ông đã phục vụ rất xuất sắc trong hơn 20 năm nay. Nhưng đôi khi ông đã ngỏ ý muốn được trút bớt một số trách nhiệm nặng nề và được giao phó những công việc trong đó năng khiếu sáng tạo và xây dựng của một nhà doanh nghiệp như ông được sử dụng. Tôi biết không ai có thể hơn ông trong việc đi ều khiển chi nhánh quan trọng của chúng tôi ở London”.

Khi nhận giữ chức vụ mới này, ông Arctander đã viết trong một bức thư gửi ông Winnefall như sau:

“Tôi rất cảm ơn ông và toàn thể ban chấp hành của Công Ty chúng ta đã dành cho tôi một chức vụ quan trọng là đi ều khiển chi nhánh ở London và tôi có thể cam đoan với ông sẽ làm hết mình để phục vụ Công Ty ở đó cũng như ở trung ương”.

Vị tân quản trị viên sẽ là ông J. Cadwalader Winnefall Jr., ông này trước đây đã giữ chức Phụ Tá Tổng Quản Trị Viên. Ông tốt nghiệp

Trường Đại Học Princeton cách đây bốn năm...

(của báo chí)

Ban Chấp Hành Công Ty J.C. Winnefall hôm nay đã cử ông J. Cadwalader Winnefall Jr. làm tân quản trị viên. Ông Winnefall thay thế ông Evans B. Arctander mới được giao phó trách nhiệm điều khiển chi nhánh của Công Ty ở London.

*

Thí dụ 2:

MỘT PHÚC TRÌNH VỀ VIỆC TẶNG NGÂN KHOẢN

(của giao tế quần chúng)

Ông Follett Hargreaves, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Trường Đại Học Graditton, hôm nay kêu gọi 30.000 sinh viên của Trường ủng hộ quỹ 3.000.000 Mỹ Kim để thiết lập một cơ sở thể thao mới.

Lên tiếng trong một bữa tiệc tại Câu Lạc Bộ Trường Đại Học Graditton với sự tham dự của chủ tịch đoàn sinh viên trường này, ông Hargreaves nói:

“Trường Graditton đáng được các bạn ủng hộ. Tôi dám chắc rằng tất cả các bạn sinh viên ở đây đều ưa thích truyền thống của Graditton và muốn phát huy nó. Nhằm mục đích đó, thao đường mới là một cơ sở phụ thêm rất cần thiết cho trường của chúng ta .

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Trường Graditton phúc trình rằng khoản tiền nhận được trong tháng này là 62.000 Mỹ Kim tức là hơn tháng trước 24.000 Mỹ Kim, đưa tổng số những khoản tiền góp cho căn nhà sắp được xây cất lên 184.456 Mỹ Kim. Những ngân phiếu nên để trả cho quỹ thiết lập thao đường mới. Tất cả những sự đóng góp cho quỹ này đều được miễn các sắc thuế.

(của báo chí)

Trường Đại học Graditton hôm nay loan báo rằng trong tháng này trường đã thu được 62.000 Mỹ Kim góp cho quỹ thiết lập một thao trường mới, đưa tổng số tiền đã nhận được lên đến 184.456 Mỹ Kim.

Ngân khoản dự trữ trong cuộc vận động thiết lập cơ sở mới nay được phát động từ năm ngoái là 3.000.000 Mỹ Kim.

Thí dụ 3:

KÊU GỌI TIẾT KIỆM
(của giao tế qu'ân chúng)

Thị Trưởng Simpson Gravier hôm nay kêu gọi tất cả các trưởng cơ quan dưới quyền ông hãy tiết giảm đến mức tối đa mọi chi tiêu trong tài khóa năm tới.

Ông Thị Trưởng đã thi hành đúng đường lối trong lời hứa khi tranh cử trong cuộc bầu cử của ông thành công năm ngoái để thực hiện những vụ tiết kiệm mới trong chính phủ. Ông nói: “Chúng tôi sẽ giữ đúng đường lối, và nếu những trưởng cơ quan không giảm bớt những khoản chi, tôi sẽ đích thân làm việc đó thay họ”.

Ông Thị Trưởng đã nhận được những yêu cầu chi tiêu dành cho các cơ quan với tổng số trên 80.000.000 Mỹ Kim và đã chuyển những yêu cầu này cho viên giám đốc ngân sách để nghiên cứu. Ngân sách chi tiêu cho tài khóa năm nay được chấp thuận là 74.340.000 Mỹ Kim.

(của báo chí)

Ông Thị Trưởng Gravier hôm nay đang gặp nhiều khó khăn trong vấn đề ngân sách.

Ông Thị Trưởng loan báo rằng các trưởng cơ quan của ông đã đệ trình những khoản chi tiêu với tổng số trên 80.000.000 Mỹ Kim cho ngân sách trong tài khóa năm tới. Như vậy ngân sách này đã tăng thêm 5.700.000 Mỹ Kim so với ngân sách năm nay được chấp thuận là 74.340.000 Mỹ Kim. Trong cuộc vận động tranh cử vừa qua, ông Thị Trưởng đã tố cáo rằng nền hành chính vừa qua đã tỏ ra “xấu xa” và “hoang phí”.

Hơn nữa, các yêu cầu chi tiêu không được ghi đầy đủ trong ngân sách.

Ông Thị Trưởng cho biết thêm rằng “ông đã yêu cầu tất cả các trưởng cơ quan thuộc quyền ông “hãy tiết giảm chi phí tới mức tối đa” và hứa rằng “sẽ theo đúng đường lối”. Ông báo trước rằng ông sẽ cắt một số những khoản chi nếu các trưởng cơ quan không làm như vậy”, nhưng ông không nói rõ ông sẽ cắt những khoản chi nào.

Bổn phận của phóng viên. Những thí dụ có tính cách trái ngược nhau này

do các nguồn tin giao tế quàn chúng cung cấp và do các phương tiện truyền thông chuyển lại chứng tỏ tính chất của bốn phận của người phóng viên. Anh ta nhìn thấy “các tin tức bị điểu khiển” (managed news) mỗi ngày, nhưng anh ta phải rút từ những tin tức đó ra phần chính của sự thật và trình bày cho công chúng biết. Nhiều lúc công việc đó khó khăn và đôi khi anh không thể làm được. Với lý do chính đáng, các thông tin viên ở Saigon trong chiến cuộc Việt Nam đã gọi cuộc họp báo tóm lược tình hình hàng ngày (daily press briefing) ở Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ là những “màn trình diễn lúc năm giờ” (Five o’clock Follies). Trong phần lớn cuộc chiến đó, chắc chắn là chính phủ nhìn bằng một lối và các thông tin viên nhìn bằng lối khác. Do đó, công việc phán xét kết quả thuộc phần công chúng.

CHƯƠNG 20. TƯỜNG THUẬT CÁC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG

Ký giả là một khuôn mặt công cộng. Dù anh ta làm việc cho nhật báo hoặc hãng thông tấn, cho tạp chí hoặc cho phương tiện truyền thông điện tử, anh ta đều đóng một vai trò có ảnh hưởng và đôi khi quyết định về kích thước của tin tức. Phương tiện truyền thông tự nó không thể quyết định được “thông điệp”, (message) nhưng người hoạt động cho phương tiện truyền thông có thể làm và thường làm công việc đó. Tại các cuộc họp báo, phỏng vấn, tường trình, hội nghị, hội họp trong nhà và trình diễn ngoài trời, riêng sự hiện diện của người ký giả và nhất là các máy quay phim của truyền hình cũng có thể thay đổi được tính chất của những điều mà người ta sắp nói và sắp làm.

Như vậy, dù có muốn hay không, ký giả cũng là một “công bộc” (public servant). Những lực lượng mà anh đại diện tạo ra những ảnh hưởng và lôi cuốn anh vào những hoạt động trong quần chúng. Có rất nhiều áp lực đối với công việc của người ký giả trong đó có những áp lực của chính phủ, kỹ nghệ, lao động, nghệ thuật, khoa học, thể thao, sự thuyết phục của những nhân viên giao tế quần chúng, sự cạnh tranh cũng như sự thân thiện trong nghề nghiệp của chính anh, những chỉ thị đôi khi không được nói ra nhưng rất có mãnh lực của những chủ nhân của anh và sau hết căn bản kiến thức, những thói quen của anh và cách thức huấn luyện anh. Dù nhiều áp lực như vậy, lúc nào người ký giả cũng phải tỏ ra có đủ khả năng để định rõ sự thật và trình bày sự thật cho công chúng.

Dưới đây là một số hoạt động của người ký giả có tính cách công cộng:

NHỮNG CUỘC HỌP BÁO

Cuộc họp báo, như đã được phát triển trong thời đại của điện tử và giao tế quần chúng, không phải chỉ có tính cách trao đổi quan điểm giữa các phóng viên và các nguồn tin như cuộc họp báo ngày xưa. Người quen hoạt động trước các máy quay phim của truyền hình thường giữ được sự tự nhiên trong các cuộc họp báo quan trọng. Trong những cuộc họp báo nhỏ hơn,

các máy ghi âm đã vô tình ảnh hưởng đến tất cả những người tham dự làm cho họ nói nhiều hơn để được thu thanh

Với sự xuất hiện của báo chí điện tử (electronic journalism), nhiều chính trị gia đã ý thức được số cử tọa mà họ không trông thấy nên đã có khuynh hướng đáng tiếc là nói chuyện “qua mặt” các phóng viên cho thính giả toàn quốc hoặc cho một phần số thính giả này nghe. Còn các phóng viên thì đã có một vài người tích cực hoạt động cho truyền hình trong giai đoạn thí nghiệm.

Sự khác biệt lại càng rõ rệt khi các phóng viên đối đầu với một khoa học gia, một nhà giáo dục, một nhân viên chính quyền hoặc một chính trị gia trong một cuộc họp báo loại cũ mà không có những dụng cụ và nhân viên điện tử. Những câu hỏi của họ rõ ràng và ngôn ngữ của họ thẳng thắn. Nguồn tin có thể trả lời cũng bằng thứ ngôn ngữ đó; nếu không thì đôi khi nguồn tin nói với họ là cho họ tài liệu để biết chứ không được đăng và cố gắng giải thích lập trường của mình.

Vì thế, những cuộc giao thiệp dễ dàng và có tính cách cá nhân như vậy khó có thể có được khi mà hàng triệu người xem truyền hình hoặc khi một chiếc máy đang chạy sè sè ở một góc phòng. Một phóng viên giỏi trở thành một diễn viên giỏi hoặc một nhà hùng biện vì ngẫu nhiên hơn là vì chủ ý.

Qui tắc họp báo. Mỗi khi có cuộc họp báo, một số qui tắc giản dị cần phải được những người tham dự tuân theo. Về phần nguồn tin hoặc đại diện giao tế quần chúng của nguồn tin, có sự hiểu ngầm rằng có tin tức để phổ biến và giải thích tin tức đó đúng lúc cho các phóng viên. Về phía phóng viên, họ bằng lòng nghe và tường thuật một cách chính xác nhưng không đảm bảo việc sử dụng hình thức nào.

Trách nhiệm của nguồn tin là ấn định một thời gian và sắp chỗ thuận tiện cho số người tham dự và cung cấp một máy ghi âm hoặc một máy tốc ký. Nếu có những điện ảnh viên và nhiếp ảnh viên nguồn tin phải có những sự sắp đặt thích ứng. Ở nơi nào mà cuộc họp báo thuộc một trong những loại thường xuyên — như ở Tòa Đô Chính hoặc ở Dinh Thống Đốc tiểu bang — thì phải hiểu rằng tất cả những đi đâu gì được nói ra đều được đăng tải và có thể trích dẫn. Tại những cuộc họp báo khác đại diện giao tế quần chúng của nguồn tin loan báo những qui tắc để được chấp nhận.

Đối với cuộc họp báo trung bình, các phóng viên dự tính khoảng 20 hoặc 30 phút là đủ. Nếu cuộc họp báo kéo dài hơn khoảng thời gian đó và khi

hiển nhiên là ngu ần tin và những người đặt câu hỏi làm phí phạm thời giờ, người phóng viên nhiều tuổi thường nhìn quanh để xem xét tình hình. Nếu thấy có dấu hiệu “sốt ruột” và nghe tiếng xì xào đòi chấm dứt thì người phóng viên nhiều tuổi đó nên chấm dứt ngay cuộc họp báo bằng cách nói: “Cám ơn ông...” và không nói gì thêm để mọi người dễ rời khỏi phòng họp. Để tránh tình trạng rắc rối kể trên, những ngu ần tin quan trọng nhất cũng nên rút ngắn những đi ều muốn trình bày. Nếu có nhiều đi ều muốn nói, tốt hơn là nên làm sẵn một bài tuyên bố và yêu cầu đặt câu hỏi trước.

Không có một ngu ần tin nào trên thế giới, trừ trường hợp của Tổng Thống Hoa Kỳ, được coi là có thể trả lời không chần chừ các câu hỏi được nêu ra. Do đó, tại nhiều cuộc họp báo, ngu ần tin chính thường có một số người phụ giúp và chỉ thị cho một trong những người này hoặc đại diện giao tế qu ần chúng trả lời vài câu hỏi được đặt ra.

Ảnh hưởng của Tòa Bạch Ốc. Vì ảnh hưởng của Tòa Bạch Ốc quá lớn đối với các phương pháp làm việc của báo chí nên thể thức họp báo của Tổng Thống được coi như là tiêu chuẩn không những trong chính phủ mà cả trong ngành giao tế qu ần chúng của giới kỹ nghệ và của các tổ chức khác, ở nơi này cũng như ở nơi khác, ngu ần tin có ảnh hưởng đặc biệt có thể đòi đưa trước những câu hỏi viết ra giấy. Văn phòng Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc thỉnh thoảng cũng đã làm như vậy. Trong nhiều trường hợp, nếu ngu ần tin thuộc giới kỹ nghệ hoặc một lãnh vực nào đó, cuộc họp báo có thể diễn ra trên căn bản tự do.

Các phóng viên khi nêu ra câu hỏi trước hết nên đứng lên hoặc dơ tay để dễ nhận biết nếu số người tham dự đông đảo. Người chủ tọa cuộc họp báo hoặc nhân viên giao tế qu ần chúng phụ trách cuộc họp báo nên chỉ định những người hỏi một cách ngẫu nhiên ở khắp nơi trong phòng họp. Vài người được ngu ần tin quen biết, vài người khác còn lạ đối với ngu ần tin nhưng dù phóng viên tham dự đại diện cho phương tiện truyền thông thân thiện hoặc chống đối, ngu ần tin cũng nên cố gắng trả lời những câu hỏi một cách nhã nhặn.

Cả khi có sự hiện diện của truyền hình và các máy ghi âm, không khí cuộc họp phải thoải mái và không kiêu cách. Các phóng viên không nên vỗ tay khen ngợi những câu trả lời hay hoặc chê bai những câu dở. Các phóng viên không nên đùa cợt và không nên bày tỏ ý kiến dưới hình thức những câu hỏi. Trên nguyên tắc, các câu hỏi được nêu ra là để có những câu trả lời

thích đáng chứ không phải để làm thỏa mãn những thiên kiến cá nhân, chính trị hoặc đạo đức của phóng viên hoặc của tổ chức làm tin tức của người này. Đó là thái độ mà nghề nghiệp bắt buộc phải có trong một cuộc họp báo.

Thỉnh thoảng, theo sự sắp đặt trước, các phóng viên tập trung các câu hỏi vào một hoặc hai điểm chính mà các ngu ồn tin của họ đã quen thuộc để có thể tạo ra một câu chuyện thời sự. Điều đó có thể hoặc không có thể được ngu ồn tin biết đến, nhưng nếu các cố vấn giao tế qu ồn chúng của ngu ồn tin có khả năng thì ngu ồn tin sẽ được biết sơ qua trước cuộc họp báo những vấn đề nào có thể được đề cập đến và những câu trả lời nào có thể được dự tính một cách hợp lý.

Họp báo ở ngoại quốc. Tổ chức họp báo trở thành một sản phẩm chính của báo chí Mỹ và “được xuất cảng” một cách tự do và thường đã đạt được những kết quả lạ kỳ. Đôi khi các phóng viên bị sử dụng như là “hình nộm” để cho nhà độc tài đang c ãm quy ền có cơ hội trả lời những câu hỏi trong những hoàn cảnh thuận lợi nhất. Trong những lúc khác, chỉ có một phóng viên — thường là phóng viên nhiều tuổi nhất — được phép đặt câu hỏi. Thường thường, qui tắc chống lại việc vỗ tay khen ngợi, ít khi bị vi phạm ở Hoa Kỳ, lại được một số phóng viên đem sử dụng trong một chế độ độc tài, nơi mà các phương tiện truy ền thông bị kiểm soát.

Bước vào thập niên 1970, các thể thức họp báo đầu đã được am tường ở Moscow và Bắc Kinh. Các lãnh tụ Trung Cộng không bao giờ do dự trong việc sử dụng những nguyên tắc đó khi họ thấy có lợi làm như vậy. Tại Bắc Kinh, 87 thông tin viên Mỹ tháp tùng Tổng Thống Nixon năm 1972 đầu tỏ vẻ ngạc nhiên và hài lòng về thái độ thoải mái của Thủ Tướng Chu Ân Lai khi trả lời các câu hỏi của họ trong các cuộc họp báo và khi đến chụp hình với họ. Ông Chu Ân Lai còn thoải mái hơn cả Thủ Tướng Aleksei và Chủ Tịch Cộng Đảng Nga Leonid Brezhnev ở Moscow nhiều.

Ở Pháp, dưới chế độ khá dài của Tổng Thống Charles de Gaulle, cuộc họp báo phản ảnh một cách đặc biệt cá tính của vị tướng này. Khi đi dự cuộc họp báo của Tổng Thống Pháp, người ta thường thấy trong số hàng 500 phóng viên có rất nhiều người trung thành với ông, cổ vũ và hoan hô mọi lời phát biểu của ông. Cuộc họp báo này giống cuộc họp chính trị hơn là họp báo nhưng nó phụng sự cho niềm kiêu hãnh cũng như cho những mục tiêu chính trị của nhà cai trị Pháp này.

Vấn đề và thể thức họp báo thay đổi giữa các vị Tổng Thư Ký liên tiếp của Liên Hiệp Quốc—Trygve Lie, Dag Hammarskjöld, U Thant và Kurt Waldheim. Trong tòa nhà kính xám của Liên Hiệp Quốc trong thành phố New York, có một lý tưởng hời hợt quá khích thấm nhuần vào giới “công bộc quốc tế” và lan sang cả vài thông tin viên đa cảm. Do đó, hỏi vị Tổng Thư Ký những câu sắc bén hoặc soi mói tại các cuộc họp báo không được những người trung thành với ông cho là tốt. Để bày tỏ những cảm nghĩ của họ, những người này thường hoan hô rầm rĩ khi ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc hoặc những người phụ tá ông đưa ra một câu trả lời hay cho một câu hỏi đứng đắn.

Nhược điểm của họp báo. Sự thật hiển nhiên là ngu ồn tin cương quyết và hăng hái thường có thể làm chủ được tình hình của một cuộc họp báo. Đó cũng lại do ở việc các phóng viên tự đặt ra những hạn chế và tuân theo những hạn chế này. Nếu họ lấy được tin ngoài công tác được trao phó thì đó thường là do ngu ồn tin hoặc đê tài thảo luận đáng được làm tin.

Dĩ nhiên, ở cấp bậc cao nhất, vì lợi ích chung, nhân viên công quyền thường phải tiết lộ cho quốc dân biết những tin tức có liên hệ đến nhân dân Mỹ. Do đó, cuộc họp báo làm thỏa mãn một nhu cầu công cộng. Những mô thức do Phủ Tổng Thống (Hoa Kỳ) thiết lập và được các ngu ồn tin trên khắp nước bắt chước một cách trung thành là kết quả của một hình thức được tiêu chuẩn hóa cho việc cung cấp tin tức. Tất cả mọi người đều được đối xử như nhau. Mọi người đều lấy được tin giống nhau. Không ai có được một cơ may ưu đãi. Do đó, sự cạnh tranh bị ngăn chặn.

PHỎNG VẤN

Ngu ồn tin chính yếu có tính cách cá nhân cao độ là cuộc phỏng vấn. Ngày nay, đi đâu này có thể không còn đúng nữa bởi vì nhân viên giao tế quần chúng chu đáo đã chuẩn bị trước những sự đề phòng cho ngu ồn tin. Qua những nhân viên giao tế quần chúng, các phóng viên có thể gặp một cá nhân có nhiều tin tức. Đến nay, chưa có những qui tắc để làm tiêu chuẩn cho một cuộc phỏng vấn cũng như chưa có một bản viết sẵn nào để làm tiêu chuẩn cho một câu chuyện. Phỏng vấn vẫn còn cống hiến cho phóng viên cơ may tốt nhất để tự định đoạt lấy câu chuyện như thời của nhà văn kiêm nhà báo Ái Nhĩ Lan Jonathan Swift (thế kỷ 18).

Vài loại phỏng vấn. Phỏng vấn có thể có những chiều hướng bất ngờ và thường đưa đến những kết quả bất ngờ. Các cuộc phỏng vấn thường rất khác nhau và mang nhiều sắc thái khác nhau vì tùy thuộc ở người cho phỏng vấn cũng như ở khả năng am hiểu báo chí của người đi đầu khiến nó. Các cuộc phỏng vấn có thể được mô tả như sau:

Phỏng vấn người ngoài phố. Việc này có thể kể từ một cuộc thăm dò chính trị đến một cuộc nói chuyện với người láng giềng về tính nết của một phụ nữ bị ám sát. Đó là loại phỏng vấn thông dụng nhất nhưng đôi khi lại khó khăn nhất đối với người phóng viên đi phỏng vấn. Đó cũng là sự phản ảnh kém trung thực nhất của cảm nghĩ của công chúng. Ở đây không có những hàng rào giao tế quăn chúng ngăn cản nhưng quăn chúng thường hay hoài nghi và thiếu truyền thông. Công việc của người phóng viên là phải chiếm được lòng tin của họ và thuyết phục họ nói chuyện với mình. Một khi họ chịu nói, phóng viên sẽ thấy rằng không có những sự rút ngắn tiến trình của công việc phỏng vấn nếu anh muốn có tin tức. Trường hợp này đòi hỏi thì giờ, lòng kiên nhẫn và khả năng để nghe một cách có cảm tình tất cả các loại chuyện.

Loại phỏng vấn này đã làm cho một phóng viên trở nên tò mò về một người Ba Lan di cư nhiệt tình mong muốn toàn thế giới phải lên án những vụ tàn sát tập thể vì những lý do chủng tộc và tôn giáo. Kết quả là một số những câu chuyện được đăng tải đã làm cho Liên Hiệp Quốc chấp thuận Qui Ước Chống Việc Tàn Sát Tập Thể và làm cho tác giả nó, Tiến sĩ Raphael Lemkin, trở thành một nhân vật nổi danh quốc tế.

Cuộc phỏng vấn ngẫu nhiên. Những cuộc gặp gỡ tình cờ này phần nhiều không có mục đích. Một ngu ồn tin và một phóng viên gặp nhau trên đường phố hoặc tại một tiệm cơm, một tiệc rượu, hoặc hai người trao đổi ý kiến với nhau một cách ngẫu nhiên trong khi đang uống nước vào lúc xế chiều. Điều gì được nói ra, thường không có sắp đặt trước, kích thích tính hiếu kỳ của phóng viên. Trong khi câu chuyện được tiếp tục, có thể thấy lộ ra một câu chuyện thời sự quan trọng.

Ngày trước, mục đích của ký giả nào cũng là cố đoạt được một cuộc phỏng vấn riêng với Tổng Thống Hoa Kỳ bởi vì có rất ít người được có cơ hội may mắn như vậy. Một thí dụ lừng danh là cuộc phỏng vấn Tổng Thống Truman mà Arthur Krock của tờ *The New York Times* chiếm độc quyền và

do ông Fred Vinson, lúc đó là Bộ Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ, sắp đặt trong một cuộc tiếp tân. Tuy nhiên, dưới thời những Tổng Thống Kennedy và Johnson, phỏng vấn trở nên thông thường với mục đích tiếp đón nhà báo và bình luận gia có ảnh hưởng, hoặc một người hoặc một nhóm, tại Tòa Bạch Ốc để Tổng Thống trình bày chính sách. Do đó, cuộc phỏng vấn Tổng Thống giảm bớt về hấp dẫn dù không làm giảm bớt tính cách quan trọng. Vì vậy, các ký giả không ưa xông xáo quay ra đi tìm những khuôn mặt khác có tính cách quan trọng quốc tế để phỏng vấn vào những thời gian thích hợp. Thủ Tướng Do Thái Golda Meir và Tổng Thống Ả Rập Anwar El-Sadat là những nhân vật được các ký giả ưa chuộng trong thời kỳ căng thẳng ở Trung Đông hồi đầu thập niên 1970. Walter Cronkite đã nghĩ đến việc đưa vị Tổng Thống Nam Tư ngoài 70 tuổi, Tito Josip Broz, lên màn ảnh của hệ thống truyền hình CBS một lần nữa trong những năm chót của cuộc đời. Và James Reston với những cuộc phỏng vấn Chu An Lai của Trung Cộng và các lãnh tụ khác ở Châu Á, đã làm cho các chính khách ở Viễn Đông bớt phần bí mật đối với công chúng Hoa Kỳ.

Phỏng vấn nhân vật. Loại này thường được sử dụng cho những bài về tiểu sử hoặc đặc ký nhân vật. Ít nhất báo cho phóng viên làm những công việc này vì hầu hết thường là công việc của tạp chí. Kết quả là câu chuyện về nhân vật của nhật báo thường thiếu bề sâu và tính chất nhân cảm, đặc điểm của nhiều bài tiểu sử trong các tạp chí.

Truyền hình ít khi dành nhiều thời giờ cho một cá nhân chỉ ngồi và nói nhưng khi việc này xảy ra thì hiệu quả lại rất đặc biệt. Những cuộc nói chuyện hàng năm của Walter Lippmann trên hệ thống truyền hình Columbia Broadcasting System (CBS) khi được kéo dài, làm cho người ta nhớ mãi bởi vì bình luận gia này giản dị làm cho ông trở thành một người bạn thành thạo đối với các khán thính giả trong một tiếng đồng hồ. Cũng có nhiều thành công khác thuộc loại này trên truyền hình, rõ rệt nhất là các cuộc phỏng vấn Tổng Thống, các Bộ Trưởng và các Thống Đốc quan trọng nhưng phần nhiều các cuộc phỏng vấn nhân vật thường dành cho các tạp chí, các nhật báo và các hãng thông vấn.

Phỏng vấn lấy tin. Những cuộc nói chuyện loại này giữa các phóng viên và các nguồn tin thường diễn ra sau một vụ loan báo trong một thời gian ngắn. Phóng viên có thể tự sắp đặt lấy hoặc qua đại diện giao tế quần chúng của nguồn tin, những cuộc tiếp xúc này. Đây không phải là những “vụ thả câu” (fishing expeditions). Trong hầu hết những trường hợp này, phóng viên có

vài câu hỏi quan trọng rõ rệt mà anh hoặc tổ chức làm tin của anh muốn ngu ồn tin trả lời. Do đó, anh không những có quyền mà còn có bốn phận yêu cầu một cuộc phỏng vấn như vậy.

Phỏng vấn bằng điện thoại. Đây là một phương pháp rút ngắn của cuộc phỏng vấn lấy tin. Vì nó được tiến hành bằng điện thoại hoặc bởi một phóng viên hoặc bởi một biên tập viên nên các câu hỏi phải thật rõ ràng và phải được ấn định hẳn hoi. Các ký giả tiến hành hàng trăm cuộc phỏng vấn bằng điện thoại và học hỏi qua kinh nghiệm để làm sao có thể làm cho người bán thuốc lá ở góc phố nói chuyện với mình về một vụ cháy nhà gần đó, làm sao thuyết phục được một luật sư ít nói ở một quận đến trước máy điện thoại và trả lời một câu hỏi về một vụ án, làm sao lấy được đầy đủ dữ kiện về một người chồng hoặc vợ, hoặc người mẹ, người cha vừa quá cố. Giọng nói có cảm tình qua điện thoại giúp rất nhiều cho loại phỏng vấn này.

Thỉnh thoảng, một cuộc nói chuyện qua điện thoại từ một nơi xa mang lại những kết quả xứng đáng. Một phóng viên ở New York cố gắng thu thập nhiều tin tức hơn về một vụ nổ trong một trường học ở Texas làm chết nhiều trẻ em. Anh đã được tiếp xúc với ông quận trưởng bằng điện thoại và nghe thấy ông này nói: “Bây giờ các bạn hãy chờ. Có một người gọi điện thoại từ New York đến đây...”

Câu hỏi làm sẵn. Thỉnh thoảng phóng viên làm sẵn những bản câu hỏi và gửi đến các ngu ồn tin với lời yêu cầu rất lịch sự nhưng cần được trả lời gấp. Đôi khi, phóng viên được trả lời nhưng thường thì không được. Tuy nhiên, ít nhất phương pháp này cũng đáng được thí nghiệm trong lúc khó khăn.

Năm 1948, trong khi Nga Sô phong tỏa Berlin, J. Kingsbury Smith, phóng viên của hãng International News Service từ Paris viết một bản câu hỏi rồi chuyển bằng vô tuyến điện cho Stalin ở Moscow. Trong bản trả lời, Stalin có tiết lộ rằng người Nga khó chịu về câu không vận của Mỹ. Do đó, bắt đầu có cuộc thương thuyết giữa Đông và Tây để chấm dứt cuộc phong tỏa nói trên.

Phương pháp phỏng vấn. Nghệ thuật phỏng vấn căn cứ trên nguyên tắc thuyết phục người khác để nói chuyện, nghĩa là làm thế nào để người đối thoại bắt đầu đi vào vấn đề của người phóng viên.

Mọi người có một phương pháp khác nhau tùy theo đối tượng và hoàn cảnh mà quyết định. Nếu có thể, phóng viên nên tìm đọc càng nhiều càng hay những tài liệu đã ghi được hoặc cắt được ở các báo để biết về vấn đề trước khi cuộc phỏng vấn bắt đầu. Mở đầu câu chuyện, phóng viên có thể nói về công việc của anh hoặc về một vấn đề mà anh và người đối thoại cùng quan tâm hoặc đưa ra một lời chúc tụng — nghĩa là làm thế nào cho cuộc tiếp xúc được dễ dàng. Sau vài phút hàn huyên, người đi phỏng vấn phải tìm một lúc thuận tiện đặt một câu hỏi có liên quan đến vấn đề chính của cuộc nói chuyện.

Một khi vấn đề đã được đề cập khá đầy đủ với những câu hỏi để cho câu chuyện được tiến hành một cách khả quan, phóng viên đi vào giai đoạn khó khăn nhất của quá trình phỏng vấn. Anh phải nghe ngóng. Anh phải kiên nhẫn, chú ý và nhã nhặn. Cả khi nếu cuộc phỏng vấn đi đến chỗ không làm cho phóng viên thích, anh cũng không được tỏ ý không bằng lòng. Nếu cuộc nói chuyện đi xa vấn đề, anh có thể tìm cách thay đổi chiều hướng với một hoặc hai câu hỏi tế nhị. Không thể vì bất cứ hoàn cảnh nào, người đi phỏng vấn lại có thể tự quên mình để bị lôi cuốn vào một cuộc thảo luận sống động trong đó anh nói nhiều hơn và làm phiền lòng người nghe.

Người ta không ai bằng lòng cho phỏng vấn phải ngửi nghe những ý kiến của phóng viên. Với lý do này hoặc lý do khác, người ta muốn được nhắc đến trên báo chí hoặc trên đài phát thanh và người ta công nhận rằng việc chịu để cho phỏng vấn là một cách để hoàn tất mục tiêu. Hơn nữa, thật là dị kỳ khi các phóng viên yêu cầu cho phỏng vấn đề “diễn thuyết” tràn giang đại hải và không để cho những người được phỏng vấn có cơ hội lên tiếng. Sự nhận xét này có thể rất sơ đẳng nhưng rất quan trọng. Không phóng viên hay nói nào có thể tiến hành được một cuộc phỏng vấn đứng đắn.

Dĩ nhiên khi đối tượng là một người đối nghịch và không muốn để cho phỏng vấn thì không có lý do nào để bào chữa việc nói nhiều nữa. Trực tiếp tiếp xúc là phương pháp duy nhất để người đi phỏng vấn sử dụng. Nếu anh khôn ngoan, anh có thể đặt một câu hỏi được suy tính sao để đối tượng đối nghịch nhất cũng có cơ hội bày tỏ lập trường trong một chiều hướng thuận lợi. Một khi người được phỏng vấn bắt đầu chịu nói chuyện, người đi phỏng vấn có thể được thanh thản và nên nhớ dành câu hỏi hắc búa nhất vào phút chót.

SỰ CHÂN THẬT

Bác sĩ Alfred C. Kinsey, người, đã từng phỏng vấn hàng ngàn người đàn ông và đàn bà liên quan đến công cuộc nghiên cứu của ông về tình dục, trước đây đã được hỏi tại sao ông có thể biết được người đối thoại của ông nói dối.

Ông trả lời với lòng tự tin một cách khoa học: “Rất giản dị. Tôi nhìn thẳng vào mắt họ. Tôi hỏi nhanh, liên tiếp câu này qua câu khác. Tôi theo dõi họ qua ánh mắt. Cố nhiên, nếu họ do dự, tôi có thể cho rằng họ nói dối.”

Phóng viên phỏng vấn Bác sĩ Kinsey gật đầu tỏ ý tán thành quan điểm của bác sĩ. Vài phút sau, nhà khoa học danh tiếng này hơi hoảng hốt khi thấy người phỏng vấn nhìn thẳng vào mắt ông và hỏi nhanh nhiều câu.

Bác sĩ Kinsey phản đối: “Ồ kìa, thật không đẹp chút nào. Tôi không thích việc ông bạn đang làm”.

Nhiều phóng viên có kinh nghiệm rút tỉa được bài học rằng không nên nhìn chòng chọc vào người đối thoại khiến họ khó chịu. Họ trở thành khó chịu như Bác sĩ Kinsey khi chính những phương pháp của ông ta lại đem áp dụng cho ông ta.

Thật ra kiểm soát sự chân thật của một người đối thoại không là chuyện dễ dàng. Nếu một phóng viên nghĩ rằng anh bị dối gạt, anh chỉ còn có cách là kiểm soát lại những lời tuyên bố đã nói với anh trong cuộc phỏng vấn. Người nào muốn nói dối trong một cuộc phỏng vấn thường làm công việc này một cách trôi chảy và không hề bị bối rối vì những cái nhìn chòng chọc, những cái nhìn mặt và cả những vụ thử thách không chệch đâu nữa.

30 năm hoặc 40 năm về trước, khi môn tâm lý học mới chỉ là một danh từ, trong một tòa soạn trung bình, trưởng biên đô thành nhạy cảm thường có quan niệm rằng người nói dối không dám nhìn vào mắt phóng viên, người có những điếu muốn dấu không thể giữ những ngón tay trên miệng họ và người phạm tội ác thường có nét mặt tố cáo bản chất xấu xa của họ. Những ý tưởng đó rất khó tiêu tan, đặc biệt nhất là trong giới phóng viên tài tử. Thuyết của Lombroso⁵¹ về tội ác bị bài bác trong một thời gian khá dài đã khẳng định chỉ bằng con mắt và bằng ngón tay của các đối tượng thật ra tiết lộ rất ít cảm nghĩ của họ. Những người nóng tính không phải là những người dễ để cho phỏng vấn phải để cho họ thoải mái chứ đừng nhìn

chòng chọc vào họ. Trong trường hợp gặp những người này, phóng viên phải khéo léo nhận xét và cần nhất là đừng cho đối tượng chú ý đề phòng và như vậy cuộc phỏng vấn sẽ có kết quả tốt.

Ghi chép trong khi phỏng vấn. Người đi phỏng vấn nào cũng phải cố gắng rèn luyện trí nhớ. Trường hợp phỏng vấn để làm quảng cáo trong đó người được phỏng vấn biết rằng cái gì có lợi cho họ sẽ được viết ra, việc ghi chép nhiều làm cho người đối thoại trung bình dễ bị kích thích và gây trở ngại cho cuộc nói chuyện. Trừ khi nào thấy là cần thiết, việc ghi chép nói chung trong các cuộc phỏng vấn cần phải thận trọng. Khi một sự kiện, một ngày tháng hoặc một danh tính cần được ghi cho đúng, phóng viên phải làm một cách kín đáo và phải giải thích trước. Nhưng ngay khi cuộc phỏng vấn chấm dứt và chỉ còn có một mình phóng viên thì anh phải ghi thật nhiều những điếu anh mới được nghe để làm căn bản cho bài viết.

Những sự thận trọng. Những phóng viên chưa có kinh nghiệm thường tự cho mình là những người được ưu đãi vì họ là đại diện cho một tổ chức làm tin. Hoạt động với quyền hành không vững chắc đó thỉnh thoảng những phóng viên này xuất hiện không loan báo trước để phỏng vấn những người không quen biết họ. Đôi khi họ còn phạm vào những hạn chế của pháp luật được thi hành cho tất cả các công dân kể cả phóng viên. Hành vi này có thể đưa đến tai họa.

Bất kể phương thức nào mà một phóng viên chọn lựa để sử dụng ngõ hầu tiến hành một cuộc phỏng vấn, bước đầu bao giờ cũng phải tự nhận thức chính mình và tổ chức làm tin của mình rồi trình bày công việc một cách vắn tắt. Những vụ đột ngột, chửi bới và ngạo mạn về phía người phỏng vấn chỉ làm cho anh khổ.

HỘI NGHỊ VÀ ĐÁM ĐÔNG

Khi một phóng viên được phái đi thâm thập tin tức về một cuộc biểu tình hoặc một hội nghị, thường thường anh bắt đầu bằng việc đi thăm các nhân viên chính thức hoặc cơ quan phụ trách việc tổ chức. Nếu nhân viên giao tiếp quen chúng là người có kinh nghiệm và hiểu biết thì phóng viên gặp may. Anh chỉ có việc lấy tất cả các tài liệu được in sẵn sàng, kể cả chương trình,

thời khắc biểu, những bản in của bài diễn văn làm sẵn, tiêu sử và những điếu chú dẫn rỗi lui vào một chỗ để làm công việc của anh. Nếu không có gì được chuẩn bị sẵn và nhân viên phụ trách là một nữ thư ký không thạo việc thì anh phải thận trọng.

Trình tự công tác. Dù có được hưởng sự chuẩn bị của cơ quan giao tế qu ân chúng thạo việc hay không, trước hết phóng viên phải đến sớm nếu là một hội nghị quan trọng.

Một cuộc nói chuyện ngắn với nhân viên có trách nhiệm, cộng với tài liệu làm sẵn, thường khá đủ để viết câu chuyện khởi đầu (initial story). Nếu phóng viên muốn có thêm chi tiết thì công việc sẽ khó nhọc hơn. Anh phải tìm hiểu mỗi người sẽ lên thuyết trình và xin bản văn làm sẵn hoặc ít nhất cũng xin bản tóm lược ý kiến nếu có.

Trong trường hợp có một cuộc hội họp ban đêm hoặc một tiệc trưa và chỉ có một người thuyết trình, việc thu thập tin tức thật dễ dàng. Theo kỹ thuật đã được trình bày qua về việc soạn thảo trước các bản văn, phóng viên viết một câu chuyện căn cứ trên tài liệu làm sẵn. Sau đó, anh phối kiểm khi bản văn được đọc và gọi điện thoại về tòa soạn nếu có điếu gì thay đổi cần thiết

Tại nơi mà hội nghị kéo dài nhiều ngày, chắc chắn là phải có một loạt những bài làm sẵn để đem thuyết trình, phóng viên nên lấy cho đủ. Thêm vào đó, anh phải phỏng vấn những phái đoàn quan trọng và phối kiểm tin tức với những phái đoàn khác để khi cần có thể dùng vào những bài đặc ký. Ngoài ra, anh cũng phải trừ tính công việc chụp hình những nhân vật quan trọng với nhiếp ảnh viên và phải để ý đến những cuộc họp riêng rẽ để làm những tin bất ngờ.

Truyền hình nay đã có toàn bộ kỹ thuật mới để thu thập tin tức về những cuộc hội họp quan trọng cả trong phòng họp vẫn ở ngoài trời. Người làm tin cho truyền hình, cũng như phóng viên báo chí, có thể hoàn thành công việc tốt hơn nhiều nếu có đủ thời giờ sắp đặt trước. Công việc sắp đặt để có được tài liệu về những biến cố chính và những nhân vật chính với chiếc máy thu hình và ánh sáng trong những trường hợp thuận tiện thường đòi hỏi sự thuyết phục và lòng ngay thẳng. Công việc đó không thể hoàn tất trong mười giây đồng hồ như cuộc phỏng vấn bên lề đường của phóng viên báo chí. Với việc sản xuất loại phim tốt hơn và loại máy thu hình nhỏ hơn, truyền hình nay đã có thể di động xa hơn trước nhưng người làm tin

cho phương tiện truyền thông điện tử vẫn chưa có thể làm việc một cách nhanh chóng bằng người chỉ sử dụng cuốn sổ tay và cây viết chì.

Có lẽ sự thay đổi gây xúc động nhất của việc thu thập tin tức là ở trong các hội nghị chính trị toàn quốc để chọn ứng cử viên Tổng Thống. Sự thúc dục việc đưa lên truyền hình những đại hội năm 1960 và 1966 đã làm cho những tay hoạt động trẻ tuổi có cơ hội gây náo loạn trong đại hội toàn quốc của đảng Dân Chủ năm 1968 và khiến cho cả hai đảng đều phải đề phòng cẩn thận trong đại hội năm 1972 ở Miami.

Mặt khác, truyền hình ngày nay đã cho phép công chúng theo dõi những biến cố mà hầu hết trước kia độc giả báo chí không được biết đến. Nhưng người làm tin cho truyền hình phải chịu nhiều sự cực nhọc trong khi sắp đặt công việc thu thập tin tức và cũng có tất cả những trách nhiệm của phóng viên báo chí.

Làm tin về hội nghị. Phóng viên làm việc cho một nhật báo, một hãng thông tấn hoặc một tạp chí, đến dự một phiên họp, có thể sắp đặt công việc với nhân viên giao tế quàn chúng để thu thập tin tức về những phiên họp khác. Nếu hội nghị có tính cách quan trọng và phải hoạt động ra ngoài thành phố, thường thường anh có thể dùng một phóng viên không cạnh tranh với anh từ một thành phố khác đến để phối kiểm với anh những bài diễn văn lúc được đọc. Nhưng toán nhân viên truyền hình không thể áp dụng lối dùng người phụ giúp này để thu thập tin tức về một hội nghị quan trọng. Họ phải ước lượng ngay tầm mức quan trọng của biến cố và phải sắp đặt công việc đầy đủ nếu không họ chỉ trình bày được chút ít câu chuyện.

Các phóng viên làm tin tức về hội nghị thường sớm biết rằng họ có những lợi thế đặc biệt nếu làm việc với những nhân viên giao tế quàn chúng có khả năng. Phòng làm việc dành cho báo chí do các nhân viên giao tế quàn chúng thiết lập thường có những máy đánh chữ, máy điện thoại và thức ăn cho các ký giả dùng khỏi phải trả tiền, đó là những tiện nghi mà ngày xưa không bao giờ có. Trước khi các bộ phận phụ trách báo chí của các cơ quan giao tế quàn chúng được phát triển, các phóng viên phải đi thuê máy chữ hoặc mang máy riêng của mình đến. Họ cũng phải trả tiền mỗi khi dùng điện thoại và thức ăn và thỉnh thoảng lại phải thảo luận về những khoản chi tiêu của họ với nhân viên tòa báo hay hoài nghi.

Đời sống tại các cuộc hội họp và hội nghị ngày nay dễ chịu hơn nhiều.

Phía giao tế quần chúng. Trong việc giúp đỡ các ký giả, thường thường nhân viên giao tế quần chúng chỉ mong được đối xử một cách công bình và nhã nhặn. Thật ra nhân viên giao tế quần chúng không thể hy vọng ảnh hưởng đến các bài viết và không có một nhà làm quảng cáo khôn ngoan nào lại đi làm trực tiếp như vậy. Nhưng một hội nghị dãi dào tin tức quan trọng tự nhiên sẽ được quần chúng chú ý. Nếu chẳng may tại hội nghị có vài điếu bất lợi thì đó cũng là chuyện thường tình. Nên để cho phóng viên sử dụng các khía cạnh của câu chuyện và nhân viên giao tế quần chúng có nhiệm vụ giải thích lập trường của tổ chức mình.

Hội nghị là chuyện phổ thông ở Mỹ. Trong nửa cuối của thế kỷ 20 này, nhiều công dân Hoa Kỳ ít nhất cũng có chân trong một tổ chức và có nhiều người là hội viên của nhiều tổ chức. Các cuộc họp ủy ban, các bữa tiệc trưa, tiệc tối và các cuộc thảo luận nhóm là một phần trong đời sống của họ. Nhiều cuộc hội họp như thế này đáng được làm thành tin tức và nằm trong phần vụ công tác của các phóng viên làm tin tổng quát. Còn các lãnh vực như giáo dục, khoa học, tôn giáo và quân sự — đó chỉ mới kể một số mà thôi — thì là phần việc của các phóng viên chuyên ngành (specialised reporters).

Người ta thường phàn nàn về sự buồn tẻ của các hội nghị. Làm những tin tức về hội nghị không tốn nhiều công. Phóng viên chỉ cần đi dạo quanh một lát, cần một chút tưởng tượng, một lời khuyến khích của chủ biên là có thể gây được sự chú ý về những tin tức hội nghị.

Không phải phóng viên nào cũng có thể làm được tin tức về cuộc thi Hoa Hậ Mỹ Quốc được tổ chức hàng năm ở thành phố Atlantic. Không phải phóng viên nào cũng có thể đương đầu được với khối lượng tin tức xuất phát từ văn phòng của ủy ban tổ chức các đại hội toàn quốc của hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ Mỹ được diễn ra bốn năm một lần. Nếu anh phóng viên cần mẫn và chú ý đến các chi tiết, anh có thể giúp cho tổ chức làm tin của anh và chính anh bỏ được thói quen cố hủ làm lu mờ quá nhiều tin tức về hội nghị địa phương ngày nay.

ĐÁM ĐÔNG VÀ SỐ NGƯỜI THAM DỰ

Tại các hội nghị và các cuộc diễn hành, các cuộc hội họp chính trị và tranh

tài thể thao, các cuộc biểu tình ngoài phố và triển lãm ngoài trời, số người tham dự thường làm cho các phóng viên bối rối. Ngày trước, người ta thường cho là đủ khi lấy con số về đám đông từ một sĩ quan cảnh sát hiện diện, phối kiểm con số đó với nhân viên tổ chức rồi đem sử dụng trong câu chuyện. Phóng viên ngày nay không thỏa mãn một cách dễ dàng như vậy.

Lề lối cũ. Trong một buổi sáng chủ nhật nóng bức giữa mùa hè cách đây vài năm, một số phóng viên trẻ tuổi trình trọng đi theo một nhân viên đứng tuổi của Phòng Thương Mại ở Coney Island đến dưới mái hiên của Khách Sạn Bán Nguyệt (Half Moon Hotel) ở Brooklyn. Nhân viên này nhìn đăm đăm ra bờ biển đông người một lát rồi loan báo một cách chậm rãi: “Thưa quý vị, hôm nay có cả triệu người ở Coney Island”. Các phóng viên chăm chú ghi con số đó và sử dụng nó vào bài viết và trên báo buổi sáng, người ta thấy chạy tít lớn “Cả triệu người đi tắm biển ở Coney Island” (Million Bathe At Coney Island).

Lề lối mới. Ngay cả với truyền hình, người ta cũng nên cẩn thận để có được con số khá hợp lý khi mà số thống kê là một phân quan trọng của câu chuyện. Nhà báo nào cũng có thể tự làm lấy công việc ước lượng dù hơi lúng túng trong công việc này.

Trong đấu trường hoặc vận động trường, những con số về đám đông hiện diện có thể dễ có. Thí dụ, trong những cuộc biểu tình tại chỗ như ở Công Trường Madison mới được thiết lập ở New York (Madison Square Garden) hoặc The Coliseum, hoặc Cow Palace ở San Francisco, tổng số người tham dự có thể ước lượng được. Số người trong mỗi phần của công trường cũng có thể biết được. Vì thế mỗi phần bị bỏ trống có thể đem trừ đi với tổng số có thể chứa được để tìm ra số người tham dự một cách khá đúng. Người ta không cần phải đổ xô đến một nhân viên cảnh sát không thông thạo tin tức để lấy con số phỏng đoán chỉ vì ông ta là một nhân viên cảnh sát. Thường thường, nhân viên này lại biết ít tin tức hơn phóng viên.

Đối với một cuộc diễu hành, việc ước lượng có phần phức tạp hơn. Người ta có thể biết được số toán người trong đoàn diễu hành và có thể ước lượng được mỗi toán trung bình dài bao nhiêu. Rồi người ta lấy số trung bình trong một toán người và làm tính nhân thì có được một con số hợp lý về đám đông. Cũng theo phương pháp này người ta có thể ước lượng sức

chứa đựng của các công trường danh tiếng (như công trường Times ở New York, Công Trường Trafalgar ở London, Công Trường Đỏ ở Moscow) và có thể có được con số người tham dự bằng cách tính như trên. Trong những trường hợp quan trọng, người ta có thể dùng những máy tính. Không có lý do gì cứ phải đi phỏng đoán để có được những con số về đám đông trong thời đại có nhiều máy tính điện tử.

Những khó khăn về việc ước lượng số người trong đám đông để làm tin tức đã bị khắc phục. Ngày nay, nhiều người đã biết rằng Công trường Times ở New York nhiều nhất chỉ chứa được 250.000 người, cũng như khúc dưới của Đại Lộ Broadway khi có cuộc rước xe hoa. Còn con số hàng triệu người chen chúc trong những đại công trường ở ngoại quốc thì huy hiệu thoạt đó nay đã tiêu tan cũng như niềm tin xưa kia vào cảnh sát viên chỉ vì nhân viên này là trọng tài của tất cả những người tham dự các biến cố công cộng. Thiết tưởng đó cũng là một đi ều tốt.

CHƯƠNG 21. BÁO CHÍ VÀ PHÁP LUẬT

Một cựu chiến binh bắt được một tên cướp giật trên đường phố. Khi viết tin này, một phóng viên đã lẫn lộn hai người và ghi lẫn người cựu chiến binh là tên cướp giật. Người cựu chiến binh đi kiện rằng ông ta bị phỉ báng (libeled) và tòa báo của người phóng viên kể trên bị phạt 10.000 Mỹ Kim.

Một thương gia bị một tờ báo tố cáo là đã thi hành những thủ đoạn của một “tướng cướp” và kiện tờ báo đó về tội phỉ báng nhưng sau lại bằng lòng cho đi đầu đình rút đơn. Tờ báo phải góp 25.000 Mỹ Kim vào một công cuộc từ thiện của ông.

Một nhà văn sau khi bị một ký mục gia (columnist) của một tờ báo viết một loạt bài đả kích gay gắt đời tư của ông, đã đi kiện vì bị phỉ báng và được bồi thường 75.000 Mỹ Kim.

Một người sửa xe hơi bị một chương trình truyền hình tố cáo là có dự phần vào một vụ ráp xe bất hợp pháp, đã được đài truyền hình này bồi thường 40.000 Mỹ Kim sau khi được tòa án tuyên bố vô can.

Tất cả những thí dụ kể trên được chọn lựa một cách ngẫu nhiên chứng tỏ cách thức thi hành luật phỉ báng. Không có tờ báo hoặc tạp chí hoặc hãng thông tấn nào có thể tránh khỏi được thừa kiện vì cho rằng đó là một sự lẫn lộn ngay tình hoặc chỉ thuật lại những gì mà một người khác đã nói.

Do đó, đi kiện quan trọng căn bản đối với ký giả chuyên nghiệp trong tất cả các ngành truyền thông là phải biết những nguyên tắc của luật phỉ báng và hoạt động trong niềm tin mãnh liệt về những nguyên tắc đó.

TỰ DO VÀ TRÁCH NHIỆM

Tự do báo chí ở Hoa Kỳ căn cứ vào Tu Chính Án Thứ Nhất của Hiến Pháp:

Quốc Hội sẽ không làm một đạo luật nào có tính cách tôn trọng việc thiết lập một tôn giáo hoặc cấm đoán tự do hành lễ; hoặc hạn chế tự do ngôn luận hoặc tự do báo chí; hoặc quyền của dân chúng được hội họp ôn hòa và đạo đạt những thỉnh nguyện lên Chính Phủ để sửa đổi những điều sai lầm.

Tuy nhiên, như thẩm phán Oliver Wendell Holmes đã nhấn mạnh, việc bảo đảm tự do ngôn luận này không cho phép một công dân la làng một cách đối trá “cháy, cháy” trong một phòng họp đông người mà không bị trừng phạt. Cũng không thể cho phép một lãnh tụ chính trị xúi giục dân chúng nổi loạn vì đã có Hiến Pháp bảo đảm tự do hội họp. Tương tự như vậy, không một tờ báo nào có thể lạm dụng những bảo đảm tự do mà cứ để cho các xe vận tải chở báo vượt qua các ngã tư cả khi đèn đỏ, hoặc không chịu trả lương cho nhân viên.

Tất cả các tổ chức làm tin, giống như các công dân, đều bị chi phối bởi tất cả các luật lệ của địa phương, của tiểu bang và của quốc gia.

ĐỊNH NGHĨA PHỈ BÁNG

Hiện nay, có quá nhiều biến thể (variations) trong các luật phỉ báng (libel laws) của các tiểu bang (Hoa Kỳ) và làm khác biệt những phán quyết của tòa án trong các tiểu bang này thành thử không dễ gì mà giải nghĩa một cách đúng mức thế nào là phỉ báng. Dù có nhiều định nghĩa như vậy nhưng không có một định nghĩa nào được chấp nhận chung cho toàn thể Liên Bang Hoa Kỳ. Thêm vào đó, hoàn cảnh, thời gian và địa dư, tất cả đều tạo ra những sự thay đổi. Một điểm đáng chú ý khác là trong số rất nhiều vụ thưa kiện được xử ở tòa án, có rất ít vụ được loan báo trên báo chí và đòi truyền thanh vì sợ trở thành tiền lệ trong lãnh vực luật pháp này.

Những định nghĩa tổng quát. Định nghĩa dưới đây đã được sử dụng tại Trường Cao Học Báo Chí (Columbia Graduate School of Journalism) trong hơn 50 năm nhờ một câu tuyên bố có mục đích chung để nhận biết xuất bản phẩm (publication) có tính cách phỉ báng:⁵²

Phỉ báng là nói xấu được diễn tả bằng cách viết, cách in hoặc bằng hình thức khác có thể trông thấy được...

“Những chữ nào được in ra hoặc viết ra bị coi là phỉ báng khi nó gán cho nguyên đơn (plaintiff) phạm một tội ác (crime), lường gạt (fraud), sự bất chính (dishonesty), tội vô luân (immorality), sự xấu xa (vice), hoặc cư xử dơ tiện (dishonorable conduct) hoặc bị tố cáo hoặc bị tình nghi về một vụ bất chính: hoặc những chữ đó gợi ý rằng nguyên đơn đang bị bệnh truyền nhiễm: hoặc, những chữ đó có khuynh hướng mạ lỵ (injure) nguyên đơn

trong chỗ làm việc của họ, trong nghề nghiệp của họ... Và cũng là phỉ báng tất cả những chữ làm cho nguyên đơn bị khinh rẻ, ghét bỏ hoặc chê cười và do đó tạo ra một ý kiến xấu (evil opinion) về nguyên đơn trong đầu óc của những người suy nghĩ ngay thẳng và có khuynh hướng làm cho nguyên đơn mất sự giao dịch thân thiện với xã hội". (Odgers: "Bàn về phỉ báng và vu cáo")

Như vậy, có một sự phân biệt rõ ràng giữa phỉ báng và vu cáo: phỉ báng là bêu xấu được diễn tả bằng hình thức có thể trông thấy được (visible form) và vu cáo (slander) là nói xấu (oral defamation) mà tính chất lại khó chứng minh và khó phạt hơn.

Định nghĩa của Tiểu Bang New York về phỉ báng (Khoản 1349, Hình Luật Tiểu bang N.Y.) là một trong những định nghĩa rộng rãi nhất và hữu dụng nhất ở Hoa Kỳ:

Một xuất bản phẩm có ác ý được viết ra, in ra, bằng hình ảnh hình khắc, dấu hiệu hoặc cái gì khác hơn là lời nói, làm cho một người còn sống hoặc vong linh của một người quá cố bị ghét bỏ, khinh miệt, chê cười, ô nhục, hoặc xuất bản phẩm đó gây ra hoặc có ý làm cho bất cứ người nào bị xa lánh hoặc ghét bỏ, hoặc nữa có khuynh hướng mạ lỵ người nào, đoàn thể nào hiệp hội nào, trong công việc hoặc trong chức vụ của người ấy, của đoàn thể ấy và hiệp hội ấy, là phỉ báng.

Phân hạng phỉ báng. Nói chung, nói xấu bằng các phương tiện truyền thông xuất bản hoặc truyền thanh là phỉ báng hiển nhiên, bất kể rằng hành động đó có thành công hay không. Có một số biện pháp biện minh đầy đủ hoặc một phần chống lại những vụ kiện về phỉ báng và nhiều hoàn cảnh trong đó có thể giảm bớt những thiệt hại.

Phần nhiều những vụ thưa kiện về phỉ báng có tính cách dân sự, vì phỉ báng hộ sự (civil libel) là một vụ vi phạm chống lại một cá nhân và có thể bị trừng phạt bằng cách bồi thường thiệt hại cụ thể. Trái lại, phỉ báng hình sự (criminal libel) là một trọng tội chống lại nhà nước và bị nhà nước khởi tố với hình phạt gồm cả phạt tiền lẫn phạt tù trong trường hợp cá nhân. Đại khái nếu so sánh thì có sự khác biệt nhỏ trên định nghĩa giữa phỉ báng hộ sự và phỉ báng hình sự, trừ trường hợp phỉ báng hình sự có tính cách rộng rãi nghĩa là phỉ báng toàn thể một nhóm người. Tuy nhiên, những vụ kiện này cũng như những vụ kiện phỉ báng hình sự khác tương đối rất ít.

Trong một vụ kiện về hộ. Nếu là trường hợp phỉ báng hiển nhiên và sau khi tất cả những lời biện hộ đã được đưa ra, những sự thiệt hại có thể được bồi thường theo lệnh của tòa án và phù hợp phán quyết. Trong trường hợp như vậy, bên nguyên đơn không cần phải trưng bằng cứ tổn thất tiền bạc mà chỉ cần chứng minh rằng mình bị phỉ báng một cách không chính đáng là đủ. Tuy nhiên, trong vài trường hợp nổi tiếng, sự bồi thường thiệt hại chỉ hạn chế trong một số tiền rất nhỏ là sáu cents. Trong những trường hợp mà những sự thiệt hại về tiền bạc được nêu ra thì đó cũng chỉ là một phần phụ thuộc trong việc bồi thường đặc biệt chứ không phải thông thường bởi vì những sự thiệt hại tài chính do phỉ báng gây ra khó có thể chứng minh được.

Thông thường hơn là những phạt vạ. Những vụ phạt này phải căn cứ vào một sự chứng thật của một hành vi phạm tội phỉ báng có ác ý. Hành vi phạm tội có ác ý ấy có thể được chứng minh bằng một cuộc điều tra về sự quá câu thả, hoặc ý định xấu hoặc nhiều lỗi lầm khác không quan trọng bằng. Một cuộc điều tra như vậy là một mối nguy chính yếu trong nhiều vụ tố tụng về phỉ báng: đó là một lý do mà người ta luôn luôn khẩn khoản yêu cầu thực hiện trong nhiều vụ tố tụng về phỉ báng; đó cũng là một lý do khiến cho các chủ biên và nhà phát thanh luôn luôn đòi hỏi phóng viên phải cố gắng thu thập dữ kiện đầy đủ cho câu chuyện và sử dụng những dữ kiện đó sao cho được vô tư.

Những dấu hiệu nguy hiểm. Các ký giả cần phải biết những điều nào có thể làm cho mình bị kết tội phỉ báng. Những chứng cứ sau đây là những chứng cứ khó bào chữa:

- Quả quyết về sự mất trinh của một phụ nữ.
- Đăng một ai tín phô bày rằng một người chết trong một trường hợp không tốt đẹp trong khi chính người đó vẫn còn sống.
- Phổ biến chi tiết của một vụ kiện vì ước đoán rằng những chi tiết đó có thể được phổ biến trong khi trên thực tế không phải như vậy.
- Sử dụng những tài liệu như trát đòi ra tòa, lời khai viết trước nhà chức trách và những lời ghi không tốt đẹp của cảnh sát với quan niệm sai lầm rằng đó là những tài liệu có tánh cách công cộng (matters of public record).
- Nhắc lại một sự phỉ báng trong một phúc trình về một vụ kiện phỉ báng.

- Gán chứng điên khùng hoặc lãng trí cho một người chưa từng bị giữ trong một cơ sở loại đó.
- Gán tê đoan xã hội như say rượu, ghiền thuốc phiện cho một người danh giá.
- Phạm lỗi khi sử dụng tên người hoặc vì đánh v ần sai, ghi địa chỉ sai, hoặc vì những sự sai lầm khác khiến cho người vô tội bị lẫn lộn với người có tội.
- Lẫn lộn sự kết tội một hành động lỗi lầm (charge of wrongdoing) với sự tin tưởng hành động lỗi lầm (conviction of wrongdoing). Sử dụng lời chế nhạo và lời bóng gió để ám chỉ hành động lỗi lầm.

Những danh từ phỉ báng. Nhiều danh từ làm mất giá trị con người đã gây ra những vụ thừa kiện phỉ báng. Trong số đó có những chữ như: đ ờn nói láo (liar), vô lại (rascal), sỏ lá (villain), gian lận (swindler), đ ều giả (rogue), bội ước (perjurer) và những chữ tương tự. Gọi một bác sĩ là “lang băm” mà không có gì chứng minh sẽ tạo ra một vụ kiện phỉ báng. Tương tự như vậy, cũng là phỉ báng khi gọi một tu sĩ là kẻ báng bổ thần thánh, một thầy giáo là ké ngu si, một nhà báo là người hay nói xấu, vân vân. Một nhân viên công quyền, một diễn viên, một đấu thủ đã c ầu... có thể bị phê bình một cách vô tư trong nghĩa vụ công của họ hoặc về các thành tích của họ nhưng họ không thể bị công kích trong đời tư của họ.

Ai chịu trách nhiệm? Trên lý thuyết, trong tất cả các trường hợp, người nào có liên quan đến việc phổ biến câu chuyện phải có trách nhiệm và có thể bị kiện. Tuy nhiên, trên thực tế, chính tổ chức làm tin thường là cái đích chính. Thường thường, những nhân viên có ảnh hưởng lớn từ sở hữu chủ hoặc chủ nhiệm lần lượt trở xuống có thể bị dính líu vào một vụ kiện phỉ báng với tính cách bị đ ơn; rõ rệt nhất là những chủ biên những ký mục gia hoặc bình luận gia, hoặc những ký giả có ảnh hưởng lớn có thể phải b ồi thường thiệt hại nhiều hơn là những nhân viên thường.

Bất kể số nhân viên tòa báo bị can là bao nhiêu người, ban quản trị phải chịu trách nhiệm chính trong một vụ kiện phỉ báng. Ban quản trị phải chịu trách nhiệm về tất cả những cái gì đ ược ấn hành hoặc đ ược phô bày cho công chúng xem, hoặc đ ược phát thanh cho công chúng nghe — tin tức, quảng cáo, hí họa, hình ảnh, chú thích, bình luận hoặc những tài liệu đ ồng loại. Không bao giờ có thể là một sự biện minh đ ầy đủ khi viện cớ rằng

một xuất bản phẩm (publication) hoặc một bài phát thanh được thực hiện trong sự thành thật và căn cứ trên những đi ều do một nhân viên công quyền nói ra, hoặc xuất xứ là của một hãng thông tấn có tiếng tăm hoặc một cơ quan giao tế qu ần chúng. Nếu có sự sai lầm và nếu không có được những sự biện minh đầy đủ, chắc chắn là ban quản trị phải gặp rắc rối.

BIỆN MINH CHỐNG LẠI NHỮNG VỤ KIỆN PHỈ BÁNG

Có một lợi khí biện minh một cách đầy đủ chống lại những vụ kiện phỉ báng mà báo chí và các phương tiện truyền thông bị dính líu vào. Trong số này, đáng kể nhất là quyền nói lên sự thật, sự tường thuật vô tư và đúng sự thật một cuộc tranh luận chính thức và quyền phê bình vô tư.

Biện minh bằng sự thật. Sự thật của một câu chuyện là lợi khí biện minh hữu hiệu nhất trong một số tiểu bang của Liên Bang Hoa Kỳ. Khi luật pháp của những tiểu bang này định rõ rằng phải chứng tỏ không có ác ý để áp dụng quyền bênh vực sự thật, đi ều đó không có nghĩa là đã có đủ năng lực giúp cho bị cáo và bị cáo chỉ cần dựa vào đó. Trên phương diện hoàn toàn thực tiễn, quyền bênh vực sự thật thường có một hiệu lực quyết định trong mọi vụ phỉ báng, dù là hộ hay là hình, được đem ra xử, bất kể bị cáo có thể nại cứ như thế nào.

Dĩ nhiên, bổn phận của bị cáo là phải chứng minh sự thật trong một vụ kiện về phỉ báng. Tài liệu chứng thật kèm với lời khai của các nhân chứng cho thấy câu chuyện là thật, làm thành lợi khí tốt nhất chống lại những vụ kiện phỉ báng. Nhưng cũng dĩ nhiên là không phải lúc nào một tổ chức làm tin cũng có thể cung cấp sự biện minh đầy đủ như vậy. Thí dụ, trong những trường hợp hình sự, bị cáo phải có những nỗ lực để tỏ ra bên nguyên có tiếng xấu thực sự chứ không phải bị cáo có ác ý phỉ báng. Tuy nhiên, đó cũng chưa phải là sự biện minh đầy đủ. Trong một số trường hợp khác, biện minh bằng sự thật có thể dựa trên những đi ều ghi chú của một phóng viên để chứng minh những lời đã được nói ra trong một hoàn cảnh nào đó. Trong mọi trường hợp sự biện minh phải được tập trung vào nội dung của lời tố cáo chứ không phải vào cách thức tố cáo.

Việc công nhận sự thật là một cách biện minh đầy đủ đã được nêu lên trong một câu của thường luật thời cổ của nước Anh về các trường hợp phỉ báng: “Sự thật càng rõ ràng bao nhiêu thì sự phỉ báng càng lớn bấy nhiêu.”

Biện minh bằng đặc quyền. Một bài tường thuật vô tư và xác thực, về những hoạt động chính thức được coi như là có tính cách đặc quyền. Vấn đề này bao gồm cả những hoạt động của lập pháp, tư pháp và các hoạt động chính thức khác. Tuy nhiên, những gì được nghe thấy và tường thuật lại thay đổi tùy theo tiểu bang vì vậy không một phóng viên nào nên đương nhiên cho rằng mọi việc mình tường là có tính cách chính thức đều được tường thuật lại.

Quyền biện minh bằng đặc quyền trong nghề phóng viên căn cứ trên chính sách của nhà nước đối với công chúng, đó là quyền của dân chúng được tiếp nhận những bài tường thuật vô tư và xác thực về những hoạt động của các cơ quan tư pháp, lập pháp và các viên chức chính phủ.

Khoan 337 của Bộ Dân Luật Tiểu Bang New York chứa đựng một trong những định nghĩa tiêu chuẩn của một tài liệu có tính cách đặc quyền:

Không thể có một Vụ án hộ sự chống lại một người nào, một công ty hoặc một tổ hợp nào vì phổ biến một bài tường thuật vô tư và xác thực về một hoạt động nào của luật pháp, hoặc một phần của bản tường trình diễn tả một cách vô tư và đúng với câu tuyên bố được đưa ra.

Như vậy, trong lúc luật của Tiểu Bang New York minh định rằng một phóng viên không thể tường thuật những điếu có tính cách thóa mạ mà một nhà lập pháp hoặc tư pháp trao cho mình, trừ phi nó là một phần thực sự trong tài liệu chính thức, nhưng đây cũng không phải là luật chung cho tất cả các tiểu bang. Ở Texas và California, sự biện minh bằng đặc quyền được nói rộng ra cho các cuộc hội họp công cộng. Ở New York, một cảnh sát trưởng, biện lý hoặc một khám cấp viên có thể đưa ra những lời tuyên bố được coi như có tính cách đặc quyền mặc dầu họ không tham dự vào hoạt động thực sự. Vì vậy, nói chung, muốn “chắc ăn”, người phóng viên nên theo nguyên tắc là chỉ coi là có tính cách đặc quyền những tài liệu chính thức của lập pháp hoặc tư pháp chứ không phải những lời phê bình có tính cách thóa mạ được đưa ra một cách ngẫu nhiên ở bên ngoài (pháp đình hoặc tòa nhà lập pháp).

Điều này cho thấy ngay khó khăn chính yếu của việc nêu đặc quyền để biện minh trong mọi trường hợp trừ những trường hợp rõ rệt nhất —

những cuộc họp công khai của Quốc Hội, của những cơ quan lập pháp khác và những hội đồng hàng tỉnh và thành phố, những tài liệu về những vụ xử án công khai và những vụ tương tự. Trong nhiều tiểu bang của Liên Bang Hoa Kỳ, và trong vài lãnh vực của chánh quyền Liên Bang, sự gia tăng việc tôn trọng bí mật đã tạo nên một sự nghi ngờ lớn nhất về những gì được coi là tài liệu có thể dùng để biện minh với tính cách đặc quyền.

Harold L. Cross, trong cuốn sách *The People's Right to Know* (Quyền của Người Dân Được Biết), đã viết:

Bị chi phối bởi những qui tắc của cú pháp và của thường luật, một nhật báo có đặc quyền (hoặc quyền) tuyệt đối trong vài, tiểu bang và với điều kiện trong một số tiểu bang khác khi không có ác ý, để phổ biến một bài tường thuật vô tư và xác thực về những “hoạt động chính thức”; hầu hết những “hoạt động lập pháp” và “hoạt động tư pháp” đều là những đề tài chính của cả bài tường thuật có tính cách đặc quyền kể trên. Nhiều tiểu bang đã đi xa hơn và cho phép đăng cả những hoạt động khác.

Thí dụ Tiểu Bang New York đã thêm “những hoạt động có tính cách công cộng và chính thức”, Tiểu Bang Oklahoma thêm “tất cả những hoạt động khác được luật pháp cho phép”. Nhiều tiểu bang khác đã áp dụng một trong những câu trên hoặc một điều cụ thể tương đương.

Khi biện minh bằng đặc quyền, viên lẽ tường thuật theo tài liệu của cảnh sát, các tòa án của các tiểu bang Colorado, Louisiana, Missouri, New York, Oregon và Washington đã thừa nhận với những mức độ khác nhau rằng “tài liệu cảnh sát” là “công cộng và chính thức” hoặc tương đương như vậy. Tiểu Bang Texas hình như đi theo một đường hướng khác. Còn Tiểu Bang Michigan thì có nhiều quyết định khác nhau. Tuy ảnh hưởng của những quyết định này không rõ rệt nhưng tỏ ra thiên về quan điểm là những tài liệu của cảnh sát được viết ra là “công cộng và chính thức” trong khi những câu tuyên bố miệng của các viên chức cảnh sát với báo chí không được kể là có tính cách đặc quyền...⁵³

Những hoạt động bí mật của các cơ quan công quyền mà tài liệu không được giữ lại, chắc chắn không thể giúp cho việc biện minh bằng đặc quyền. Cũng như có rất nhiều tài liệu khác của công quyền phải được giữ bí mật vì lợi ích chung. Trong số những tài liệu này, có tài liệu về những hoạt động của các đại phụ thẩm đoàn, về thiếu nhi phạm pháp trong một số tiểu bang

và trong tiểu bang Wisconsin về lý lịch của người phụ nữ bị cưỡng hiếp. Biện minh bằng đặc quyền, vì vậy, không được rộng rãi như biện minh bằng sự thật, mặc dầu cũng có thể được trưng dẫn đầy đủ.

Quyền của một nghị sĩ Quốc Hội nói ra ý nghĩ của ông tại Thượng Viện hoặc Hạ Viện bất kể đúng hay không đúng khi tấn công một cá nhân, đã làm cho công chúng chú ý từ khi Thượng Nghị Sĩ Joseph R. McCarthy phát biểu ý kiến về vấn đề chống Cộng. Biện minh bằng đặc quyền trong khi tường thuật tất cả những tài liệu đó đã căn cứ ngay vào bản Hiến Pháp Hoa Kỳ, khoản 6, đoạn 1:

Các nghị sĩ và dân biểu sẽ được hưởng một khoản trợ cấp cho những việc làm của mình, do luật ấn định và do Ngân Khố của Hoa Kỳ thanh toán. Trong mọi trường hợp, ngoại trừ những trường hợp phản bội, trọng tội, phá hoại an ninh, họ được hưởng quyền không bị bắt giam khi dự khóa họp của Viện, trong khi tới Viện họp hoặc khi từ Viện về nhà; và các bài diễn văn và các cuộc thảo luận tại mỗi viện, họ có quyền không bị chất vấn ở bất cứ nơi nào.

Như giáo sư Edward S. Corwin đã nhấn mạnh trong bản phân tích Hiến Pháp của ông: “Sự bảo vệ của điều khoản này không giới hạn ở những chữ được nói ra trong cuộc tranh luận, và cũng được áp dụng cho những bài tường thuật được viết ra, với những quyết nghị được đề nghị, với sự đầu phiếu và với mọi sự việc xảy ra trong phiên họp ở Quốc Hội.”⁵⁴

Về đặc quyền của lập pháp, thẩm phán Felix Frankfurter, năm 1951 đã nêu lên nguyên tắc “Các nhà lập pháp không thể bị liên lụy vì những chương ngại vật làm mất nhiệm vụ lập pháp của họ, không phải vì đặc quyền riêng của họ mà chính vì lợi ích công cộng. Người ta không nên mong chờ một sự can đảm khác thường nào ngay ở những nhà lập pháp”.

Tuy nhiên, điều này không gây trở ngại nào đối với quyền lịch sử của tất cả các công dân trong mọi phương tiện truy cập thông để phê bình chính phủ có vô tư hay không vô tư, bất kể các lý do của họ có chính đáng hay không. Đặc quyền do John Peter Zenger đoạt được trong phiên xử ông về tội phỉ báng năm 1735 vẫn còn nguyên vẹn vì sự phê bình này có tính cách lợi ích công cộng. Năm 1964, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đã lại xác nhận rằng một sự chỉ trích công việc của chính quyền không phải là phỉ báng “một viên chức chịu trách nhiệm về công việc đó”.

Trên vài tờ báo, nhất là những tờ mang tính chất “giật gân”, người ta thường viết một cách hài hước về vài loại thừa kiện như “các vụ ly thân, ly dị, bãi hôn”. Trừ ở tiểu bang New York và một hai tiểu bang khác, kiểu viết này khó được đặc quyền bảo vệ trừ phi người viết chứng minh được rằng đó là một bài tường thuật “vô tư và xác thực” và “không có ác ý”. Sự bảo đảm hữu hiệu nhất trong mọi vấn đề liên quan đến việc biện minh bằng đặc quyền là phải nêu lên cả hai khía cạnh của câu chuyện nếu có thể được.

Quyền phê bình vô tư. Những sự phát biểu ý kiến trong các bài xã thuyết, bài phê bình, thư gửi cho chủ bút và những bài phân tích thời sự đều nằm trong quyền phê bình vô tư và có thể dùng làm khí giới biện minh trong những vụ kiện về phỉ báng. Quyền này căn cứ trên chính sách đối với dân chúng — quyền của tất cả mọi người được phê bình (comment) và chỉ trích (criticize) không có ác ý công việc của những người nào gây sự chú ý của dân chúng. Trong số những người tạo ra phê bình và chỉ trích vì tính chất của những hoạt động của họ, có những nhân viên công quyền, nhà văn, nhà soạn kịch, những người trình diễn trước công chúng (nam nữ nghệ sĩ, đấu thủ thể thao...) cũng như tất cả những người khác mà sự nghiệp được dân chúng chú ý.

Quyền phê bình vô tư không nên mở rộng đến đời tư của bất cứ người nào mà phải hạn chế trong những việc có tính cách lợi ích công cộng hoặc liên quan đến quyền chúng. Những việc này gồm cả những hoạt động của chính phủ, của các cơ quan công và bán công cũng như những cuộc giải trí công cộng và quảng cáo.

Trong khi quyền phê bình vô tư bị hạn chế ở những sự phát biểu ý kiến, người ta thường nên hiểu rằng những ý kiến này phải căn cứ vào sự kiện. Thí dụ, công kích một tác giả về những điếu mà người đó không viết hoặc một nhân viên công quyền về một hoạt động yếu kém không phải do họ làm thì quả thật là không chính đáng. Do đó, phê bình căn cứ trên sự kiện thường có thể được biện minh dưới danh nghĩa quyền phê bình vô tư, cả khi nó được thực hiện một cách nghèo nàn và không hợp lý nhưng cần nhất là phải không có ác ý.

QUI TẮC *THE NEW YORK TIMES*

Trong một phán quyết nổi tiếng năm 1964, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ lần đầu tiên đã viện dẫn Tu Chính Án thứ Nhất để bênh vực một người bị kiện vì phỉ báng một nhân viên công quyền. Tối Cao Pháp Viện lập luận rằng nếu sự phê bình cách xử sự của một nhân viên công quyền không phải là sự chối bỏ hoặc liêu lĩnh khinh thường sự thật thì nhân viên đó không có căn cứ để thưa kiện.

Trường hợp này là trường hợp của L. B. Sullivan, cảnh sát trưởng ở Montgomery, Tiểu Bang Alabama. Ông Sullivan kiện báo *The New York Times* sau khi báo này đăng một bản bố cáo của một nhóm tranh đấu cho quyền công dân chỉ trích cảnh sát. Vì ông đứng đầu lực lượng cảnh sát ở Montgomery, ông lập luận rằng ông bị phỉ báng mặc dầu bố cáo không chỉ đích danh ông. Tòa án Alabama đã xử cho ông được hưởng 500.000 Mỹ Kim bồi thường thiệt hại.

Dù ông Sullivan đệ trình một tài liệu trong đó ông viện lẽ rằng báo *The New York Times* có dụng ý phỉ báng vì không bỏ những điếu hư ngụy (falsehood) trong bố cáo, Tối Cao Pháp Viện đã chống lại phán quyết của Tòa Án Alabama như sau:

*Chúng tôi nghĩ rằng những bảo đảm của Hiến Pháp buộc luật pháp Liên Bang phải ngăn cấm một nhân viên công quyền đòi bồi thường vì những lời hư ngụy có tính cách phỉ báng liên quan đến cách cư xử của người ấy trừ phi người ấy chứng minh được rằng lời tuyên bố được đưa ra với dụng ý phỉ báng — nghĩa là phải biết lời tuyên bố đó là sai hoặc liêu lĩnh không cần biết đó là sai hay không.*⁵⁵

Như vậy, với phán quyết của Tối Cao Pháp Viện hành động theo tập quán được ông Chánh Án Earl Warren nêu ra, các ký giả có thể mắc phải những lỗi lầm về sự kiện (errors of fact) trong khi phê bình nhân viên công quyền khi họ không chối bỏ hoặc liêu lĩnh khinh thường sự thật. Tuy nhiên, Thẩm Phán William J. Brennan Jr., dù có đứng trong đa số bênh vực trường hợp của báo *Times*, cũng không nói rõ ai có thể được coi là “chính thức” và thế nào là “liêu lĩnh khinh thường sự thật”.

Qui Tắc *The New York Times* được mở rộng. Bảy năm sau khi đưa ra phán quyết kể trên, Tối Cao Pháp Viện đã mở rộng sự bảo vệ các phương tiện truyền thông trong việc tường thuật các vấn đề liên quan đến lợi ích

công cộng. Dưới sự lãnh đạo bảo thủ hơn của ông Chánh Án Warren E. Burger, năm 1971, Tối Cao Pháp Viện, với đa số 5-3, đã chấp thuận việc áp dụng qui tắc *The New York Times* cho các cá nhân thuộc lãnh vực tư và hoạt động có tính cách lợi ích công cộng.

Với phán quyết của đa số do Thẩm Phán Brennan viết ra, một lần nữa, Tối Cao Pháp Viện lại bác bỏ một phán quyết của một tòa án cho một nhà phát hành tạp chí lỏa thể thắng trong một vụ kiện đòi phát thanh Philadelphia Metromedia. George A. Rosenbloom, nguyên đơn, đã được tòa dưới xử cho hưởng 750.000 Mỹ Kim bồi thường thiệt hại. Khi bác bỏ phán quyết của tòa dưới, Tối Cao Pháp Viện lập luận:

*Chúng tôi chủ trương bằng một vụ kiện phỉ báng như vụ này do một cá nhân thưa một đài phát thanh vì đưa ra những điều hư ngụy trong chương trình phát thanh liên quan đến một biến cố công cộng hoặc quyền lợi chung, chỉ có thể được bênh vực. khi có bằng chứng rõ ràng và chắc chắn là những điều hư ngụy đó được phổ biến trong khi (bị cáo) biết những điều đó là sai, hoặc liều lĩnh không cần biết là sai hay không.*⁵⁶

Những biện minh khác. Những biện minh khác chống lại thưa kiện về phỉ báng, ít khi được dùng đến, gồm có việc phổ biến tài liệu để bênh vực hoặc để trả lời, tài liệu với sự ưng thuận của người than phiền bị phỉ báng, đặc quyền của một người tham dự vào một hoạt động chính thức và sự bảo vệ của những hạn chế (thường là hai năm hoặc ít hơn ở Hoa Kỳ).

TRƯỜNG HỢP GIẢM KHINH

Trước việc công bố tài liệu bêu xấu (defamatory publication), có thể có những trường hợp không thể biện minh đầy đủ chống lại vụ thưa kiện vì phỉ báng. Trong những trường hợp này phải có những nỗ lực giảm bớt ảnh hưởng của việc phỉ báng làm lợi cho nguyên đơn. Một trong những hành động mà bất cứ bị đơn nào cũng có thể làm được là phổ biến việc thu hồi tài liệu bêu xấu hoặc đăng lời cải chính hoặc xin lỗi. Bài này phải đăng vào chỗ tương đương và cùng kích thước với bài phỉ báng. Thêm vào đó, việc sử dụng những ngôn từ như “người bị tình nghi” (the suspect), “theo tin tức của cảnh sát” (according to police) và những ngôn từ tương tự đều tỏ ra

rằng bị đơn đã có một sự cố gắng để làm cho bài tường thuật có tính cách vô tư và trung thực chứ không có ác ý.

Vài khuyến cáo. Chín yếu tố biện minh sau đây có thể làm giảm bớt tội trạng:

1. Phê hạnh nói chung của nguyên đơn làm cho bên bị có lý do để tin tưởng rằng những tội chứng sẽ là thật.
2. Những tin đồn có ảnh hưởng như bài phỉ báng thường thịnh hành và được nhiều người trong cộng đồng tin và không bao giờ thấy bị cáo hoặc các bạn hữu của người này nói trái lại.
3. Bài phỉ báng xuất phát từ một hội đoàn báo chí (press association) hoặc được sao chép lại (copied) từ một tờ báo khác và được coi là có thật.
4. Tính nết của nguyên đơn thường xấu.
5. Sự công bố được thực hiện trong tình trạng sôi nổi và hăng say do những hành động của nguyên đơn gây ra.
6. Tội chứng đã được nói ra với sự hiện diện của bên nguyên trước khi phổ biến và bên nguyên không phủ nhận.
7. Sự công bố được thực hiện bởi một đối thủ chính trị trong không khí sôi nổi của một cuộc vận động chính trị.
8. Bị đơn sớm khám phá ra rằng anh bị lừa và đăng một bài thu hồi (lời phỉ báng), cải chính hoặc cáo lỗi.
9. Bài phỉ báng ám chỉ không phải bên nguyên mà một người có tên họ tương tự và đối với người này những tội chứng là có thật và nhiều độc giả hiểu rằng chính người này bị ám chỉ.⁵⁷

Vài kinh nghiệm. Mỗi ký giả chuyên nghiệp đều có thể bảo vệ tổ chức làm tin của mình và chính mình chống lại những vụ thừa kiện vì phỉ báng bằng cách nêu ra những sự kiện chính xác, hợp lý, chánh đáng và không thiên vị trong công việc thu thập tin tức và cẩn thận tránh tất cả những điếu gì tỏ ra cố ý phạm pháp theo như quan niệm của các tòa án.

Không nên luôn luôn cho rằng cái gì cũng có thể được chấp nhận trong nghề nghiệp báo chí. Một qui tắc chắc chắn để tự vệ là hãy gác lại tài liệu nào còn bị nghi ngờ cho đến khi có thể phối kiểm được và phải chú ý đến những chữ cũng như tinh thần chính xác trong tất cả những điếu đem phổ

biến. Dưới những áp lực của báo hàng ngày, người làm báo thường bị lôi cuốn bởi ý muốn chóng đi đến kết luận, muốn hành động như một thầy kiện và bắt đầu thực hiện một câu chuyện với những khái niệm có sẵn (preconceived notions) về cái gì sắp sửa xảy ra. Đi theo chiều hướng đó là bước vào con đường lẩn lẩn để rồi làm một bản văn thiên lệch và đăng những bài có tính cách phỉ báng rất khó tìm ra cách bào chữa. Ký giả phải có tinh thần cởi mở không như người làm tuyên truyền đã nhào nặn ý kiến của họ trước rồi.

Những nguyên nhân của phỉ báng được thấy đầy rẫy trong các tin tức và “nảy mần” ở nhiều chỗ bất ngờ vào những lúc ít thuận tiện nhất. Nhưng đối với những người từng lăn lóc nhiều năm trong nghề báo, họ thường có nhận xét là những vụ kiện về phỉ báng ít khi thành công đối với một tờ báo biết chọn thái độ sau khi nghiên cứu vấn đề một cách công phu và am tường tất cả các sự kiện. Nên nhớ rằng một câu chuyện dù chỉ được cấu tạo bằng hai đoạn văn về một sự việc xảy ra trên đường phố, một lời chú giải làm trên hình ảnh ở tòa soạn hoặc ở phòng sắp chữ, một địa chỉ ghi sai, một danh tính viết không đúng hoặc một trong hàng ngàn chuyện tầm thường của nhật báo thường có thể gây ra những sự tai hại lớn lao nhất và những vụ kiện phỉ báng khó mà biện hộ được. Ký giả phải luôn luôn sáng suốt để trình bày các sự kiện một cách chính xác, để phân biệt giữa một người bị câu lưu và một người bị tạm giữ để thẩm vấn, để nhận biết rằng việc nêu ra một tội chứng chống lại một bị đơn không phải là người này đã phạm tội.

Có một cái gì quan trọng hơn là chú ý trước hết tin tức. Đó là lấy tin một cách thẳng thắn. Không phải chỉ nghĩ đến việc bênh vực tờ báo trong một vụ kiện phỉ báng mà phải thận trọng trong việc đi tìm những sự kiện. Mục tiêu tối hậu của ký giả là lòng tín nhiệm của công chúng; không có tín nhiệm, không tờ báo nào có thể tồn tại được lâu dài trong một nước dân chủ.

QUYỀN RIÊNG TƯ

Trong gần 70 năm nay, nhiều cá nhân hoặc không có thể hoặc không muốn đi thưa kiện về phỉ báng đã có nhiều nỗ lực để củng cố quyền riêng tư (right to privacy). Quyền này đã được bành trướng với tính cách một

thường luật cùng với qui chế của Tiểu Bang New York về quyền của cá nhân. Trong khi hành pháp và tư pháp càng ngày càng ủng hộ thuyết quyền riêng tư, người ta vẫn chưa thấy có những luật lệ hẳn hoi về quyền này và cũng không có sự đồng nhất trong việc thi hành quyền này ở các tiểu bang (Hoa Kỳ).

Nguyên tắc của quyền riêng tư đã được nêu ra cho những cá nhân được nói đến trong các tin tức cũng như cho những người mà các hình ảnh đã được sử dụng trên màn ảnh và truy cập hình không có sự thỏa thuận của họ. Tuy nhiên, sự nói rộng quyền riêng tư vẫn còn ở trong vòng thí nghiệm.

Thuyết Brandeis-Warren. Lời tuyên bố có thẩm quyền và chính thức đầu tiên về quyền riêng tư là do hai ông Louis D. Brandeis và S.D. Warren đưa ra. Ông Brandeis sau này là phụ tá thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ. Trước đây nhiều năm, hai ông có viết:

“Báo chí đã xâm phạm ranh giới tôn nghiêm của đời sống riêng tư của con người nhất là những bức hình phóng sự. Đã từ lâu người ta nghĩ rằng luật pháp phải có vài biện pháp đối phó với việc lưu hành không có phép những bức hình của tư nhân...”

*Quyền riêng tư phải là nguyên tắc bảo vệ những bài viết là những sản phẩm tinh thần của cá nhân.*⁵⁸

Tuy nhiên, Brandeis và Warren giữ lập trường là không nên lạm dụng quyền riêng tư để làm phương hại cho những công việc có tính cách lợi chung. Hai ông Brandeis và Warren đã tuyên bố khẳng định như sau:

“Quyền riêng tư chấm dứt với sự công bố những sự kiện do đó chính cá nhân thực hiện hoặc sự thỏa thuận của cá nhân đó.”

“Sự thật của vấn đề được phổ biến không thể là một sự biện hộ.”

“Tình trạng không có ác ý (absence of malice) của người phổ biến không thể là một sự biện minh”.

Từ khi thuyết Brandeis-Warren định rõ cái gì có thể được coi là quyền của cá nhân, 35 tiểu bang đã thừa nhận quyền riêng tư dưới hình thức này hoặc hình thức khác và chỉ có bốn tiểu bang (Nebraska, Texas, Rhode Island và Wisconsin) chối bỏ nó.

Theo ông Wilson W. Wyatt, một nhân vật chính thức có thẩm quyền, thì có bốn trường hợp chung trong đó những sự thiệt hại được bồi thường theo quyết định⁵⁹ :

1. Thích ứng để có lợi cho mình về vụ trù danh hoặc danh tính tương tự với người khác.
2. Xen lẫn thái quá vào đời sống riêng tư hoặc công việc riêng tư của người khác.
3. Phô bày thái quá đời sống riêng tư của người khác, kể cả trường hợp những sự kiện đều là thật.
4. Phô bày thái quá làm cho người khác bị hiểu lầm trước công chúng.

Sự phát triển của các phương tiện truyền thông điện tử có thể tạo ra sự xâm nhập thái quá đời sống riêng tư của cá nhân và tình trạng nhiều người, nhiều tổ chức và nhiều cơ quan công cũng như tư sử dụng các phương tiện truyền thông đó làm cho luật lệ về quyền riêng tư càng ngày càng trở nên quan trọng. Mặc dầu sự áp dụng luật lệ này chưa được rõ rệt nhưng trong tương lai chắc chắn nó sẽ gây ra những khó khăn lớn cho tất cả các phương tiện truyền thông.

Ảnh hưởng của thiên lệ. Điểm chính trong qui tắc của báo *The New York Times* dùng “ác ý hiển nhiên” hơn là đi đầu hư ngụy để trặc nghiệm về vụ phỉ báng nhân viên công quyền đã được đưa vào những luật lệ về quyền riêng tư. Trong một phán quyết quan trọng năm 1967, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ chủ trương rằng quyền riêng tư của một “người đáng được làm tin tức” không cho phép người đó tập trung những tin tức sai lầm để đòi bồi thường thiệt hại trừ phi có bằng chứng hiển nhiên là những tin tức sai lầm đó đã được phổ biến một cách rõ ràng và táo bạo (knowingly and recklessly published). Cũng với đa số 5-4, tòa án này cho rằng sự thi hành cứng rắn quyền riêng tư sẽ làm suy giảm quyền tự do ngôn luận. Thẩm Phán William J. Brennan Jr., đứng trong đa số, đã viết:

*Tự do thảo luận (freedom of discussion), nếu làm tròn nhiệm vụ lịch sử của nó trong quốc gia này, phải bao gồm tất cả những sự phổ biến với những tin tức cần thiết và thích hợp để làm cho mọi người trong xã hội có thể đối phó được với những đòi hỏi của thời đại họ.*⁶⁰

Song le, quá nhiều vụ thừa kiện đã xảy ra lấy cớ là quyền riêng tư bị xâm phạm rõ ràng và những thiên lệ đã gây khó khăn cho người ký giả hành nghề. Chính qui tắc theo đó nơi nào lợi ích công cộng chấm dứt và sự xâm phạm quyền riêng tư bắt đầu là đi đầu mà các tòa án phải minh định. Ngày

nay, cảm tưởng nổi bật trong lãnh vực tư pháp là lợi ích công cộng đối với trường hợp một cá nhân có thể hủy bỏ tác dụng của luật lệ bảo vệ quyền riêng tư. Ngoài ra còn phải xét xem rằng một việc bị coi là xâm phạm quyền riêng tư có thật sự bị một người biết đi đầu cho là quá xúc phạm hay không.⁶¹ Hiển nhiên đây là những biến số đặt ra nhiều vấn đề cho phương tiện truyền thông hơn là góp phần giải đáp.

Các phương tiện truyền thông, nhất là truyền hình, cần phải đề phòng sự vi phạm những quyền lợi cá nhân. Cách thức thông thường của báo chí lấy quan điểm của tất cả các phe liên hệ đến câu chuyện vẫn chưa đủ. Trong tương lai, truyền hình nên có được sự thỏa thuận trước về việc sử dụng những tài liệu phim ảnh trong những khu vực nhạy cảm khi có thể được.

TỰ DO THÔNG TIN

Ở Mỹ, cuộc tranh đấu liên tục để có nhiều tự do báo chí hơn có nhiều khía cạnh. Mọi tổ chức làm tin quan trọng đều cố gắng tranh đấu có được những đạo luật bảo vệ ký giả khỏi bị ép buộc tiết lộ các nguồn tin. Nỗ lực này mang lại kết quả là các đạo luật về “hội họp công khai” và “ghi chép công khai” đã gia tăng mạnh mẽ để ủng hộ quyền người dân được biết (People’s right to know) các công việc của chính phủ. Trong phạm vi quốc gia, một đạo luật liên bang về Tự Do Thông Tin đã ra đời nhưng ít khi các ký giả áp dụng vì nó quá phức tạp và vì phạm vi quá giới hạn của nó.

Tuy nhiên, các phóng viên vẫn tiếp tục bị truy tố vì xúc phạm tòa án trong những trường hợp mà họ nghĩ rằng họ cần phải bảo vệ các nguồn tin để xứng đáng là làm báo đứng đắn và tôn trọng lời hứa. Nhật báo và những phương tiện truyền thông khác cũng không thể tránh khỏi sự quấy rối của các nhà lập pháp — và đôi khi của các thẩm phán nữa — là những người thường cảm thấy rằng nhiệm vụ của họ là phải chế định báo chí theo một đường hướng này hoặc một đường hướng khác, bất chấp những đi đầu bảo đảm trong Tu Chính Án thứ Nhất của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Quyền tự do ấn hành không phải kiểm soát trước chắc chắn khó được duy trì một cách dễ dàng, ngay cả ở Hoa Kỳ. Nhiều nhật báo từng bị đóng cửa vì bạo động của đám đông quá khích hoặc vì những cuộc đình công. Trong thời chiến, nhiều nhật báo đã bị nhà cầm quyền quân sự bắt phải đình bản. Nhưng cho đến khi tờ *The New York Times*, tờ *Washington Post* và một số

tờ báo khác khởi đăng những “tài liệu Ngũ Giác Đài” liên quan đến nguyên nhân và việc đi đầu khiêu chiến cuộc Việt Nam, chính phủ Hoa Kỳ chưa bao giờ tìm cách ngăn cấm việc phổ biến bằng một hành động của luật pháp vì lý do an ninh quốc gia.

Trường hợp “Tài Liệu Ngũ Giác Đài”. Qua những nỗ lực của thông tin viên Neil Sheehan phụ trách Ngũ Giác Đài, Tờ *The New York Times* đã nắm được hầu hết những tài liệu trong một tập hồ sơ bí mật gồm 47 cuốn được được phân loại và sắp xếp theo lệnh của Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert Strange McNamara dưới nhan đề “Lịch sử Quá Trình Những Quyết Định của Hoa Kỳ về Chính Sách Đối Ngoại ở Việt Nam”. *The New York Times* đã phổ biến những tài liệu từ tập hồ sơ dày 7.000 trang đó trong những ngày 13, 14, 15 tháng Sáu 1971 trước khi bị đình chỉ do lệnh của Bộ Tư Pháp lên án rằng nền an ninh quốc gia đang bị đe dọa. Khi tờ *Washington Post* đăng những bài báo cũng căn cứ vào tập hồ sơ kể trên, tờ báo này cũng nhận được lệnh cấm ngày 19 tháng Sáu.

Sau khi cả hai tờ báo trên bị chính phủ đặt dưới chế độ kiểm duyệt trong 15 ngày, Tối Cao Pháp Viện, với đa số 6-3, ngày 30 tháng Sáu, đã phủ quyết quyền của chính phủ kiểm soát trước các xuất bản phẩm. Vì vậy, khi hai tờ *Times, Post* cùng nhiều tờ báo khác tiếp tục tiết lộ những tài liệu của Ngũ Giác Đài, chính phủ chuyển sang đường hướng khác nhưng vẫn trong mục đích ngăn cản việc trưng bày cho công chúng những tài liệu đặc biệt của chính phủ. Nhiều cuộc họp của các đại phụ thẩm đoàn dẫn đến những hành động của luật pháp chống lại cá nhân càng ngày càng làm bành trướng những vụ đối đầu giữa báo chí và chính phủ.

Thắng hay không thắng. Giống như lời phê bình của Little Peterkin về chiến trường Blenheim trong bài thơ của Robert Southey, trường hợp tài liệu Ngũ Giác Đài là một “chiến thắng lấy lòng” đối với làng báo nhưng thật ra nó không đặt ra được một tiền lệ đối với những hành động của chính quyền trong tương lai. Một vài chủ biên cũng nghi ngờ việc đó là một chiến thắng.

Nguyên do là chín vị thẩm phán Tối Cao Pháp Viện không thể đồng ý về một ý kiến duy nhất là chia thành ba nhóm rồi cuối cùng sáu vị quyết định quyền không có lý do chính đáng để giải thích việc kiểm soát trước các xuất bản phẩm, ông chánh án Burger, một trong những vị không đồng ý về

ý kiến đó, đã đọc một bản tuyên bố ngắn không ấn ký để kết thúc trường hợp này theo đó “mọi chế độ kiểm soát trước khi phát biểu ý kiến đối với Tòa này đều bị coi là trái hiến pháp”. Ý kiến thắng thế này còn nhấn mạnh rằng “chính quyền đảm nhận lấy trách nhiệm nặng nề về việc đưa ra chứng minh của sự ngăn cấm đó để thi hành”. Tuy nhiên, ý kiến này còn cho biết thêm rằng “những vụ phúc thẩm ở New York và ở Quận Columbia lần lượt giúp cho chính phủ khỏi phải đảm đương gánh nặng đó”.

Phán quyết kết luận một cách giản dị: “Chúng tôi đồng ý”.

Mặc dù báo chí tỏ ra hân hoan lúc ban đầu, thiết tưởng cũng nên để ý rằng người ta đã quan tâm nhiều đến một nhận xét sau đây mà ông Phó Chủ tịch Lý Erwin N. Griswold đưa ra sau buổi họp: “Có lẽ báo chí sẽ cần đôi chút hạn chế trong tương lai.”⁶²

Ít lâu sau, John S. Knight, một chủ biên từng đoạt giải Pulitzer, đã nhấn mạnh: “Đi đâu chúng ta được mục kích ở đây không phải là trường hợp đánh dấu giai đoạn này nhưng là một tiền lệ. Lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, trừ những trường hợp kiểm duyệt trong thời chiến, chính quyền đã đình bản một số nhật báo trong 15 ngày lấy cớ là vì an ninh quốc gia. Do đó, báo chí... không thể phát biểu trọn vẹn ý kiến được vì thực sự đã có một tiền lệ hạn chế quyền tự do phổ biến trong tương lai.”⁶³

Sự thật thì cuộc tranh đấu này còn lâu mới chấm dứt. Báo chí hình như đang tìm một số qu ân chúng đang gia tăng hoài nghi để đòi hỏi trong tương lai nhiều chứng minh hơn nữa khiến cho việc phổ biến tài liệu mật của chính phủ có được tính cách lợi ích công cộng.

Luật về tự do thông tin. Luật Tự Do Thông Tin của Liên Bang Hoa Kỳ có rất ít điểm được các ký giả hoan nghênh. Bốn năm sau khi luật này có hiệu lực, một bản nghiên cứu của các hội viên Hiệp Hội Tổng Thư Ký Tòa Soạn hăng Associated Press đã cho thấy chỉ có 16 người trong số 121 người trả lời Hiệp Hội là đã áp dụng luật này để moi móc tin tức từ những cơ quan liên bang không chịu tiết lộ tin tức.⁶⁴ Thật ra, đã có những chứng cứ được đưa ra trước Tiểu Ban Hạ Viện phụ trách các hoạt động của Chính Phủ cho thấy đạo luật được ban hành ngày 4-7-1967 này đã “chìm trong những tảng đá của óc vị kỷ và sự bí mật của mền hành chính”.⁶⁵

Sau khi được Quốc Hội chấp thuận, đạo Luật Liên Bang về Tự Do Thông Tin, như làng báo được biết, có thể sẽ hữu ích và có thể áp dụng được. Nhưng một tháng trước khi có hiệu lực, nó đã bị nhận chìm vì có nhiều sự thay đổi để cho nó được thích ứng với đạo luật về những thủ tục hành chính. Có chín loại tin tức đặc biệt không bị đạo luật trên chi phối, đó là một thành tích đáng kể của nền hành chính liên bang. Trong số những loại tin này, có an ninh quốc gia, tài liệu về chính sách ngoại giao có tính cách an ninh chung, tài liệu mật về giao thương của chính phủ, hồ sơ cá nhân và những phiếu sức khỏe của các viên chức công quyền.

Còn nhiều lý do khác giải thích sự yếu kém của đạo Luật Tự Do Thông Tin này, vì các văn phòng hành chính liên bang hoặc các nhân viên cao cấp phải chi phí tốn kém để đưa ra tòa những trường hợp rắc rối nghiêm có thể hoặc không có thể đáng làm tin. Hơn nữa, vấn đề này cũng làm tốn phí nhiều thời giờ. Đối với một tờ báo cỡ nhỏ, lợi tức sẽ bị ảnh hưởng nhiều trước những vụ thua kiện quá quan trọng. Còn đối với báo chí phát thanh, vốn đã không mạnh bạo lắm, những cơ hội để cho một phương tiện truyền thông điện tử chống lại chính phủ chắc chắn là rất hiếm.

Hình như luật lệ của tiểu bang bảo vệ quyền của dân chúng được biết có thể hữu dụng hơn là luật lệ của Liên Bang. Hiện nay đã có hơn mười tiểu bang có những đạo luật về “hội họp công khai” buộc các cơ quan chính quyền phải hoạt động công khai trừ vài trường hợp đặc biệt, và khoảng 20 tiểu bang có những đạo luật về “tài liệu công khai” cho phép được xem những tài liệu của chính phủ một cách rộng rãi hơn.

Xúc phạm tòa án. Nhiều lần, trong biến cố xung đột giữa báo chí và chính quyền, vấn đề này đã hạn chế ý muốn của người ký giả liêu minh vào tù vì tội xúc phạm tòa án để ủng hộ quyền thông tin của mình. Từ thời John Peter Zenger, đây là thái độ tối hậu của người ký giả và trải qua hai thế kỷ rồi nó chỉ thay đổi đôi chút.

Một trường hợp nổi tiếng là của Martin Mooney thuộc tờ *New York American*, năm 1935, đã từ chối tiết lộ nguồn tin cho một đại phụ thẩm đoàn ở Quận New York trong một cuộc đi điều tra về cờ bạc và ký giả này bị tù 30 ngày vì tội xúc phạm tòa án. Năm 1957, Marie Torre, một ký mục gia của tờ *New York Herald Tribune*, đã chịu ng ữ tù 10 ngày chứ không chịu tiết lộ nguồn tin trong một cuộc bút chiến về ca sĩ Judy Garland. Năm 1966, cô Annette Buchanan, 20 tuổi, chủ biên của tờ *Daily Emerald* thuộc

Viện Đại Học Oregon, đã bị phạt 300 Mỹ Kim vì từ chối tiết lộ nguồn tin của một bài báo nói về việc hút cần sa trong khuôn viên của Đại Học này. Khoảng đầu thập niên 1970, nhiều đại phụ thẩm đoàn khắp Liên Bang bắt đầu đòi xem những điếu ghi chép của các nhà báo, băng ghi âm của đài phát thanh, phim của truyền hình và ngay cả những đoạn phim thực sự không được sử dụng nữa. Nhiều trường hợp đã xảy ra mặc dù đã có nhiều đạo luật được gần mười tiểu bang thông qua để bảo vệ người ký giả khỏi bị ép buộc nguồn tin.

Mới đây, năm 1972, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ, với đa số 5-4, đã đưa ra qui tắc là ký giả không có quyền miễn dẫn Tu Chính Án thứ Nhất của Hiến Pháp để từ chối tiết lộ cho những đại phụ thẩm đoàn danh tánh của những nguồn tin có tính cách tâm sự và những tin tức được trao cho họ vì tin cần.⁶⁶ Quyết định này xảy ra sau những trường hợp của Earl Caldwell thuộc tờ *The New York Times*, Paul M. Branzburg thuộc tờ *Louisville-Journal* và Paul Pappas thuộc đài truyền hình WTEV; những người này bị kết tội xúc phạm tòa án đã từ chối tiết lộ nguồn tin và đã chống án lên pháp đình cao cấp nhất trong nước.

Theo ý kiến của đa số (trong Tối Cao Pháp Viện), Thẩm Phán Byron R. White viết rằng “sự quan tâm của công chúng trong vấn đề tiết lộ những tin tức tội ác phải phụ thuộc vào sự quan tâm truy tầm tội ác, và ông thêm rằng “Không có một đặc quyền nào trong Tu Chính Án thứ Nhất cho phép từ chối trả lời những câu hỏi làm tài liệu và có liên hệ đến cuộc điếu tra của một đại phụ thẩm đoàn đáng tin cậy”. Một người không tán thành ý kiến trên là thẩm phán Potter Stewart. Ông này đã cảnh cáo rằng “qui tắc (mới được nêu ra) sẽ khuyến khích các nhà cần quyền tiểu bang và Liên Bang phá hoại nền độc lập lịch sử của báo chí bằng cách biến nghề làm báo thành một dụng cụ điếu tra của chính quyền”.

Vài tuần sau, Peter Bridge, một phóng viên của tờ *Newark Evening News* ở New Jersey nay đã đình bản, bị tổng giam vì từ chối tiết lộ cho một đại phụ thẩm đoàn nguồn tin của một bài báo của ông viết về một âm mưu hối lộ công chức. Việc này trước sau cũng phải xảy đến như người ta đã tiên đoán.

Hậu quả là đã có khuynh hướng mới ở Quốc Hội được các tổ chức báo chí ủng hộ, nhằm mục đích ban hành một đạo luật bảo vệ phóng viên trong những vụ xúc phạm tòa án trong tương lai.

CHƯƠNG 22. TƯỜNG THUẬT VỀ TỘI ÁC

Đường lối căn bản của các phương tiện truyền thông Hoa Kỳ trong công việc làm tin tội ác phải là bảo tồn được cả những quyền tự do báo chí lẫn việc xử án vô tư. Cái này không thể tồn tại được nếu không có cái kia. Cả hai đều là điều kiện sống còn cho công cuộc phát triển một xã hội dân chủ. Trong quá khứ, người ta đã làm quá nhiều tin tức về tội ác. Chắc chắn là trong tương lai, những sự thái quá này cũng còn xảy ra nữa vì lòng quá sốt sắng và sự kém phán xét của các ký giả hoặc của các viên chức thi hành luật pháp, có khi của cả hai. Đó là một phần của cái giá phải trả để đảm bảo cho nền báo chí tự do được tồn tại.

May thay, giới lãnh đạo các phương tiện truyền thông đã nhận thấy rằng sự tự hạn chế trong công việc làm tin tội ác có thể là điều tốt. Trong nhiều trường hợp, sự hạn chế này giúp ích hơn là làm trở ngại nền tư pháp và làm cho công việc của ký giả được tiến bộ. Do đó, một phong trào rộng rãi cổ động cho việc tự nguyện hợp tác giữa báo chí và giới thẩm phán và luật sư đã được bành trướng trong những năm gần đây. Trong khi hiểm họa về việc không chịu cung cấp tin tức vẫn còn đe dọa, những sự thỏa hiệp tự nguyện này vẫn chưa mang lại kết quả mong muốn. Tuy nhiên, phạm vi xung đột giữa các phương tiện truyền thông và giới chức thi hành luật pháp đã được thu hẹp dù chưa phải là bị loại bỏ hẳn.

Các chính sách về sự hợp tác như trên đã được đề cập đến ở cấp bậc chủ bút và chủ nhiệm và ảnh hưởng đến công việc hàng ngày của các phóng viên và của các người phát thanh. Bởi vậy, ký giả ngày nay phải có ý thức về một sự quân bình và phải có một lòng can đảm lớn lao trong việc làm tin tội ác. Nếu anh nhút nhát đến nỗi không dám làm một nỗ lực nào để có được tin tức thì anh không giúp ích gì cho tổ chức làm tin của anh và cho công chúng cả. Nhưng nếu anh lại lảng xảng đến nỗi bất chấp cả các quyền căn bản của bị cáo, anh là một gánh nặng cho tờ báo, cho đài hoặc hệ thống của anh.

TRÁCH NHIỆM CỦA KÝ GIẢ

Việc bản tin rộng rãi ở tòa án thường không nằm trong lối thông thường

của công việc thâm thập tin tức. Nên được thi hành một cách có qui củ, việc làm tin tòa án là một dịch vụ công cộng và có lẽ làm giảm bớt được vài loại tội ác trong khu vực mà tội ác hoành hành.

Mục đích của việc làm tin tội ác. Công việc này không nên để rơi vào lề lối thông thường. Các ngu ồn tin cũng không nên giao phó cho những viên chức nhút nhát, chí biết có mình và sợ giao thiệp với báo chí. Những sự việc xảy ra ở cơ quan cảnh sát và ở tòa án thường chứng tỏ sự thành công hay thất bại của một chế độ dân chủ.

Vì những hạn chế về thời gian và nhân viên thường làm trễ nải công việc của các phương tiện truyền thông điện tử bắt buộc truyền thanh và truyền hình phải tập trung vào những điểm quan trọng của tội ác cho nên vẫn phải trông cậy vào báo chí để có những chi tiết về những cuộc đi đầu tra của cảnh sát, của biện lý cuộc và của tòa án. Không cứ lớn hay nhỏ, đa số các báo Hoa Kỳ thường thâm thập tin tức ở các cơ quan cảnh sát, ở biện lý cuộc và ít nhất cũng ở vài toa án quan trọng.

Những nơi này và văn phòng của đô trưởng, thị trưởng thường là những trung tâm đầu tiên cho biết tin tức nóng hổi có liên quan đến cộng đồng xã hội dù là tội ác hay không phải tội ác. Tai họa, bão tố, lụt lội, hỏa hoạn, những hành vi bạo lực, những vụ ăn cắp, những vụ bắt giữ người tình nghi phạm tội, những cuộc đi đầu tra vì lợi ích công cộng, những phán quyết của tòa án về những vụ kiện hoặc hình hoặc hộ quan trọng đều nằm trong phần vụ của những viên chức có trách nhiệm về an ninh công cộng.

Mục đích của báo chí là phổ biến tin tức chứ không phải bàn luận triết lý về những câu chuyện đó. Tuy nhiên, người ta cũng thấy rõ rằng các tin tức địa phương lấy được ở các cơ quan cảnh sát, biện lý cuộc và các tòa án thường nhiều hơn là bất cứ loại tin nào khác. Từ khi tin tức địa phương là phần cốt yếu của một tờ báo trung bình ở Hoa Kỳ, những người chỉ trích báo chí một cách có suy xét thường tự hỏi không biết việc đăng tin tội ác làm lợi cho công chúng hay cho chủ báo.

Vì có nhiều hoàn cảnh khác nhau nên không thể có câu trả lời nhất định cho câu hỏi đó. Nhưng vấn đề có thể phải được mỗi ký giả nghiên cứu kỹ lưỡng vì có lợi cho tương lai nghề nghiệp và địa vị của người làm báo trong cộng đồng xã hội.

Giá trị của tin tội ác. Một số phóng viên hăng hái có thể gia tăng số lượng tin tức tội ác qua sự giao dịch thường xuyên với các cơ quan thi hành luật pháp và tòa án.

Đối với một tờ báo trung bình, những nơi có thể cung cấp một số lượng lớn về tin tội ác là các thông tấn xã và các hãng giao tế qu ân chúng lấy tin từ các cơ quan liên bang và tiểu bang. Còn những tin tức của chính quyền địa phương hoặc của trường học đôi khi có thể quan trọng hơn nhưng không bao giờ nhiều như vậy.

Tuy nhiên, các tin tức tội ác không, phải lúc nào cũng có được dễ dàng. Nhiều khi, vì lý do liên hệ đến kết quả của một cuộc điều tra, Sự bảo mật của cảnh sát không những là chính đáng mà còn bắt buộc nữa. Trong những trường hợp khác, bảo mật là cốt để tránh sự quá tò mò của phóng viên. Do đó, người ta thấy rõ ràng một phóng viên đi làm tin tội ác đôi khi bị đặt vào một vị trí khó khăn và không tốt vì không ước lượng được những nguyên nhân chi phối các nhân viên công quyền. Trong những trường hợp này, anh phải tự có ý thức trách nhiệm và nên lấy ý kiến của các cấp trên anh nếu anh có thể tiếp xúc được với các ngu ần tin.

Trong những năm đầu của thế kỷ 20, khi các báo đô thành lâm vào một cuộc cạnh tranh bán báo trên đường phố, các tờ báo có tính cách “giật gân” đã ủng hộ việc đăng nhiều tin tội ác để nâng cao số phát hành. Nếu một phóng viên được phái đi làm tin về một kẻ giết người quan trọng hoặc một vụ án quan trọng, đa số các đ ồng nghiệp của anh đều ước muốn được giao phó công tác như anh. Nhưng nay thì thời đó đã qua rồi.

Đến khi báo chí được giao tận nhà người mua và không còn có sự cạnh tranh ráo riết nữa, các tin tức tội ác ít khi được coi là yếu tố nâng cao số lượng phát hành. Đ ồng thời, tính chất của sự quan tâm của qu ân chúng về tội ác tự nó cũng thay đổi. Do đó, khi những kẻ cướp bóc và đốt nhà lợi dụng một rối loạn để phá hoại một cộng đ ồng, không một tổ chức làm tin nào lại có thể thờ ơ với chuyện đó. Khi cần sa và thuốc LSD (Lysergic Acid Diethylamide) được đem bán cho trẻ em dùng và những kẻ bán rong “h ồng phiến” hoạt động công khai, không một chủ biên nào lại có thể im lặng được. Khi những đường phố của một thị trấn không có an ninh vì những kẻ vô lại lộng hành, sự lên tiếng công khai của một tờ báo sẽ giúp ích rất nhiều cho cộng đ ồng. Thật là chướng mắt nếu một tổ chức làm tin

nào đó lại thờ ơ với bốn phạm và cứ đăng những tin tức tội ác bất kể sự gia tăng của những thái độ chỉ trích đối với các phương tiện truyền thông.

VÀI KHUYNH HƯỚNG CỦA GIỚI TƯ PHÁP

Một phong trào mạnh mẽ bằng kiến nghị ngăn cản các phương tiện truyền thông thu thập tin tức tội ác đã xảy ra từ vụ ám sát Tổng Thống Kennedy ở Dallas ngày 22-11-1963 và sau đó vụ ám sát Lee Harvey Oswald, người bị bắt vì giết Tổng Thống. Ủy Hội Warren đã nhấn mạnh rằng việc các ký giả làm rùm beng đòi gặp Oswald tạo cơ hội cho Jack Ruby giết Oswald trước sự chứng kiến của 50.000.000 khán giả truyền hình. Do đó, giới tư pháp gấp rút hạn chế việc cho các phương tiện truyền thông săn tin tội ác. Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ đã ủng hộ việc này bằng hai phán quyết quan trọng ổn định những hạn chế sự tiết lộ công việc của cảnh sát thẩm vấn các phạm nhân.

Trường hợp Escobedo. Trong một phán quyết quan trọng trong năm 1964, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ đã hủy bỏ bản án kết tội Danny Escobedo, một nông dân 28 tuổi ở Chicago, là kẻ sát nhân vì y không được phép hỏi ý kiến một luật sư trước khi lập bản thú tội năm 1960. Tối Cao Pháp Viện lập luận rằng quyền của Escobedo bị vi phạm vì cảnh sát không cho y được nhờ một luật sư giúp ý kiến như luật định trong vụ y bị cáo là đã giết người em rể. Escobedo đã ngồi tù bốn năm trong thời hạn 20 năm. Khi công bố phán quyết của Tối Cao Pháp Viện với đa số năm phiếu thuận và bốn phiếu nghịch (5-4), thẩm phán Arthur J. Goldberg đã viết:

Một hệ thống thi hành luật pháp tùy thuộc vào sự thú tội không đáng được tin cậy bằng một hệ thống tùy thuộc vào sự hiển nhiên bên ngoài qua cuộc điều tra cẩn thận. Nếu sự thi hành các quyền trong Hiến Pháp làm trở ngại hiệu lực của hệ thống thi hành luật pháp, thì lúc đó chắc có cái gì rất là sai lầm trong hệ thống.

Chúng tôi chủ trương rằng khi mà tiến trình đi từ thẩm vấn đến buộc tội — khi mà tiêu điểm là bị cáo và mục đích là để nhằm vào sự thú tội — hệ thống phản diện của chúng tôi là tiến hành công việc tùy thuộc tình trạng ở đây: bị cáo phải được phép tham khảo ý kiến của luật sư của

⁶⁷
y.

Trường hợp Miranda. Qui tắc trong vụ Escobedo đã được mở rộng thêm năm 1966 khi Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ hủy bỏ bản án kết tội Ernesto A. Miranda, 25 tuổi, một người chậm chạp và làm tài xế xe vận tải ở Arizona vì những lời khai trái ngược của anh này và cũng vì anh không được nhờ một luật sư giúp ý kiến trước khi anh thú tội là đã cưỡng hiếp một thiếu nữ 18 tuổi. Miranda bị kết án 30 năm tù.

Lập luận rằng trường hợp kết tội Miranda đã vi phạm Tu Chính Án Thứ Năm⁶⁸ của Hiến Pháp Hoa Kỳ, thẩm phán Warren viết trong phán quyết với đa số 5-4 như sau:

Chúng tôi chủ trương rằng khi một cá nhân bị bắt giữ hoặc nói một cách khác bị nhà cầm quyền làm mất tự do và có thể bị thẩm vấn, quyền chống lại sự phải tự thú bị lạm dụng. Những thủ tục an toàn phải được áp dụng để bảo vệ đặc quyền đó.

Phán quyết này cũng chủ trương rằng một cảnh sát viên có thể không thẩm vấn một người bị tình nghi khi chỉ có một mình và “chỉ rõ rằng vì sao y cũng không muốn bị thẩm vấn. Y có thể từ bỏ quyền của y để im lặng và muốn có một luật sư bên cạnh y”. Và phán quyết tiếp: “Nếu y nhấn rõ rằng y muốn tham khảo ý kiến của một luật sư trước khi khai thì có thể không có sự thẩm vấn”⁶⁹.

Tất cả những điều kể trên đã trở thành một số nguyên tắc chỉ đạo cho giới thi hành luật pháp ở Hoa Kỳ tương tự như qui tắc Mallory theo đó Tối Cao Pháp Viện cấm không cho kéo dài việc thẩm vấn. Khi bắt một bị cáo, phải đưa đến trước một viên chức tư pháp gần nhất. Người này có nhiệm vụ phải nhắc nhở bị can những quyền của y và cung cấp cho y một luật sư nếu bị cáo không thể tự tìm lấy được. Qui tắc Mallory cũng không chấp nhận những lời thú nhận lấy được khi có những sự trì hoãn thái quá trong việc buộc tội.

Những hậu quả. Hậu quả của hai phán quyết kể trên là có một sự thay đổi thực sự trong cách thức làm việc của cảnh sát. Bộ Tư Pháp được các luật sư đoàn ở các tiểu bang giúp sức đã đưa ra một số nguyên tắc để báo chí và giới luật sư thi hành theo đó cảnh sát, báo chí và các viên chức tòa án không được tiết lộ đi đâu gì trước và trong khi xử án.

Vài tòa án tối cao của tiểu bang, nhất là ở New Jersey, đã có những chỉ thị rõ rệt về vấn đề này cho các nhân viên tư pháp. Tuy nhiên, người ta thấy rõ rằng khi các tòa án có thể và sẽ áp dụng quyền lực của tòa để thi hành các phán quyết chống lại các nhân viên khởi tố và các luật sư biện hộ, quyền lực của tòa án đối với cảnh sát và báo chí có thể bị kém đi. Vì vậy, sự can thiệp của giới tư pháp có mục đích lấy lại trật tự nội bộ và nếu có cố gắng hủy bỏ tin tức hoặc lời phê bình của các phương tiện truyền thông thì đó chính là vì muốn bảo vệ quyền xử án vô tư.

QUI TẮC REARDON

Trong tinh thần đó, Thẩm Phán Paul C. Reardon của Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Massachusetts và một ủy ban gồm nhiều luật sư danh tiếng đã thúc đẩy Hiệp Hội Luật Sư Hoa Kỳ ủng hộ một phong trào đề phòng các tòa án trừng phạt những luật sư và cảnh sát nào cho biết những tin tức chưa được phép tiết lộ. Đã có lúc Thẩm Phán Reardon tìm cách buộc phải có những sự trừng phạt đối với báo chí cũng trên căn bản đó và nếu cần thì ghi vào Hiến Pháp.

Qui tắc Reardon. lúc mới đặt ra chỉ cho cảnh sát quyền tiết lộ những sự kiện và những tình tiết của một vụ bắt bớ, bản tội chứng, danh tính nhân viên đi bắt, thời hạn của cuộc đi điều tra và tang vật bị tịch thu nếu có. Qui tắc này buộc tất cả các người liên hệ không được cho biết những chi tiết dưới đây từ lúc xảy ra cuộc bắt giữ một người bị tình nghi cho đến khi kết thúc vụ án:

1. Bất cứ cuộc thảo luận nào về bằng chứng, dù để ủng hộ hay phản đối.
2. Sự thú tội của bị can.
3. Hồ sơ có trước về bị can.
4. Lý lịch của những người có thể là nhân chứng mục kích.
5. Sự từ chối của bị can không chịu để cho sử dụng những dụng cụ thẩm vấn và kết quả của những vụ thẩm vấn nếu bị can chấp nhận.

Qui tắc này đã gây ra một trở ngại lớn cho các phương tiện truyền thông nhất là báo chí vì các bài tường thuật của báo chí cần phải có nhiều chi tiết hơn. Vài tờ báo đã thách thức nhân viên tòa án dựa vào qui tắc Reardon.

Trong tất cả các trường hợp, sự thật hiển nhiên là không có một sự thỏa thuận nào của tòa án hoặc của Hiệp Hội Luật Sư có thể ngăn cản một tờ báo sử dụng tài liệu về một bị can ở trong những bài báo được cất và lưu trữ trong thư viện của báo đó cũng như những tài liệu về tội lỗi trước kia của bị can từ một nguồn tin nào đó. Cũng không thể nào cấm đoán được việc phổ biến những tài liệu đó bằng cách trừng phạt. Không một tờ báo có trách nhiệm nào lại tin tưởng có thể phục vụ quyền lợi dân chúng một cách tốt nhất khi từ bỏ những chi tiết cốt yếu về một tên vô lại khét tiếng bị bắt trong một vụ giết người. Kết quả cuối cùng là vài ba vị quan tòa đã tuyên bố ngộ phán ở chỗ các vị này đã tưởng rằng các phương tiện truyền thông phổ biến những tài liệu có hại.

Cảnh sát “bị kẹt” vì lý lẽ của báo chí chống lại giới thi hành pháp luật, trở nên thận trọng hơn trong lề lối làm việc. Cuộc liên minh trước kia giữa các nhân viên tòa án và các phóng viên sẵn tin tội ác đã bị nứt rạn. Trong nhiều trường hợp, các phóng viên ngày nay cảm thấy rằng cảnh sát không muốn nói chuyện với họ và nhiều khi các phóng viên không thể hỏi được gì một người bị tình nghi cho đến khi bị đưa ra xử công khai trước tòa.

Di nhiên, những phương pháp quá trốn này cũng nhắm vào một mục đích nào đó. Một nhân viên cảnh sát cao cấp sợ rằng mình có một quan niệm, sai lầm là có thể khuyến khích dân chúng phản đối trên báo chí để chống lại tòa án vì đã có vài cảnh sát trưởng công khai hướng dẫn nhân viên chống lại tòa án. Cũng lại có một số tờ báo công khai hợp tác trong chiến dịch này mặc dầu không thành công lắm. Những tờ báo thực tế hơn, với sự hợp tác của các phương tiện truyền thông khác thường tự đặt ra những qui tắc để hoạt động với cảnh sát và tòa án trong những trường hợp quan trọng. Trong vòng vài năm nay, sau khi bắt đầu có sự hợp tác đó, người ta đã thấy 23 tiểu bang thi hành những sự thỏa thuận như vậy và một số tiểu bang khác đang có những cuộc thương thuyết để có những hoạt động hợp tác trong tương lai. Nhưng người ta cũng nhận thấy rằng chưa có sự thay đổi rõ rệt trong vấn đề truyền thuật tin tội ác.

Một thỏa hiệp kiểu mẫu. Sự thỏa thuận về những qui tắc làm việc giữa báo chí và giới luật sư ở tiểu bang Washington đã được coi như là một kiểu mẫu thực tế để bảo vệ những quyền tự do báo chí và xử án vô tư. Theo những qui tắc này thì phải có sự đề phòng chống lại việc phổ biến trước khi xử án vài loại tin tức xét ra có hại. Trong số những tin tức này, có

những ý kiến cho rằng bị can có tội hoặc vô tội, tính nết của bị can, những lời khai, những bằng chứng và những lời thú tội của bị can, sự đáng tin cậy vào những nhân chứng nào, cuộc biện luận về sự hiên nhiên, tài liệu có trước về bị can.

Đây là một sự nhượng bộ của giới thi hành luật pháp cho đến nay thường chống lại việc phổ biến những tài liệu như vậy. Một yêu cầu đề phòng hợp lẽ là một bước lùi của giới tư pháp là giới có thể đưa ra những biện pháp trừng phạt. Về phía báo chí, qui tắc của tiểu bang Washington định rõ rằng “báo chí có thể đăng những chi tiết về lý lịch và tài liệu tiểu sử của bị can không cần phải hạn chế miễn là phù hợp với những tiêu chuẩn chung là thanh nhã, chính xác và phê phán nghiêm chỉnh Ngoài ra, báo chí cũng có thể đăng bản vấn tội chứng, lý lịch của nguyên đơn, cơ quan đi điều tra, thời hạn của cuộc thẩm vấn, trường hợp của vụ bắt giữ bị can.”⁷⁰

Ý nghĩa việc bổ nhiệm Chánh Án Burger. Thật ra cũng dễ quan niệm được rằng giới thi hành luật pháp sau khi đã đi quá xa trong việc thi hành rộng rãi luật pháp, vẫn có thể quay trở lại đúng lúc, Nhiều phán quyết với đa số năm thuận bốn nghịch (5-4) của Tối Cao Pháp Viện không có nghĩa là không thể thay đổi được nữa. Việc Tổng Thống Nixon bổ nhiệm Ông Warren E. Burger vào chức vụ Chánh Án Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ và sau đó nhiều nhân vật bảo thủ làm phụ tá thẩm phán, cho thấy rõ ý định của Tổng Thống muốn pháp đình cao cấp này trở về với quan niệm thi hành luật pháp một cách nghiêm khắc hơn. Mặc dầu có sự thay đổi nhưng không thấy có triệu chứng nào tỏ ra rằng báo chí sẽ trở về với những tiêu chuẩn thấp kém của những năm đầu thế kỷ 20 này khi một phóng viên làm tin tội ác có thể thực hiện đúng đi đâu mà anh ta mong muốn. Hiệu suất của cuộc hợp tác giữa báo chí và tòa án đã gây được một cảm tưởng tốt để khuyến khích cả hai ngành này tiếp tục những nỗ lực tự nguyện hợp tác.

Hội đồng báo chí. Sự bành trướng của phong trào thành lập những hội đồng báo chí ở Hoa Kỳ — nhiều hội đồng này đã dập theo kiểu Hội Đồng Báo Chí Anh Quốc — là một dấu hiệu khác của thiện chí của làng báo Mỹ muốn tự tỏ ra có trách nhiệm hơn đối với công chúng. Không giống Hội Đồng Báo Chí Anh Quốc là một tổ chức có kích thước quốc gia, các hội

đồng báo chí Hoa Kỳ có tính cách địa phương và của vùng. Nhưng nhiều tổ chức của Hoa Kỳ đã theo gương những người Anh đi bước trước trong vấn đề hội viên là nhận các đại diện của các phương tiện truyền thông, công chức và các nhóm công dân liên hệ dưới quyền chủ tọa của một nhân vật khả kính không phải là nhà báo, thường là một vị thẩm phán nổi tiếng vì vô tư.

Hội Đồng Báo Chí Anh Quốc đã gặp những trở ngại trong khi hoạt động, mặc dầu được sự khuyến khích của hai ủy hội của Hoàng Gia Anh. Sau hoạt động khắp khiêng từ 1949 đến 1964 vì không đủ thành phần đại diện, Hội Đồng Báo Chí Anh Quốc đã quyết định thực hiện việc cử chủ tịch vô tư và tăng thêm số đại diện dân chúng. Những nhóm tư vấn đầu tiên được đề cử trong khoảng giữa thập niên 1960 đã rút tỉa được những kinh nghiệm của Anh Quốc, rồi các hội đồng báo chí địa phương lần lượt hoạt động ở Bend (Tiểu Bang Oregon), Sparta (Illinois), Littleton (Colorado), Seattle (Washington) và Honolulu (Hawaii). Ngoài ra, còn có một số tòa báo đã vượt xa ý kiến của hội đồng báo chí khi đặt ra những nhân viên đặc trách việc bênh vực dân chúng (như những *ombudsman* ở Thụy Điển) để tiếp nhận và giải quyết những lời phiền trách của các độc giả.

Hội đồng báo chí đầu tiên của vùng được thành lập ngày 9-9-1971 tại Minnesota dưới quyền chủ tọa của ông C. Donald Peterson, phụ tá thẩm phán tòa án tối cao của tiểu bang này, đã đánh dấu sự bành trướng mối liên lạc giữa dân chúng và các phương tiện truyền thông. Hội Đồng Báo Chí Minnesota cũng như Hội Đồng Báo Chí Anh Quốc là một tổ chức tự nguyện, không thuộc chính quyền và không có nhiệm vụ thi hành luật pháp. Phụ Tá Thẩm Phán Peterson đã nhấn mạnh: “Sự hữu hiệu của Hội Đồng Báo Chí Minnesota tùy thuộc ở sự hợp tác giữa báo chí và dân chúng”. Nếu Hội Đồng thấy rằng báo chí không lầm lỗi, Hội Đồng sẽ ráng sức giải quyết sự hiểu lầm với người khiếu nại. Nếu báo chí có lỗi, kết quả cuộc điều tra sẽ được chuyển cho tờ báo lầm lỗi, cho người khiếu nại và cho các phương tiện truyền thông để phổ biến. Không khi nào Hội Đồng lại làm cái việc đưa ra những biện pháp chế tài đối với những vụ vi phạm trong khi báo chí hành nghề một cách ngay thẳng nhưng chúng tôi thiết nghĩ chúng tôi làm như vậy có thể sửa chữa một cách hữu hiệu những sự lạm dụng.”⁷¹

Trong khi những hội đồng báo chí không phải chỉ để bắt buộc làm đi đâu này đi đâu nọ, sự quan tâm đến việc giữ quân bình giữa báo chí tự do và xử án vô

tư vẫn là vấn đề quan trọng nhất trong công việc của làng báo và của tòa án.

PHÓNG VIÊN SẴN TIN TỘI ÁC

Phóng viên sẵn tin tội ác là những người hoạt động. Đa số những phóng viên này dùng cả ngày hoặc đêm theo dõi công việc cặn cù và âm thầm của cảnh sát. Họ làm như vậy không phải để trở nên những vị anh hùng và cũng không phải để cho người khác đặc biệt chú ý đến họ, Họ chỉ làm việc mà họ được giao phó: đặt các câu hỏi, phối kiểm các sự kiện, không chịu để cho các nhân viên công quyền độc đoán cự tuyệt họ.

Phóng viên mới vào nghề. Trong số tất cả những phóng viên được giao phó công tác riêng biệt, những phóng viên chuyên biệt, những phóng viên sẵn tin cảnh sát và tòa án có vẻ thương mến nhau hơn cả. Lãnh vực hoạt động của họ bao giờ cũng mở đường cho người ngoài khi một phóng viên trẻ được phái đến công tác như họ. Không giống những phóng viên chính trị hoặc ngoại giao thuộc cỡ quốc gia và quốc tế có tính hách dịch, phóng viên sẵn tin tội ác địa phương thường cố gắng làm cho đời sống của người mới vào nghề dễ chịu hơn.

Khi John Steinbeck bắt đầu vào nghề báo chí với tư cách một phóng viên cho tờ *American* ở New York, ông được phái đi sẵn tin ở Tòa Án Liên Bang được thiết lập trong cao ốc Bưu Điện cũ. Ông đã mô tả lòng tốt của các phóng viên đàn anh đối với ông như sau ⁷² :

Đó là công việc của người chuyên môn. Vài người trong bọn họ đã làm việc ở đây trong nhiều năm. Riêng tôi, tôi không biết tí gì về tòa án cả. Tôi ngạc nhiên về cách cư xử của những người này đối với tôi trong phòng làm việc dành cho phóng viên của Pháp Đình Liên Bang.

Nhiều phóng viên tưởng tôi đã hiểu qua công việc của tôi, họ đã tận tâm huấn luyện tôi bằng một phương pháp quanh co. Tôi học đánh bài “bridge” và nhận biết nơi đâu có thể đến để theo dõi những vụ thừa kiện. Họ đã bảo cho tôi biết những vị thẩm phán nào dễ tiếp xúc và nhiều khi họ lại còn làm tin cho tôi khi tôi không làm nổi. Thật khó mà đến đáp được ơn đó.

Dù vài phóng viên sẵn tin cảnh sát và tòa án ngày nay được học hỏi nhiều hơn những phóng viên mà Steinbeck quen biết, thật là lần lần khi nghĩ rằng họ là một loại phóng viên đặc biệt. Họ thuộc mọi lứa tuổi và từ mọi ngã đường tới. Trong những phòng họp của cảnh sát dành cho phóng viên, có thể có một phóng viên lão thành và sáng suốt với 30 năm kinh nghiệm nhưng học vẫn lại ở trình độ tiểu học, có một chuyên gia về tội phạm học xuất thân từ Đại học Harvard, một nhà quý phái Pháp thích hoạt động trong ngành báo chí, một người vừa tốt nghiệp trường Cao Học Báo Chí Columbia. Và người ta cũng không lấy làm lạ khi thấy một phụ nữ trẻ tuổi sẵn tin cảnh sát hoặc tòa án và hoàn thành công việc này một cách tốt đẹp.

Vị thế của phóng viên sẵn tin tội ác. Đối với những người không biết giá trị của nghề báo, phóng viên sẵn tin tội ác chỉ là loại phóng viên có một địa vị thấp kém.

Không có gì đáng nực cười hơn quan niệm đó, vì đã có những phóng viên sẵn tin tội ác viết những bài nòi tiếng cho vài tờ báo lớn phát hành toàn quốc. Thí dụ, A. B. MacDonald, khi làm phóng viên của tờ *Star* ở thành phố Kansas, đã giải quyết xong vụ án giết một thiếu phụ và con trai của bà ở Texas bằng cách làm cho chồng của thiếu phụ là một luật sư phải thú tội. Meyer Berger, một phóng viên của tờ *The New York Times*, đã được một giải thưởng Pulitzer vì báo chạy “tít” tám cột của anh về vụ tàn sát tập thể ở Camden thuộc Tiểu Bang New Jersey. Joseph Alsop, một ký mục gia (columnist), đã vào nghề với một loạt bài về vụ xử Bruno Richard Hauptmann giết đứa con nhỏ của phi công lừng danh Linbergh.

Các phóng viên sẵn tin tội ác đã hoàn thành việc cải tổ chế độ lao xá ở New Jersey, đã tố cáo một thẩm phán Liên Bang ở Illinois, đã làm một thẩm phán ở New York bị tù, đã phanh phui những vụ gian lận thuế má ở Phòng Thuế Lợi Tức Quốc Nội, đã đem ra ánh sáng một chuyện xấu xa trong vụ cấp đất cho cựa chiến binh ở Texas và rất nhiều vụ lùm lỏi khác nữa.

Đó là kết quả của công việc nặng nhọc của các phóng viên được giao phó công tác đặc biệt chứ không phải công việc sẵn tin cảnh sát thông thường. Những công việc này còn phải làm nhiều và làm hằng ngày và các phóng viên sẵn tin tội ác phải nắm vững công tác được giao phó.

CÁC NGUỒN TIN TỘI ÁC

Người phóng viên trẻ tuổi bao giờ cũng cảm thấy khó chịu khi anh khám phá ra rằng anh không có quyền đương nhiên tham khảo các tài liệu cảnh sát theo ý muốn hoặc ngang nhiên đi vào một cơ quan cảnh sát để nói chuyện với phạm nhân. Những hình ảnh này được các biên tập viên chưa hề đi săn tin bao giờ tô điểm thêm đã bị tiêu tan vì kinh nghiệm mới làm việc có một ngày trong lãnh vực cảnh sát

Tài liệu được tham khảo. Khi Stephen J. Roth làm Tổng Chương Lý (attorney general) ở Michigan, ông đã nói như sau với các chủ biên của Tiểu Bang này trong một cuộc thảo luận về những tài liệu của cảnh sát sẵn sàng cho tham khảo:⁷³

Tôi nghĩ rằng các phóng viên của quý ông nên đặc biệt có một sự hợp tác hơn là nhờ luật pháp đòi hỏi ở các nhân viên công quyền cho tài liệu trong các vụ tai nạn xe cộ, các vụ bắt bớ, các vụ khởi hình sự, vân vân.

Giáo sư Harold L. Cross, Khoa Trưởng Trường Cao Học Báo Chí Columbia, đã tán đồng quan điểm kể trên và coi đó như là một nguyên tắc khi ông nhấn mạnh rằng việc xem các tài liệu có thể có được ở nhiều cộng đồng do luật pháp hoặc tập tục cho phép. Ông khuyên các phóng viên nên có những cuộc tiếp xúc cá nhân, trao đổi các tin tức, nhận biết các sở thích của các nhân viên cảnh sát vì như vậy phóng viên có thể được tham khảo tài liệu một cách dễ dàng hơn và nhiều hơn là cứ theo phương thức bắt buộc của tình trạng hiện tại của luật pháp.⁷⁴

Hai trường hợp sau đây chứng tỏ sự khác biệt trong việc áp dụng qui tắc cho tham khảo tài liệu:

Hiến Chương của Thành Phố New York qui định rõ ràng các tài liệu của cảnh sát không được tham khảo như những tài liệu công khai nếu không có sự thỏa thuận của cảnh sát trưởng; nhưng có nơi trong Tiểu Bang lại làm trái với qui tắc này. Ở thái cực khác, Tiểu Bang Louisiana đòi luật pháp phải cho phép tham khảo tài liệu của cảnh sát một cách công khai.

Do đó, phóng viên phải tự mình thích ứng với tình trạng. Đối với phóng viên săn tin cảnh sát và tòa án lâu năm, việc đó rất dễ dàng. Chỉ có hạng phóng viên tài tử ngang nhiên đi vào cơ quan cảnh sát và đòi cho xem sổ kê khai những vụ bắt bớ hàng ngày mới bị từ chối. Đối với những người bắt

đầu đi sẵn tin cảnh sát, chỉ còn có cách là theo các đàn anh để làm việc nếu họ bằng lòng, cho đến khi nào anh đã khá quen thuộc để có những ngu ồn tin riêng của anh, hoặc nếu tờ báo của anh có danh tiếng thì anh có thể dựa vào nó hầu có được những sự dễ dàng.

Bản tin cảnh sát. Nhiều cơ quan cảnh sát có thông lệ cho báo chí biết những chuyện bằng điện thoại hoặc điện tín về trung ương. Những chuyện này được ghi vào bản tin hoặc viết tay ở những tổ chức nhỏ hoặc được phân phối bằng máy viển ký trong những tổ chức ở Thủ Đô và của Liên Bang.

Những bản tin cảnh sát thường được chuẩn bị ở một trung tâm để cung cấp cho các phóng viên nhưng không ai chỉ dẫn cho họ biết có những gì đáng làm thành tin ở trong đó. Thông thường, vì nhu cầu công việc của cảnh sát, bản tin chỉ gợi ý về sự có thể có một câu chuyện quan trọng. Khi một oanh tạc cơ B25 đâm vào tầng lầu 79 của Cao Ốc Quốc Gia trong thành phố New York ngày 28-7-1945 làm chết 14 người, bản tin cảnh sát chỉ cho biết: “người ta trông thấy khói ở một tầng lầu trên Cao Ốc Quốc Gia.” Khi những người quốc gia Puerto Rico bắn vào Hạ Viện ngày 3-1-1954, câu nói đầu tiên xuất phát từ cơ quan cảnh sát là có những tiếng súng nổ ở trong và ở gần điện Capitol. Sau khi có những phát súng bắn vào chiếc xe của Tổng Thống Kennedy ở Dallas ngày 22-11-1963, và một lát trước khi có tin ông bị ám sát, máy phát thanh của cảnh sát trong thành phố Texas loan tin rằng có sự trục trặc trong xe của Tổng Thống Kennedy. Những vụ khám phá thi thể, hỏa hoạn, tai nạn xe cộ và cả những vụ đặt chất nổ cũng chỉ được đưa ra một cách lờ mờ và vắn tắt không gợi ý chút nào cho những người không được huấn luyện hẳn hoi.

Do đó, một phóng viên có bản tin cảnh sát trong tay bao giờ cũng phải phối kiểm r ữ báo tin cho tòa soạn biết và luôn luôn phải đến ngay nơi xảy ra câu chuyện. Phóng viên thường nhận được nhiều vụ báo động sai lầm hơn cơ quan cứu hỏa hạng trung nhưng anh không thể không đếm xỉa đến bản tin thường lệ của cảnh sát.

Máy truyền thanh và viển ký. Hệ thống truyền thanh của cảnh sát địa phương, hệ thống báo động của cơ quan cứu hỏa và hệ thống viển ký của cảnh sát liên bang đều quý giá đối với phóng viên sẵn tin tội ác luôn luôn

chờ đợi chuyện bất thường, chuyện lạ, và tin lớn. Rất ít cơ quan cảnh sát chính thức cho phép các phóng viên vào phòng viễn thông và hoạt vụ, nhưng trên thực tế các phóng viên vào được nhiều nơi. Một phóng viên giỏi có thể mang đến một sự giúp đỡ vô giá cho cảnh sát nhưng cũng có thể quấy rầy họ rất nhiều nếu anh muốn. Qua các phòng vô tuyến viễn thông và hoạt vụ, phóng viên, có được những kết quả đầu tiên tốt đẹp nhất.

Nếu anh có bạn trong cơ quan cảnh sát, anh có thể thuyết phục được họ cho anh tin bằng điện thoại. Nếu không có, lúc nào anh cũng có thể tự ý dùng giấy nói hỏi han tin tức và hy vọng cơ quan cảnh sát có thể giúp anh. Đôi khi các nhân viên cảnh sát đang tiến hành cuộc đi đầu tra và phóng viên phải đến lấy tin tại chỗ và không biết trong bao lâu anh mới có thể đến nơi được. Dĩ nhiên, anh chỉ có thể bỏ một vụ săn tin của anh với sự đồng ý của tòa soạn anh.

Tiếp xúc với cảnh sát. Những đi đầu đầu tiên mà bất cứ phóng viên nào cũng phải biết về cơ quan cảnh sát là tổ chức và những qui tắc làm việc của nó, tương quan của nó với các cơ quan khác trong thành phố và mối liên hệ của nó với các tổ chức giữ gìn an ninh của tiểu bang và Liên Bang.

Dù cơ quan này lớn hay nhỏ, nó thường vẫn có một nhân viên được chính thức cử ra để tiếp xúc với các phương tiện truyền thông. Đôi khi người đó chính là cảnh sát trưởng nhưng thường là cựu ký giả với tư cách bí thư hoặc một phụ tá của cảnh sát trưởng hoặc một người giữ một chức vụ khác rồi phụ trách luôn cả công việc giao tế qu ân chúng. Một viên chức như vậy có thể rất hữu ích, nếu người này được phép giúp ích, nhưng vì tính chất của cơ quan nên thường không cho biết nhiều tin tức hơn là tiết lộ.

Bởi vậy, muốn làm việc đặc lực, phóng viên cần phải duy trì những mối liên lạc tốt đẹp với các viên chức khác nữa vì những người này, với nhiều động cơ khác nhau, có thể cung cấp tin tức hoặc giúp việc phối kiểm các sự kiện. Phóng viên càng biết rõ tổ chức của một cơ quan cảnh sát càng dễ tìm được những ngu ồn tin có giá trị.

Chỉ biết thể thức làm việc của cơ quan cảnh sát không bao giờ được coi là đủ. Phóng viên cần biết nội dung các luật hình — và nội dung này lại thay đổi vì danh từ và qui chế của nhiều tiểu bang — mới có thể mô tả được hoạt động của cảnh sát. Thí dụ một vụ bị coi là tội ác ở một tiểu bang có thể được giải thích chỉ là vi luật ở một tiểu bang khác.

Nhiều phóng viên chuyên săn tin cảnh sát và tòa án am tường luật pháp ứng dụng và một số phóng viên có bằng luật khoa. Người ta nhận thấy một sự thật hiển nhiên là không thể săn tin cảnh sát và tòa án một cách thành thạo nếu không có một căn bản về luật pháp.

CÂU CHUYỆN TỘI ÁC

Câu chuyện tội ác thường hấp dẫn quần chúng. Tăm thẳm kịch giữa vợ chồng, mối thù hận gia đình, vụ bắt cóc trẻ con, vụ tìm kiếm thiếu nữ bị mất tích và nhiều vụ khác nữa đều đáng được làm tin hàng ngày trong phạm vi rộng hay hẹp.

Giống như tất cả các tin khác, tin tức tội ác cũng có những mức độ quan trọng của nó. Một tội ác trong đó có những người liên hệ có địa vị cao trong xã hội sẽ rất được chú ý. Những biến cố xảy ra trong những khu vực khá giả của thành phố thường thu hút được nhiều phóng viên đến săn tin. Những vụ giết người rùng rợn, những vụ bắn nhau, đâm nhau, đánh nhau, hoặc tự tử, hoặc cướp đoạt những số tiền lớn, lừa đảo tài sản có giá trị đều được đưa lên trang nhất cùng với những vụ bắt bớ bất thường, những vụ thẩm vấn các phạm nhân, những vụ đối chất và thú tội.

Phóng viên luôn luôn đi tìm những chuyện bất thường và bất ngờ nhưng không phải lúc nào cũng được đền bù. Dưới đây là vài chuyện bất ngờ trong lãnh vực tội ác:

Một thanh niên sát nhân lại là một ca sĩ trong một ca đoàn nổi danh hoặc một tổ chức thanh niên gương mẫu. Một thiếu nữ bị dính líu vào một tội ác có những người bên vực trong đó có thể có cả phóng viên được biết cô ta thường ưa thích đời sống gia đình, thích nấu ăn và ca những bài ca ủy mị cho đến khi cô ta làm bạn với những người xấu. Một tài xế tắc-xi trả lại 5.000\$ cho một người khách đi xe và được người này thưởng cho 10 xu “puộc-boa” cùng với số tiền trả cho “cuốc xe”, v.v.

Trên thực tế sự khai thác luôn luôn những chuyện “bất ngờ” cũng làm giảm bớt sự chú ý của dân chúng. Nhưng nhiều tin tức trong số những câu chuyện về tội ác vẫn đáng được báo chí Mỹ quan tâm đến.

Khía cạnh bi thương của những chuyện thông thường. Nếu việc đăng

chuyện bất thường trong tin tức tội ác đáng được xét lại thì cũng nên nghiên cứu khía cạnh bi thương của những chuyện thông thường.

Những vụ cướp nhỏ, giật ví tay đàn bà, thiếu nhi phạm pháp, đánh lộn, những hành động trái luật của những đĩ điếm, những vụ cờ bạc, hăm dọa lương dân để đoạt tiền đầu là những chuyện tội ác tày thường trong đời sống của người Mỹ. Nếu lấy từng trường hợp riêng rẽ, những chuyện này chỉ đáng đăng vài dòng trên một tờ báo trung bình. Đó là những tin tội ác thông thường không gây được thích thú nên chỉ được viết theo lối thông thường và cũ kỹ của tòa soạn.

Thế nhưng những chuyện nhỏ đó liên hệ đến đời sống của nhiều người hơn là những tội ác quan trọng. Trong nhiều cộng đồng, những vụ trộm cướp đã vượt quá xa khả năng duy trì an ninh của cảnh sát và làm tăng vọt giá mục bảo hiểm. Trong những thành phố rộng lớn của quốc gia, những kẻ giật ví và ăn cắp vặt nhiều đến nỗi đàn bà không dám đi một mình trong vài vùng lân cận. Những vụ cãi lộn giữa những trẻ con kém giáo dục và vô trách nhiệm ngày nay sẽ trở thành cuộc chiến giữa những đám du côn ngày mai. Những đĩ điếm công khai mời mọc khách đi đường, những người ghiền ma túy và những người hàng xóm vũ phu riêng họ chỉ tạo nên những tin không đáng kể nhưng nếu họ là số đông trong cộng đồng thì họ sẽ gây nên một vấn đề xã hội lớn cho dân tộc.

Ngoại trừ những chiến dịch rộng lớn bài trừ tệ đoan xã hội thỉnh thoảng được tổ chức, những tin tức về việc bảo vệ gia đình một cách hữu hiệu hơn, bài trừ nạn thiếu nhi phạm pháp và đề phòng tội ác thường không được chú ý bằng những câu chuyện đi đầu tra, khám phá và trừng phạt tội ác. Khi có một tội ác khủng khiếp xảy ra trong vùng, tòa soạn phải đi tìm hiểu kỹ càng những nguyên nhân của nó. Chắc chắn là công việc làm tin này sẽ khó khăn hơn và đồng thời phải khéo léo và giàu óc tưởng tượng hơn mới khai triển được loại tin này. Nó không thuộc trong mô thức của tin tội ác thông thường như chúng ta sẽ biết. Hamlet không bao giờ hỏi ý kiến một nhà tâm lý học. Sherlock Holmes không phải là một thám tử.

Phạm vi và ảnh hưởng của công việc săn tin tội ác có vẻ được mở rộng ra nhiều vì công chúng chấp nhận vài tiến bộ căn bản mới trong đời sống thành thị tân tiến như một thử thách về cải cách chứ không phải như một loại sinh tồn phải được khoan dung mãi mãi.

QUI TẮC SẴN TIN TỘI ÁC

Công việc sẵn tin tội ác ngày nay không hấp dẫn. Những vụ vô lại đâm chém nhau, và những vụ giết người vì tình trước kia là số tin tức dự trữ thương mại của báo chí “giật gân” (sensational press). Kẻ giật ví và kẻ bán rong những chất ma túy được trình bày riêng rẽ không còn gây được nhiều sự chú ý trong lãnh vực tin tức. Nhưng khi xảy ra một tội ác có tổ chức đủ tính chất quan trọng để làm xáo trộn trong đời sống cộng đồng ở vài thị trấn và những toán vô lại liêu lĩnh tạo rối loạn ở những xóm Do Thái trong vài thành phố miền Bắc (Hoa Kỳ), lúc đó các phương tiện truyền thông mới phục vụ quần chúng đặc lực. Phóng viên sẵn tin tội ác ngày nay theo sát tin tức để đi điều tra, giải thích và đôi khi khuyến cáo nữa.

Những sự thận trọng sau đây giúp ích không những cho phóng viên mà cho cả chủ biên trong công việc làm tin tức thuộc lãnh vực tư pháp:

Câu lưu (arrests). Tường thuật một người bị câu lưu là một việc nguy hiểm. Khi đã tường thuật như vậy, phải có bằng chứng đích thực chống lại người bị bắt và bằng chứng đó phải do ở một tài liệu chính thức hoặc một viên chức có trách nhiệm. Nếu không có được tài liệu này, tốt hơn là phóng viên phải phối kiểm các sự kiện. Người bị nêu ra có thể không bị câu lưu chút nào. Trong lãnh vực cảnh sát, có những “uyển từ” (euphemisms) như “giữ người nào để hỏi” (holding someone for questioning), “đòi các nhân chứng tự đến trình diện để hợp tác trong một cuộc đi điều tra” (asking witnesses to appear voluntarily to cooperate with an investigation) và những câu nói tương tự để chỉ người bị giữ hoặc có thể hoặc không phải bị câu lưu. Tại nhiều tiểu bang, việc câu lưu rõ ràng không được thực hiện cho đến khi một phạm nhân bị ghi tên vào sổ tù. Trong bất cứ trường hợp nào, tin tức cần phải được loan ra một cách thận trọng.

Cáo tố (accusations). Phóng viên thường viết rằng một người bị truy tẩn vì cướp giật, bị tình nghi vì cố ý gây hỏa hoạn hoặc bị ra tòa vì giết người. Đó là lời ghi vội vàng trong làng báo được quán lệ (usage) chấp nhận nhưng không được rõ ràng (precise) và hợp cách (correct).

Những người bị truy t ầm vì một vụ cướp gi ết chỉ bị khép vào tội cướp gi ết khi có bằng chứng hiển nhiên. Khi một người bị tình nghi, y không nhất thiết phải bị liên hệ với một tội ác cho nên thường không có lợi gì khi nói rõ tên tuổi của một cá nhân bị tình nghi. Khi cảnh sát tình nghi một người nào mà không có bằng chứng, người đó có thể được coi như là một nhân chứng nghĩa là khác với người bị tố cáo là phạm tội. Do đó, những trường hợp tình nghi thường không làm thành tin tức với nhiều chi tiết nếu không có những tài liệu sẵn sàng để đem sử dụng. Nếu cách thức làm tin về một người *bị ra tòa vì giết người* (tried for murder) được sử dụng một cách rộng rãi thì quả thật là có hại. Để cho được chính xác hơn, nên viết “bị ra tòa vì bị cáo là giết người” (being tried on a charge of murder).

Thú tội. Việc sử dụng chữ *thú tội* (confessions) để mô tả những lời của một người khai với cảnh sát hoặc với viên chức khởi tố thường bị coi là nguy hiểm. Trừ trường hợp tòa xử công khai, sự kiện về một cảnh trưởng hoặc một viên chức khởi tố đòi phải có một sự thú tội có thể được sử dụng nhưng phóng viên và tổ chức làm tin của anh phải nhận lấy rủi ro của việc sử dụng này. Các tài liệu đầu đ ầy r ầy những đi ều thú tội giả thiết (supposed confessions). Những đi ều này thường bị phản cung về sau vì nhiều lý do và bởi những người bị gán vào những tội ác mà có thể họ không phạm vào. Trư phi và cho đến khi sự thú tội thực sự, phương pháp được chấp nhận cho phóng viên là nên sử dụng những danh từ như “lời khai” (statement), “lời xác nhận” (admission), “lời thuật lại” (description) hoặc “lời giải minh” (explanation). Ý nghĩa của những từ ngữ đó được đảm bảo vì hoàn cảnh không làm cho phóng viên và tổ chức làm tin anh phải chịu sự rủi ro không cần thiết.

Phóng viên bao giờ cũng phải nhớ rằng đối với pháp luật, một người có thể được coi là vô tội cho đến khi bị khám phá là phạm tội.

Đi ều tra. Vài giai đoạn của các cuộc đi ều tra (investigations) của cảnh sát cần phải có sự bảo mật vì lợi ích công cộng. Trong một số vụ khởi tố và thừa kiện cũng đòi hỏi như vậy. Bí mật của phòng đại phụ thẩm đoàn (grand jury) hoặc của một vụ nghị án đầu căn cứ trên chính sách lợi ích chung. Trừ những trường hợp hết sức đặc biệt, không một phóng viên và tổ chức làm tin nào được quyền can thiệp vào, nhưng cũng có một số người đã thử làm như vậy.

Thường thường, trong khi các cuộc đi điều tra đang tiến hành, các phóng viên tự hạn chế công tác trong việc lập bản danh sách và lý lịch các nhân chứng ra vào cơ quan cảnh sát và phòng đại phụ thẩm đoàn, nếu có thì lấy được danh tính của họ. Phóng viên có quyền tìm cách phỏng vấn những nhân chứng đó nếu hoàn cảnh thuận tiện trước và sau khi họ đưa ra những lời khai. Nhưng cơ quan khởi tố, các luật sư bị và chính các nhân chứng sẽ quyết định hoặc nên hoặc không nên tiếp xúc với báo chí.

Những trường hợp bạo tử. Trong lãnh vực làm tin tội ác, không có nơi nào có xu hướng muốn chóng tới chung cuộc bằng việc làm tin về những vụ bạo tử (chết bất kỳ). Phóng viên tài tử luôn luôn vội vã cho là một vụ tự tử hoặc giết người trong khi có thể là một vụ chết bất ngờ. Do đó, thiết tưởng chỉ nên thuật lại những gì đã được biết và không nên suy đoán gì thêm khi chưa có một lời xác nhận chính thức của một khám nghiệm viên hoặc một y sĩ hoặc một nhân viên có thẩm quyền.

Một vụ bên ngoài có tính cách tự tử là một câu chuyện tội ác khó trình bày nhất. Nếu cảnh sát phúc trình rằng có một người chết bị phác giác với một phát đạn ở thái dương bên mặt (phải) và một khẩu súng lục trong hoặc gần tay mặt của y, câu chuyện phải được viết đúng với những sự kiện như vậy. Trong trường hợp cảnh sát thấy một người “nhảy lầu hoặc té lầu” mà chết, phóng viên không được đi quá xa các sự kiện mà phải dùng những chữ đó trong bài viết. Nếu một thiếu phụ bị phát giác chết trên giường với một lọ thuốc ngủ bên cạnh, ký giả không nên kết luận vội.

Trong tất cả những trường hợp này, phóng viên cần phải ghi chép các trạng huống liên hệ đến câu chuyện, đặc biệt nhất là những đi đầu liên hệ đến những sự kiện đã được phổ biến. Không phải lúc nào cũng đăng tải tất cả những đi đầu ghi chép, kể cả bản văn mà cảnh sát cung cấp, trừ phi đó là tài liệu công khai. Hơn nữa, trừ phi có một sự loan báo chính thức về một vụ tự tử do một viên chức có trách nhiệm đưa ra, bài viết không được đi quá xa cuộc đi điều tra để xem đó có phải là một vụ tự tử hay không.

Khi những vụ chết bất kỳ xảy ra và không có gì chứng tỏ đó là tai nạn, tự tử, ám sát hoặc có thể liên hệ đến cả ba trường hợp, câu chuyện phải được tường thuật với lý lịch của những người bị chết và tình trạng của vụ chết. Ở tòa soạn, không nên tìm cách sắp đặt lại sự bí mật vì thường không đem lại kết quả tốt đẹp gì. Đó là công việc của cảnh sát và của các viên chức

khởi tố. Nếu không có lời tuyên bố nào của các viên chức này, chỉ nên thuật lại những sự kiện mà thôi.

Cuộc đi điều tra về một vụ giết người thường cám dỗ các phóng viên đi vào những lãnh vực mà thật ra nghề nghiệp của họ thường không trang bị cho họ đầy đủ để hoạt động hữu hiệu. Vì chỉ có một số rất ít phóng viên đạt được danh vọng bằng những thành tích vĩ đại, tất cả các phóng viên không nên tìm cách đóng vai trò thám tử khi đã có người làm công việc này rồi.

Có một ít đi điều căn bản mà phóng viên nào cũng phải chú ý đến.

Thứ nhất là cảnh sát và những người khởi tố ít khi cho phóng viên tin tức một cách “ngon lành” (give information in a silver platter). Thế có nghĩa là phóng viên phải tiến hành công việc phỏng vấn và nghiên cứu trong một thời gian rất ngắn để có thể viết được câu chuyện.

Thứ hai là có thể không có một sự bảo đảm nào của cảnh sát về sự chính xác (accuracy); trên thực tế, có thể có một số khá nhiều những chứng tích trái với tài liệu của cảnh sát. Thế có nghĩa là những tài liệu về danh tính, địa chỉ và các sự kiện khác của cảnh sát cũng cần phải phối kiểm lại.

Thứ ba là chuyên ngữ (terminology) của cảnh sát và của báo chí không nhất thiết phải giống nhau. Theo ngôn từ của luật pháp, làm chết một người là “sát nhân” (homicide) nhưng cũng có một số báo thường dùng chữ “án mạng” (murder) để nói tất cả các loại tội ác này. Thật ra, phải có sự phân biệt tùy theo trường hợp: giết người nói chung là làm chết người, “cố sát” là giết người có dự mưu, có tính toán (premeditation) còn “đả thương nhân thương chí mạng” (manslaughter) có thể là do bị khiêu khích hoặc vì câu trả lời làm chết người. Do đó, người viết phải minh bạch trong việc sử dụng từ ngữ và phải chú trọng đến căn bản pháp lý của việc gán ghép tội ác.

Qui lỗi. Khi có một vụ đánh lộn, bắn nhau hoặc đụng xe cần có sự can thiệp của cảnh sát, người ta phải tìm hiểu cái gì đã xảy ra và lỗi tại ai. Thường thường, phải có một vụ xử án mới định rõ được. Do đó, các phóng viên thường có nhiều lỗi tường thuật khác nhau cũng như có nhiều nhân chứng để chứng minh.

Những vụ này thường được bắt đầu bằng câu “hai người đã đánh lộn trong một hộp đêm” hoặc “hai chiếc xe hơi đã đụng nhau”. Trong thân bài, người ta thường ghi nhiều lời thuật lại khác nhau nếu cần. Việc này đặt ra một

vấn đề cho người viết và phần nhiều những người viết lại muốn tránh việc sử dụng “Ông ấy nói” hoặc “Bà ấy nói” hoặc “Cảnh sát nói” trong mỗi câu. Có nhiều cách để làm việc này. Một cách là trích dẫn những lời thuật lại nếu những lời đó quá ngắn. Một cách khác là viết như sau: “Theo cảnh sát thì vụ này...” và sau đó là câu chuyện được tường thuật. Trong tất cả các trường hợp, trừ phi có sự qui lỗi chính thức do viên chức có thẩm quyền đưa ra, phóng viên không cần phải làm công việc qui lỗi cho ai cả.

Nhận biết thủ phạm. Nhiều yếu tố đã gieo rắc hỗn loạn cho việc nhận biết lý lịch những người dính líu trong các câu chuyện tội ác. Tên người giống nhau, chữ đệm ghi sai, tên viết sai, địa chỉ sai và những lần lẩn của cảnh sát, tất cả đều gây khó khăn cho phóng viên. Thật ra, công thức thông thường “Kê bị tình nghi đã khai tên là...” cũng không có tính cách gì là an toàn cả. Nếu sự nhận biết lý lịch không đúng, phóng viên và tổ chức làm tin của anh sẽ phải gánh chịu những hậu quả không tốt.

Một qui tắc thường được coi là tốt là nêu lên những tài liệu liên hệ đến lý lịch của những người dính líu đến biến cố như những giấy tờ mà các đương sự có trong mình, hoặc do bạn hữu và những người thân thích của họ cung cấp. Nếu có sự khả nghi, phóng viên chớ nên cho là có hại khi phải thêm một câu “việc nhận biết lý lịch chưa được đầy đủ và cần phải phối kiểm lại”. Một tổ chức làm tin không nên tự cho là tiên tri nói lên lời nói sau cùng khi quần chúng biết rằng có thể có nhiều chuyện giữa việc giám định tội ác và sự xác tín của một bị can.

NHỮNG VỤ RỐI LOẠN TRONG DÂN CHÚNG

Công việc làm tin về những rối loạn trong dân chúng đặt ra những trách nhiệm nặng nề cho ký giả. Một mặt, anh phải hết sức thận trọng để khỏi làm lan rộng những tin đồn. Mặt khác, anh phải tự dấn thân vào nguy hiểm nếu cần để biết rõ sự quan trọng của mỗi biến cố. Nhưng bất cứ anh làm gì, bao giờ anh cũng phải ý thức rằng việc săn tin câu thả hoặc sự xuất hiện có vẻ khiêu khích của các máy quay phim truyền hình có thể gây ra những sự thiệt hại không thể ước lượng trước được trong một tình trạng căng thẳng nhất là ở những trung tâm đông đúc của nhiều thành phố Hoa Kỳ.

Ký giả cần phải thận trọng khi làm việc ở chỗ mà tình hình đang sôi động. Một phóng viên mặc quần áo trắng bảnh bao đi nghênh ngang giữa một khu vực của người da đen đang tức giận có thể gây ra rối loạn. Một thân hình viên truyền hình kéo lê theo những dụng cụ trong một đám đông bị rơi đèn sáng, có thể làm cho tình hình căng thẳng thêm và cũng chẳng có lợi lớn gì khi đưa một chiếc xe kiên cố mang tên một tổ chức làm tin đến một vùng đang rối loạn. Đó là những bằng chứng làm cho các phương tiện truyền thông bị trách cứ là làm lan rộng những vụ rối loạn. Sẵn tin đầy đủ là đi đầu mong muốn của bất cứ thời nào nhưng không ai có thể cứ vịn vào đó mà biện minh cho công việc của mình.

Trong những vụ tường thuật được viết ra hoặc bằng miệng về một sự việc xảy ra, cần phải cố gắng để tiến đến sự ước lượng chính xác. Một hành động phá hoại các tác phẩm mỹ thuật hoặc vụ hai thanh niên đánh nhau giữa một đám đông ngoài đường phố không được gọi là một vụ xung đột chủng tộc. Khi nghe tiếng súng nổ ban đêm ở khu đông người kế cận, chó nên vội gọi ngay đó là tiếng súng của kẻ bắn lén mà phải chờ cho đến khi cuộc đi điều tra xác định có kẻ bắn lén hay không. Cũng không nên cho rằng tất cả những vụ hỏa hoạn đều do những kẻ cố tình đốt nhà gây nên. Ngoài ra, còn cần phải thận trọng khi đề cập đến những vụ cướp phá nữa. Tai hại sẽ lớn nếu các đài phát thanh, truyền hình, các hãng thông tấn và báo chí tường thuật, phóng đại những vụ nhỏ nhỏ xảy ra. Do đó, trong những giai đoạn đầu của bất cứ vụ rối loạn nào trong dân chúng, nguyên tắc căn bản là chỉ thuật lại câu chuyện một cách hết sức hạn chế.

Thế nhưng, một khi các chủ biên của một tổ chức làm tin có bằng chứng hiển nhiên về một vụ rối loạn quan trọng, không có lý do nào biện minh cho việc không tường thuật đầy đủ cho cộng đồng biết. Khi phóng viên nhìn thấy những kẻ cố tình đốt nhà gây hỏa hoạn và những kẻ cướp khuân những hàng hóa từ các kho bị đập phá, phải loan báo những sự việc này. Thêm vào đó, cũng không nên quên nhu cầu của cuộc đi điều tra bên bỉ trong những hoàn cảnh như vậy. Khi có tiếng súng, phóng viên chó nên đi ngay đến kết luận là tất cả mọi sự thiệt hại đều do những người biểu tình gây ra hoặc do chủng tộc này chống đối chủng tộc khác. Cảnh sát và cảnh vệ quốc gia đều được biết là thường bắn chỉ thiên khi thấy cái gì di động và đôi khi đã gây ra kết quả tai hại.

Những sự thận trọng này, thường do ở kinh nghiệm trong việc sẵn tin về những vụ rối loạn trong dân chúng, phải được bao gồm trong những đi đầu

thỏa hiệp không chính thức giữa báo chí và nhà cầm quyền. Thí dụ, trước đây nhà cầm quyền Tiểu Bang Michigan đã chặn lại tin tức về một vụ rối loạn cho đến khi nắm vững được sự kiểm soát. Nhà cầm quyền ở Saint Louis đã thiết lập một trung tâm thông tin cảnh sát có trách nhiệm chọn lọc tin tức trước khi cung cấp cho các phương tiện truyền thông. ở Thành Phố Omaha (Tiểu Bang Nebraska), đã có sự thí nghiệm phải đợi ít nhất 30 phút trước khi phát thanh hoặc đăng tải tin tức về một cuộc biến động. Thêm vào đó, một số tổ chức làm tin cũng đã tự đặt ra những điểu chỉ dẫn đặc biệt có tính cách đề phòng.

Nhưng dù ký giả có cẩn thận đến mức nào đi nữa, anh cũng khó mà tránh được sự chỉ trích khi sản tin về một cuộc rối loạn. Ngày xưa một trong những tập quán ăn sâu vào các bộ lạc tiều sử là giết người nào mang tin tức xấu đến tập quán đó vẫn còn ảnh hưởng trong nền văn minh tiến bộ ngày nay. Vì vậy, ký giả phải làm tốt hết mình khi có thể làm được. Nếu có một sự khích lệ nào đó đối với anh trong tình trạng khó khăn và bấp bênh, thì đó có thể là lời phán xét dưới đây của một ký giả Ấn Độ đã thốt ra sau vụ ám sát Tổng Thống Kennedy: “Về nước Mỹ, có một điểu mà chúng tôi thấy chắc chắn là bất cứ việc gì xảy ra ở đâu, dù tốt hay xấu, ai cũng sẽ được biết và không một ai có thể giữ nó như một bí mật”.

VIẾT TIN TỘI ÁC

Những sự uyển chuyển trong việc viết tin về bạo hành, gây rối và tội ác trong các phương tiện truyền thông ở Hoa Kỳ sẽ được trình bày trong các đoạn dưới đây, nêu rõ một khía cạnh mới trong vấn đề tường thuật thuộc lãnh vực này:

Thảm kịch tại Kent. Một trong những biến cố gây nhiều xúc động nhất trong những năm vừa qua đã xảy ra ngày 4-5-1970 tại Trường Đại học Kent State, Tiểu bang Ohio, khi vệ binh quốc gia bắn vào một đám người biểu tình phản chiến trong khuôn viên đại học. Dưới áp lực mạnh mẽ, ban biên tập của tờ *Akron Beacon Journal* đã lập tức tường thuật một cách chính xác tin thảm kịch này đúng như nó diễn tiến và câu chuyện đi được viết ra với sự dè dặt đáng kể trong tòa soạn cách nơi xảy ra 12 dặm. Sau đây là phần mở đầu của bài báo đó đã mang lại cho ban biên tập báo *Beacon Journal* một giải thưởng Pulitzer:

KENT- Bốn người tử thương và ít nhất đã có 11 người khác bị thương hôm nay khi vệ binh quốc gia bắn vào một nhóm người phản chiến đang ném đá tại trường Đại Học Kent.

Ba trong số bốn người chết được xác nhận là:

Williams Schneider, Jeffrey Miller và Alison Krause.

Người thứ tư là một thiếu nữ chưa được biết lý lịch.

Những người bị thương là:

Dean Mahler, Thomas Grace, Joe Lewis, John Cleary, Alan Canford, Robert Stamp, Dennis Brackenridge, Doug Wrentmore và Bill Hersler.

Hai người trong số chín người này là vệ binh quốc gia.

Sáu trong số chín người vừa kể đã được chở vào bệnh viện Robinson Memorial. Họ bị thương vì đạn. Bệnh tình của ba người có vẻ trầm trọng.

Những phát súng đầu tiên đã nổ vào lúc 12g30 trưa, nửa tiếng đồng hồ sau khi vệ binh quốc gia bắn lựu đạn cay vào đám đông gần 300 người tụ họp sau văn phòng hành chính của trường Đại Học. Những người biểu tình đã ném trả lại đá và lựu đạn khi họ giải tán.

Một nhà báo, được mục kích vụ bắn vào đám đông này, nói rằng ông nghe thấy tiếng súng nổ khi một sinh viên ném một hòn đá vào vệ binh lúc họ rút đi sau khi giải tán đám đông.

Ông nói: “Một nhóm vệ binh quay trở lại và nổ súng rồi sau đó tất cả toán vệ binh đều trở lại và nổ súng”.

Vẫn theo lời nhân chứng này, vài vệ binh đã bắn chỉ thiên trong khi những người khác bắn thẳng vào đám đông.

Vệ binh và cảnh sát đã thiết lập một hàng rào chung quanh tất cả các cao ốc trong khuôn viên đại học và không cho một ai ra vào.

Súng nổ sau khi các sinh viên rủ nhau tụ tập lại thành một đám đông bất chấp lệnh cấm tụ họp. Một sĩ quan ngồi trong một xe “Jeep” ra lệnh giải tán bằng máy phóng thanh. Ông yêu cầu những người biểu tình giải tán “vì lợi ích của chính họ” . Đám người phản chiến cười phá lên và chế nhạo. Toán quân, mang mặt nạ chống hơi cay, bắt đầu ném những trái lựu đạn cay.

Toán quân rút về vị trí đầu tiên khi một nhóm khoảng 20 sinh viên vừa nam vừa nữ chạy theo họ từ cao ốc Taylor.

Đá và gậy ném vào toán lính và lời chửi rủa vang lên âm ỉ.

Hình như chưa được lệnh mà toán vệ binh đã quay trở lại rồi nhắm súng M-1 vào đám sinh viên phản chiến và bắt đầu nổ súng...

Lộn xộn về việc chuyên chở học sinh. Ngày tựu trường, trước kia thường là một ngày vui vẻ, đã trở thành một cơn ác mộng tại một vài thành phố trong những năm đầu của thập niên 1970, bắt buộc báo chí phải hết sức thận trọng để khỏi gây thêm xúc động trong dân chúng. Vì vậy, mặc dầu một nhóm người quá khích đã đốt cháy một chiếc xe buýt chở học sinh ở Pontiac, Tiểu Bang Michigan, để biểu lộ sự phản đối lệnh chuyên chở chung học sinh da đen và da trắng của tòa án, tờ *Pontiac Press* đã viết một bài tường thuật hết sức thận trọng và không gây ra nhiều xúc động. Ở San Francisco, tờ *Chronicle* cũng giữ một thái độ bình tĩnh như đã thấy trong bài tường thuật sau đây:

Chương trình chuyên chở không kỳ thị màu da cho các trường ở San Francisco hôm qua đã tiến hành với một sự yên tĩnh đáng ngạc nhiên. Chương trình vĩ đại chuyên chở xe buýt đã tiến hành tốt đẹp ngoại trừ có một số lớn học sinh vắng mặt.

130 xe buýt vàng chở 25.000 học sinh dùng xe buýt đi học đã khởi hành gần đúng thời khóa biểu nhưng ít có xe đầy đủ học sinh. Nhiều xe vẫn còn trống vắng.

Lúc 4g chiều, sau khi kiểm điểm từng trường trong số 97 trường tiểu học liên hệ ông Tổng Giám Thị Thomas A. Shaheen loan báo rằng tỉ lệ học sinh vắng mặt lên đến 41,4%.

Không có vụ bạo động nào xảy ra. Cũng không có những tiếng la hét phản đối của học sinh chống xe buýt như trong các thành phố khác và chỉ có vài đám người phản đối mang biểu ngữ chống xe buýt tại trường Sunnyside, số 250 Đại Lộ Foerster nhưng không có gì đáng tiếc xảy ra...

75

Một vụ đi điều tra về ma túy. Sự sử dụng trái phép chất ma túy đi được thấy đầy rẫy trong tin tức hàng ngày đến nỗi nó trở nên một phần thường xuyên trong công tác của người phóng viên. Vấn đề là phải loại bỏ nó ra khỏi công tác hàng ngày và làm cho nó trở thành có ý nghĩa đúng như bản chất của nó. Donaid L. Barlett, một phóng viên của tờ *Philadelphia Inquirer*, đã thực hiện đúng như vậy trong cuộc đi điều tra về những người bị

bắt giam vì tội sử dụng ma túy. Sau đây là phần mở đầu của loạt bài của Barlett.

Cảnh sát Philadelphia đã dành hàng chục ngàn giờ nhân lực trong hai năm để điều tra hơn 8.000 người tình nghi đã sử dụng ma túy, một chất thuốc đang bị lạm dụng nhiều.

Một cuộc nghiên cứu kéo dài hai tháng rưỡi của báo Inquirer cho thấy rằng cứ trong ba người bị bắt vì phạm luật của tiểu bang về việc sử dụng ma túy thì có hai người được tha bổng hoặc không bị tố cáo nữa. Và một trong hai người bị tố cáo theo lệnh của tòa án quận được coi là vô tội hoặc không bị kết án nữa.

Trong số 8.411 vụ sử dụng ma túy được tòa án thành phố xử trong hai năm 1969 và 1970. có 3.351 người được tha bổng, 224 bị người bị kết án và 4.636 trường hợp phải đem thảo luận trước đại jury thẩm đoàn.

Trong số 5.280 người ra tòa vì bị tố cáo là sử dụng ma túy trong hai năm trước đây tại tòa án thường vụ, có 2.589 người bị kết tội, tỉ lệ là 49%

Trái lại, văn phòng của Luật sư Frank Hogan trong Quận New York, lại đưa ra tỉ lệ phạm tội là 91% trong năm 1970. Đó là tỉ lệ trong một năm trung bình.

Tỉ lệ cao về số người được tha bổng ở Philadelphia là do ở:

- Sự bắt bớ bừa bãi của cảnh sát. Bắt bớ bừa bãi là một điều mà sĩ quan cảnh sát phải biết là trái phép và sẽ không đủ bằng chứng để buộc tội trước tòa.
- Sự yếu kém của văn phòng biện lý quận trong việc kiểm kê những vụ phạm pháp kể cả những vụ chỉ sử dụng chút xíu ma túy.

Đó là một số khám phá được xuất hiện trong cuộc điều tra của báo Inquirer...

NHỮNG TRƯỜNG HỢP DÂM ĐĂNG VÀ TỤC TỬ

Mặc dầu các bộ môn kịch trường và tiểu thuyết ở Hoa Kỳ không còn bị các luật lệ chi phối và hầu hết những gì được xuất bản dưới hình thức sách chỉ cần một sự chứng minh không đáng kể, báo chí Mỹ tương đối vẫn còn bị hạn chế. Cả những tờ báo lá cải có tính cách thương mại nhất cũng không thể nào theo kịp những sự quá trớn của kịch trường để đăng những câu

chuyện chường tai gai mắt. Đối với truyền hình cũng vậy, mặc dầu luôn luôn có những lời phàn nàn về những cảnh sa đọa và dâm dăng trên màn ảnh nhỏ trong gia đình mà người ta coi là có tính cách kích thích tính dục nhưng cũng vẫn không đến nỗi quá quất như những cảnh mà các nhà văn mô tả trong các tiểu thuyết hiện đại. Tuy cũng có trường hợp một nhà xuất bản bị giam giữ vì những sách khiêu dâm bất kể những vụ la hét trước Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ rằng tự do báo chí bị xâm phạm, nhưng những trường hợp đó tương đối vẫn rất hiếm.

Như vậy, không có nghĩa là nói rằng các phương tiện truyền thông Hoa Kỳ đều có tính nghiêm cách (puritanical). Đa số các báo và tạp chí thời sự Hoa Kỳ có một thái độ tương đối tự do trong công việc làm tin về những trường hợp tục tĩu đến một mức độ nào đó. Các chủ biên ít khi có thể quên được rằng chính phủ thường thì khoan dung nhưng có thể bất thần soi mói đến những tài liệu được gửi qua các cơ quan bưu chính. Vì vậy mới có sự thận trọng trong việc đăng tải những tài liệu bị coi là không đứng đắn trên báo chí. Những nguyên tắc thanh nhã thường được dùng chỉ đạo và dĩ nhiên tùy thuộc ở người chủ biên có trách nhiệm.

Vấn đề tục tĩu, mức độ sử dụng loại bài này thay đổi tùy theo tờ báo, tờ nào có tiếng là nghiêm trang đến tờ báo bí mật và báo của giới trẻ hơn trong học đường. Tất cả các chủ biên, bất kể những cái họ cho in hoặc không cho in, đều đồng ý rằng vấn đề tục tĩu đã được chấp nhận trong tinh thần khoan dung của thời đại này. Hơn nữa, không có chữ hoặc câu văn tục tĩu nào không được đại đa số quần chúng không hiểu một cách hoàn toàn. Do đó, không có giá trị quan tâm trong vấn đề tục tĩu và cũng không có giá trị gây xúc động. Vì vậy, yếu tố quyết định cho việc sử dụng những chữ hoặc câu tục tĩu trong báo in là cốt để xem nó cần thiết cho việc am hiểu tin tức hay không. Về vấn đề này, một chủ biên của một tờ báo danh tiếng đã nói: “Nếu Tổng Thống Hoa Kỳ sử dụng ngôn ngữ không trang nghiêm trong một cuộc họp báo hoặc trong bài diễn văn, chúng tôi sẽ đăng”. Những tiêu chuẩn của báo bí mật và báo học đường có phần kém gay gắt; thường thường, những báo này cho in những bài có tính cách tục tĩu là chỉ để nhắm mục đích tục tĩu.

Ngoài nhận xét đó, một số báo chí ngày nay vẫn còn thích cái không khí của thập niên 1890, thời kỳ phóng túng của văn hóa và xã hội (Mauve Decade). Những chuyện về đồng tính luyến ái đã được tả chân và viết dài dài. Những chuyện điếm không cần phải che đậy bằng những từ ngữ mơ

hồ. Cường dân là một tội ác và đã được mô tả rất đúng, khỏi phải dùng những chữ như “tấn công tội lỗi”, hoặc những uyển từ tương tự như ngày trước. Đặc biệt là trong những bài thuộc lãnh vực y tế công cộng, người ta thường ưa dùng những danh từ chính xác. Nhưng cũng có chủ biên rụt rè ngày nay vẫn muốn dùng uyển từ “những chứng bệnh xã hội” để nói về “bệnh lậu” và “bệnh giang mai”. Ngoài ra, người ta còn thấy nhan nhản trên các cột báo những tin tức về thuốc ngừa thai (pill), những lợi ích và những rủi ro của nó, cũng như những biện pháp kế hoạch hóa gia đình khác thường được sử dụng.

Thật ra, những tờ báo làm việc theo kiểu cũ vẫn muốn dùng danh từ “những người bất thường” để gọi những người đờng tính luyện ái và cố gắng trình bày câu chuyện dân đảng tục tĩu bằng lối viết đặc biệt. Nhưng thường thường, báo chí ngày nay không muốn theo lẽ lối cũ nữa. Truyềnhình còn có thể có nhiều khó khăn hơn trong việc trình bày những câu chuyện thuộc lãnh vực này.

CHƯƠNG 23. CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG VÀ TÒA ÁN

Một tòa báo, dù lớn nhất, cũng không thể nào tập trung được 90 người đông đủ để sẵn tin ở tất cả các tòa án trong phạm vi hoạt động của nó. Lý do giản dị là có quá nhiều tòa án. Một đài truyền hình cũng không thể nghĩ đến chuyên làm được việc đó, với 90 nhân viên địa phương và thời gian hạn chế. Hệ thống tòa án ở Hoa Kỳ quá rộng lớn và quá phức tạp khiến cho các phương tiện truyền thông không có đủ chỗ và thời giờ để tường thuật tất cả những gì xảy ra ở các tòa án. Cho nên người ta đã thấy rằng một tờ báo quan trọng ở New York chỉ có thể đăng một tỉ lệ nhỏ những bài tường thuật về những vụ án đang xử mà thôi.

TỰ DO BÁO CHÍ VÀ XỬ ÁN VÔ TƯ

Tại sao lại luôn luôn có sự xung đột về quyền tự do báo chí và xử án vô tư? Tại sao việc sử dụng hình ảnh chụp được ở tòa án hoặc do các máy thu hình của truyền hình thực hiện lại đưa đến cuộc tranh luận sôi nổi và có khi gay gắt? Chính là vì các phương tiện truyền thông có thể có một ảnh hưởng ngược lại về ngành tư pháp nếu tự do mà Hiến Pháp dành cho báo chí được thi hành không có sự hạn chế hoặc không có trách nhiệm. Đó là bài học của việc hủy bỏ các phán quyết trong các vụ án xử Estes và Sheppard mà báo chí đã “làm rùm beng” một cách có hại.

Trường hợp Estes. Billie Sol Estes, một nhà tài chính ở Texas đã được hưởng sự thủ tiêu bản án theo phán quyết của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ năm 1965 vì vụ án xử ông ở Tiểu Bang Texas đã được đưa lên truyền hình mặc dầu ông phản đối. Hạn tù của Estes trong một nhà lao liên bang đã bị coi là không đúng qui tắc.

Thẩm phán Tom C. Clark, trong một phán quyết với đa số 5-4, đã viết rằng vụ xử Estes năm 1962 ở Thành Phố Tyler, Tiểu Bang Texas, đã vi phạm những quyền của bị cáo vì có truyền hình hoạt động ngay trong phòng xử. Thẩm phán Clark viết thêm:

*Một người bị đưa ra tòa vì một tội ác chỉ bị xử ở trong pháp đình chứ không phải ở trong một thao trường hoặc một đấu trường quốc gia. Sự la ó rầm rĩ của dân chúng do các đài truyền thanh và truyền hình sẵn tin gây ra chắc chắn làm thiệt hại cho bị cáo. Phương pháp xử án bằng truyền hình không có trong hệ thống tư pháp của chúng ta*⁷⁶.

Trường Hợp Sheppard. Vụ thủ tiêu bản án xử Sheppard lại còn ngoạn mục hơn nữa. Sau khi bác sĩ Sheppard ở Thành Phố Cleveland, Tiểu Bang Ohio, ngồi tù gần 10 năm từ 1954 vì bị buộc tội là giết vợ ông, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ hủy bỏ bản án này năm 1966. Tối Cao Pháp Viện chủ trương rằng “sự làm rùm beng một cách độc ác” và “không khí kém trang nghiêm trong vụ án này đã làm cho việc xử án không thể vô tư được. Lại một lần nữa đứng trong đa số, thẩm phán Clark cho rằng kiện tụng không giống tuyển cử để có thể đắc cử qua việc sử dụng các phòng hội, truyền thanh và báo chí.

Thẩm phán Clark tiếp “Tù trường hợp này, chúng tôi nhận thấy rằng những ý kiến không vô tư và có hại trong tin tức về các vụ xử án đang tiến hành càng ngày có nhiều. Nguyên tắc xử án đòi hỏi rằng bị cáo phải nhận được sự kết tội của một phụ thẩm đoàn vô tư và không bị một ảnh hưởng ngoại lai nào... Khi thấy rõ ràng rằng những tin tức được đưa ra trước khi kết tội có thể làm hại cho việc xử án vô tư, quan tòa nên chờ cho đến khi mối đe dọa giảm bớt hoặc chuyển vụ kiện sang một tòa án khác không bị ảnh hưởng bởi sự làm rùm beng đó”⁷⁷.

Bác sĩ Sheppard đã được tòa tha bổng trong lần xử thứ hai năm 1966. Ông chết mấy năm sau đó.

Những thỏa hiệp tự nguyện. Như vậy, Ủy Hội Tội Ác Hoa Kỳ không thổi phồng ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông khi chống lại những hiểm họa của “việc sẵn tin không hạn chế” làm hại cho những quyền của bị cáo do Hiến Pháp ấn định để xử án vô tư. Sự phát triển tinh thần tự nguyện hợp tác giữa báo chí và tòa án ở cấp tiểu bang là một phản ảnh chí cương quyết của cả hai bên để tránh những sự tai hại trong tương lai. Vài tờ báo và phát thanh đã loan báo tự nguyện không đăng những tài liệu có hại như tài liệu về những tội ác đã mắc phải trước, những lời thú tội hoặc những vụ không chịu cho sử dụng dụng cụ thẩm vấn, vân vân.

Tuy nhiên, cái gì bị loại bỏ và không cho công chúng biết trong khi xử án thường được công bố ngay sau khi có phán quyết. Khi một số tờ báo nội thành và ngoại thành New York làm như vậy trong vụ xử một người thuộc nhóm Cosa Nostra tiếp theo vụ xử y đã âm mưu cướp phá ngân hàng. Thẩm Phán Liên Bang Jacob Mishler, phụ trách phiên xử, đã tỏ ra rất hài lòng, ông cho việc tự nguyện “gác tin lại” là “một lý lẽ hùng hồn nhất chống lại những sự hạn chế có tính cách bắt buộc đối với báo chí”. Tuy nhiên, trong vụ xử Richard Speck bị cáo về tội giết tám nữ nhân viên đi đầu dưỡng ở Chicago, tờ *Chicago Tribune* đã phải tới tòa để yêu cầu thay đổi chính sách hạn chế rõ ràng việc săn tin do một quan tòa xử án đưa ra. Tòa Án Tối Cao Tiểu Bang Illinois đã can thiệp để giảm bớt những hạn chế trong khi vụ án tiến hành.

Nhiều quan tòa khác ở nhiều nơi trong nước đã đóng cửa pháp đình không cho báo chí và công chúng vào dự từ khi có ý kiến hơi mơ hồ là các bị cáo không được xử một cách vô tư vì sự la ó của số người chống lại họ. Trong một vụ án xử như vậy ở Tiểu Bang New York, năm 1972, ông Chánh Án Tòa Thượng Thẩm Straley H. Fuld đã đưa ra lời trách cứ nghiêm khắc là vị thẩm phán đã hành động không theo đúng nguyên tắc tư pháp.

Sự thật hiển nhiên là những dị biệt giữa những quyền tự do báo chí và xử án vô tư không dễ gì được giải quyết nhanh chóng. Ngoài những lý do chính đáng nhất, tòa án có những sự dị biệt khác với báo chí về mức độ thâm nhập tin tức của vài trường hợp và báo chí thường nhấn mạnh vào quyền của báo chí để đòi được đăng những gì mà báo chí cho là cần thiết đối với quyền lợi của đại chúng. Những vụ căng thẳng thường xuyên này là một đảm bảo tốt nhất để công chúng biết rằng cả xử án vô tư lẫn tự do báo chí đều phải được bảo vệ.

Sự thật là càng ngày càng có thêm nhiều phiên xử án trong đó ký giả vượt quá giới hạn của hợp lẽ cũng như càng có thêm nhiều trường hợp trong đó các vị thẩm phán ngăn chặn việc thâm nhập tin tức một cách vô tư. Nhưng vì có sự tự nguyện hợp tác giữa báo chí và tư pháp ở cấp bậc thi hành cho nên những sự quá trớn đã giảm bớt phần nguy hiểm đi nhiều cho xã hội dân chủ của chúng ta ngày nay hơn là hồi đầu thế kỷ 20.

HỆ THỐNG TƯ PHÁP

Công việc thứ nhất mà một phóng viên mới được giao phó công tác ở tòa Án phải làm để thi hành nhiệm vụ là phải biết đôi chút về tổ chức các tòa án ở Hoa Kỳ. Ở trên hết là Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ. Tòa này phúc thẩm những vụ chống án từ các tòa án Liên Bang hoặc tiểu bang gửi lên. Trong mỗi tiểu bang, có một tòa án phúc thẩm nhưng tùy theo nơi mang những tên khác nhau như Tòa Thượng Thẩm (Court of Appeals) hoặc cũng gọi là Tòa Án Tối Cao (Supreme Court) mặc dầu danh từ không có gì chứng tỏ quyền hành đặc biệt của tòa này.

Tùy theo sự quan trọng của nền tư pháp tiểu bang, loại tòa án này có thể có những phân viện (branches) như tòa án cao cấp, tòa án thường pháp, vân vân. Nhiệm vụ của những phân viện này thường giống nhau mặc dầu thẩm quyền tài phán có khác nhau. Đó là những tòa án sơ thẩm (Courts of first instance) và dù mang hình thức này hay hình thức khác, các tòa này đều có thẩm quyền cả về mặt lẫn về hình.

Nếu có quá nhiều vụ xử, có thể thiết lập những tòa án riêng biệt. Ngoài ra, còn có những tòa án đặc biệt xử những vụ ly dị.

Ở cấp bậc thấp nhất của nền tư pháp là các tòa sơ thẩm với thẩm quyền tài phán hạn chế. Ở cấp quận (County subdivision), có thể có nền tư pháp hòa giải, ở các thành phố (cities), tòa hình thấp nhất thường là tòa án hình cảnh (Police Court). Tòa hộ thấp nhất thường là những tòa án thành phố (City Court hoặc Municipal Court), đôi khi còn gọi là “tòa án của những người nghèo” (Poor Men’s court) vì tốn phí rất ít trong những vụ tranh tụng và loại tòa án này xử những vụ án với phán quyết hạn chế ở một số tiền nhỏ khoảng từ 3.000 đến 6.000 mỹ kim.

Hiện nay, ở Hoa Kỳ đang có phong trào phát triển loại tòa án này: nhiều thành phố đã thiết lập nhiều loại tòa án cấp dưới trong số đó có những tòa án chuyên xử những vụ thuộc phạm vi gia đình (Family’s Court) tòa án thiếu niên hoặc thiếu nhi (Adolescent’s or Children’s Court) xử nhiều trường hợp khác nhau của lứa tuổi này kể cả thiếu nhi phạm pháp, những tòa án giao thông (Traffic Court), nơi mà các bị cáo sắp hàng nối nhau cả trăm người để nộp phạt một cách hiên lành và không có hy vọng được thấy nói gì khác ngoài hai câu “có tội”, hoặc “không có tội”.

Hệ thống tư pháp phức tạp của địa phương và tiểu bang đại khái hoạt động song song với một số tòa án liên bang tương đối ít hơn nhưng có nhiều thẩm quyền hơn và xử nhiều vụ án khác nhau từ những trường hợp vi

phạm luật thuế vụ đến luật Mann,⁷⁸ một đạo luật cấm chuyên chở phụ nữ từ tiểu bang này qua tiểu bang khác với mục đích phi luân. Từ những thủ tục buộc tội của một ủy viên, quy ền uy tư pháp bành trưởng qua các tòa án địa phương và các tòa phúc thẩm lên đến Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ.

Một số quốc gia được cai trị bởi luật pháp chứ không phải bởi người nên cần phải có nhiều tòa án, mọi tòa án có một thẩm quy ền tài phán riêng và mỗi tòa có một đường lối thượng tở lên một tòa cấp cao hơn.

Phạm vi sẵn tin ở tòa án. Số lượng tòa án trên lãnh thổ, những nhiệm vụ khác nhau của các cơ quan này và hệ thống phức tạp từ địa phương, tiểu bang đến Liên Bang của các thẩm quy ền tài phán là lý do tốt nhất để báo chí sẵn tin tòa án tại chỗ. Thí dụ, riêng ở thành phố New Yorks có chừng 300 vị thẩm phán và phụ tá. Thêm vào đó, có chừng 3.500 thư ký và nhân viên khác. Trái lại toàn thể ngành tư pháp liên bang chỉ có chừng 350 thẩm phán và 1.000 nhân viên toa án. Thời hạn trung bình trên toàn quốc để xử một vụ án là 30 tháng, trừ trường hợp Chicago thời hạn đó có khi là 69 tháng. Trong một khu vực đông dân như quận New York, trung bình mỗi năm có đến 8.000 vụ, rất khó có hy vọng tòa án tiến hành dễ dàng các vụ xử trong thời hạn mong muốn. Với hai phần ba những vụ hộ bị coi là có thể có tội, sự chậm trễ là dĩ nhiên. Trong vài tòa án, có vụ kéo dài nhiều năm mới kết thúc.

Những sự chậm trễ này tự nó làm cho công chúng không chú ý đến nhiều vụ xử trừ những trường hợp quan trọng và bi đát. Áp lực của những biến cố quá lớn và trí nhớ của con người lại không được bền lâu. Vì vậy mà có nhiều vụ nhất là những vụ hộ không được qu ần chúng quan tâm đến thường bị bỏ rơi, mặc dầu quan trọng. Một số ít tòa báo cho phóng viên theo dõi những vụ án dài để đăng vào những cột tin tức. Do đó, các phương tiện truy ền thông thường chú ý đến các vụ hình, nhất là các vụ hình ở tòa án liên bang. Trong tất cả các tòa án trên toàn quốc, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ là cơ quan rộng rãi nhất và hiểu biết nhất cho phép sẵn tin bởi vì nó liên hệ đến tất cả các tiểu bang, nhất là trong những vụ kiện ảnh hưởng đến các quy ền tự do công dân.

Với sự bành trưởng của chế độ phân công tổng quát cho phóng viên, số phóng viên lão thành làm tin tòa án đã bị sụt xuống một cách rõ rệt. Tại

nhều tòa báo, chỉ có một hoặc hai người dành trọn thời giờ làm tin tòa án và càng ngày càng có nhiều tòa báo giao công tác ở tòa án cho các phóng viên làm tin tổng quát.

Khi một phóng viên được giao phó công tác ở tòa án và được chỉ thị bành trướng những mối liên lạc với các luật sư, thẩm phán, nhân viên khởi tố, anh bước vào một địa hạt dãi dào tin tức. Những người hiện chuyên về lãnh vực này tương đối còn rất ít. Trong nhiều năm, họ đã thâm nhập được một số kiến thức khá sâu rộng về nền tư pháp và những kinh nghiệm về những vụ kiện trước đây đã khiến các vị thẩm phán đôi khi phải hỏi ý kiến họ một cách không chính thức.

Đối với những người thỉnh thoảng được giao phó công việc làm tin tòa án, họ cần phải biết một số danh từ pháp luật thường được sử dụng nhiều nhất.

DANH TỪ PHÁP LUẬT

Dưới đây là một số danh từ pháp luật thường được sử dụng với giải nghĩa:

Action at law: kiện tụng, tố quy ền.

Adjournment: hoãn lại, triển kỳ.

Administrator: người quản trị, viên quản tài.

Affirm: y án (tòa trên chấp nhận phán quyết của tòa dưới). Trái lại là hủy bỏ hoặc thử tiêu bản án (Reversal).

Arraignment: buộc tội, tố cáo.

Attachment: sự tịch biên (tài sản, hàng hóa), sự câu giam người mắc nợ

Bail bond: tiền thế chân, thường do một người chuyên bảo lãnh nộp để bảo đảm cho một bị cáo trước tòa án. Khi tòa dạy nộp một số tiền 5.000 Mỹ Kim và số tiền đó đã được gửi đến tòa, câu viết (hoặc nói) mà người ta thường dùng là “người bị bắt đã được tại ngoại sau khi nộp 5.000 Mỹ Kim bảo lãnh”.

Bench warrant: Lệnh của một tòa án cho phép một viên chức bắt một người và dẫn đến trước tòa.

Change of venue: thay nơi xử án

Codicil: tờ di chúc bổ chính.

Commutation: sự hoán giảm hình phạt.

Contempt of court: xúc phạm tòa án, có thể bị phạt tiền hoặc tù hoặc cả hai.

Consent decree: phán lệnh thuận tình, lệnh của tòa án theo đó bị can đã chấp nhận phán quyết của tòa.

Corpus delicti: tội thể, tội chứng. (nội dung của tội ác).

Decree nisi: chung quyết có hiệu lực ít lâu sau.

Defendant: bị đơn, người bị kiện.

Demurrer: biện hộ chống lại rằng lời buộc tội không đúng.

Deposition: sự cung khai.

Executor: người thi hành di chúc.

Extradition: sự dẫn độ (trao trả một tội nhân từ một tiểu bang này sang một tiểu bang khác hoặc một quốc gia này sang một quốc gia khác).

Habeas corpus: thủ tục bảo thân, lệnh của tòa án buộc người giữ một người khác phải đưa người bị giữ ra trước một tòa án để cho đúng pháp lý.

Indictment: tài liệu do đại phụ thẩm đoàn đưa ra để buộc tội và do viên chức khởi tố cung cấp.

Information: tài liệu do một viên chức khởi tố đưa ra thay vì đại phụ thẩm đoàn.

Injunction: lệnh truyền của tòa án.

Mandate: ủy quyền.

Misdemeanor: khinh tội.

Mistrial: sự ngộ phán.

Motion to dismiss: kiến nghị để bác bỏ.

Pardon: xá miễn, tha tội

Plaintiff: nguyên đơn.

Presentment: tài liệu do sáng kiến của đại phụ thẩm đoàn đưa ra.

Quash: phá án, hủy án.

Replevin: (hoặc replevy): lệnh trả lại tài sản riêng của một người bị giữ một cách trái phép.

Reprieve: hoãn thi hành một bản án.

Subpoena: giấy đòi chứng nhân ra hầu tòa.

Subpoena duces tecum: giấy đòi chứng nhân phải mang những tài liệu về vụ kiện khiến họ phải ra trước tòa.

Summons: đòi ra hầu tòa.

Venire: lệnh của quận trưởng đòi một số người ra tòa làm thành một phụ thẩm đoàn. *Veniremen:* những người được gọi ra giữ nhiệm vụ này.

Writ: trát, lệnh.

Writ of certiorari: lệnh của một tòa trên gửi cho một tòa dưới đòi cho tài liệu để xét.

Writ of supersedeas: lệnh ngưng xử, đình xử.

Dĩ nhiên, một phóng viên không thể nào dùng tất cả những danh từ này hoặc những từ ngữ khác có thể còn phức tạp hơn trong một câu chuyện tư pháp thời sự. Anh sẽ làm cho công chúng bối rối một cách vô ích. Kinh nghiệm nghề nghiệp đòi hỏi mỗi từ ngữ phải được giải thích một cách vắn tắt nếu nó được đem sử dụng. Trừ trường hợp tờ báo chuyên nghiệp về pháp luật, không có lý do nào bên vực cho việc dùng nhiều danh từ pháp luật trong một bản tin trừ phi không thể diễn tả được bằng cách khác. Phương thức này được đặc biệt áp dụng cho các thông tin viên thông tấn xã và các đặc phái viên săn tin về những vụ án quan trọng. Những vụ tố tụng và những danh từ pháp luật thường được quen thuộc trong một tiêu bang không nhất thiết phải được quen thuộc hoặc được sử dụng ở các tiêu bang lân cận.

SĂN TIN TÒA ÁN NHƯ THẾ NÀO?

Trong việc săn tin tòa án, cũng như trong các lãnh vực khác của nghề báo, phóng viên chỉ làm việc được đắc lực khi có những nguồn tin tốt và khi anh biết làm thế nào để có được tài liệu một cách nhanh chóng. Nhiệm vụ của phóng viên được phái đi săn tin từng vụ một ở tòa án sẽ nhận biết nhanh chóng đi đầu đó là đúng hơn là một phóng viên thường xuyên. Họ phải làm việc vất vả trong khi các phóng viên lão thành có nhiều nguồn tin hơn tỏ ra nhàn rỗi.

Những nguồn tin tòa án. Viên chức chủ chốt trong bất cứ tòa án nào mà các phóng viên cần liên lạc nhiều là viên lục sự. Đây là người giữ các hồ sơ. Với sự cộng tác của thẩm phán, viên chức này chuẩn bị lịch trình xử án, ngày nghe các lời cung khai cũng như ngày xử của tất cả trường hợp. Ông cũng làm sổ ghi các vụ đã xử và sắp xử, tóm tắt mỗi vụ. Trong tiến trình của vụ án, ông ghi những ý kiến, sửa soạn các lệnh của tòa án và làm sẵn sàng những bản sao của các vụ án để thu tiền. Ông nhận đơn, thu các khoản tiền phạt và giao dịch với các tòa án khác. Quan trọng hơn cả là ông thi

hành những chỉ thị của quan tòa về cách thức sắp đặt chỗ ngồi cho các đại diện báo chí — khi có một vụ án quan trọng trong một phòng xử nhỏ hẹp, thật ra không phải tất cả các phóng viên đều có một chỗ ở bàn dành riêng cho báo chí. Để tránh sự nhức đầu này cũng như tránh sự rắc rối trong việc sử dụng điện thoại, máy viễn ký và các phương tiện liên lạc khác, nhiều viên lục sự khôn ngoan thường ngăn giao quyền của họ cho một ban đại diện phóng viên.

Vị chánh án của vụ xử ít khi là một nguồn tin, mặc dầu theo thông lệ, phóng viên nào mới đến hoạt động cũng tự đến trình diện với vị thẩm phán đó. Với quyền uy thi hành những lệnh phạt về xúc phạm tòa án có thể đi đầu hòa cách xử sự và hoạt động của các phóng viên. Ông có thể ngăn cản các phóng viên truy vấn hình và nhiếp ảnh viên nếu ông thấy cần trong khi xử án và ông có thể cấm các phóng viên đi lại luôn luôn giữa những hàng ghế trong phòng xử khi họ đang công tác.

Viên chức khởi tố, thường gọi là đại t tụng viên quận (District Attorney) hoặc đại t tụng viên tiểu bang (State Attorney) và các luật sư biện hộ là những nguồn tin chính trong các vụ hình đối với các phóng viên. Trong các vụ hộ, các phóng viên nên tiếp xúc với các luật sư của bên nguyên và bên bị cũng như với tất cả những người liên quan đến vụ kiện. Thường thường, khi một vụ kiện đã hấp dẫn quần chúng, các phóng viên thấy cần phải đi tìm gặp gặp các luật sư biện hộ cho đôi bên để đối chiếu các quan điểm cho được kỹ lưỡng hơn.

Phòng khởi tố và đại phụ thẩm đoàn. Trong các phòng khởi tố, thường có nhiều đi đầu tra viên và các viên chức khác có thể là những nguồn tin rất tốt. Tuy nhiên, vì sự phong phú của những nguồn tin này, phóng viên cần phải thận trọng về sự thiên lệch vô tình nhưng có lợi cho chính quyền trong các tài liệu. Ngoài ra, không thể có hoàn cảnh nào cho phép phóng viên đem những tin tức thu thập được ở bên bị để đòi lấy vài khoản tiền thưởng của phòng khởi tố. Hành vi này trái với luân lý chức nghiệp và cũng là lý do để giải nhiệm anh tức khắc. Những bí mật giao cho phóng viên cần phải được giữ kín.

Nhiều phóng viên còn quan tâm đến việc giao thiệp với các nhân viên cấp dưới càng nhiều càng tốt. Những người như nhân viên giữ trật tự trong tòa và tốc ký viên là người giữ hồ sơ đầy đủ về một vụ xử có thể giúp ích phóng viên rất nhiều trong các trường hợp. Cũng như viên lục sự, các viên

chức nhỏ này rất thông thạo thủ tục tòa án, những mảnh khoe tư pháp nên có thể giúp các phóng viên phối kiểm sự kiện và để tránh những sai lầm nguy hại.

Các tổ chức làm tin thường giữ một cuốn sổ tất cả các công tác được dự trù trong đó có các vụ xử án nhưng có thể không theo sát những sự thay đổi trong lịch trình hoạt động của tòa án. Vì vậy, phóng viên mỗi ngày phải chăm lo xem sổ ghi các vụ xử để biết những vụ mới, dò hỏi viên lục sự và những nhân viên khác trong tòa để biết tin tức và duy trì liên lạc với phòng khởi tố cũng như các luật sư hoạt động trong khu vực của mình. Anh cũng có thể theo dõi những vụ bắt bớ, những vụ cung khai ở tòa sơ thẩm và những ý kiến của phụ thẩm đoàn để được biết những tiến triển của vụ án mà viết bài.

Những cuộc thảo luận của đại phụ thẩm đoàn đầu bí mật nhưng phóng viên thường có thể có một quan niệm chính xác về sự việc đang diễn ra qua cuộc tiếp xúc với các nhân chứng và viên chức khởi tố là người đưa ra những bằng cứ buộc tội. Một đại phụ thẩm đoàn (grand jury), khác với một phụ thẩm đoàn xử án (trial jury hoặc petty jury), có nhiệm vụ nghe các chứng cứ cùng với một ủy hội hình sự (commission of crime) và quyết định về lời buộc tội và lời khuyến cáo của nhân viên khởi tố. Thường thường, những tin tức về những vụ hình đầu không được tiết lộ đôi khi qua sự hợp tác của báo chí cho đến khi người bị truy tố bị bắt theo trát của tòa án.

Nên nhớ rằng truy tố chỉ là căn cứ trên chứng cứ của một bên và mọi sự buộc tội phải được chứng minh trước tòa án. Do đó, cái gì được ghi trong phúc trình truy tố (report of an indictment) phải hết sức đầy đủ.

Thủ tục của các vụ hình. Trong một vụ hình đáng làm tin tức, phóng viên thường theo dõi sự việc từ khi có một vụ bắt bớ. Tiếp theo là vụ xử án. Nếu tòa án có thẩm quyền tài phán, vụ xử có thể được sắp đặt với một buổi nghe công khai và một phán quyết hoặc có thể bị hoãn lại một thời gian. Nếu tòa án không có thẩm quyền, quan tòa thường nhờ phụ thẩm đoàn cho ý kiến nhất là đối với những tội phạm nặng (felony charges). Dĩ nhiên, quan tòa có quyền không xử vụ án nếu theo ý ông không đủ bằng chứng. Nhưng trường hợp này không xảy ra luôn.

Hành động của phụ thẩm đoàn tùy thuộc nhiều ở quyết định của viên chức khởi tố. Trong những trường hợp mà bằng chứng có tính cách quyết định, phụ thẩm đoàn có thể hoãn lại lời truy tố một cách chóng. Khi sự khởi tố

có những rắc rối thì phải mất một khoảng thời gian dài mới có thể tiến hành được vụ xử. Nếu đại phụ thẩm đoàn không cho ý kiến truy tố, bị cáo được trả tự do. Nếu lời truy tố được phát hoàn, bị cáo bị đem xử và vấn đề bảo chứng (nộp tiền thế chân để được tại ngoại) được đặt ra. Những cuộc thẩm vấn được tổ chức trong pháp đình, và đây cũng là nơi xử vụ án.

Trình tự sách lược pháp đình (legal strategy) bắt đầu từ sự truy tố ở một tòa án cấp dưới. Nhưng vì có nhiều sự thay đổi tùy theo công việc của viên chức khởi tố và của bên bị nên phóng viên bao giờ cũng nhận được chỉ thị rõ ràng là phải tiếp xúc với cả hai bên để được biết sự việc sẽ diễn tiến như thế nào. Ở nơi nào mà phóng viên được quen biết và được tín nhiệm, hai bên thường nói chuyện thành thật với anh. Đối với phóng viên mới đến hoạt động, tốt hơn hết là nên tìm vài nguời tin pháp đình vô tư như một luật sư thân hữu hoặc một tùy viên công tố để nhờ giải đáp những sự việc có thể xảy ra.

Một phóng viên nào đến tòa án không chuẩn bị, không có kiến thức về pháp luật hoặc không có kinh nghiệm trong lãnh vực này sẽ phạm những lỗi lầm, cho nên trước hết là phải được chỉ dẫn sơ lược trước về lãnh vực mà anh phụ trách.

Thủ tục của các vụ hộ. Trong số những vụ tố tụng về hộ, những vụ án hôn nhân, những vụ đòi bồi thường, những vụ tuyên bố phá sản hoặc những vụ tiếp quản tài sản là những vụ được báo chí chú ý đến trước tiên. Phạm vi của luật hộ rất rộng và các tiểu bang lại không nhất trí trong việc thi hành loại luật quá phức tạp này.

Xét qua chế độ luật hộ, người ta sẽ thấy ngay tình trạng đó. Luật hộ, khác với luật hình, có thể chia làm “y luật tố tụng” (actions of law) và “bảo vệ công bình tố tụng” (actions in equity). Y luật tố tụng trước hết nhắm vào tài sản và những vấn đề liên quan đến cá nhân như đòi bồi thường và thi hành khế ước. Bảo vệ công bình tố tụng có tính cách cưỡng bách và hành động xuất phát từ tư pháp. Những vụ tịch biên hoặc tiếp quản tài sản đều nằm trong thể thức bảo vệ công bình tố tụng. Nhiều tiểu bang đã hủy bỏ sự phân biệt giữa y luật tố tụng và bảo vệ công bình tố tụng vì thấy quá phức tạp.

Có những luật sư có kinh nghiệm, khi bước vào những góc ngách của luật hộ mà các vị đó chưa quen thuộc, phải thú nhận rằng họ cần phải tham duyệt một số lượng rất nhiều tài liệu. Do đó, đi đâu bắt buộc đối với một

phóng viên đi săn tin về một vụ hộ đặc biệt là không những phải có sẵn sàng trong tay một tự điển pháp luật mà còn phải biết đầy đủ những kỹ thuật tố tụng về những vụ hộ nữa.

Thỉnh thoảng, phóng viên được biết những vụ kiện về hộ trước khi xử nhờ ở những luật sư thân hữu và các viên chức tòa án. Trong nhiều trường hợp, vì được xem sổ ghi các vụ xử ở phòng lục sự, phóng viên có thể thấy những đơn kiện về hộ. Phóng viên chỉ cần biết số thứ tự của đơn về vụ mà anh muốn theo dõi và nhờ một viên chức hay giúp đỡ cho phép xem hồ sơ là có thể biết được câu chuyện.

Những vụ kiện về hộ bắt đầu với sự đưa đơn của nguyên cáo nhưng ở một tiểu bang, hành vi này chưa đủ. Vụ thừa kiện chỉ được đưa ra tòa xử khi bị cáo đáp ứng. Như trên đã nói, những vụ hộ đầu đòi hỏi nhiều tháng để giải quyết. Thời gian trôi đi và những thủ tục pháp định ảnh hưởng nhiều đến giá trị của tin tức về những vụ hộ.

Thâu thập tin tức về những hộ thường kéo theo việc thâu thập tin tức về các luật sư. Từ khi những vụ kiện này có tính cách kỹ thuật cao độ và các luật sư không được công khai phát biểu ý kiến trước ở bên ngoài tòa án, báo chí khó có thể có được ba loại tin tức trong một vụ kiện về hộ: khi có đơn thừa, khi vụ kiện được đáp ứng và khi có một cách giải quyết hoặc có một phán quyết về vụ này.

Dĩ nhiên, vụ kiện về hôn nhân là một biệt lệ. Song le, báo chí chuyên về những vụ này cũng phải đề phòng việc bị kiện vì mạt lý: một luật sư có thể chuẩn bị một đơn thừa cho một phụ nữ trong một vụ kiện ly dị mà không biết rằng trong lúc đó bà ta sắp hòa thuận với chồng. Những vụ kiện ly dị, thủ tiêu hôn ước, ly thân... cũng như những tin tức tội ác, đều quen thuộc đối với báo chí thương mại. Tuy nhiên, những vụ đó lại không quen thuộc đối với những phóng viên đi săn tin vì thường thường phóng viên gặp rất nhiều khó khăn trong việc lấy những tài liệu xác đáng và vô tư cả hai bên. Khi luật pháp cho phép có những sự rắc rối khác như niêm phong những giấy tờ trong một vụ kiện ly dị thì việc làm tin về những vụ này có thể được thực hiện khi vụ xử án bắt đầu.

Do đó, làm tin tức về một vụ kiện ly dị hoặc ly thân liên quan đến những nhân vật quan trọng là một sự rủi ro lớn lao. Chỉ có ở thị trấn Reno thuộc Tiểu Bang Nevada và ở vài khu vực tài phán, người ta cho phép săn tin về những vụ kiện hôn nhân theo ý muốn của phóng viên.

Chụp hình trong tòa án. Thi hành qui tắc Hiệp Hội Luật Sư Hoa Kỳ cấm chụp hình ở tòa án trong khi xử án đã gây ra nhiều cuộc tranh luận trong nhiều năm. Quyết định này được chấp thuận trong năm 1935 là một sự phản đối tình trạng lộn xộn trong vụ xử Bruno Richard Hauptmann bị cáo là giết con trai là phi công Lindbergh, đã được tu chính năm 1962 để cho phù hợp với hoàn cảnh hiện đại. Đại ý bản văn này như sau:

Xử án phải được diễn ra một cách đĩnh đạc và trang nghiêm. Việc chụp hình trong tòa án trong khi các phiên xử đang diễn tiến hoặc vào lúc tạm ngưng giữa hai phiên xử và việc thu thanh thu hình về những vụ xử phải, được trù liệu sao cho khỏi làm mất vẻ trang nghiêm của tòa, làm sai lạc những lời khai của nhân chứng phương hại đến quyền uy của tòa và tạo những sự hiểu lầm làm mất sự kính trọng tòa trong trí óc của quần chúng.

Tuy qui tắc này không được áp dụng cho tất cả các tiểu bang nhưng cũng có hiệu lực trong quá nửa tổng số tiểu bang ở Hoa Kỳ. Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ thủ tiêu bản án xử nhà tài chính Estes căn cứ trên lý lẽ rằng có truy vấn hình hoạt động trong tòa án Tiểu Bang Texas mặc dầu bị cáo phản đối, đã ngăn cản thực sự các quan tòa tiếp tục cho phép chụp hình quay phim như thế nữa. Hơn nữa, khi các máy thu hình được đem vào phòng xử vụ Jack Ruby, quần chúng rõ ràng không tán thành. Các tranh đấu vẫn tiếp tục mặc dầu có sự hiện diện của các máy thu hình và vấn đề hình như chưa có thể giải quyết sớm được.

VẤN ĐỀ LÀM TIN VỀ NHỮNG VỤ XỬ ÁN

Đại cương cho việc săn tin về những vụ xử án tội ác, nhất là những vụ tội ác cuốn sự chú ý của quần chúng, có thể căn cứ ít nhất một phần vào những giai đoạn của những cuộc thẩm vấn. Những giai đoạn này làm thành cốt chuyện của vụ xử án.

Những giai đoạn của một vụ hình. Tuyển chọn phụ thẩm đoàn và cuộc tuyên thệ của đoàn này là giai đoạn thứ nhất của một vụ án về hình.

Theo sau là lời của viên chức khởi tố khai mạc phiên xử trong đó ông trình bày những chi tiết trong tội ác và lý do chứng tỏ bị cáo có tội. Cuộc biện hộ

có thể tiếp nối ngay đó hoặc có thể dời lại, trừ trường hợp của vài tiểu bang như New York là những nơi mà sự biện hộ phải tiếp theo ngay cuộc truy tố.

Kế đến là giai đoạn đề xuất nhân chứng với những cuộc thẩm vấn trực tiếp (direct examination) và thẩm vấn đối tịch (cross examination). Những cuộc thẩm vấn này lại có thể được thực hiện một lần nữa nếu có lời yêu cầu.

Lúc kết thúc vụ xử, các luật sư bên bị bao giờ cũng yêu cầu tòa tuyên tha viện lẽ rằng không đủ những yếu tố buộc tội nhưng thường thường tòa không chấp nhận ngay lời yêu cầu như vậy.

Vụ án tiếp diễn và các nhân chứng lại được hỏi đến. Lúc này, cả hai bên đều có thể khai thác tất cả các nhân chứng để bác bỏ luận cứ của đối phương.

Trong vụ hình, trình tự của việc xử án tóm tắt như sau: thường thường viên chức khởi tố nói trước rồi đến luật sư biện hộ. Mỗi bên đều tìm hết cách thuyết phục phụ thẩm đoàn với những lý lẽ và thuật hùng biện rồi ngưng lại sau đó.

Kế đến quan tòa trình bày với phụ thẩm đoàn sơ lược những điểm liên quan đến vụ án, đề ra những phán quyết có thể được áp dụng và giải thích ý nghĩa của mỗi phán quyết.

Khi phụ thẩm đoàn thảo luận xong và trở lại phòng xử, viên trưởng tòa loan báo phán quyết. Nếu thấy có tội, quan tòa gửi trả tội nhân về nhà giam và định một ngày để kê án hoặc có thể kê án ngay tức khắc, tùy theo luật của tiểu bang.

Những giai đoạn của một vụ hộ. Các vụ hộ cũng thường theo thủ tục kể trên nhưng có thể không có phụ thẩm đoàn.

Sau khi phiên tòa được khai mạc, các luật sư trình bày quan điểm theo thứ tự luật sư của bên nguyên trước và của bên bị sau. Kế đến là những lời phát biểu của nguyên đơn và của bị cáo rồi cả hai bên ngưng lại đó.

Một quan tòa, ngài chủ tọa phiên xử không có phụ thẩm đoàn, thường để thời giờ suy ngẫm và nghiên cứu vụ tranh tụng. Ông có thể loan báo quyết định của ông trên một tờ luật pháp công báo (Law Journal) hoặc cho phép in bản văn quyết định thành nhiều bản để phân phát cho các phóng viên. Dĩ nhiên, ông có quyền loan báo quyết định của ông càng sớm càng hay khi vụ án kết thúc nhưng ít khi ông làm như vậy trong những vụ án phức tạp.

Những chuẩn bị của phóng viên. Công việc đầu tiên mà bất cứ phóng viên nào cũng phải làm khi được giao phó công tác săn tin về một vụ án quan trọng ở ngoài thành phố là phải tìm cách để chắc chắn có một chỗ ngồi trong phòng xử, có những phương tiện liên lạc thích hợp và một chỗ để nghỉ “xả hơi”. Một khi đến tòa án, anh phải báo cho quan tòa biết cũng như phải tiếp xúc với viên lục sự, với các luật sư và những nhân vật chính trong vụ án mà anh có thể gặp được. Nếu anh chỉ đi có một mình, anh phải tìm cách bố trí sao cho bài viết của anh được chuyển đi một cách chắc chắn — hoặc qua một người đưa thư, hoặc bằng điện thoại hoặc một hệ thống viễn ký. Sau đó, anh phải ghi chép đầy đủ tên họ, địa chỉ, nghề nghiệp và số điện thoại của mỗi người liên hệ đến vụ án vào một cuốn sổ tay mà lúc nào anh cũng phải giữ trong mình.

Phóng viên làm việc cho một tờ báo buổi sáng không có những vấn đề đặc biệt phải đối phó khi vừa tiếp tục săn tin vừa viết bài trừ trường hợp tờ báo anh kết thúc công việc sớm. Phóng viên làm việc cho một tờ báo buổi chiều hoặc hăng thông tấn dư biết rằng nếu anh rời phòng xử để đi viết bài, gọi điện thoại hoặc đọc một phần mở đầu anh có thể bỏ mất một tin tức quan trọng trong ngày. Vì vậy, anh có thể viết bài ngay trong phòng xử hoặc thu xếp với một phóng viên khác làm việc cho một tờ báo buổi sáng không cạnh tranh với báo anh để săn tin dùm anh trong khi anh viết bài. Tuy nhiên, không thể có trường hợp nào khiến anh cứ phó mặc một vấn đề quan trọng cho vận mệnh cả.

Săn tin và viết tin tòa án. Trong việc săn tin và viết tin tòa án, cần phải nắm vững những điểm quan trọng. Phóng viên cần phải có giác quan thứ sáu để báo cho anh biết khi nào phải ghi chép một đoạn trong lời cung khai và khi nào một nhân chứng đây hứa hẹn thật ra không cung cấp được tin tức nào cả. Đôi khi, vì suy đoán sai lầm, một phóng viên có thể bỏ qua một lời khai quan trọng nhưng anh có thể lấy lại được trong khi phiên tòa tạm ngưng bằng cách hỏi thăm nhân viên tốc ký của tòa nếu anh không có thể trông cậy vào cuốn sổ ghi của một đồng nghiệp.

Bất kể anh có thể ghi được gì, phóng viên đi săn tin về một vụ hình hoặc hộ quan trọng cần phải tập ghi những câu hỏi và trả lời về những điểm chính yếu. Những câu hỏi và trả lời này làm cho bài viết hấp dẫn. Cả trong

bài tường thuật vụ án chỉ dài nửa cột báo, phóng viên cũng có thể đem vào vài câu hỏi và trả lời.

Khi viết phần mở đầu căn cứ trên lời khai của một nhân chứng mà tên họ hoàn toàn xa lạ đối với đại chúng, phóng viên có thể sử dụng phương pháp cổ điển dùng trong việc săn tin và viết tin tòa án. Anh có thể bắt đầu câu chuyện bằng cách viết về một cách buộc tội hoặc về một sự việc đã được cung khai. Người nêu tội trạng hoặc thuật lại sự việc có thể được đề cập đến trong đoạn thứ hai hoặc thứ ba của bài viết. Một cách khác được áp dụng là bắt đầu viết rằng một nhân chứng đã xác nhận một điểm quan trọng trong vụ án và sau đó viết về lý lịch của nhân chứng.

Phóng viên thường phải biết cái gì sắp xảy ra theo thủ tục tòa án và có thể lập được một danh sách tất cả những người liên hệ đến vụ án trừ những nhân chứng bất ngờ (surprise witnesses) mà phòng khởi tố và bên bị nạn ra trước ngày bắt đầu phiên xử. Nếu anh bình trí, anh có thể có cả một bản đại cương về những sự việc mà một nhân chứng có thể nêu ra và như vậy anh sẽ không bị ngạc nhiên. Điều này chỉ quan trọng trong những liên lạc của phóng viên với tòa soạn để thu xếp việc đăng một bài dài hoặc một bài tương đối ngắn. Thiết kế cũng là một phần công việc của phóng viên.

Vì ngày quan tòa buộc tội và phụ thẩm đoàn thảo luận sắp đến, phóng viên phải chuẩn bị trước một bài dài từ 500 đến 800 chữ về vụ án để có thể đăng vào lúc tòa tuyên án. Lúc phụ thẩm đoàn ra khỏi phòng xử, anh phải gửi về tòa soạn tài liệu đó với tính cách một bài phòng hồ (thường được gọi là bản thảo 8) trước khi có phán quyết. Những tài liệu thông thường khác như tài liệu về việc phụ thẩm đoàn trả lại hồ sơ cho tòa để đi điều tra thêm hoặc về những hành động có tính cách quan trọng của bên bị, phải được gửi về để bổ túc cho bài viết. Ngoài ra, phóng viên cũng cần phải chuẩn bị cho bài viết những phần mở đầu về những phán quyết có thể có được.

Do đó, khi phụ thẩm đoàn trở lại phòng xử, phóng viên đã sẵn sàng cả rồi. Khi trưởng tòa loan báo phán quyết, phóng viên có thể chọn phần mở đầu thích hợp và lúc đó anh chỉ còn việc xem rằng nó có thể được chuyển đi bằng máy viển ký hoặc bằng điện thoại mà thôi. Anh cũng có thể viết một phần mở đầu mới (sống động) hoặc tô thêm màu sắc cho câu chuyện. Tóm lại, phóng viên cần phải chuẩn bị tin tức trước hơn là theo đuổi tin tức, cần phải bố trí công việc săn tin hơn là phó thác việc làm tin cho vận mệnh.

Chớ nên nghĩ rằng những người làm tin tức cho các phương tiện truyền thông điện tử không phải chuẩn bị công việc như những phóng viên làm

việc cho báo chí. Các hãng thông tấn và các tạp chí thời sự. Chính vì họ phải nói vào một chiếc máy vi âm hoặc chỉ sản xuất những tin tức cho truyền hình sau khi có phán quyết của tòa án, họ không cần phải có giác quan đặc biệt khiến cho họ có thể đoán trước được cái gì sắp xảy ra. Người ta đã thấy có bài tường thuật trước máy vi âm được sửa soạn một cách cẩn thận không kém gì bài tường thuật cho một tờ báo quan trọng. Tóm lại, người làm tin cho truyền thanh truyền hình cũng phải cẩn thận như những đồng nghiệp khác của anh. Anh cũng có những rủi ro như những người viết cho báo chí. Những chữ anh viết ra để phát thanh một khi được tung ra không thể nào rút lại được nữa.

Làm tin về những phán quyết. Những cuộc biểu tình và những vụ bạo hành lan rộng và chia rẽ dân tộc trong những năm cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 đã tập trung sự chú ý vào vai trò của người phóng viên. Đặc biệt là trong nhiều vụ xử án, phóng viên đã tỏ ra hết sức công bình và có tinh thần vô tư.

Dưới đây là phần mở cho chung cuộc của một vụ án nổi tiếng, vụ án xử Angela Davis:

Một phụ thẩm đoàn hôm Chủ Nhật đã tuyên bố Angela Davis vô tội sau khi cô bị buộc tội là sát nhân, bắt cóc và âm mưu gây rối từ ngày 7-8-1970 tại Quận Marin. Liên ngay sau khi phán quyết được công bố, những tiếng reo hò vui vẻ vang dậy trong phòng xử.

Cô Davis, sung sướng đến chảy nước mắt nói: “Hôm nay là ngày sung sướng nhất trong đời tôi”.

Viên lục sự Art Venek đọc phán quyết của phụ thẩm đoàn gồm bảy phụ nữ và năm phái nam lúc 12g35 trưa. Một lát sau, cô Davis bước ra khỏi pháp đình ngột ngạt để đi vào một cuộc sống tự do đầy ánh nắng rực rỡ sau khi qua 16 tháng trong tù và những thủ tục tòa án kéo dài hơn bốn tháng.

Đại diện của phụ thẩm đoàn là bà Mary Timothy đã trao phán quyết cho Vanek sau khi phụ thẩm đoàn thảo luận 13 tiếng đồng hồ trong ba ngày liền. Với dáng điệu nhẹ nhàng và trịnh trọng, viên lục sự Vanek đọc phán quyết thứ nhất về lời buộc tội bắt cóc;

“Chúng tôi, phụ thẩm đoàn... thấy rằng bị cáo vô tội.”

Phòng xử án vang lên những tiếng xì xào phá tan bầu không khí yên lặng.

*Vanek đọc tiếp phán quyết thứ hai về lời buộc tội sát nhân: “Vô tội” .
Lần này, lại một loạt tiếng xì xào bàn tán nổi lên giữa đám người tham dự.*

*Rồi Vanek đọc tiếp phán quyết thứ ba lời buộc tội âm mưu gây rối:
“Cũng vô tội” .*

*Những người có mặt trong phòng xử đáp lại bằng những tiếng ồn ào
mà người ta chỉ có thể nghe thấy ở một đám đông dự khán một trận đấu
dã cầu khi hội nhà ghi tỉ số thắng về trận đấu thứ bảy tranh giải vô địch
thế giới. Phản ứng của những người dự khán mạnh đến nỗi thẩm phán
Richard Arnason phải tuyên bố giải tán phòng xử.*

*Cô Davis vẫn giữ im lặng từ lâu, nửa mừng nửa tủi, ôm chầm lấy người
bạn thân nhất của cô là Andra Alexander...*

THIỆU NHI PHẠM PHÁP

Trên toàn thế lãnh thổ Hoa Kỳ, hiện có chừng 3.000 tòa án thiếu nhi. Trong một cáo thị, Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ đã nhấn mạnh, rằng các tòa án này phải cho các thiếu nhi đầy đủ những sự bảo vệ theo các thủ tục pháp định mà người lớn được hưởng trong Luật Bảo Vệ Các Quyền Công Dân. Như thế có nghĩa là khi trẻ em bị đưa ra trước các thẩm phán tòa án thiếu nhi để cung khai tội phạm, chúng phải được quyền có mặt luật sư biện hộ và được đối chất với những người tố cáo chúng và các nhân chứng chống lại chúng.

Từ khi có nhiều tiểu bang không cho phép nêu tên họ của những bị cáo thiếu nhi và không cho phép phóng viên có mặt trong các phiên xử thiếu nhi, phán quyết của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ ngày 15-5-1967 hình như có hiệu lực hạn chế thêm việc các phương tiện truyền thông săn tin ở các tòa án thiếu nhi. Thường thường thì báo chí cũng không sử dụng tên họ của các bị cáo thiếu nhi và ít khi tường thuật những vụ án thiếu nhi vì rất khó lấy tin về những vụ này và lại khó đo lường được những hậu quả của chúng.

Báo chí hình như khó có thể vén được bức màn tư pháp buông phủ xuống số phận của các bị cáo thiếu nhi và cũng rất ít tờ báo tỏ ra sẵn sàng làm công việc đó.

CHƯƠNG 24. CHÍNH TRỊ, CHÍNH PHỦ VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG

Tin tức về chính trị và chính phủ trong một quốc gia đang bành trướng như Hoa Kỳ đặt ra cho các phương tiện truyền thông một trong những thử thách lớn lao nhất của chúng. Có nhiều cách đối phó với thử thách đó. Sự bành trướng của báo đô thị ra ngoại thành là một cách. Sự phát triển của các tạp chí thời sự trong các khu vực chỉ có những tờ báo yếu kém là một cách khác. Sau hết, sự tham gia của các nhà lãnh đạo trong các cuộc phát hành địa phương để bênh vực chính nghĩa của một chính phủ tốt đẹp là một lực lượng bổ sung chắc chắn. Tất cả những cái đó củng cố cho một loại báo chí khác và giúp thêm cho việc phát triển một nguyên động lực khác của các phương tiện truyền thông trong công việc săn tin về chính phủ ở tất cả các cấp bậc.

DIỄN GIẢI VÀ PHÂN TÍCH

Căn bản của những biến đổi trong ngành báo chí được coi như một nghề nghiệp là sự phát triển của hai nhiệm vụ song song: diễn giải và phân tích tin tức (interpretation and analysis of the news). Đại cương của những hình thức làm tin tức đó — làm *phóng sự* theo danh từ của báo chí Pháp — đã hiện rõ từ vài năm trước Đệ Nhị Thế Chiến. Những hình thức đó vẫn còn đang tiến triển, giữa những thử thách, những trắc nghiệm và vài hờnghi để vượt ra khỏi các nguyên tắc và thủ tục đã có trong quá khứ.

Không thể có đi đâu gọi là đặc biệt cách mạng này. Nguồn gốc của nó trong lịch sử Hoa Kỳ bắt đầu từ khi mới thi hành Tân Chính Sách (của Tổng Thống Franklin D. Roosevelt) và những nguyên tắc mới trong chính phủ. Sự việc này bộc lộ những khiếm khuyết trong phương pháp làm tin tức, nhưng, với vài trường hợp ngoại lệ, người ta vẫn chưa thấy có gì thay đổi trong những kỹ thuật cho đến thời kỳ thử thách gay go hơn trong Đệ Nhị Thế Chiến. Ngoại lệ lớn lao trong những ngoại lệ này là người bình luận tin tức phát thanh, một trong những lực lượng chắc chắn nhất (one of the most potent forces) để kích động tinh thần can thiệp trước vụ Trân

Châu Cảng. Thật là mỉa mai, sự xuất hiện nhanh chóng của truyền hình đã làm mất đi những lời thách thức khoa trương đó của truyền thanh.

Một quan niệm mới. Từ Đệ Nhị Thế Chiến, đa số báo chí Hoa Kỳ đã chấp nhận một quan niệm mới về trách nhiệm của báo chí càng ngày càng được phổ quát hơn trên đường phục vụ đại chúng. Truyền hình, với đặc tính căn bản là tránh các vụ tranh luận và phê bình, đã nhường bước cho báo chí trong nhiệm vụ này mặc dầu thỉnh thoảng cũng có vài chương trình đặc sắc. Về phần các tạp chí thời sự, mặc dầu nói chung có thành tích tốt, khuyết điểm của nó — theo danh từ của những nhà chuyên nghiệp gay gắt — vẫn là cố gắng nêu lên một khía cạnh đặc sắc cho tất cả mọi thứ, kể cả thời tiết

Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của báo chí, nói chung, các phương tiện truyền thông đã có tiến bộ. Việc báo chí chịu phân tích và bình luận là những kết quả chính yếu. Theo nguyên tắc, nó có nhiệm vụ giải thích cũng như thông tin. Nó dám thẩm định, đo lường giá trị và giáo huấn nữa. Những phương pháp của báo chí là một sự thích ứng vài kỹ thuật thực tiễn trong ngành truyền thông đại chúng. Những phương pháp đó nhằm vào mục đích tạo ra một sự giải thích rộng rãi hơn các tin tức chính trị và chính phủ ở mọi cấp bậc và nhiều cách chính xác hơn để đo lường dư luận quần chúng.

Những người bên vực đường lối phức tạp hơn trong công việc làm tin tìm cách phát triển các tờ báo trước, hy vọng rằng những phương tiện truyền thông khác sẽ khuyến khích, ủng hộ và nhờ vậy giúp cho việc tạo nên một cử tri đoàn được thông tin nhiều hơn (better informed electorate) và một chính phủ tốt đẹp hơn. Dĩ nhiên là phải có những sự rủi ro rã. Thật ra, công chúng không bao giờ hiểu được sự phân biệt tế nhị có tính cách chuyên nghiệp giữa công việc của những người viết xã thuyết, viết phiếm luận và phóng viên. Báo chí diễn giải hình như lại càng muốn xóa mờ những ranh giới giữa những người này hơn nữa. Không phải tất cả các báo đều chấp nhận trách nhiệm to tát như thế để diễn giải và nghiên cứu những thái độ quần chúng. Các phương tiện truyền thông điện tử tránh né việc đó. Chỉ có những tạp chí thời sự, được tập hợp thành nhóm, là nhiệt thành thực hiện nghệ thuật này trên các cột báo mặc dầu kết quả không phải bao giờ cũng là chắc chắn được quần chúng tán đồng..

Sử dụng quyên lực. Trong những bàn tay có thực nghiệm (in practiced

hands), việc diễn giải và phân tích đã được đem sử dụng trong tất cả phương tiện truyền thông để làm tin tức về chính trị và chính phủ một cách rộng rãi hơn. Điều trở ngại là thật ra chưa có nhiều những bàn tay thực nghiệm: hơn nữa, các chủ biên tỏ ra rất cẩn thận trong việc chọn lựa những nhân viên tòa soạn để làm công việc diễn giải và phân tích. Theo quan niệm rộng rãi nhất thì những nhiệm vụ này là phần mở rộng của công việc biên tập hơn là ngành làm tin tức của báo chí. Do đó, những ai có nhiệm vụ diễn giải tin tức phải có quyên hành đặc biệt và phải có đủ khả năng để thi hành những quyên đó một cách khôn khéo.

BÀI VIẾT VỀ CHÍNH TRỊ

Trong quá khứ, các tổ chức làm tin chỉ cần một phóng viên phụ trách tòa đô chính và một người phân tích các vấn đề chính trị là sẵn tin bầu cử một cách khả quan rồi. Dĩ nhiên, các phương tiện truyền thông điện tử và các tạp chí thời sự phác thảo một cách rộng rãi công việc thông thường hàng ngày cho báo chí và chỉ chú ý đến các nhân vật đặc sắc và các vấn đề trọng yếu. Phần còn lại là công việc của các hãng thông tấn.

Tại sao mở rộng phạm vi làm tin? Ngày nay, chỉ sẵn tin ở tòa thị chính, các cơ quan lập pháp, và những nơi hoạt động chính trị hoặc ở những trung tâm cho tin “chính thức” thì chưa đủ. Quyên lực của nhiều guồng máy chính trị thành phố đã giảm sút. Làn sóng người thành thị di chuyển ra các vùng ngoại ô đã làm tăng thêm trách nhiệm của chính phủ đến nhiều khu vực mới mẻ và phức tạp.

Ở New York, Chicago, Philadelphia, Detroit, Milwaukee, Saint Louis, Los Angeles và nhiều thành phố khác nữa, những tờ báo quan trọng từ lâu đã dồn những nỗ lực vào việc sẵn tin chính phủ hơn là chính trị. Vài tin tức do các toán phóng viên làm ra nhưng đa số thường do các người chuyên nghiệp viết. Ban biên tập đô thành đã trở thành một bộ phận quan trọng của tờ báo. Và trong những đài truyền hình lớn ở địa phương hiện đang quan tâm đến những nhu cầu của cộng đồng, những bài tường thuật tỉ mỉ và những phim tài liệu đã góp phần không nhỏ trong việc thông tin cho công chúng.

Những lý do giải thích sự thay đổi các trọng tâm tin tức này không phải là khó tìm. Thí dụ, một chiến dịch lấy tiền phát triển học đường ở ngoại ô có thể gây nhiều sôi nổi hơn một cuộc vận động tranh cử của một thượng nghị sĩ ở Hoa Kỳ. Một vụ mở rộng đất đai có thể gây nhiều sôi nổi hơn cuộc tranh cử của một thống đốc tiểu bang. Và những người không biết rõ những nghị sĩ và dân biểu do mình bầu ra có thể bất thần thấy rằng, khi có một cây cầu hoặc một con đường mới sắp được thiết lập gần nhà họ, họ chỉ có thể cầu cứu đến các vị đại diện dân cử nếu tất cả các nẻo đường khác bị bít kín. Sự ô nhiễm không khí và nước đã trở thành một vấn đề tốn kém và nan giải. Tại nhiều thành phố và thị trấn mà hoạt động thương mại bị giảm sút rõ rệt, việc mở trái phiếu để tái thiết thành phố trở nên một vấn đề trọng yếu để các cử tri quyết định khi đầu phiếu.

Khi các cử tri thành phố di chuyển đến các vùng ngoại ô, để lại nhiều khu vực đổ nát và bần thủ cho những nhóm thiểu số dân chúng, nhiều vấn đề đã phát sinh và gia tăng cả ở trong lẫn ngoài phạm vi thành phố. Những vụ náo động để đòi các quyền công dân đã xảy ra mọi ngày một thêm nhiều trong các khu vực nghèo nàn. Qua các khu vực thành phố đâu đâu người ta cũng thấy các cử tri quan tâm đến các dự án xây cất nhà mới, đường phố và xa lộ mới, trường học mới, bệnh viện mới, nhiều nước hơn, và tất cả những tiện nghi khác mà một thành phố mới cần đến. Tất nhiên, thuế phải tăng thêm nhiều hơn. Cử tri đoàn nếu ý thức được tình trạng tài chính hiện thời của hội đồng thành phố sẽ không lãnh đạm đối với viễn tượng tăng thuế này.

Các phương tiện truyền thông đã bị thôi thúc dữ dội trong việc loan báo những tin tức này. Nhưng cái thuyết cũ của việc loan tin “có thể nào thì loan thê” theo một mô thức ngẫu nhiên hoặc không theo một mô thức nào nay không còn hợp thời nữa.

DIỄN GIẢI TIN TỨC CHÍNH TRỊ NHƯ THẾ NÀO?

Trên nguyên tắc, việc diễn giải cho thêm yếu tố xét đoán vào cái mà người ta gọi là tin trực thuật, loại tin không thêm thắt gì cả trong đó chỉ trình bày các sự kiện có thể và cũng không có thể là sự thật. Thí dụ, một diễn giả xuất sắc có thể tạo nên những tin tức với lời tuyên bố náy lửa, nhưng việc đó không nhất thiết là lời tuyên bố của ông là đúng; sự chính xác tiêu biểu

cho cái gì khác hơn là sự ghi lại những đi ều trích dẫn theo thứ tự. Biên tập viên diễn giải tin tức đ ược lãnh trách nhiệm trình bày tin tức theo tinh thần đó.

Đại khái, điểm khác biệt giữa diễn giải (interpretation) và luận giải (editorialization) là người diễn giải áp dụng nguyên tắc suy luận tin tức nhưng không khuyến cáo nên làm gì khi tiếp nhận đ ược tin tức đó. Còn người viết xã luận thì thúc đẩy đ ộc giả hoặc khán giả hành đ ộng. Dưới đây là vài phương cách trong đó sự diễn giải có thể đ ược sử dụng một cách chính đ áng trong các phương tiện truy ền thông:

1. Trên báo in (print media), người ta có thể diễn giải ngay trong tin tức hoặc có thể làm một bài riêng biệt để phân tích vấn đề. Trong phương tiện truy ền thông đ iện tử (electronic media), một câu diễn giải có thể đ ược trình bày trong khi phát thanh: ít khi có lời diễn giải riêng rẽ theo sau bài phát thanh, dù là của một phân tích gia thực sự có tiếng.
2. Đối với tất cả các phương tiện truy ền thông, nguyên tắc bất di dịch là trình bày tin tức trước tiên rồi khi nào thấy thích hợp, nói về ý nghĩa của tin tức đó. Nếu tin tức có thể có nhiều nghĩa và không thể có lời giải thích nào đ ược coi là đ úng hơn cả, tốt hơn hết là cứ trình bày như thế. Trong bất cứ biến cố nào, công chúng phải đ ược biết các sự kiện mà sự giải thích phải căn cứ sao cho mỗi cá nhân có thể tự quyết định về sự chắc chắn của việc phân tích nhờ ở sự thật.
3. Nếu một phần mở có tính cách diễn giải đ ược sử dụng cho một tin tức để cho nó một ý nghĩa, sự diễn giải phải đ ược chứng minh ngay bằng những tài liệu đ ầy đủ. Nếu sự giải thích không đ ược đ ầy đủ và không thuyết phục nổi đ ộc giả, tốt hơn là dùng một phần mở thông thường cho một tin trực thuật.
4. Khi muốn diễn giải ở một bài riêng rẽ, nên loan báo rõ cho đ ộc giả biết. Thí dụ: “Đây là ý nghĩa của việc tăng thêm hai xu cho thuê đ ầu ở Tiểu Bang” hoặc “giá biểu đ iện khí mới sẽ ảnh hưởng như thế nào?”, những chi tiết của tin tức không nên đem nhắc lại trong bài diễn giải riêng biệt vì đã có trong bài tin tức chính rồi.
5. Tên ký của tác giả dưới một bài diễn giải là một bảo đảm chắc chắn. Khi phải dùng những câu như “các nhà c ần quyền nói”, “các quan sát viên nghĩ rằng” hoặc “những ngu ời tin thông thạo nói”,

- phóng viên trong tất cả các trường hợp phải thảo luận về những tin tức thân thiết được những nhà cầm quyền, những quan sát viên và những nguồn tin thông thạo mà mình không nêu đích danh ra. Người ta có thể khám phá ngay khi những nguồn tin thông thạo của phóng viên chỉ là tưởng tượng.
6. Khi một tin tức tự nó đã giải thích rồi, không cần phải nhờ vào những kỹ thuật diễn giải. Nếu một câu chuyện cần phải có viễn ảnh trong hình thức bối cảnh hoặc một đoạn văn về một hành động dự tính, không nên diễn giải.
 7. Đối với những người viết cho các phương tiện truyền thông điện tử, rất ít người được phép trình bày tin tức diễn giải trên các đài truyền thông và truyền hình, mặc dầu những nhà phân tích tin tức hồi trước Đệ Nhị Thế Chiến đã chứng tỏ rằng việc diễn giải cho thính giả có thể sống động và dễ dàng hơn là trên báo chí.
 8. Trong việc viết cho các tạp chí thời sự hoặc cho các báo chủ nhật, khuynh hướng của ký giả thường là phân tích quá nhiều và diễn giải quá nhiều (overanalyze and overinterpret). Khi độc giả biết những sự kiện căn bản của một câu chuyện, buộc họ phải đọc quá nhiều ý kiến mà họ không quan tâm là một sự làm lẩn. Đây là một nhược điểm mà người ta thường thấy trong trang xã luận.

VÀI THÍ DỤ VỀ BÀI DIỄN GIẢI

Dưới đây là vài cách thức diễn giải được sử dụng để làm cho tin tức có ý nghĩa:

Phần mở diễn giải (the interpretive lead). Trong bài sau đây, phần mở thông thường của tin tức đã căn cứ vào cuộc tóm lược tình hình của Tòa Bạch Ốc trình bày với các lãnh tụ lao động:

Washington— . *Một đề nghị sát nhập hai Bộ Lao Động và Thương Mại thành một cơ quan chính phủ hôm nay có vẻ thất bại.*

Các lãnh tụ của Tổ Chức Lao Động và Kỹ Nghệ (American Federation of Labor and Congress of Industrial Organization: AFL-CIO) dự cuộc trình bày sơ lược dự án của Chính Phủ tại Tòa Bạch Ốc tỏ vẻ không sốt

sáng. Một nguồn tin của chính phủ công nhận rằng không có sự ủng hộ của Lao Động, dự án sẽ không được Quốc Hội thông qua.

Trong khi các lãnh tụ lao động không bình luận gì cả, người ta thấy có tin rằng họ sẽ tranh đấu ráo riết nếu dự án được chuyển đến Hạ Viện và Thượng Viện. Một lãnh tụ nói: “Nếu có một Bộ Canh Nông riêng rẽ thì Lao Động cũng phải vậy...”

Đoạn văn diễn giải (The interpretive paragraph). Đặc biệt trong các trường thuật về các vụ án, nói rằng một nhân chứng đã cung khai hoặc được thẩm vấn đối tịch thật ra chưa đủ. Mục đích của việc cung khai hoặc thẩm vấn đối nghịch cần phải được trình bày càng nhanh càng hay. Dưới đây là một cách trình bày theo chiều hướng đó:

Dân chúng Tiểu Bang hôm nay bàn tán sôi nổi về vụ một nhân chứng quan trọng của bên bị trong vụ án Theron J. Wildener bị cáo đã giết một người coi giữ ngân hàng trong một vụ cướp 100.000 Mỹ Kim xảy ra năm ngoái.

Công kích trong suốt một tiếng đồng hồ lời khai của một người bạn gái của Wildener là Emmaline Lindenhurst, ông Millard Carew, Biện Lý Quận tìm cách bác bỏ lời khai của cô theo đó cô và bị cáo đang lái xe cách thành phố 40 dặm khi vụ cướp ngân hàng xảy ra.

Nhiều lần, Biện Lý Carew buộc có Lindenhurst thuật lại câu chuyện và cố gắng làm cho có những lời khai mâu thuẫn nhau. Nhưng nhân chứng, một thiếu nữ tóc đen, đeo kính, 29 tuổi và làm thư ký, đã trả lời các câu hỏi của ông Carew không mấy may mắn.

Kết luận của phân tích gia. Thường thường, khi sẵn tin tuyển cử, người ta thấy cần phải cho biết kết quả từng phần hơn là kết quả về tổng số đại diện đắc cử. Bởi vậy, phân tích gia thường dùng những con số có trong tay để làm phần mở như trường hợp sau đây:

Sau cuộc tuyển cử cực kỳ sôi nổi, hôm nay là lần đầu tiên Đảng Cộng Hòa nắm được quyền kiểm soát ngành lập pháp luôn luôn ở trong tay Đảng Dân Chủ từ 20 năm nay.

Khoảng một giờ sáng, Đảng Dân Chủ vẫn còn giữ lợi thế ở Thượng Viện vì đã có 36 ứng cử viên trúng cử, trong khi Đảng Cộng Hòa mới chỉ chiếm được 33 ghế. Nhưng sau đó, Đảng Dân Chủ bị thua trong tất

cả những cuộc tranh cử vào chín ghế còn lại. Như vậy, thành phần mới của Thượng viện sẽ là 42 nghị sĩ Cộng Hòa và 36 nghị sĩ Dân Chủ. Tại Hạ Viện, Đảng Cộng Hòa có vẻ thắng thế hơn vì đã chắc chắn được 61 ghế trong khi Đảng Dân Chủ được 48...

Bản tóm lược. Trong các bài viết về thuế khóa, ngân sách, an ninh xã hội và những vấn đề khác ảnh hưởng đến hàng triệu người, làm một bản tóm lược thường là cách thức giản dị nhất và có hiệu quả nhất để giải thích một vấn đề phức tạp. Dưới đây là một thí dụ:

Washington.- Bạn sẽ phải đóng nhiều tiền thuế hơn khi Đạo Luật Mới về An Ninh Xã Hội bắt đầu có hiệu lực vào tháng sau nhưng những số tiền bạn nhận được sau khi về hưu sẽ nhiều hơn.

Đạo Luật Mới này được biểu quyết trong khóa họp vừa rồi của Quốc Hội và đã được Tổng Thống ký để ban hành. Nó sẽ có ảnh hưởng đến hầu hết các gia đình ở Hoa Kỳ.

Dưới đây là một bản ước tính những khoản mà bạn và chủ nhân bạn sẽ phải trả theo luật mới...

Phương pháp liệt kê các sự kiện. Khi thực hiện một chương trình mới mà công chúng rất chú ý đến, một trong những phương pháp dễ nhất để trình bày các sự kiện một cách dễ hiểu là sử dụng những con số trên một bảng liệt kê. Thí dụ, một tiểu bang tổ chức lần đầu tiên một cuộc xổ số hợp pháp, những dữ kiện có thể được trình bày như sau:

Sau đây là cách thức mà cuộc xổ số sẽ theo khi nó bắt đầu được tiến hành:

Vé số sẽ bán với giá 1 Mỹ Kim mỗi tấm và có thể mua tại các cơ quan của Tiểu Bang và của Thành Phố. Trong năm sẽ có ba kỳ mở số nhưng vé của mỗi kỳ đều bán riêng rẽ. Trong mỗi kỳ mở số, lô trúng độc đắc trị giá 100.000 Mỹ Kim, lô thứ hai 75.000, lô thứ ba 50.000, lô thứ tư 20.000 và 11 lô sau, nơi lô trị giá 5.000 Mỹ Kim.

Cuộc xổ số sẽ do Ủy Hội Thuế Vụ Tiểu Bang điều hành và tiền thu được sẽ xung vào Quỹ Giáo Dục của Tiểu Bang...

Bài diễn giải riêng. Nhiều nhật báo và hầu hết các đài truyền thanh và truyền hình đã vượt ra ngoài thông lệ và làm những bài riêng rẽ có tính cách diễn giải như loại bài “phân tích tin tức” vì loại bài này chắc chắn dính

lú nhiều với sự xét đoán của cá nhân người viết hoặc người phê bình. Những bài này thường là bình luận vì tin tức được thuật lại riêng rẽ và với nhiều chi tiết. Sau vụ ký thỏa ước về hạn chế vũ khí chiến lược ở Moscow, thông tin viên Max Erankel của tờ *The New York Times* đã viết một bản tin xuất sắc thuộc loại diễn giải và phân tích. Bài này bắt đầu như sau:

Moscow, 27-5.— Thời đại nguyên tử đã đạt được một thỏa ước về hạn chế vũ khí chiến lược tại Điện Kremlin tối hôm qua. Cái tên vụng về của thỏa ước này — thường viết tắt là SALT — thực ra cần thiết vì thỏa ước này không dính líu gì đến vấn đề tài binh. Mục đích của thỏa ước là duy trì mức thăng bằng của những vũ khí khủng khiếp và ổn cố tình trạng bằng cách ngăn ngừa mọi hệ thống phòng thủ hữu hiệu chống lại những vũ khí này.

Đây là một bước tiến lớn trong lịch sử quá dài của việc thương thuyết hạn chế vũ khí nguyên tử. Nhưng đây cũng chỉ là bước đầu.

Cả Tổng Thống Nixon lẫn Chủ Tịch Đảng Cộng Sản Nga Leonid I. Brezhnev đều đã xác nhận với báo chí rằng sau này còn có những sự hạn chế mới nữa và có lẽ sẽ có vụ giảm bớt vũ khí. Vì vậy mà thỏa ước này thường được gọi là SALT I.

Đây mới chỉ là bước đầu đạt được sau bảy năm cố gắng và hơn 30 tháng thương thuyết trong một của những giai đoạn tạm thời này khi cả hai siêu cường quốc tự cảm thấy rằng chiến lược của hai nước đã ngang nhau, mặc dầu vẫn có sự chênh lệch về phẩm chất và số lượng vũ khí, và cả hai vị lãnh tụ cũng tự cảm thấy có đầy đủ sức mạnh chính trị để duy trì thỏa ước đó.

Cuộc chạy đua vũ trang sẽ tiếp tục, không những ở trong vấn đề trang bị vũ khí của lục quân, hải quân và không quân — không bị ảnh hưởng bởi bản thỏa ước — mà cả về phẩm chất của những đầu đạn nguyên tử, nghĩa là kích thước, độ chính xác và khả năng tàn phá của chúng, trong nghệ thuật chiến tranh chống tiêm thủy đĩnh cũng như trong kỹ thuật nghiên cứu hệ thống phi đạn phòng thủ mà thỏa ước nói rằng sẽ giới hạn một cách nghiêm khắc ở mức độ không thích ứng hiện tại,

Thật vậy, dưới vài điều kiện hoặc áp lực chính trị hiện nay, thỏa ước này tự nó có thể khuyến khích cuộc chạy đua khác trong các lĩnh vực không liên hệ; vì thỏa ước không nhìn nhận những vũ khí mà cả hai bên nghĩ rằng hiện nay đã có đủ số lượng cho nên thỏa ước cũng sẽ không tiết kiệm được nhiều tiền bạc trong các ngân sách dự trù cho tương lai.

Hoa Kỳ không có kế hoạch gia tăng số phi đạn dùng trên đất và trong các tiềm thủy đĩnh cùng các hệ thống chống phi đạn được đề cập đến trong thỏa ước. Vấn đề Nga Sô gia tăng mạnh mẽ việc chế tạo những vũ khí mới trong những năm gần đây có thể được coi là để đạt tới một mức độ thích ứng trước khi ngưng chế tạo...

79

Sau đó, người diễn giải tin tức lại làm cho độc giả chú ý đến câu chuyện qua cái “tít” theo đó một thỏa ước giữa Hoa Kỳ và Nga Sô quyết định duy trì một mức độ tối đa là 200 phi đạn cho hệ thống phi đạn phòng thủ của mỗi bên, cam kết rằng không cố gắng chế tạo những hệ thống phòng thủ chống phi đạn trong toàn quốc và đình chỉ việc chế tạo những hỏa tiễn liên lục địa loại tấn công đặt trên đất liền hoặc trong các tiềm thủy đĩnh ở mức độ hiện tại.

Vì diễn giải tin tức càng ngày càng trở nên phổ thông trong các phương tiện truyền thông, lối nghĩ và viết này đã trở nên một trong những công tác khẩn thiết của nền báo chí hiện đại. Chắc chắn rằng những bài viết về những chuyện phức tạp trong các vấn đề quốc nội và quốc tế sẽ khiến cho độc giả không tài nào hiểu được nếu không nhờ vào sự phân tích và diễn giải.

Tường thuật dư luận. Người nào làm việc đầu đầu trong lãnh vực báo chí diễn giải đầu thấy cần phải tiếp xúc với các nhà chuyên môn về dư luận và thăm dò dư luận dù có bị hấp dẫn hay không bị hấp dẫn bởi cái mà người đó được nghe hoặc được đọc.

Không cần cứ phải luôn luôn nhấn mạnh rằng khi một biên tập viên diễn giải tường thuật dư luận của một nhóm người như “những người phê bình nền hành chánh” hoặc “những lãnh tụ chính trị có đầu óc độc lập”, anh phải chắc chắn ở tài liệu bối cảnh của anh và phải phối kiểm với những khuôn mặt có tính cách đại diện, cả khi anh không thể trích dẫn trực tiếp những lời nói của những người này. Công chúng càng ngày càng hoài nghi hơn đối với những ai viết một cách vụng về về một ứng cử viên đặc biệt hoặc một chương trình hoặc một mục đích dưới hình thức trích dẫn những lời của những “quan sát viên vô danh” (anonymous observers). Tường thuật dư luận vô danh có chỗ đứng trong loại báo chí diễn giải và đôi khi lại rất quan trọng nữa, nhưng người viết phải làm thế nào để có thể tỏ ra là mình thành

thật ngỡ hời làm mất cái cảm tưởng là mình viết theo thiên kiến hoặc vì quá sốt sắng.

Ranh giới phân chia luận giải với diễn giải rất là rõ rệt. Phân tích gia có thể cho thấy một sự trình bày cân đối về dư luận có trách nhiệm trong những vấn đề quan trọng nhưng không thể vượt quá giới hạn để trở thành một người bên vực công khai hoặc ngấm ngầm. Báo chí “cổ vũ” là địa hạt của bình luận gia. Trong một năm có bầu cử, sự quan tâm của dân chúng và báo chí về chính quyền là do ở cuộc tranh đấu chính trị. Phần nhiều những hoạt động của các đại diện dân cử, trong các hội đồng hoặc trong ngành lập pháp, thường được tường thuật qua những hiệu quả của cuộc vận động tranh cử. Khi công việc thường xuyên của chính quyền được tiến hành đi đều hòa không bị gián đoạn, không mấy ai chú ý đến hoạt động của các trung tâm hành pháp, lập pháp và tư pháp. Không có cuộc bầu cử, công việc hàng ngày của chính phủ chỉ là tin tức phụ thuộc của các phương tiện truyền thông. Khuynh hướng làm cho cái gì cũng trở thành quen thuộc của các viên chức địa phương và của vài tiểu bang đã làm tắt ngúm sự quan tâm còn sót lại, thành thử việc làm tin chính phủ ở cấp địa phương và tiểu bang bị ảnh hưởng lây.

Làm tin về chính quyền. Cũng như trong trường hợp làm tin về chính trị tổng quát, làm tin về chính phủ đòi hỏi một số kiến thức căn bản tối thiểu.

Nhiều thành phố có hội đồng thành phố, nhưng cũng có thành phố có một ủy hội quản trị (city manager-commission). Ở các quận (counties), hình thức thông thường là các ủy ban. Tại cấp tiểu bang, thống đốc và nền lập pháp vẫn là những nguồn tin chính yếu về chính phủ. Và ở thủ đô hoặc những khu vực quan trọng, hiện nay có những hình thức tổ chức mới của công quyền không chú trọng đến ranh giới của tiểu bang để có được quyền hành rộng lớn hơn như trường hợp Khu Vực Thương Cảng New York.

Các phóng viên phải quen thuộc với những hệ thống tổ chức này và các cơ quan phụ thuộc của chúng. Họ cũng lại phải biết về các hiến chương và hiến pháp liên hệ cùng nguồn tài liệu và những hồ sơ hàng ngày có lợi cho cuộc đi đầu tra, trước khi họ hy vọng muốn tìm ra một cái gì có ý nghĩa nhất qua các cuộc hội họp công khai và các cuộc họp báo của các viên chức chính phủ.

Một thói quen cũ của các phóng viên là viết những bài về các nhân vật hơn là về các vấn đề, về những biến cố nhiều màu sắc hơn là nghiên cứu và

phân tích tài liệu mà công chúng có thể chú ý. Tất cả các ký giả ký giả đều biết rằng một bài mà phần mở có đề cập đến một viên chức thích tranh luận thường dễ bán hơn, như viên chức này tán thành hoặc phản đối một đề nghị đặc biệt nào đó. Các phương tiện truyền thông thích cái gì đặc biệt và ghét cái gì trừu tượng.

Thỉnh thoảng, câu chuyện về chính phủ có tính cách trừu tượng. Nhu cầu càng ngày càng tăng gia về nước uống, các trường hợp về bệnh thần kinh mỗi ngày một thêm nhiều làm bối rối nhà cầm quyền ở nhiều tiểu bang, và sự thờ ơ của dân chúng trong công việc phòng vệ đầu là những vấn đề của chính phủ không thể nào đem trình bày một cách rõ ràng được. Những câu chuyện như thế, nếu muốn được trình bày một cách sâu rộng, phải nhờ vào tài năng của phóng viên. Không có yếu tố thời gian đặc biệt nào cho những câu chuyện kể trên, vì các vấn đề này còn tồn tại lâu dài trong đời sống chúng ta. Trong nhiều năm, các tạp chí thời sự đã thực hiện được nhiều công việc đáng kể trong lãnh vực này, và các phương tiện truyền thông khác đang nối gót chúng.

Thật ra, ngoài những tin tức thường ngày về chính phủ, kỹ thuật mô tả vấn đề có tính cách quan trọng đối với đại chúng đang càng ngày càng được công nhận như một dụng cụ hữu ích của nghề báo. Nó đang góp phần vào việc làm cho người ta chú ý nhanh chóng đầu tiên trình của các công việc của chính phủ.

Sẵn những tin gì? Như các phóng viên đều biết, văn phòng thị trưởng thường là nguồn tốt nhất trong một thành phố hoặc một thị trấn cũng như văn phòng thống đốc trong một tiểu bang. Phóng viên cũng phải sẵn tin tức những hội đồng thành phố và các cơ quan lập pháp khi dự luật đến giai đoạn được thông qua. Ngoài những công việc đó, sự lựa chọn khu vực trong số những cơ quan của chính phủ để sẵn tin trở thành một vấn đề của cá nhân do sự phân công hoặc tự ý.

Trong các thành phố nhất là thành phố nhỏ nhất, thống đốc và thị trưởng thường có một viên chức phụ thuộc từng là ký giả để tiếp xúc với báo chí. Tuy nhiên, người ta vẫn còn thấy cần phải thiết lập liên lạc với viên chức cao cấp nhất và thỉnh thoảng tiếp xúc với viên chức này. Phóng viên phải giao thiệp với trưởng ty thuế vụ thành phố cũng như với chủ tịch hội đồng thành phố. Cảnh sát trưởng, trưởng ban giáo dục và các giám đốc các cơ quan như bệnh viện, y tế và các ngành khác đều là những nguồn tin

quan trọng. Những viên chức khác ở cấp quận hoặc thành phố đều là những người cần phải tiếp xúc khi họ có tin tức đáng giá.

Săn tin trong phạm vi tiểu bang khó hơn bởi vì số nguồn tin để chọn lựa nhiều hơn và những cơ hội để làm tin nói chung lại hiếm hơn. Trong một tòa thị chính hoặc trong một khu vực ngoại ô do văn phòng của một tờ báo phụ trách, phóng viên có cái lợi là làm việc liên tục và có kinh nghiệm. Anh đi công tác mỗi ngày, quen thuộc với công việc và các viên chức đang đi đầu hành công việc đó. Ở cấp tiểu bang, số phóng viên được giao phó công tác suốt năm ít hơn nhiều. Khuynh hướng hiện nay là gửi những biên tập viên chính trị đi săn tin lập pháp trong những giai đoạn khai mạc và bế mạc khóa họp và đi săn tin về thống đốc khi các hoạt động của vị này ảnh hưởng đến địa phương. Đi đầu này có nghĩa là số nhân viên đặc biệt thường trực của tòa soạn không được hùng hậu, nhất là khi các hãng thông tấn đang làm nhiều việc trong lãnh vực thu thập tin tức. Do đó, phóng viên được phái đến công tác tại một thủ đô tiểu bang trong tuần lễ cuối cùng của khóa họp nghị viện thường phải cố gắng tìm cách lấy lòng các viên chức và cố vẽ làm lại công việc của hãng thông tấn.

Đi đầu này cũng đúng với phóng viên truyền hình được phái đi với một toán thu hình vào phút chót để săn một tin quan trọng ở tòa thị chính hoặc ở nghị viện tiểu bang. Anh bị rơi vào một tình trạng đặc biệt là không có tài liệu về công việc được giao phó và chỉ biết sơ qua về những sự kiện đang diễn ra, lại phải cạnh tranh với các hãng thông tấn, báo chí và cả với những phóng viên của truyền thanh đã săn tin ở đó trong nhiều tháng và có khi nhiều năm. Dĩ nhiên, kể đến sau — dù làm cho loại phương tiện truyền thông nào đều ở trong cái thế bất lợi. Vì tùy thuộc vào những đoạn phim hay, truyền hình phải chịu yếu thế đặc biệt.

Những đài truyền hình thông thạo đã đi đến kết luận là nên có một nhà phân tích chính trị thượng hạng tại nghị viện tiểu bang cũng như tại một tòa thị chính quan trọng thì không những có lợi về phương diện báo chí mà còn có lợi cho cả công việc kinh doanh của đài... Trong khi sự cạnh tranh giữa, các báo đang biến dần, sự cạnh tranh giữa các phương tiện truyền thông khác lại gia tăng nhanh chóng.

Đó là một cách để đảm bảo rằng các tin tức về chính trị và chính phủ sẽ được tiếp tục loan ra từ cấp địa phương đến Tòa Bạch Ốc.

LÀM TIN ĐỊA PHƯƠNG

Sự phát triển việc làm tin từng nhóm về những vấn đề địa phương đã làm nảy sinh một khuynh hướng mới trong các tờ báo có tinh thần phục vụ quần chúng ở nhiều thị trấn lớn cũng như nhỏ. Qua cuộc đi đầu tra kỹ lưỡng về những vụ mua bán đất đai, những tài liệu thuế khóa và những tài liệu hành chính hữu ích khác, những nhóm kiểm soát và thăm dò đã thâm nhập được nhiều tin tức mà lẽ lối làm việc thông thường không bao giờ có thể kiểm ra được. Sau đây là hai thí dụ:

Một khám phá về vụ mua bán nhà cửa. Tờ *Philadelphia Inquirer*, sau khi đã đi đầu tra kỹ lưỡng về những chương trình cầm cố nhà đất của Cơ Quan Gia Cư Liên Bang, bắt đầu cho đăng tải một loạt bài về cách kiếm lời làm thiệt hại những chủ nhà thật sự nghèo. Sau đây là phần mở của bài báo:

Những kẻ đầu cơ bất động sản và những người hùn hạp tài chính với họ đang kiếm bạc triệu ở Philadelphia bằng cách mua lại những căn nhà hư hại, sửa chữa qua loa rồi đem bán lại với giá cao cho những gia đình thực sự nghèo.

Họ kiếm được những món lời khổng lồ và lại được Cơ Quan Gia Cư Liên Bang bảo đảm.

Không có sự rủi ro nào. Trong hầu hết mọi trường hợp, họ đều được trả tiền ngay.

Dĩ nhiên, cũng có người bị thiệt: người chủ nhà mới thường khám phá ra rằng nhà của họ bắt đầu hư hỏng ngay khi họ mới đến ở.

Sau cuộc điều tra trong hai tháng, tờ Inquirer đã cho thấy đang có những sự lạm dụng quá mức trong những chương trình cầm cố nhà đất của Cơ Quan Gia Cư Liên Bang và những vụ vi phạm luật lệ xây cất nhà cửa và các qui chế của Tiểu Bang hoặc Liên Bang...

Trong khi đó, ở New York và những thành phố khác cũng thấy xuất hiện những bài báo tương tự như bài báo ở Philadelphia. Nhưng công lý còn lâu mới đến với những gia đình nghèo, những nạn nhân của những tay mưu mô quỷ quyệt.

Tin tức về việc phân hạng các khu đất. Trong tất cả các tin tức đến với

người phóng viên săn tin chính quyền địa phương, vấn đề phân hạng các khu đất có lẽ là một vấn đề phức tạp nhất, thường là vấn đề buồn tẻ nhất, nhưng lại rất quan trọng đối với cộng đồng, với những nhà kinh doanh cũng như với các chủ nhà. Tờ *Record* ở Hackensack, tiểu bang New Jersey, nhận định rằng vấn đề này rất quan trọng nên đã cho đăng vào một phần đặc biệt gồm 16 trang khổ nhỏ để độc giả hiểu rõ vấn đề.

Có những lý lẽ tốt để bênh vực cho việc đăng tải này. Năm 1950, Quận Bergen thuộc Tiểu Bang New Jersey, trong đó tờ *Record* hoạt động, vì tính chất đã được sắp vào hạng đất từ ngoại ô đến nông thôn. 20 năm sau, quận Bergen trở thành một vùng ngoại ô hết sức phức tạp vì những sắc dân cư ngụ, những trung tâm buôn bán, những cao ốc và những can phòng cao vút. Dân số tăng vọt từ 530.000 người lên gần 1.000.000 trong vòng 20 năm nay và những lực lượng chính trị đang phối hợp sức mạnh để giảm thuế bằng cách phân hạng các khu vực và loại trừ những nhóm có lợi tức kém. Sau đây là phần mở đầu của bài báo nói về sự phân hạng này đăng trên tờ *Record*:

Sự phân hạng các khu đất là một vũ khí mạnh mẽ nhất của chính quyền địa phương và có thể cũng nguy hiểm nhất.

Nó quyết định nơi nào bạn có thể ở, loại và giá nhà bạn cư ngụ, hình dáng căn nhà, những người láng giềng của bạn là ai, phẩm chất nền giáo dục của con em bạn, số thời giờ bạn phải mất để đến sở làm, để giải trí, và ngay cả mức độ ô nhiễm không khí nữa.

Những hậu quả của việc phân hạng các khu đất này là phân ranh các nhóm lợi tức và các vùng đất đai, bảo vệ thế lực của những người có quyền về con sông Saddle và xưởng máy South Hackensack.

Mục đích tiên khởi của việc phân hạng các khu đất, việc chia ranh hợp pháp nhắm vào một mục tiêu đặc biệt, đã được ngành lập pháp định rõ trong năm 1928 ở Tiểu Bang New Jersey.

Việc này đã giúp cho các hội đồng thành phố một dụng cụ để hướng dẫn sự phát triển, khuyến khích sự thịnh vượng chung và bảo đảm những dự án quan trọng trong tương lai.

Nhưng vấn đề phân hạng các khu đất hiện nay đang bị thử thách ở New Jersey cũng như trên toàn quốc vì không đạt được mục tiêu trên.

Nhiều người phê bình rằng việc phân hạng các khu đất đã loại trừ những nhóm người yếu kém về phương diện kinh tế bằng cách bắt buộc

phải có những căn nhà đất tiên.

Phần khác, họ đổ tội cho việc phân hạng các khu đất địa phương và việc ban hành những luật lệ mới khiến cho vấn đề nhà cửa lâm vào tình trạng thiếu hụt trầm trọng và sẽ còn thảm hại hơn nữa trong vòng 10 năm, trong khi cả Liên Bang lẫn Tiểu Bang mới chỉ xây cất chưa được một nửa số đơn vị gia cư cần thiết.

Sau vấn đề phân hạng các khu đất làm trì trệ việc xây cất nhà cửa và làm cho dân chúng thiếu nhà, là cuộc tranh đấu hàng ngày của chính quyền địa phương để được khả quan về phương diện kinh tế...

LÀM TIN VỀ NGÂN SÁCH VÀ CÁC SẮC THUẾ

Trong tất cả các phương tiện truyền thông, chỉ có các báo là có khả năng dành đầy đủ chỗ để đăng và nhận xét kỹ lưỡng về việc thiết lập ngân sách và trù liệu các sắc thuế mới ở cấp địa phương. Với một số rất ít ngoại lệ, truyền thanh và truyền hình thường lướt qua những tin tức này và chú ý đến những cái gì hấp dẫn hơn. Nhưng trên thực tế, không có gì quan trọng cho chính nghĩa của nền dân chủ bằng sự trình bày cho công chúng biết những khoản chi tiêu của chính phủ và những đề nghị mà các vị đại diện dân cử đang mong muốn được biết. Không có loại tin tức này công chúng sẽ hoàn toàn mù tịt

Bài viết nào về ngân sách cũng phải chú trọng đến chi tiết một cách cẩn thận – khoản nào sắp được chi tiêu, tại sao nó được chi tiêu, tại sao lại có sự tăng hoặc giảm so với năm ngoái và ở những khoản nào có thể tiết kiệm được. Liên hệ mật thiết với những đề nghị chi tiêu phải là một bản ước tính về việc nên hoặc không nên tăng thuế và nếu tăng thì sẽ là bao nhiêu. Dĩ nhiên, sự ước tính về thuế khóa là một công việc nặng nề cho người phóng viên vì những công chức thường không muốn cho thấy những kế hoạch chi tiêu của họ sẽ làm tổn thêm tiền bạc của dân chúng. Khi có sự giảm thuế, người viết phải hết sức cẩn thận trước khi tung ra lời hoan hô khen ngợi. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, rút cục, người ta thấy rằng những dự tính như vậy tỏ ra kém thực tế trong thời kỳ lạm phát.

Dưới đây là một bài viết về ngân sách của một quận trong đó các yếu tố hỗn tạp đã được sắp đặt thành một khối có mạch lạc:

Ông Quận Trưởng Fairfield Winston Jr. hôm qua đã đưa ra một dự án ngân sách 127,9 triệu Mỹ Kim cho Quận Mattox trong đó ông hứa sẽ giảm thuế. Đề nghị này dành cho năm tới bắt đầu từ mùng Một tháng Giêng cho thấy ngân sách mới tăng thêm 14,7 triệu so với năm nay.

Vì năm thị trấn miền Đông của Quận Mattox sẽ tự đảm trách an ninh kể từ mùng Một tháng Giêng, tất cả những nhiệm vụ cảnh sát quận đều chuyển giao cho năm thị trấn miền Tây, và phân suất thuế cho những thị trấn miền Đông sẽ giảm từ 3,45 Mỹ Kim xuống 3,20 Mỹ Kim cho mỗi 100 Mỹ Kim tiền thuế. Miền Tây có năm thị trấn với vùng ngoại ô rộng lớn sẽ thuế được giảm một xu từ 5,58 xuống 5,57 Mỹ Kim cho mỗi 100 Mỹ Kim tiền thuế.

Quận có thể giảm thuế được là nhờ ở sự gia tăng tổng số trị giá bất động sản của quận, lên tới 1.196.222.871 Mỹ Kim bắt đầu từ mùng Một tháng Giêng. Số tiền này được tăng thêm 74.188.266 Mỹ Kim so với năm nay,

Trong bản thông điệp về ngân sách gửi cho Hội Đồng Cố Vấn Quận, ông Winston viện lý rằng trị giá tổng cộng những tài sản chắc chắn sẽ còn gia tăng hơn nữa. Ông dùng 1,9 triệu Mỹ Kim trong số thặng dư ước lượng của ngân sách năm nay và hơn một triệu Mỹ Kim tiết kiệm được để đạt đến con số ngân sách năm tới.

Người, đối lập với ông Winston là ông Garfield Sprague thuộc Đảng Cộng Hòa đã nhạo báng biện pháp giảm thuế trước sự gia tăng chi tiêu trong đề nghị ngân sách mới. Ông Sprague nói: “Tôi chỉ tin khi nào việc đó đã xảy ra”.

Dự án ngân sách mới trù liệu sẽ tăng lương 10 phần trăm cho 4.500 nhân viên quận trong khoảng thời gian năm năm.

Những số dự thu trong năm tới gồm 60,2 triệu Mỹ Kim thuế tài sản, 61,6 triệu thuộc các chương trình viện trợ của Liên Bang và Tiểu Bang, phần còn lại do các khoản linh tinh như các khoản thu của quận, tiền bồi hoàn, tiền bán các vật dụng của quận, vân vân.

Khoản chi lớn nhất vẫn là của Bộ An Ninh Xà Hội, chiếm 40% ngân sách. Kế đến là ngân khoản của Cảnh Sát với 18%. Với sự tăng cường lực lượng cảnh sát quận gồm 1.500 người, kể cả 100 người do ông Cảnh Sát Trưởng Boise Nathan yêu cầu tuyển thêm, Cảnh Sát sẽ tiêu đến 22.593.663 Mỹ Kim nghĩa là tăng thêm 2.500.000 Mỹ Kim. Phần chi

còn lại là: Công Chánh, 6%; Y Tế, 8,5%; Giáo Dục, 3,5%; Tư Pháp, 2% và linh tinh, 22%.

CHƯƠNG 25. DỰ LUẬN QUẦN CHÚNG VÀ TIN TỨC BẦU CỬ

Mọi người đều công nhận sự hiện hữu của cái gọi là dự luận quần chúng trong một xã hội cởi mở nhưng ít ai đồng ý về dự luận quần chúng là cái gì và nó có tác dụng như thế nào. Định nghĩa nó cũng không phải dễ dàng gì. Trong một nước Mỹ cách đây gần 150 năm, nhỏ bé hơn và ít phức tạp hơn nước Mỹ ngày nay nhiều, Alexis de Tocqueville, một nhà văn Pháp, đã gọi dự luận quần chúng là một “uy quyền cao cả, hành động “bằng những cuộc tẩy chay và sắc lệnh”⁸⁰. Trong một lúc tỉnh ngộ trước những sự thay đổi bất thường của công chúng Anh Quốc, Sir Robert Peel đã kém tin tưởng vào nó. Theo ông, dự luận quần chúng là một tổng hợp to lớn những ý tưởng điên rồ, những nhược điểm, những thành kiến, những cảm xúc sai, những cảm xúc đúng, những sự cố chấp và những đoạn văn trên báo chí được gọi là dự luận quần chúng”⁸¹. Trong đầu thế kỷ 20 này, Walter Lippmann cho dự luận quần chúng là “một lối diễn tả được luân lý hóa và hệ thống hóa những sự kiện”, và là “một khuôn mẫu đúc sẵn ở trung tâm những qui tắc của chúng ta để ấn định rõ ràng nhóm dữ kiện nào mà chúng ta sẽ nhắm vào và trong đường lối nào chúng ta sẽ nghiên cứu những dữ kiện đó”⁸². Trong thời đại của chúng ta, một nhà xã hội học, W. Phillips Davison, đã kết luận rằng dự luận quần chúng phải được coi như là một “sự đồng ý chung có ảnh hưởng đến tính tính của những cá nhân góp phần vào sự đồng ý chung đó..., một hình thức tổ chức có khả năng phối hợp tư tưởng và hành động của một số đông đảo quần chúng”⁸³. Có một điều không còn nghi ngờ gì nữa là dù muốn gọi là “uy quyền cao cả”, “một tổng hợp to lớn những ý kiến điên rồ”, “một khuôn mẫu đúc sẵn” hoặc một “sự đồng ý chung”, việc đo lường cái gọi là dự luận quần chúng đã trở thành một sự tối quan trọng trong ngành truyền thông đại chúng hiện đại (Modern Mass Communications). Nó trở thành căn bản thực hành cho quảng cáo và doanh thương, quyết định về những gì sẽ được hoặc sẽ không được đưa lên truyền hình, ấn định vị trí cho những xí nghiệp mới khác nhau vì tính chất như thị trường thực phẩm và báo chí, dự liệu

nhưng khuynh hướng (hoặc những ảo tưởng khuynh hướng) cho các cuộc vận động chính trị ở tất cả các cấp bậc của chính phủ, và ngự trị trong công việc săn tin về các cuộc tuyển cử quốc gia. Người ký giả không thể tránh khỏi những sự liên hệ đến hoạt động đang được bành trướng này và nó đã đặt người ký giả vào ngay giữa kỷ nguyên của máy móc điện tử.

ĐO LƯỜNG DƯ LUẬN QUẦN CHÚNG

Trong khi việc thăm dò dư luận quần chúng trở thành một vấn đề quen thuộc của báo chí Hoa Kỳ trong một phần tư thế kỷ, nó lại có vẻ quan trọng hơn từ ngày phát sinh máy truyền hình. Các hệ thống truyền hình không thể kiên nhẫn trước cách thức săn tin chùng mực của các hãng thông tấn và báo chí, đã tự tổ chức những toán phóng viên riêng để tiến hành công việc nhanh hơn. Sau đó, vẫn chưa hài lòng, các hệ thống truyền hình còn sử dụng những phân tích gia có kinh nghiệm về công việc thăm dò dư luận để sớm tiên đoán về những kết quả tuyển cử trong một đêm bầu cử qua những lời tuyên bố tức khắc của những người đắc cử.

Cách thức làm việc này, được một 30 báo không bán chạy nhưng hung hăng đem ra áp dụng từ 40 hoặc 50 năm trước đây, dĩ nhiên dẫn đến nhiều sự rủi ro và lùm lổ to lớn. Nhưng không giống cuộc bầu cử ngày trước với những kết quả nhanh chóng, việc tường thuật bầu cử trên truyền hình đã có một ảnh hưởng liên tục trong suốt thời gian bầu cử. Mặc dầu tất cả những bất lợi của nó, nó cũng đã thỏa mãn được một nhu cầu của công chúng.

Bất kể sự tranh đua với truyền hình có gay go hay không, những chủ biên của tờ báo trung bình và phóng viên chuyên về chính trị vẫn còn nhìn cuộc đua phiêu với nhiều ngờ vực hơn là tin tưởng. Thật ra có vài cử tri riêng rẽ đã chấp nhận ý kiến của nhiều tờ báo và nhóm báo chí, trước hết bởi vì những điểu dự đoán của các báo này trước ngày bầu cử thường đúng nhiều hơn sai. Nhưng nói chung, các cuộc bầu cử thường được hoan nghênh trong các phương tiện truyền thông điện tử, các ngành quảng cáo và xã hội học nhiều hơn là trong công việc hàng ngày của báo chí. Khuynh hướng này thay đổi một cách chậm chạp nên qua các máy điện tử, các chủ nhiệm và chủ bút cũng được biết thị hiếu của công chúng và những gì mà công chúng thích hoặc không thích. Nhưng trừ vài trường hợp ngoại lệ, những người thăm dò dư luận và nhà báo thường hợp tác trong một tinh thần nghi kỵ lẫn nhau.

Hầu hết những người thăm dò dư luận và báo chí đều sai lầm trong cuộc bầu cử sau chót của thời kỳ trước kỷ nguyên truyền hình, cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ năm 1948, trong đó Tổng Thống Harry S. Truman đã thắng cử một cách chật vật trước Thống Đốc Thomas E. Dewey ở New York, ứng cử viên Đảng Cộng Hòa. Bức hình chụp ông Truman đang giao ca từ *Chicago Tribune* với một cái “tít” thật lớn loan báo sự đắc thắng của ông Dewey là một bức hình thích thú nhất trong các tập hình của nhà báo thời đó. Dù vậy, những người thăm dò dư luận bầu cử vẫn không từ bỏ công việc của họ.

Cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1960 trong đó Thượng nghị sĩ John F. Kennedy cũng đã thắng cử một cách chật vật trước ứng cử viên Cộng Hòa là Phó Tổng Thống Richard M. Nixon, không phải là cuộc bầu cử gây nhiều thoải mái cho các phân tích gia báo chí hoặc các phương tiện truyền thông điện tử. Người ta cũng không được mãn nguyện hơn về cuộc đắc cử khát khao của Tổng Thống Nixon năm 1968 trước đối thủ Dân Chủ là ông Hubert H. Humphrey. Đã có lần người ta nói nhiều về sự thật không chối cãi được là hầu hết những người thăm dò bầu cử đều tuyên bố phe thắng chỉ hơn phe bại có 3% số phiếu trong kết quả bầu cử.

Những người chỉ trích. Khi áp dụng phương pháp phân tích và những phương pháp tương tự trong đêm bầu cử để có thể tiên đoán được ai là người sẽ thắng và ai là người sẽ bại, các hệ thống thông tin thường nắm lấy vài cơ hội vững bền và ít khi gây ra ấn tượng về trách nhiệm đúng mức. Trong một trường hợp của Công Ty Truyền hình Hoa Kỳ American Broadcasting Company (ABC), một số lớn những cuộc tranh cử vào Quốc Hội năm 1966 đã bị tiên đoán sai lầm. Nhưng không phải có truyền hình phạm những lỗi lầm trong các cuộc bầu cử. Cuộc thăm dò của tờ *Daily News* khả kính của thành phố New York không đếm xỉa đến những sự tế nhị của xã hội trong nhiều trường hợp đặc biệt đã thất bại lần thứ tư trong năm 1966 khi tờ báo này tiên đoán rằng Thống Đốc Nelson A. Rockefeller của Tiểu Bang New York sẽ không được trúng cử thêm một lần nữa. Nhưng ông này đã thắng một cách dễ dàng đối thủ ông là ông Frank D. O'Connor, một đảng viên Dân Chủ và là Chủ tịch Hội Đồng Thành Phố New York. Trong nhiều cuộc tuyển cử sơ bộ để chọn ứng cử viên Tổng Thống năm 1968 và 1972, kết quả không đúng như người ta tiên đoán và chính những người đắc cử bất ngờ cũng tỏ vẻ ngạc nhiên. Một thí dụ rõ rệt

trong những trường hợp này là Đại Hội Toàn quốc Đảng Dân Chủ đã đề cử thượng nghị sĩ George McGovern làm ứng cử viên Tổng Thống.

Tuy nhiên, các cuộc thăm dò bầu cử và tiên đoán trước ngày bầu cử đã ăn sâu vào hệ thống chính trị Hoa Kỳ cũng như vào nền báo chí Hoa Kỳ, nên chúng vẫn tiếp tục bành trướng bất chấp mọi sự bất lợi. Thỉnh thoảng, người ta cũng bớt tin tưởng vào chúng, nhất là khi những người thăm dò bầu cử có đôi chút tiếng tăm đã đưa ra những kết luận hầu như ủng hộ lập trường của những người thuê họ và trả tiền cho họ. Tuy vậy, sự việc này hình như cũng không ảnh hưởng gì đến sự chấp nhận của dân chúng cả.

Những lý do để tiên đoán. Có thể có câu hỏi rằng tại sao các phương tiện truyền thông lại chịu khó làm những cuộc thăm dò dư luận cùng với việc săn tin chính trị và chính phủ, nhất là những cuộc bầu cử. Một lý do thích đáng là những lời tiên đoán cũng như căn bản cho sự tiên đoán này là một phần trong các công việc của người phóng viên chính trị và tổ chức làm tin của họ. Cách đây khá lâu trước khi có các viện thăm dò dư luận và phương pháp khoa học để thăm dò dư luận quần chúng, một phần quan trọng trong công tác của người phóng viên chính trị là tiếp xúc với mọi hạng người để tìm ra ứng cử viên nào có nhiều triển vọng thắng cử nhất. Các báo lấy làm kiên hãnh về công tác của những phân tích gia chính trị này trong số đó có nhiều người đã được nổi danh trong thời kỳ trước khi có truyền hình và đã làm quảng cáo những sự thành công của họ như những lời tiên tri.

Tuy nhiên, một lý do gây nhiều khích lệ nhất khiến cho báo chí càng ngày càng chú ý đến những cuộc vận động tuyển cử là nó không thể ủng hộ một lập trường theo đó “mọi ứng cử viên đều có một số thời gian như nhau” như “một lập trường đã từng kìm hãm truyền hình”. Trong khi những tờ báo nổi tiếng cố gắng giữ cho công bình về phương diện này, một lời cam kết về “thời gian đồng đều” sẽ làm cho chúng mất độc lập và hạ chúng nhanh chóng xuống hàng một tờ báo của chính quyền (official gazette). Không một tờ báo nào muốn duy trì tính cách độc lập của mình lại có thể vì tránh né một cuộc tranh luận trong cuộc vận động tranh cử mà chỉ hoạt động như một phương tiện ghi âm và nghe phát lại những bài diễn văn cùng những lời tuyên bố của đối phương chứ không dám thăm định giá trị của những bài diễn văn và những lời tuyên bố này.

KỸ THUẬT THĂM DÒ DƯ LUẬN

Loại thăm dò dư luận cổ xưa nhất và ít phức tạp nhất là thăm dò người ngoài đường phố. Nó vẫn còn được nhiều chủ biên đồ thành sử dụng. Các chủ biên này cho rằng các phóng viên dù không được học về những phương pháp thống kê giản dị nhất, cũng đều có thể lựa chọn một cách ngẫu nhiên chừng 20 hoặc 30 người để tìm hiểu và có thể biết được dư luận trong một khu vực nào đó. Các phóng viên thường phải cẩn thận khi được giao cho công tác, phải ghi rõ tên họ, tuổi tác, địa chỉ, nghề nghiệp và những sự kiện liên hệ của người đã trả lời cuộc phỏng vấn. Họ cũng phải chắc chắn về những gì mà người được phỏng vấn tuyên bố sẽ tường thuật lại chính xác. Thế nhưng những cuộc thăm dò như vậy tiến gần đến sự thật cũng vẫn chỉ là hoàn toàn ngẫu nhiên vì một số người như trên không thể đại diện cho tất cả các cử tri trong vùng muốn thăm dò, nghĩa là cho “toàn thể”, theo danh từ thống kê.

Một thí dụ về thành phần ngẫu nhiên. Một tổ chức thăm dò dư luận đáng tin cậy bao giờ cũng bắt đầu công việc bằng các cố gắng mở rộng một thành phần lựa chọn ngẫu nhiên có thể được coi là đại diện cho “toàn thể” dù khu vực là một xã, một quận, một tiểu bang hoặc toàn quốc. Vấn đề khó khăn nhất, làm tốn nhiều thì giờ nhất và đòi hỏi nhiều kỹ thuật là phương pháp được gọi là phương pháp xác suất (probability method). Theo phương pháp này, người đi phỏng vấn có huấn luyện biết cách lựa chọn trước bằng vài phương pháp thống kê phức tạp một số người để phỏng vấn có tính cách đại diện cho toàn thể. Trái lại, phương pháp tỷ lệ (quota method) cung cấp cho người đi phỏng vấn danh sách những loại người mà anh phải nhắm vào nhưng lại để cho anh được tự do chọn theo ý muốn của mình.

Dù là phương pháp nào đi nữa, một thành phần gồm vài trăm người có thể được xem là đại diện cho một vùng đô thị và một thành phần vài ngàn người có thể được sử dụng để phát triển một mô thức dư luận quốc gia (to develop a national pattern of opinion). Trong phương pháp xác suất, những đơn vị đầu tiên có thể được lựa chọn một cách ngẫu nhiên trong danh sách tất cả những quận và đô thị của Hoa Kỳ, Sau đó, lựa chọn những khu vực

nhỏ trong thành phố và miền quê, cũng với tính cách ngẫu nhiên. Rồi trong mỗi khu vực hoặc phần đã lựa chọn, cũng chọn một cách ngẫu nhiên lấy một số đơn vị trú cư. Sau hết, trong mỗi đơn vị trú cư được lựa chọn, liệt kê tất cả những người thành niên và cứ mỗi đơn vị chọn lấy một người cũng lại bằng cách ngẫu nhiên. Thành phần được lựa chọn theo cách này có một xác suất cao (high probability) được xem như phản ảnh tất cả những đặc tính của “toàn thể” mà từ đó nó được lựa chọn. Các yếu tố tuổi tác, phái nam, phái nữ, tình trạng kinh tế, chủng tộc hoặc tôn giáo và những yếu tố liên hệ khác đều được đại diện trong thành phần. Như vậy, người đi phỏng vấn phải theo sát và nói chuyện lâu với mỗi người trong danh sách của mình để được trả lời về những câu hỏi đã được đặt ra trước.

Phương pháp tỷ lệ. Dĩ nhiên trong phương pháp này, người đi phỏng vấn cố gắng làm cho thành phần mà mình chọn lựa có đủ tất cả những phần tử cần thiết để đại diện cho “toàn thể” nhưng dù muốn dù không, những thành kiến của anh vẫn có ảnh hưởng đến việc chọn lựa. Điểm lợi duy nhất của phương pháp tỷ lệ hơn phương pháp xác suất là phương pháp tỷ lệ mau chóng và rẻ tiền hơn; tuy nhiên, nó vẫn có thể không đáng tin cậy bằng cách thăm dò dư luận ngoài đường phố trước kia nhất là khi phương pháp cổ này lại do chính một nhà báo có kinh nghiệm áp dụng trong khi nhà báo đó biết rõ cộng đồng và cố gắng lựa chọn những người đại diện cho cộng đồng đó.

Đối với những người không có kinh nghiệm, rất có thể họ chỉ nghĩ đến việc cố gắng tìm hiểu khuynh hướng của mọi người trong quốc gia bằng cách thăm dò dư luận của một ít người trong một thị trấn, vài trăm người trong một tiểu bang và vài ngàn người trong toàn quốc. Trừ trường hợp kiểm kê từng nhà 10 năm một lần, Văn Phòng Kiểm Tra Dân Số Hoa Kỳ (Bureau of Census) vẫn thường áp dụng kỹ thuật tuyển chọn thành phần ngẫu nhiên trong nhiều năm qua để quyết định về mức gia tăng dân số. Tính cách phổ thông của các chương trình truy vấn hình thường được một chức thăm dò dư luận quan trọng nghiên cứu qua các kế hoạch thăm dò trong khoảng 1.500 gia đình được chọn lựa một cách ngẫu nhiên trên toàn quốc. Một số tổ chức thăm dò dư luận rất đáng tin cậy trong đó có Viện Gallup, Roper và Louis Harris, đã có những kết quả tốt đẹp trong việc tìm hiểu dư luận quần chúng về đủ các vấn đề từ thành phần của các phái nam phái nữ đến cuộc bầu cử Tổng Thống.

Không một người nào có kinh nghiệm trong lãnh vực này có thể tuyên bố có sự chính xác hoàn toàn trong các cuộc thăm dò dư luận quần chúng. Thường thường, độ sai có thể chấp nhận được trong kết quả chung cuộc cho cả hai bên là 3% và thỉnh thoảng là 5%. Do đó trong một cuộc tranh đấu chính trị gay go, hoặc trong một cuộc tranh luận trên truyền hình giữa những người được công chúng hâm mộ, rõ ràng là việc sử dụng cuộc thăm dò dư luận phải rất cẩn thận. Tuy nhiên, chính trong những hoàn cảnh gay go như vậy, ít khi có được sự thận trọng và các tổ chức thăm dò dư luận thường gặp phải nhiều khó khăn. Dù muốn dù không, những kết quả của những cuộc thăm dò dư luận do các tổ chức này thực hiện vẫn được sử dụng, nhất là trong những cuộc vận động chính trị.

Phối kiểm các khuynh hướng. Việc sử dụng những đơn vị đầu phiếu đã được chọn lựa — một khu trong một thành phố lớn hoặc một quận ở miền quê — là cách mà người ta ưa thích để biết những khuynh hướng chính trị nhưng đó không phải là hoàn toàn không có sự sai lầm. Cơ quan thăm dò dư luận quan trọng nào cũng đều có danh sách các đơn vị như vậy; những đơn vị này được chọn sẵn vì đã “bầu đúng” trong một số các cuộc bầu cử Tổng Thống, Thống Đốc và Thượng Nghị Viện và đã được nghiên cứu ngay sau các cuộc bầu cử. Thí dụ; Quận Arshamomaque được nhận thấy là đã bầu đúng trong tám cuộc bầu cử Tổng Thống nên đã có người tổ chức cuộc thăm dò dư luận và tiến hành công tác này bằng cách giả thử rằng những người cư trú tại đó là một tập thể của các nhà tiên tri (collective Delphi). Trước ngày bầu cử những bài nghiên cứu này là những bài đọc thích thú. Tuy nhiên, khi một loạt những đơn vị bầu cử như vậy trở thành nền tảng cho một vụ tiên đoán về sự đắc thắng trước khi có kết quả thực sự trong đêm bầu cử, một phân tích gia dựa vào đó đôi khi có thể mắc phải lầm lỗi lớn: phân tích gia không thể có may mắn nói chuyện với đầy đủ những con người “bỏ phiếu đúng” trong một quận “bầu đúng”; hoặc những lực lượng chính trị tàng ẩn có thể làm thay đổi tình thế. Do đó, những kết quả mà phân tích gia đưa vào những máy điện tử để tạo nên một chuyện huyền diệu trên truyền hình toàn quốc có thể trở thành tai hại cho chính phân tích gia đó.

Trong khi truyền hình tiêm nhiễm thói quen là phổ biến thật sớm kết quả thắng cử cho ứng cử viên này hoặc ứng cử viên, kia ngay trong đêm bầu cử, báo chí vẫn nhất định công bố những đi đầu tiên đoán của báo chí trong

ngày Chủ Nhật hoặc ngày Thứ Hai trước ngày bầu cử. Cả hai lẽ lối làm việc này đều chỉ dựa vào những sự may rủi. Tiên đoán về một cuộc bầu cử diễn ra trong Tháng Chín là một chuyện và việc các cử tri đi bỏ phiếu đông lại là một chuyện khác. Những đi đầu tiên đoán của báo chí thường căn cứ vào tất cả những thùng phiếu được chuẩn bị sẵn sàng, vào những lời phỏng đoán của những nhà lãnh đạo khả kính, vào ý kiến của công chúng hoặc nếu không có thì căn cứ vào những lời tuyên bố của ứng cử viên và vào những cảm nghĩ của chính phóng viên. Khi cuộc vận động tranh cử nghiêng hẳn về một bên, tiên đoán về cuộc bầu cử không phải là chuyện khó khăn. Nhưng khi tất cả mọi yếu tố thông thường xung đột với nhau, phân tích gia không nên tiên đoán gì cả. Một câu nói cổ nhất thường được dùng trong các tòa soạn ở Mỹ là: “Người ta không thể treo cổ bạn được về những gì mà bạn không viết ra”.

TIÊN ĐOÁN VỀ KẾT QUẢ BẦU CỬ

Điều tiên đoán nào về kết quả bầu cử cũng đều phải có những đặc tính thích hợp mặc dầu kết quả có thể giống như kết quả của những năm trước. Sau đây là một kiểu mẫu của loại nhập đề tiên đoán .

Ông Thị Trưởng Hammond Garvell có vẻ lại đắc cử vào Thứ Ba này nếu số người đi bầu đông đảo như người ta mong đợi.

Một cuộc thăm dò ý kiến cử tri, cùng các cuộc nói chuyện với các chuyên gia của cả hai bên và những kết luận của những tổ chức thăm dò dư luận tư nhân, hôm nay cho thấy rằng ông Thị Trưởng có hy vọng đánh bại được đối phương là ông Hereford Cates.

Nhưng những cộng sự viên thân tín nhất của ông Garvell lại nhấn mạnh rằng vì ông là người độc lập ra tranh cử lần nữa nên phải nhờ vào một số rất lớn dân chúng quyết định tại phòng phiếu: đó là dấu hiệu bao giờ người ta cũng thấy ở thành phố này khi mà ứng cử viên độc lập đang có một ảnh hưởng...

Tin tức chính trị tiên tuyên cử. Một phần lớn bài viết về chính trị trên các báo và tạp chí thời sự và bài bình luận phân tích trên truyền hình đều căn cứ vào sự tóm lược và diễn giải những biến cố sắp xảy ra. Loạn báo những cuộc hội họp của các đảng, liệt kê những ứng cử viên quen thuộc, và

phân tích những lời tuyên bố của đối phương là một công việc thông thường của phóng viên trong lãnh vực này. Một công việc khác là chuẩn bị cho một cuộc vận động tranh cử trong một thời gian nào đó và có thể có được những kết luận khách quan nào.

Thông dụng hơn cả là những bản tóm lược trước ngày bầu cử cho biết giờ bỏ phiếu, nơi đó phiếu, số ứng cử viên, số cử tri ghi danh, số cử tri (ước lượng) có thể đi bầu, thời tiết và những kết luận mà biên tập viên hoặc phân tích gia muốn có. Trên truyền hình, loại tin tức này chỉ có thể được đưa ra với hình thức một bản phác họa. Trên báo chí, nó thường chiếm mất cả hai trang để cung cấp cho cử tri tất cả những tài liệu cần thiết ngõ hầu giúp cho cử tri quyết định thái độ trước những số đông đảo ứng cử viên, đề nghị và trưng cầu ý kiến. Chắc chắn đây là điểm làm cho một tờ báo tốt trở thành vô giá trị và làm cho các phương tiện truyền thông điện tử hoàn toàn bất lợi.

Trong khi người tiên đoán khoa trương chỉ dựa vào những chứng cứ thường không được xác thực để tiên đoán, phân tích gia chính trị chuyên nghiệp phải sưu tầm tài liệu về các giả thuyết mà mình đưa ra bằng cách nêu lên những dữ kiện để ủng hộ những kết luận của mình. Do đó, điểm khác biệt giữa người tiên đoán suông và một phóng viên chính trị là một người coi thường dư luận và một người thì không.

Ranh giới phân biệt giữa hai người này thật rõ ràng. Như ông Bernard M. Baruch (một tài chính gia kiêm chính trị gia Hoa Kỳ) đã có lần nói rằng “Mọi người đều có quyền phát biểu ý kiến nhưng không một ai được sai lầm về những dữ kiện của mình”. Câu nói này rất đúng đối với các phóng viên chính trị.

LÀM TIN TỨC VỀ CÁC CUỘC BẦU CỬ

Trước khi truyền hình phát triển như một lực lượng vận động chính trị — và cũng là một lực lượng gây tổn kém nhiều nhất — một cuộc vận động tranh cử trong tiểu bang hoặc trong toàn quốc thường kéo dài đến ba tháng hoặc hơn thế nữa.

Đó là thời đại hoàng kim cho các phóng viên chính trị, hiểu rõ ý kiến của dân chúng một cách hợp lý trong suốt thời kỳ mà việc thăm dò dư luận vẫn còn là một ý tưởng mới mẻ, và nêu ra những kết luận căn cứ trên những

kinh nghiệm quý giá. Các báo thời đó tràn ngập những tin tức chính trị và những chuyện liên quan đến chính trị suốt cả nửa năm hoặc hơn thế nữa nếu là một cuộc vận động tranh cử quan trọng. Và sau đó người ta càng đi tìm kiếm phóng viên chính trị lỗi lạc.

Công tác của phóng viên. Ngày nay, sự xuất hiện trên truyền hình và những phí tổn càng ngày càng gia tăng về việc này đã hạn chế những cuộc vận động tranh cử bằng hai cách. Trước hết, ứng cử viên khôn ngoan không nên xuất hiện nhiều quá. Làm cho cử tri chán ngán là một lỗi lầm chính trị còn nặng hơn là thất bại trong việc muốn gây sự chú ý và hấp dẫn quần chúng. Nhưng điều quan trọng cần nói ở đây là ngoại trừ những chính trị gia triệu phú trong thập niên 1960 như anh em Kennedy, Nelson Aldrich Rockefeller, Lyndon Baines Johnson và một số người khác tương tự, tất cả các ứng cử viên đều phải thận trọng trong việc chi tiêu về vận động tranh cử bằng truyền hình vì nó có thể làm phá sản một đảng chính trị lớn.

Trừ trường hợp một cuộc tranh cử Tổng Thống hoặc Thống Đốc trong một tiểu bang quan trọng, phần lớn những cuộc vận động chính trị vào hầu hết các chức vụ đều được thực hiện trong vòng một tháng, đôi khi ngắn hơn thế nữa. Trong cuộc vận động tranh cử năm 1972, người ta cũng thấy có khuynh hướng rút ngắn thời gian và như vậy giảm bớt chi phí, nhất là ở phía Đảng Dân Chủ. Nhưng trong năm đó, một số lãnh tụ Dân Chủ đã tranh chấp theo đường lối riêng trong hơn hai mươi cuộc tuyển cử sơ bộ từ New Hampshire vào đầu tháng Ba đến New York vào cuối tháng Sáu. Với giai đoạn sôi nổi nhất trong tháng Mười Một, cuộc tranh cử này đã tỏ ra dài nhất trong những năm gần đây.

Trong thời đại tân tiến này, hiện vẫn còn những đoàn người dùng đường bộ đi vận động tranh cử nhưng thường họ di chuyển bằng đường hàng không để vận động tranh cử tại các tiểu bang và trên toàn quốc.

Vì ưu thế của truyền hình trong việc tường thuật những bài diễn văn chính trị đúng như khi chúng được đọc ra giúp cho công chúng biết qua về những ứng cử viên quan trọng, nhiệm vụ của báo chí hiện nay tăng lên gấp bội: đó là phân tích tin tức và trình bày tin tức. Tất cả những tờ báo tốt nhất vẫn còn đăng toàn bộ những bài diễn văn quan trọng khi những bài diễn văn này được sẵn sàng sử dụng và đăng nhiều chi tiết trong những tin tức chính trị mà truyền hình chỉ có thể tóm tắt trong các chương trình thời sự mà thôi. Sự việc này và sự quan trọng của những bài phân tích do các thông tin viên

báo chí và những ký mục gia nổi tiếng làm ra, sẽ giúp cho báo chí trở nên một lực lượng chính trị trong bất cứ cuộc tranh cử nào.

Tuy nhiên, phóng viên chính trị làm việc cho một tổ chức làm tin quan trọng — hãng thông tấn, nhật báo, tạp chí thời sự và phương tiện truyền thông điện tử — hiện nay đang gặp phải một khó khăn rất lớn: anh sớm nhận ra rằng công việc của anh bị tập trung quá nhiều vào một chỗ thành thử khó có thì giờ để nói chuyện với các ứng cử viên và dân chúng. Trong một cuộc tranh cử toàn quốc, nếu cứ tìm cách nói chuyện với các chính trị gia địa phương hoặc cử tri tại một phi trường nào đó, phóng viên thường bị mất một bài diễn văn của một ứng cử viên hoặc bị lỡ máy bay. Hơn nữa, thói quen của báo chí hiện nay là thường sử dụng toàn thể các bản văn làm sẵn hoặc dùng làm căn bản cho một bản tin hạn chế khi không biết những bản văn làm sẵn có được sử dụng hay không. Trong các chuyến đi vận động bằng máy bay hoặc bằng xe lửa, nhiều ứng cử viên đã khai triển nhiều lần cái mà các ông gọi là bài diễn văn căn bản nhưng không một phóng viên chính trị nào lại gửi tài liệu đó đến hai lần. Do đó, công việc làm tin về vận động tranh cử trở thành tẻ nhạt, trừ phi công việc này lọt vào tay một phóng viên có nhiều kinh nghiệm biết rõ chỗ nào đáng làm tin, hoặc vào trong tay một phân tích gia chính trị với tài năng ở trên mức trung bình.

Nhóm làm tin chính trị chung. Giống như trong phần lớn các khía cạnh của tin tức, trong lãnh vực chính trị ngày nay cũng có thể có những nhóm làm tin chung, nhất là trong những cuộc tuyển cử quan trọng. Những nhóm làm tin chính trị chung này, do một số những tờ báo lớn và có ảnh hưởng thành lập, thường cố gắng trình bày đầy đủ ý kiến của các nhà lãnh đạo cộng đồng và những lãnh tụ chính trị thuộc cấp bậc tiểu bang, thu thập những chi tiết về ảnh hưởng của cuộc vận động tranh cử và cả dư luận quần chúng bằng cách sử dụng những phương pháp thăm dò tuy phức tạp nhưng hợp lý. Theo thông lệ, những bài tường thuật của nhóm làm tin chung thường dài, có nhiều chi tiết và cung cấp nhiều dữ kiện mà bất cứ người tin nào khác đều khó thu hoạch được.

Nhưng dù sao, bài tường thuật của nhóm làm tin chung vẫn không phải là câu tra lời đầy đủ nhất, và cũng không có gì thay đổi trong đời sống của người phóng viên chính trị cả. Vận động tranh cử bao giờ cũng là câu chuyện chính yếu của cả hãng thông tấn, các phương tiện truyền thông

điện tử và của các báo buổi sáng. Trừ các bài diễn văn quan trọng đọc trong các tiệc trưa hoặc những cuộc du hành bằng xe hơi trong buổi chiều, người phóng viên chính trị thường phải dồn nhiều nỗ lực vào buổi tối bởi vì những bài diễn văn chính trị quan trọng thường được đọc vào lúc thích hợp nhất cho những số đông đảo khán thính giả của truyền hình. Do đó, đối với những người viết cho báo buổi sáng, điều này có nghĩa là đa số thời giờ trong ngày phải được dùng vào công việc chuẩn bị để thu thập dữ kiện cho tin lớn xảy ra trong ban đêm. Đối với những người viết cho báo buổi chiều, thời giờ và nỗ lực phải được dồn vào việc tạo ra một khía cạnh mới mẻ cho một bài diễn văn cũ hoặc tham khảo đầy đủ các nguồn tin để tiên đoán tin tức.

Một bài phân tích chính trị, một bản tóm lược tin tức hoặc một bài viết về một nhân vật chính trị sẽ đem lại đôi chút mới mẻ cho tờ báo hơn là đăng lại trên báo buổi sáng bài diễn văn đã được sử dụng trên truyền hình, và như vậy khó có thể cạnh tranh được. Do đó người ta thấy rằng chịu khó sưu tầm, chịu khó đào sâu về những điểm chưa được rõ ràng sẽ làm cho ký giả thành công và khác với người viết hời hợt. Nhiều tờ báo lớn chú trọng đến những cuộc vận động chính trị đã hoạt động trên căn bản những cuộc sưu tầm như vậy.

LỀ LỐI LÀM TIN CHÍNH TRỊ

Có một lề lối làm việc cho phóng viên chính trị cũng như cho hầu hết các việc khác trong nghề báo. Đó là phải làm tốt. Vì vậy, không một phóng viên nào đi săn tin chính trị lại không có sự chuẩn bị thích hợp. Sự chuẩn bị này gồm có sự hiểu biết chính xác về guồng máy chính trị mà phóng viên phụ trách, về luật lệ bầu cử, cách thức lập danh sách cử tri, vận động tranh cử và phải biết cả những việc xảy ra trong những cuộc bầu cử trước. Ngoài ra, phóng viên còn phải biết những dữ kiện về địa lý và chủng tộc trong những khu vực mà anh phụ trách, những vị dân cử quan trọng, những nhà cầm quyền và những lãnh tụ đảng phái. Một số kiến thức về triết lý chính trị cũng như về những hoạt động chính trị cũng cần phải có.

Đại cương về những hoạt động của một phóng viên chính trị bất kể phương tiện truyền thông nào mà anh đang cộng tác được tóm lược như sau:

Chỉ định ứng cử viên. Trong cuộc vận động chính trị, sẵn tin về việc chỉ định ứng cử viên là công việc đầu tiên phải làm để loan báo cho công chúng biết. Các ứng cử viên có thể được chỉ định bằng đề nghị, bằng tuyển chọn sơ bộ hoặc bằng hội nghị đảng, và phóng viên phải biết tất cả những thủ tục này. Thỉnh thoảng, nếu cần, người ta lại dùng hai hoặc ba cách cùng một lúc, tùy theo luật lệ riêng biệt hoặc tập quán mà thay đổi không những ở cấp tiểu bang mà đôi khi cả ở cấp quận hoặc thị trấn nữa.

Những cuộc vận động tiền hội nghị. Thông tin viên chính trị thông thạo tin tức phải tự biết từ chối một số lớn những cuộc du hành. Ở nơi nào, hội nghị đảng có tính cách quyết định cho việc chỉ định ứng cử viên như hội nghị toàn quốc hoặc hội nghị ở các tiểu bang lớn. Ký giả phải tiếp xúc với những cộng sự viên then chốt của họ. Không nên tiếp xúc với những người này bằng điện thoại. Không có cách nào khác để sẵn tin chính trị ngoài cách đến tận chỗ. Nếu chỉ dựa vào những cuộc thăm dò dư luận và chỉ lướt qua trên báo chí địa phương để tìm tin tức thì người làm tin có thể đi đến những sự giản dị hóa quá trớn rất tai hại. Vào lúc có nhiều cuộc vận động tranh cử trong đó và các hãng quảng cáo đang lăm le dọn nỗ lực cho người nào muốn bỏ tiền ra trả những dịch vụ này. Biên tập viên chính trị phải đích thân theo dõi những cuộc vận động chính trị mờ ám diễn ra ở nhiều nơi trong nước. Thông tin viên phải tỉnh táo chú ý nếu những sự chuyển hướng của các nhà lãnh đạo cộng đồng từ ứng cử viên này sang ứng cử viên khác, những lời loan báo của các phe phái, những dấu hiệu chỉ tiêu quá độ cho những mục tiêu bí ẩn và những cuộc vận động có tính cách ngăn cản việc chỉ định ứng cử viên này hoặc ứng cử viên khác.

Đại hội đảng. Truyền hình đã đến để chế ngự các đại hội của các đảng phái ở các tiểu bang và toàn quốc. Trước hết là vì sự quan trọng mà cả hai đảng lớn ở Mỹ muốn dành cho các ứng cử viên trong việc xuất hiện trên màn ảnh nhỏ. Điều đó không có nghĩa là báo chí, hãng thông tấn và tạp chí thời sự không sẵn tin về các đại hội nghị đảng và không làm được công việc này một cách tốt đẹp. Trái lại, báo chí có khả năng và sáng suốt vẫn cần thiết cho việc làm tin tức về những cuộc họp chính trị đủ loại. Phạm vi hoạt động của ống kính truyền hình tập trung vào cảm giác nhất thời đã bị hạn chế. Hơn nữa, với quá nhiều tin tức xảy ra trong phòng họp, thường lại

chỉ có ít thì giờ để những nhà phân tích có khả năng của truyền hình cho biết bối cảnh và ý nghĩa của cái mà công chúng thấy và không thấy.

Bốn phần của phân tích gia chính trị làm việc cho các phương tiện truyền thông, kể cả điện tử, nay đã gia tăng. Phân tích gia này có trách nhiệm về tất cả những gì diễn ra trước máy thu hình và đồng thời lại phải biết những gì xảy ra ở ngoài phạm vi hoạt động của truyền hình.

Danh sách cử tri. Công việc thông thường của việc làm tin về cử tri phải hơn một cuộc đếm lại những con số. Một phân tích gia chính trị hiểu biết thường hay làm một cuộc so sánh và có thể cho biết tình trạng cuộc bầu cử cả tuần lễ trước ngày bầu cử. Tuy nhiên, trước khi đạt đến mức đó, phân tích gia phải chắc chắn là đã biết khu vực bầu cử cũng thông thạo như những chính trị gia hoạt động trong khu vực đó tiên đoán hàng những con số trong danh sách cử tri cũng như tiên đoán về tin tức trong các lãnh vực khác, có thể rất tai hại. Điều này đặc biệt đúng với những cử tri mới đi bỏ phiếu lần đầu thuộc lứa tuổi 18-21.

Vận động tranh cử. Thật khó cho một biên tập viên chính trị khi phải đánh giá cùng một lúc những cuộc vận động tranh cử, những bài diễn văn, những cuộc họp báo và chiến thuật ở cấp độ cao nếu không cố gắng quyết định về ý nghĩa của mỗi sự việc. Trừ phi có một nỗ lực liên tục để tường thuật kỹ càng những biến cố chính trị, thông tin viên thường bị đuối kém ngay trong những buổi đầu công tác. Hơn bao giờ hết, công chúng đòi hỏi việc phổ biến những bài viết cẩn thận và có phân tích các sự kiện trong một cuộc vận động tranh cử mà chi hướng hay thay đổi nhanh chóng. Như một thông lệ, không ai báo cho thông tin viên biết khi nào phải viết một bản tóm lược tình hình. Chỉ có linh tính của anh báo cho anh biết mà thôi. Do đó, anh phải quen thuộc với các ứng cử viên, phải biết những điểm dị biệt giữa họ cũng như những điểm tương đồng. Samuel Lubell thường nhấn mạnh rằng công việc của phân tích gia chính trị bắt đầu với ngày sau một cuộc bầu cử.

Ngày bầu cử. Ngày bầu cử trước kia thường sôi nổi trong nhàn thành phố Hoa Kỳ nhưng hiện nay đã trở thành êm đềm. Trong những thành phố lớn, trừ vài trường hợp hiếm có, tình hình thường có vẻ như một ngày nghỉ lễ chứ không có cảnh bầu cử gian lận, chen lấn cãi cọ giữa các cử tri và

những sự rắc rối trong guồng máy bầu cử không tốt đẹp của ngày xưa. Những cảnh tượng này đôi khi vẫn còn xảy ra nhưng không quá lộ liễu như trước kia. Nếu có sự gian lận thì cũng khó có thể khám phá ngay được trong ngày bầu cử và chỉ thực sự lộ ra ánh sáng nhiều ngày sau.

Vì những cuộc làm thống kê kết quả, những vụ khiếu nại, những vụ tuyên bố thắng cử và công nhận thất cử đều xảy ra trong đêm bầu cử nên số nhân viên của các tổ chức làm tin ban ngày trong ngày bầu cử thường chỉ vừa phải.

Đêm bầu cử. Điểm quan trọng của công việc trong đêm bầu cử là phải cố gắng tổ chức công việc này. Trong lãnh vực báo chí và phương tiện truyền thông điện tử, nhóm nhân viên làm được công việc tốt đẹp nhất là nhóm biết chuẩn bị cẩn thận nhất. Đôi khi công việc chuẩn bị cho đêm bầu cử bắt đầu từ sáu tháng trước. Trong vài tuần lễ trước ngày bầu cử, phải có những tài liệu căn bản, những tài liệu vận động tranh cử, tài liệu sử của các ứng cử viên, chương trình hoạt động của các đảng phái, đại cương của việc phân phối công tác, vân vân. Không có một tổ chức làm tin hữu hiệu nào công tác trong đêm bầu cử lại không có đầy đủ kế hoạch và không có sẵn sàng những máy tính tốt cùng nhân viên được huấn luyện kỹ càng để thi hành những công tác đó.

Sẵn tin bầu cử là loại công việc mà các phương tiện truyền thông Hoa Kỳ làm được tốt đẹp nhất. Một khi mà các phòng phiếu hết hoạt động và những con số đầu tiên bắt đầu xuất phát từ các tòa soạn, khuynh hướng ủng hộ người này hoặc người khác hình như mất hẳn trong đám ký giả đang hoạt động và tất cả nỗ lực đầu dồn vào việc làm tin về người nào thắng, thắng như thế nào và ý nghĩa của cuộc thắng đó ra sao. Sự liên hiệp của các hãng thông tấn với ba hệ thống truyền hình quan trọng là một sự quan trọng lớn lao để công chúng bớt phân vân về kết quả bầu cử, đặc biệt là cuộc bầu cử Tổng Thống gay go nhất.

Kết quả bầu cử. Vài phút sau khi các phòng phiếu chấm dứt hoạt động, công chúng chăm chú xem truyền hình [đề] theo dõi những kết quả và những lời loan báo để được biết ứng cử viên nào thắng. Việc loan báo này của các phương tiện truyền thông điện tử có những sự rủi ro nhưng nó nằm trong lề lối làm việc. Ngày xưa, trước khi có vô tuyến truyền thanh, tờ *Star* của thành phố Kansas thường có thói quen loan báo trước về một ứng cử

viên có thể đắc cử Tổng Thống. Từ *Star* này thường căn cứ vào kết quả của một số đơn vị bầu cử quan trọng được noi tiếng là bầu “đúng” trong nhiều cuộc tuyển cử trước. Ngày nay, truyền hình cũng thường làm như vậy để loan báo kết quả bầu cử. Khi có sự chênh lệch quá nhiều giữa những số phiếu bỏ cho các ứng cử viên hoặc khi kết quả đã rõ rệt ngay cả trước khi hết giờ bỏ phiếu, sự tung tin như vậy thường vô hại và không có tính cách lừa gạt ai cả. Nhưng khi những số phiếu của các ứng cử viên sắp xỉ nhau, truyền hình loan tin trước về sự đắc thắng của một bên nào thì sẽ mất tín nhiệm. Dần dần, các tổ chức truyền hình quan trọng nhận được một bài học chua chát là báo chí vì cẩn thận đã được tín nhiệm trong nhiều năm, trước khi các phương tiện truyền thông điện tử chiếm ưu thế trong việc làm tin nóng hổi này. Các phương tiện truyền thông điện tử trở thành thận trọng nhiều hơn khi loan tin về ai thắng cử và tại sao thắng, và nay đã chú trọng đến vấn đề trách nhiệm của người ký giả nhiều hơn là vấn đề tin tức độc quyền. Sự hợp tác giữa các phương tiện truyền thông trong các cuộc bầu cử tổng thống là vì lợi ích công cộng.

LOAN BÁO CÁC CON SỐ

Điểm căn bản của mọi việc loan báo tin tức bầu cử dù cho hãng thông tấn, truyền hình hoặc một phương tiện truyền thông nào đưa ra là phải có nhiều chi tiết. Những kết quả từng phần thường không có giá trị trừ phi ngu ồn tin chỉ đích danh và cốt để so sánh với những kết quả trước. Vì vậy, kết quả bầu cử của một khu vực cần phải có số quận đi bầu và nếu có thể nên ghi rõ giờ phút khi có kết quả đó như thí dụ sau đây.

442 trong số 1.346 quận bầu cử thuộc Tiểu Bang... ở biên giới Miền Bắc hồi 10 giờ 32 tối nay đã cho kết quả dưới đây:

Jones (Dân Chủ) 60.024

Smith (Cộng Hòa) 50.555

26 quận bầu cử trong khu 64 thuộc thành phố... lúc 9g30 tối nay đã cho kết quả:

Brown (Dân Chủ) 2.022

Green (Cộng Hòa) 2366

Tên của đơn vị bầu cử dĩ nhiên thay đổi từ nơi này sang nơi khác, nhưng dù là khu hay quận, vẫn chỉ có một cách thức làm việc. Nếu đã có một phần

khá đủ cử tri bỏ phiếu và đã biết được những kết quả của những năm trước trong một khu vực, người ta có thể tiên đoán được kết quả. Thí dụ, trên căn bản đã có 25% tổng số kết quả được gửi về, một phân tích gia chính trị có kinh nghiệm có thể tính trước được cái gì sẽ xảy ra và có thể loan báo đại khái như sau:

Trên căn bản những kết quả từ một phân tử số quận trong thành phố gửi về hai giờ sau khi chấm dứt cuộc bỏ phiếu, ứng cử viên Smith đã dẫn đầu với 40.662 phiếu so với 32.634 phiếu bỏ cho ông Jones, đối thủ thuộc đảng Dân Chủ. Như vậy, ông Smith thực sự hơn ông Jones 8.028 phiếu và số phiếu hơn này của ông có thể vượt trên số 30.000 nếu tỷ lệ bỏ phiếu tiếp tục theo chiều hướng đó.

Dĩ nhiên, phân tích gia chính trị biết tỷ lệ bỏ phiếu có thể tiếp tục y nguyên hay không. Ông có tất cả những thống kê về những cuộc bầu cử trước kia dưới tay ông. Do đó, ông có thể tiên đoán rằng thành phố này có nhiều phiếu Dân Chủ, quận kia có nhiều phiếu Cộng Hòa và ông có thể tự ước lượng được kết quả. Sự việc này đã được chứng minh là đúng trong những tiểu bang Illinois, New Jersey và New York, là những nơi mà khi kết quả đầu tiên từ các thành phố gửi về thường cho thấy những ứng cử viên Dân Chủ dẫn đầu rất xa.

Những hướng khuynh quá sớm như vậy có thể sai lầm. Trong một nghiên cứu về thành tích của một ứng cử viên tại một thành phố đặc biệt có thể cho thấy rằng lần này ông ta được một số phiếu ít hơn số phiếu mà ông đạt được trong lần trước và như vậy có nghĩa là ông ta có thể bị thất cử. Do đó, phải cẩn thận về những tỷ lệ bầu cử vào lúc này còn quá sớm và phân tích gia chính trị khôn ngoan thường thận trọng khi sử dụng chúng cho đến lúc thấy có sự thay đổi quyết định.

Căn cứ vào những con số của các máy tính điện tử của các hệ thống truyền hình, các hãng thông tấn và các tờ báo lớn, người ta có thể loan báo chính xác sự đắc thắng của một ứng cử viên. Cũng vì vậy, người ta thấy tại sao có vài ứng cử viên chấp nhận cuộc bầu cử trước khi được biết tất cả những kết quả (dù đã có trường hợp xảy ra nhưng rất hiếm là một ứng cử viên đã chấp nhận sự thất bại và trên thực tế đã đắc cử vì cử tri dồn phiếu rất nhiều cho ông vào những phút chót).

Viết bài. Viết hoặc kể chuyện về tranh cử hiện nay là một phần trong công tác đêm bầu cử. Sẵn tin về những kết quả gửi về, một dịch vụ không chính

thức ở cấp độ toàn quốc được phối hợp giữa các công chức và các nhân viên của các phương tiện truyền thông, là công việc đầu tiên của ký giả, đồng thời cũng là một công tác rắc rối và làm mất nhiều thì giờ. Ngày trước, các hãng thông tấn bằng lòng chờ đợi cho đến khi có những con số do guồng máy bầu cử từ từ cung cấp, tuy nhiên, khi có truyền hình thì những hệ thống này thuê hàng toán phóng viên tạm thời — gồm đủ hạng người từ anh sinh viên đến bà nội trợ — đến các khu vực bầu cử để lấy kết quả. Vì có sự cạnh tranh này nên báo chí rút cuộc phải tăng gia hoạt động và đôi khi liên minh với các phương tiện truyền thông điện tử trong các cuộc bầu cử quan trọng.

Sử dụng máy tính điện tử. Sự xuất hiện của máy tính điện tử cộng với dịch vụ của truyền hình căn cứ trên những phương pháp thống kê phân tích tân tiến đã cách mạng toàn bộ công việc phức tạp trình bày các kết quả bầu cử. Tuy nhiên, vẫn còn phải dùng đến nhiều người và phải chịu nhiều sự khó nhọc và vẫn có những sự sai lầm. Không một ký giả nào có thể nói rằng công việc trong đêm bầu cử là dễ dàng cả.

Tin tức về kết quả bầu cử — cả viết lẫn đọc — đều căn cứ trên những con số đã được sắp đặt thành bảng kê khai như đã được trình bày trên truyền hình với những con số tổng cộng luôn luôn thay đổi. Ngày xưa các biên tập viên phải tự tìm ra những số phiếu chênh lệch nhau. Ngày nay, đã có những máy tính điện tử làm công việc này cho họ.

Điểm then chốt làm cho bài tường thuật của một tờ báo thành công trong đêm tuyển cử là sự tổ chức bài đó. Các con số phải được sắp đặt theo một phương pháp để lúc nào cần thay đổi là có thể viết lại ngay. Vì lý do thay đổi luôn như thế nên người ta thường không dùng những con số trong phần mở đầu của bản tin. Phần mở đầu này chỉ nên căn cứ vào sự kiện cho biết một ứng cử viên nào đó đang dẫn đầu và sau đó sắp đặt những kết quả và một bảng kê khai để có thể dễ dàng thay đổi bằng một đoạn “chèn”.

Luôn luôn thận trọng. Thật khó mà làm được một cuộc phân tích tỉ mỉ khi chưa có kết quả cuối cùng và ngay cả khi gần có kết quả này. Do đó, khi viết bài tường thuật trong đêm bầu cử nên dùng những câu như “Căn cứ trên những kết quả rải rác từ nhiều nơi gửi về” hoặc “Nửa giờ sau khi chấm dứt cuộc bỏ phiếu, kết quả từng phần và không chính thức cho thấy ứng cử viên Smith dẫn đầu”. Trong bản trình bày những kết quả bầu cử,

báo chí hoặc hãng thông tấn có thể nêu lên đầy đủ chi tiết theo thứ tự thời gian và như vậy rất hay nhưng vì không có đủ chỗ và thì giờ nên thường chỉ tóm lược.

Thông tin viên chính trị chỉ có thể coi cuộc bầu cử kết thúc khi đã có những con số cuối cùng và không có sự khiếu nại hoặc khi một ứng cử viên đã được tất cả các ứng cử viên khác công nhận đắc thắng. Cho đến khi đó, một biên tập viên thận trọng thường viết phần mở như sau:

Ông Robert J. Epperson trên nguyên tắc đã được bầu làm Thị Trưởng đêm qua và được hơn ông Arthur Ahlgrenson khoảng 40.000 phiếu.

Mặc dầu ông Ahlgrenson, đối thủ của ông chưa công nhận sự thất bại, ông Epperson có thể tuyên bố thắng cử căn cứ trên những kết quả từ phân nửa tổng số quận trong thành phố gửi về chứng tỏ rằng ông đã dẫn đầu...

Đôi khi, trong một cuộc bầu cử với kết quả sát nút, một ứng cử viên có thể là người thắng cử căn cứ trên những kết quả cuối cùng không chính thức và đối thủ có thể khiếu nại rằng có sự gian lận hoặc yêu cầu kiểm lại phiếu hoặc cùng làm cả hai công việc này một lúc. Hoàn cảnh bắt buộc phải trình bày câu chuyện như đã xảy ra nhưng tốt hơn là nên tường thuật rằng “ứng cử viên tuyên bố đắc cử nhưng sự thắng cử chưa ngã ngũ”. Vấn đề khiếu nại chỉ nên dùng trong phần mở đầu khi nào thấy sự khiếu nại đó có căn cứ. Sự thắng cử sát nút tự nó không phải là một bằng chứng đầu tiên của một hành động gian lận, Trong một trường hợp điển hình ở tiểu bang New York, cuộc đắc cử đã được quyết định bằng một phiếu hơn. Khi đếm lại phiếu, người suýt bị bại trở thành người đắc thắng cũng chỉ hơn có một phiếu. Vụ kiện tiếp theo sau đó không thể chứng minh được rằng có sự gian lận trong kết quả bầu cử.

Một lối nguy hiểm khác cho một phóng viên muốn chóng đi đến kết luận là có cái gì mờ ám trong cuộc tuyển cử vì anh thấy có những điểm mâu thuẫn không thể giải thích được giữa những con số ghi nhận và số người đi bầu. Thỉnh thoảng, những sự sai lầm trong những bản tuyên bố in sẵn trước khi có kết quả bầu cử đã dẫn đến tình trạng như vậy. Do đó, khi phóng viên sử dụng sự khiếu nại của những người thất cử trong một cuộc bầu cử với kết quả sát nút, anh không thể nào kết luận rằng sự khiếu nại của họ có căn cứ cho đến khi có thể phối kiểm các sự kiện với các nhân viên chính thức và với các ứng cử viên. Công việc này khó có thể làm được trong đêm bầu cử.

Thường thường, anh phải chờ đợi kết quả chính thức hai hoặc ba tuần lễ sau khi bầu cử xong.

Cách tường thuật kết quả bầu cử thay đổi tùy theo tờ báo. Có một số tờ sắp đặt những con số vào một chỗ trên bài tường thuật để độc giả xem trước khi đọc những cái khác. Những tờ báo khác thích dùng một phần mở đầu cho biết người nào làm. Dưới đây là một bài viết theo một kiểu chung mà báo chí, hãng thông tấn và truyền hình thường hay sử dụng:

Ứng cử viên Arthur J. Wingate đã tạo được một cuộc đắc thắng bất ngờ đêm qua trước đối thủ của ông là George Berling thuộc đảng Dân Chủ. Ông này cố gắng tìm cách ở lại chức vụ Thống Đốc trong nhiệm kỳ thứ ba.

Ứng cử viên Cộng Hòa thắng cử trong Tiểu Bang là nhờ ở uy tín của ông đang lan rộng trong những khu vực của Thành Phố Trung Ương, nơi đông dân cư nhất của Tiểu Bang.

Thống Đốc Berling đã công nhận sự thất bại của ông lúc 11 giờ 15 đêm qua. Việc công nhận sự thất bại này được loan báo sau một cuộc họp giữa ông với ông Gunnar Dahlquist, Chủ Tịch Ủy Ban Chấp Hành Đảng Dân Chủ trong Tiểu Bang và ông Franklin Quest, Thị Trưởng Thành Phố Trung Ương.

Hồi 12 giờ 30 sáng nay, với gần đây đủ kết quả gửi về của 10.132 trong số 11.100 quận trong Tiểu Bang, người ta thấy:

Wingate (Cộng Hòa) 2.834.263

Berling (Dân Chủ) 2.378.767

Những kết quả từ Thành Phố Trung Ương gửi về vào giờ kể trên chứng tỏ rằng ông Wingate, 54 tuổi, một kỹ nghệ gia Willow Grove đã kéo được ở nhất 400.000 phiếu trong đa số thường xuyên của Đảng Dân Chủ bốn năm trước đây, riêng trong thành phố này, ông Thống Đốc Berling đã được gần 700.000 phiếu...

Những kết quả không chính thức trong đêm bầu cử do các phương tiện truyền thông đưa ra ít khi bị đảo lộn nhưng kết quả cuối cùng phải chờ và do cơ quan có thẩm quyền chính thức công bố. Khi có sự đảo lộn thì đó là một tin quan trọng.

CHƯƠNG 26. TIN LÓN: THỦ ĐÔ HOA KỲ, LIÊN HIỆP QUỐC VÀ THẾ GIỚI

Tin quan trọng nhất trong kỷ nguyên chúng ta liên quan đến thủ đô Washington, Liên Hiệp Quốc và thế giới. Đây là câu chuyện của một thời đại đảo lộn về chính trị, xã hội và kinh tế, khi con người đã đi trên mặt trăng và đang tiến đến các hành tinh khác nhưng vẫn chưa giải quyết được các vấn đề của chính họ trên trái đất. Người phóng viên dù đang thi hành nhiệm vụ tại trụ sở Quốc Hội, tại các hội đồng của Liên Hiệp Quốc hoặc các sứ quán ở Châu Âu, trong bóng tối của điện Kremlin hoặc tại Đại Sảnh Đường Nhân Dân ở Bắc Kinh, họ đang ghi lại những quyết định có thể đưa đến chiến tranh hoặc hòa bình trên thế giới.

Trong số 60.000 ký giả làm việc ở Hoa Kỳ, chỉ có một số tương đối nhỏ trở thành phóng viên tại Washington, Liên Hiệp Quốc hoặc thông tin viên quốc ngoại. Đối với những người có căn bản, có học, có khả năng và may mắn để vượt qua những thử thách gay go của báo chí thực hành, quyền thuật những biến chuyển quốc tế và quốc nội quan trọng trong thời đại chúng ta là một trong những phần thưởng xứng đáng nhất của nghề nghiệp.

Trừ một vài ngoại lệ, thông tin viên quốc nội đầy kinh nghiệm là một người trưởng thành, khôn ngoan, có văn hóa cao, có óc phân tích và nhu cầu sáng kiến. Dù tốt nghiệp Harvard, Columbia hoặc không theo học trường đại học nào, khi là một phóng viên săn tin cảnh sát, một trưởng biên hoặc một phóng viên thể thao, anh ta đã tự chứng tỏ theo kịp cuộc tranh đua báo chí khó khăn nhất trên thế giới.

THÔNG TIN VIÊN

Đặc tính đầu tiên của một thông tin viên như trên là sự tinh thông về môn báo chí. Anh ta thường có một lý trí phán đoán nhanh chóng, một sự hiểu biết tường tận, sâu xa về tình hình quốc nội và quốc tế, một sự quen biết rộng rãi, một cá tính vui vẻ và một phong thái ngoại giao hòa nhã đi đôi với một khuynh hướng săn tin xông xáo. Thông tin viên tại Liên Hiệp Quốc

hoặc tại ngoại quốc cần phải có một khả năng về những môn lịch sử, địa lý và văn hóa cần thiết của quốc gia mà anh được phái đến.

Những chuyên viên này cố nhiên hiểu thấu công việc truyền thông và phí tổn của họ. Họ cũng biết rằng, trên hết họ được trông chờ thi hành những đòi hỏi đầu tiên của ngành báo chí là chính xác, phán đoán vô tư và khả năng đáp ứng đúng thời hạn chót.

Thông tin viên sẵn tin quốc nội hay quốc tế với một trí phán đoán quá chủ quan giống như một người đính ninh rằng không bao giờ anh ta có thể gặp một tai nạn xe lửa. Thông tin viên cũng không thể mang những thành kiến của mình vào trong lãnh vực tin tức. Một người hàng năm tiên đoán sự cáo chung của Hội Quốc Liên sau cùng cũng chứng tỏ là đúng, nhưng chỉ đúng sau 19 năm sai lầm.

Cùng với sự bành trướng của Hoa Kỳ trong vai trò lãnh đạo thế giới, việc trường thuật tin tức quốc nội và quốc ngoại đã tăng gia trong hệ thống thông tin Hoa Kỳ dù vẫn cần có những cải tiến đáng kể. Hơn thế nữa, các cơ quan thông tin ngoại quốc đã gửi phóng viên đến thủ đô Washington với số người lớn đến nỗi nơi này trở thành địa danh quan trọng nhất thế giới. Điều gì được tuyên bố hoặc xảy ra ở Washington cũng đều có một tiếng vang dội trên hoàn cầu. Với biến cố Trung Hoa Lục Địa gia nhập Liên Hiệp quốc thay thế Đài Loan, tổ chức quốc tế này đã đi vào một giai đoạn mới của lịch sử của nó như là một nơi hội họp chung cho tất cả các dân tộc và một trung tâm có những nỗ lực mới để giảm bớt những tai hại của chiến tranh.

Công chúng muốn gì? Tuy nhiên thật là đi đầu lần nữa nếu cho rằng dân Mỹ luôn luôn chú ý đến tính hình ngoài nước một cách rộng rãi hoặc cho rằng khuynh hướng này được duy trì vững vàng. Có những sự thăng trầm như người ta từng thay qua việc các tổ chức làm tin Mỹ của thông tin viên quốc ngoại đi công tác. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, một lực lượng hàng ngàn phóng viên quốc ngoại của những tổ chức báo chí Hoa Kỳ đã được “giải ngũ” với mức độ còn nhanh chóng hơn quân đội Hoa Kỳ. Những biến cố khủng hoảng trên thế giới đã gây nên sự tăng cường đoàn phóng viên trẻ hơn tại các khu vực lộn xộn; đáng chú ý là việc Nga Xô phong tỏa Tây Berlin năm 1948-1949, chiến tranh Triều Tiên 1950-1953, cuộc chiến thất bại tại Kênh Suez và cuộc nổi dậy tại Hungary năm 1956, cuộc khủng hoảng hỏa tiễn ở Cuba năm 1962, cuộc chiến sáu ngày tại Trung Đông năm

1967, vụ Nga Sô xâm lăng Tiệp Khắc năm 1968, cuộc chiến 15 ngày giữa Ấn và H ả năm 1971 và cuộc chiến dài dặc ở Việt Nam mà Hoa Kỳ bắt đầu dính líu từ 1961.

Trong thập niên 1970, số phóng viên phục vụ tại ngoại quốc cho các tổ chức làm tin của Hoa Kỳ đã nhiều hơn trong bất cứ khoảng thời gian nào kể từ Đệ Nhị Thế Chiến nhưng tổng số nhân viên làm việc toàn thời gian, được phái đến thường xuyên, lãnh lương đều đặn và số ký giả thuộc loại này vẫn chưa tới 1.000 người. Ở chỗ khủng hoảng này hoặc chỗ khủng hoảng kia, có sự hoạt động nhộn nhịp khi hàng trăm thông tin viên tấp nập đến và đi một cách nhanh chóng. Tại Liên Hiệp Quốc, có thể có 400 hoặc 500 thông tin viên có mặt trong ngày khai mạc Đại Hội Đ ồng nhưng số nhân viên toàn thời gian và thường trực tại New York có lẽ không tới 50 người. Chỉ ở Washington, tổng số phóng viên đủ mọi quốc tịch và hệ thống truyền thông mới thực sự có giá trị chút nào.

NHỮNG TRUNG TÂM BÁO CHÍ Ở WASHINGTON

Đoàn báo chí Washington có thể huy động hơn 2.000 đại diện các hệ thống truyền thông quốc nội và quốc tế vào những dịp gay cấn, nhất là đoàn báo chí có uy tín nhất và quan trọng nhất trên thế giới. Đoàn này cũng là đoàn vững chắc nhất trong ý nghĩa thời gian phục vụ. Trong khi các tờ báo Mỹ cỡ trung hoặc cỡ nhỏ không dấu diếm thành kiến chống lại việc đăng tải nhiều tin hải ngoại hoặc Liên Hiệp Quốc và ngay cả các cơ quan điện tử địa phương lại càng ít hài lòng về phương diện này, thì chỉ có những chủ biên tầm thường mới cắt bớt tin tức thiết yếu trong nước. Đây chính là loại thông tin mà một quốc gia dân chủ phải có, kèm theo tài liệu bối cảnh, phân tích và diễn giải cần thiết. Bất cứ tổ chức làm tin nào tự cho là giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng của mình đều lấy làm hãnh diện về các phóng viên của mình tại Washington. Những tổ chức nào không thể đài thọ việc có phóng viên riêng tại Wasnington thường đặt mua tin trong nước của các tổ hợp báo chí lớn với giá tương đối khiêm nhường ngoài việc lấy tin của các hãng thông tấn.

Người phóng viên Washington do đó là đại diện một cách rộng rãi của các báo lớn, báo nhỏ, hãng thông tấn, tạp chí thời sự, nguyệt san hăng đặc ký, truyền thanh và truyền hình. Ngoài ra, các cơ quan truyền thông địa

phương cũng gửi phóng viên đến Washington săn các tin đặc biệt. Cách thức này hiện đang được áp dụng và thành công đáng kể trong việc tường thuật những tin quốc ngoại quan trọng. Các tổ chức truyền thông ngoại quốc cũng thường dùng cách này mỗi khi có những vấn đề sôi nổi tại Hoa Kỳ. Do đó, điều quan trọng là biết cách thiết lập một văn phòng tạm thời tại Washington và đi đầu khiến một cách hữu hiệu.

Những người được cử đến làm việc ở thủ đô này với tư cách nhân viên của văn phòng thường rất may mắn vì các công nghiệp của họ sẽ làm cho thời gian khởi đầu trở nên dễ dàng và sẽ giúp ý kiến và các vấn đề nhà ở lưu thông, trường học cho con cái, vân vân. Nhưng với những người đến Washington một mình lần đầu tiên thì quả là một kinh nghiệm bối rối và đôi khi khủng hoảng nữa. Một người khôn ngoan mới đến thủ đô này nên làm quen ngay với các hãng thông tấn hoặc tổ hợp mà tờ báo của anh là một khách hàng, với đại biểu của anh tại Quốc Hội và với những nhân viên thông tin quan trọng tại các nơi chính yếu như Tòa Bạch Ốc, Bộ Ngoại Giao, Ngũ Giác Đài và Sở Báo Chí Thượng Viện và Hạ Viện.

Vì sự phổ biến tin tùy thuộc Trung Tâm Báo Chí Quốc Gia và việc gửi tin của các máy viễn ấn, người phóng viên cô đơn tại Washington thường chỉ cố gắng làm việc ở đây trên căn bản tạm thời. Tuy nhiên, như một định luật, anh ta có vẻ bị các phóng viên đủ loại lấn áp. Tốt hơn là anh ta nên làm việc tại một nơi ngoài Sở Báo Chí Thượng Viện khi Quốc Hội đang nhóm họp hoặc lựa chọn một vấn đề đặc biệt mỗi ngày và theo dõi tới cùng, bất cứ là ở địa điểm nào.

Một định luật thiết yếu cho bất cứ người nào mới tới Washington là khởi sự phân nhiệm trước thời gian để gặp các người cho tin và nhân viên của họ. Điều khác là ở Washington nên dùng điện thoại để săn một tin quan trọng thì có thể nhanh chóng hơn và đôi khi còn dễ dàng hơn.

Với công tác loại này, chỉ nên làm một bản tóm lược tổng quát về Washington hơn là một bài thâm cứu, những điều có thể soạn là bản kê khai vắn tắt những điểm quan trọng của tin tức và các đề nghị về những điều nên làm hoặc không nên làm. Những điểm này là:

Tòa Bạch Ốc. Tổng Thống Hoa Kỳ là nguồn tin tối quan trọng duy nhất trong nước, được các tổ chức làm tin chính yếu trong và ngoài nước tường thuật hàng ngày. Tại Phòng Báo Chí nhỏ bé với những căn tí xú ở sát cạnh phòng tiếp tân của các Văn Phòng hành chính, chỉ có rất ít phóng viên

được phép công tác thường trực tại Tòa Bạch Ốc. Tham vụ Báo Chí của Tổng Thống thường họp báo mỗi ngày một hoặc hai lần, tuyên bố và cho các tài liệu bối cảnh (background material). Ông và các vị phụ tá của ông là những người “giữ cổng” có thể giúp cho một phóng viên mới đến tiếp xúc dễ dàng với các viên chức tại Phủ Tổng Thống hoặc các cơ quan trực thuộc, Dĩ nhiên, thông tin viên nổi tiếng hơn thường tự dàn xếp những cuộc gặp gỡ và thực hiện phần lớn công việc của họ qua điện thoại, trừ những tin quan trọng. Những hôm Tổng Thống họp báo, nếu có báo trước, thường sẽ có khoảng 200 phóng viên tham dự. Nếu cuộc họp báo được tổ chức một cách bất ngờ, như dưới thời Tổng Thống Johnson, thì chỉ những phóng viên theo dõi thường trực mới kịp dự. Vì máy thu hình thường đặt tại phòng tiếp tân để ghi hình ảnh các vị khách quan trọng khi họ rời khỏi Phủ Tổng Thống, những người muốn tránh sự chú ý của công chúng vì lý do này hoặc lý do kia thường dùng những lối ra khác, khiến cho công việc của phóng viên điện tử và báo chí trở nên khó khăn. Nhiều cuộc họp báo của các viên chức phụ để cung cấp tài liệu bối cảnh đã được tổ chức tại phòng cỡ trung bình gọi là “Phòng Con Cá” (Fish Room) đặt theo tên những bức hình cá treo trên tường. Khi Tổng Thống sắp đi công du, các phóng viên muốn tháp tùng phải dàn xếp với Tòa Bạch Ốc. Cũng đôi khi có trường hợp phóng viên phải đợi chờ một chuyện gì xảy ra, nhưng rất hiếm. Tổng Thống là người làm tin số một của quốc gia, khiến cho các phóng viên luôn luôn bận rộn vì những hoạt động của ông.

Quốc Hội. Nếu Tổng Thống và nhân viên nội các có kín đáo, thận trọng, ít nói về một chính sách hoặc về một vấn đề, thì Quốc Hội Hoa Kỳ lại thường lấp đầy hồ tin tức một cách nhanh chóng. Sau Tòa Bạch Ốc, Quốc Hội là trung tâm tin tức quan trọng nhất của thủ đô Mỹ. Phóng viên theo dõi tin Thượng Viện và Hạ Viện một cách đều đặn thường có những mối liên lạc tốt đẹp với lãnh tụ các khối thiểu số và đa số tại Quốc Hội, cũng như với các nhà lập pháp khác. Họ quen biết các vị trưởng ban và phát triển những phương thức hữu hiệu để duy trì mối liên lạc. Trong những cuộc họp báo nhằm cung cấp những tài liệu bối cảnh hoặc những “đi đâu tôi sẽ nói với anh nhưng đừng trích dẫn” là phương thức của Hành Pháp, các nghị sĩ và dân biểu thường cho đủ thứ tin để phổ biến. Họ muốn những ý kiến, quan niệm của họ được biết đến. Với tư cách những người được dân cử, họ tìm cách phổ biến những hành động và thái độ của họ về những vấn

đề thời sự. Tất cả các cử tri đều dễ quên một nghị sĩ hoặc dân biểu nếu họ không nghe nói gì về những vị này trong vài tuần. Đối với những phóng viên mới tới Phòng Báo Chí tại Thượng và Hạ Viện là nơi thuận tiện nhất để làm việc ở thủ đô Washington. Viện Trưởng Phòng Báo Chí và nhóm nhân viên của ông tuy ít ỏi nhưng tài ba biết nhiều hơn các phóng viên về chương trình, diễn văn, buổi họp của các ủy ban và những khía cạnh nhỏ bé của tin tức có thể có trong phiên họp. Những bài diễn văn thường có sẵn tại Phòng Báo Chí và các phòng của các tác giả. Nhân viên Phòng Báo Chí cũng như nhân viên các phòng khác thường rất hữu ích cho phóng viên trong những dịp gặp gỡ một nghị sĩ hoặc dân biểu qua điện thoại hoặc để thư yêu cầu lại ở Quốc Hội. Người phóng viên sẽ sớm ý thức rằng anh không có đủ thì giờ đi hết phòng này sang phòng khác trừ phi bài của anh ta đòi hỏi. Dùng điện thoại thì dễ dàng hơn.

Như cuốn *Quốc Hội Chỉ Nam* cho thấy, ngu ồn tin từ Quốc Hội rất nhiều, và Biên Bản Quốc Hội cũng ghi nhận hàng ngày có nhiều bài diễn văn, thông cáo mà không bao giờ lôi cuốn sự chú ý của công chúng trừ phi chúng được phổ biến; hơn nữa, một bài diễn văn đăng r ồi rất có thể khác biệt với bản chính vì các nhà lập pháp có quyền sửa đổi và bổ túc những nhận định của họ. Điều cảnh cáo cuối cùng cho một phóng viên mới tới (và cả những phóng viên lão thành) là phải thông thạo thủ tục của cả hai Viện, nếu không có kiến thức này thì phần lớn công việc rắc rối trong tiến trình lập pháp không thể dẫn giải bằng những chữ dễ hiểu cho công chúng. Một điều hiển nhiên trong ngành báo chí là tại Washington có quá nhiều tin tức đến nỗi vấn đề đặt ra không phải là dùng cái nào mà là phải loại bỏ cái nào.

Bộ Ngoại Giao. Tại tòa nhà màu xám này thường được gọi là “Đáy Sương Mù” (Foggy Bottom), có khoảng 50 hoặc 60 thông tin viên thường trực sẵn tin Bộ Ngoại Giao và hàng trăm người khác sẽ nhào tới mỗi khi có một cuộc khủng hoảng. Phòng Báo Chí Bộ Ngoại Giao không tương xứng gồm những khu nhỏ xíu cho phóng viên và thường là phòng có những tiếng vang động nhưng được dùng vì thiếu phòng khá hơn. Nhân viên các hãng thông tấn có những chỗ rộng hơn đôi chút, thường làm công việc của họ bằng cách đọc lại cho văn phòng chính của họ tại Washington. Ngu ồn tin tiên khởi của Bộ Ngoại Giao là Ban Thông Tin, gần Phòng Báo Chí và Văn Phòng của Phụ Tá Tổng Trưởng về Dân Vụ (Public Affairs) trên tầng lầu thứ sáu. Một thông tin viên danh tiếng và có uy tín thường được các viên

chức nể nang, đôi khi cả vị Tổng Trưởng nữa. Hầu như đặc phái viên nào cũng có thể thu xếp qua nhóm nhân viên báo chí để sẵn lấy tin của các viên chức văn phòng liên lạc trực tiếp với các tòa đại sứ và các sứ quán ở ngoại quốc. Loại tin này thường được đưa ra trên căn bản bối cảnh. Để có nhiều tin trực tiếp hơn, cách thức đầu tiên là dự những cuộc họp báo hàng ngày vào buổi trưa của một trong những viên chức cao cấp thuộc Phòng Dân Vụ. Guồng máy Bộ Ngoại Giao rất uyển chuyển trong việc giải đáp những câu hỏi hoặc lời yêu cầu cho biết phản ứng vào bất cứ lúc nào nhưng mỗi khi phải tiếp xúc vào buổi tối thì phải có đi đầu gì quan trọng tương tự như một đe dọa chiến tranh mới có thể lấy tin từ Bộ Ngoại. Giao được. Ông Ngoại Trưởng và các phụ tá thân cận thỉnh thoảng tự ấn định những cuộc họp báo của họ nhưng đầu tham khảo ý kiến trước với Tòa Bạch Ốc. Các ấn phẩm được phổ biến tại Bộ thì nhiều vô kể, chất đóng như núi nhưng rất ít đi đầu mới mẻ trừ cuốn Bạch Thư hoặc thông cáo được phát hành với tính cách tài liệu. Nhưng Bộ Ngoại Giao có thể là nơi nghiên cứu đáng giá cho các đặc phái viên biết cách hoạt động tại đây và cho những người mà tòa báo cho phép dùng một phần thì giờ vào việc sửa soạn một bài viết.

Trừ trường hợp các Ngoại Trưởng John Foster Dulles và Dean Acheson dưới thời Eisenhower và Truman, các Ngoại Trưởng Hoa Kỳ thường không chịu lệ thuộc các cố vấn chính sách của Tòa Bạch Ốc. Những nhân vật nổi danh của các Đại Học như các Giáo Sư Arthur M. Schlesinger Jr. thời Kennedy, Walt Whitman Rostow thời Johnson và Henry A. Kissinger thời Nixon ngày nay thường được chú ý trong tin tức nhiều hơn toàn thể Bộ Ngoại Giao. Đi đầu này đặc biệt đúng với Tiến Sĩ Kissinger mà các cuộc du hành bí mật đã mở đường cho những cuộc công du của Tổng Thống Nixon sang Bắc Kinh và Moscow. Các nhà báo thường tiếp xúc với ông Kissinger dễ dàng hơn những người tiền nhiệm của ông nhưng ông thường phát biểu trên căn bản bối cảnh với tư cách “một nhân viên chính thức của Tòa Bạch Ốc” hoặc một người thông thạo tin tức chính quyền. Cả khi những đi đầu ông phát biểu để phổ biến, ít khi ông cho phép trích dẫn trực tiếp và ông miễn cưỡng phải xuất hiện trên truyền hình vì giọng Đức nặng nề của ông.

Bộ Quốc Phòng. Bất cứ thông tin viên nào làm việc tại Bộ Quốc Phòng đều gặp rất ít khó khăn trong việc tiếp xúc với các viên chức cao cấp của Ngũ Giác Đài. Nhưng có được tin lại là chuyện khác. Vào những dịp có

biến cố, thí dụ cuộc chiến tại Việt Nam, lại có nhiều hạn chế. Một trong những qui tắc đáng ghét bắt nguồn từ biến cố Cuba, đòi hỏi các viên chức Ngũ Giác Đài phải báo cáo mọi cuộc tiếp xúc với báo chí. Khi qui tắc này được thi hành, nó đã là đề tài cho cuộc tranh luận hầu như bất tận. Mặc dầu có rất nhiều khó khăn trong việc săn tin chính yếu, guồng máy khai triển và sử dụng tin tại Ngũ Giác Đài có lẽ được nghiên cứu kỹ lưỡng nhất cho một Bộ của chính phủ nước này. Bộ Quốc Phòng có một hệ thống thông tin riêng biệt dưới sự điều khiển của một Phụ Tá Bộ Trưởng, gồm đại diện các binh chủng và một Phòng Báo Chí lớn ở tầng lầu thứ hai Ngũ Giác Đài, nơi đó, mỗi binh chủng có một bàn giấy riêng do một số nhân viên phụ trách. Ngoài ra, Bộ Binh, Hải Quân, Không Quân đều có ban tham mưu về thông tin (Bộ Binh cũng như Không Quân có một chương trình thông tin nội vụ và ngoại vụ rất vững chắc). Do đó, gần 1.000 nhân viên tại Ngũ Giác Đài được giao phó nhiệm vụ liên hệ đến một vài khía cạnh của những hoạt động giao tế quần chúng, và họ điều khiển công việc thông tin và giao tế của những nhóm nhỏ nhân viên tại mỗi đơn vị, mỗi căn cứ trên toàn thế giới.

Như vậy, một đoàn nhân viên giao tế được đặc biệt cử đến hoạt động với báo chí, với công chúng và trong nội bộ quân đội. Tại căn phòng hơi dài và có phần ẩm mốc, cũ rích dành cho phóng viên Ngũ Giác Đài, đối diện với Phòng Báo Chí của cơ quan này, có ít chỗ làm việc cũng như tại Tòa Bạch Ốc. Nhưng thật ra, chỉ có độ 20 phóng viên đến đây hàng ngày để lấy tin thường lệ. Nhưng khi Bộ Trưởng họp báo hoặc Tham Mưu Trưởng Liên Quân Hỗn Hợp xuất hiện, các phóng viên đến dự rất đông đảo. Ngoài ra, đoàn báo chí thủ đô Washington còn làm việc đầu đặng với các văn phòng quân sự qua điện thoại.

Vì có sự cạnh tranh dữ dội giữa các cơ quan ngay trong Ngũ Giác Đài và cũng vì cảm nghĩ mãnh liệt của người quân nhân chống lại sự lấn quyền của Bộ Ngoại Giao và có khi cả của Tòa Bạch Ốc nữa, nên việc tiết lộ những giấy tờ bí mật cho báo chí là một việc đặc biệt của loại hoạt động không được phép làm ở Bộ Quốc Phòng. Sự cạnh tranh giữa các cơ quan về việc chế tạo pháo đài bay B-36 cho không lực Hoa Kỳ khoảng cuối thập niên 1940 kéo dài nên các nhóm quân nhân cạnh tranh đã tiết lộ giấy tờ mật với nỗ lực làm giảm giá [trị] ngành hàng không và chặn đứng những ưu đãi cho ngành này. Tình trạng đó tiến đến tột điểm vào những năm 1971 và 1972 với vụ Tiến sĩ Daniel Ellsberg, một cựu nhân viên Bộ Quốc

Phòng, cho phép tiết lộ một hồ sơ Ngũ Giác Đài lấy có là phụng sự hòa bình và vụ tiết lộ một loạt những giấy tờ về chính sách bí mật của chính phủ cho ký mục gia Jack Anderson bởi những nguồn tin khác trong đó ký mục gia Anderson nhận thấy có vài quân nhân. Hành động này có lẽ cứ tiếp tục khi vẫn còn những nhóm quân nhân tìm cách làm cho quan điểm của quần chúng phải theo một hướng này hoặc một hướng khác. Về việc sử dụng những tài liệu như vậy, mỗi tổ chức làm tin phải tự quyết định trên căn bản hoàn cảnh và lợi ích công cộng.

Tối Cao Pháp Viện. Số thông tin viên đặc phái thường trực tới Tối Cao Pháp Viện rất ít và thường đã huấn luyện kỹ càng và có căn bản đặc biệt. Không một phóng viên nào chỉ phụ trách một thông cáo tâu thường có thể nhảy vọt lên tòa án tối cao để săn tin về án lệnh của Tòa trong một vụ xử quan trọng và viết lại nội vụ một cách dễ hiểu. Một số phóng viên tòa án là luật sư, những người khác đã được huấn luyện về luật pháp. Ngay cả những người không có một căn bản chuyên môn về luật phải tự trau dồi kiến thức của mình để chu toàn nhiệm vụ.

Bộ Ngân Khố. Một trong những cải cách quan trọng nhất của Bộ Ngân Khố là “lớp giảng về ngân sách” (Budget School) được tổ chức trong nhiều ngày trước khi công bố ngân sách quốc gia. Các thông tin viên trong đó có nhiều người đã được huấn luyện đặc biệt về các vấn đề kinh tế, được dịp nghiên cứu tài liệu bất hủ này và thảo luận với các nhà lãnh đạo quốc gia trước khi trình bày vấn đề cho công chúng. Thật là đáng tiếc những sự sửa soạn tương tự lại không có trong nhiều lãnh vực săn tin khác ở Washington, nơi cần phải có; Bộ Ngân Khố cho thấy rằng rất có thể đạt tới một thỏa hiệp hữu hiệu với báo chí về những vấn đề quan trọng đối với quần chúng, như chi phí của Chính Phủ, và viễn cảnh các loại thuế mới, cho các thông tin viên đủ thì giờ suy nghĩ, nghiên cứu. Với những vấn đề loại này nếu viết vội một vài đoạn trong mười phút trước hạn chót đôi khi có thể hoàn toàn sai lầm. Tốt hơn là nên chờ đợi để phù hợp với nguồn tin và với cuộc tranh đua, đem cho toàn bản tin một phối cảnh thích hợp, chính xác hơn.

Trong những thời kỳ kinh tế căng thẳng như những cuộc khủng hoảng Mỹ Kim vào đầu thập niên 1970, Bộ Ngân Khố cũng là một nguồn tin về các

chính sách tiền tệ và về những vụ kiểm soát giá cả và lương bổng thỉnh thoảng tiếp theo những cuộc khủng hoảng này.

Bộ Canh Nông. Thông tin viên tại Bộ Canh Nông cũng như tại Bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng và Ngân Khố, thường có kiến thức chuyên môn rất cao trong lãnh vực liên hệ và làm việc cho các tổ chức làm tin vì sự lưu tâm đặc biệt tới vấn đề. Các hãng thông tấn có thể thực hiện được những tường thuật đầu đặng hàng ngày về canh nông nhưng đối với những bài có nhiều chi tiết sâu xa đặc sắc về những vấn đề quan trọng liên hệ tới nông dân cũng như giới tiêu thụ báo chí cần phải có những chuyên viên phụ trách.

Các lãnh vực khác. Trừ những hãng làm tin lớn nhất và giàu nhất, tất cả hầu như không thể gửi nhân viên tới các cơ quan chính phủ hàng ngày. Vì vậy, tin liên hệ tới Bộ Tư Pháp, Bưu Điện, Lao Động, Thương Mại, Nội Vụ, Y Tế, Giáo Dục và Xã Hội, vân vân, thường được tường thuật qua điện thoại đối với đa số đoàn báo chí Washington. Các thông tin viên cá nhân có lưu tâm đặc biệt, tới Tư Pháp hoặc Lao Động chẳng hạn, có thể dành nhiều thì giờ cho lãnh vực này hơn. Hoặc cả đoàn có thể dấn vào một bộ độc nhất, như Bộ Lao Động, mỗi khi có cuộc đình công khẩn cấp toàn quốc. Có đi đâu là ngay cả những đoàn báo chí lớn tại thủ đô cũng phải làm việc trên nguyên tắc “sở cứu hỏa” cho tất cả mọi vấn đề trừ những ngu ồn tin quan trọng nhất. “Sao quả tạ” đã chiếu tới người phóng viên bất hạnh dự đoán rằng vào một ngày yên tĩnh anh ta có thể nghiên cứu một dự án mà anh ta thích thú tại Bộ Y Tế, Giáo Dục, Xã Hội để rồi khám phá ra rằng Tổng Thống đã gửi một điện văn khẩn cấp cho Quốc Hội trong khi anh ta không liên lạc với những ngu ồn tin thường lệ của anh.

Trong số các cơ quan đi đầu hợp, dĩ nhiên các phương tiện truyền thông nên chú ý đến và tuân theo những điều mà Ủy Hội Truyền Thông Liên Bang đưa ra. Còn về các vấn đề tiêu thụ, cần phải chú ý đến Ủy Hội Thương Mại Liên Bang. Trái lại các cơ quan đi đầu hợp khác và Sở Bưu Điện có lẽ là những tổ chức cho tin ít được chú ý nhất tại thủ đô Washington trên căn bản làm tin hàng ngày.

NHỮNG MAY RỦI TRONG VIỆC LIÊN LẠC BÁO CHÍ

Những áp lực của chính sách chung và nền an ninh quốc gia đôi khi cũng gây nên những trở ngại giữa báo chí và chính quyền, Như trường hợp tin về những hòa tiến chỉ được phổ biến khi Hoa Kỳ đạt tới mức khả quan ngang với Nga Sô. Thỉnh thoảng cũng có những nỗ lực dùng báo chí như dụng cụ trả đũa các vấn đề ngoại giao với những hậu quả thật rắc rối và đôi khi thật khủng khiếp.

Khủng hoảng niềm tin. Chính phủ cũng đã tăng gia những vấn đề cố hữu trong mọi nỗ lực nhằm trình bày những tin tức xác thực cho công chúng trong những thời kỳ khủng hoảng. Trong thời Tổng Thống Eisenhower, uy tín của Tòa Bạch Ốc đã bị tổn thương năm 1960 vì phủ nhận máy bay gián điệp U-2 mất tích đã vi phạm không phận Nga. Trong vòng 24 giờ đồng hồ, khi chính phủ Nga trưng ra những bằng chứng là chiếc máy bay này thực sự đã bị bắn rơi sâu trong nội địa, Tổng Thống Eisenhower đã phải gánh trách nhiệm về sự dối trá ngoại giao này.

Cũng tương tự như vậy, trong nỗ lực giúp đấm người Cuba xâm chiếm xứ Cuba của Castro năm 1961 bị thất bại, Tổng Thống Kennedy đã cố gắng mà không dấu diếm được vai trò thiết yếu của Cục Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ (CIA) trong việc tổ chức biến cố này. Một năm sau, trong biến cố hòa tiến tại Cuba, cả Tổng Thống Kennedy lẫn báo chí đã tỏ ra có thể hợp tác hữu hiệu như thế nào trong việc bảo vệ nền an ninh quốc gia bằng cách giấu tin tức quyết định về sự nhúng tay của Nga cho tới khi Chính Phủ Hoa Kỳ đã sẵn sàng cho một cuộc ăn miếng trả miếng với Moscow. Tuy nhiên, năm 1963, Chính Phủ Hoa Kỳ lại một lần nữa ủng hộ việc phổ biến những tin tức giả tạo của Chính Phủ Ngô Đình Diệm tại Nam Việt Nam liên quan tới sự hữu hiệu của chương trình đánh đuổi Cộng Quân. Trong trường hợp này, báo chí đã tiết lộ trung thực tầm mức của biến cố Ngô Đình Diệm.

Thế là bắt đầu có sự khủng hoảng niềm tin một mặt giữa chính phủ với báo chí và mặt khác giữa báo chí và dân chúng. Hố chia rẽ lại càng rộng lớn vì những lời tuyên bố quá sớm và sai lầm về Nam Việt Nam mà Tổng Thống Johnson và các cố vấn cũng như các tướng lãnh của ông đã đưa ra trong thời kỳ leo thang chiến tranh từ 1965, khiến ông đã quyết định không tái tranh cử sau cuộc tổng công kích Tết 1968. Cả khi Tổng Thống Nixon bắt đầu triệt thoái một số người trong số 549.000 quân nhân Mỹ, ông cũng vất

vả trong việc lấy lại niềm tin vì có nhiều sự thay đổi trong Chương Trình Việt Nam Hóa trong đó ông cố gắng thuyết phục dân chúng Mỹ rằng Chính Phủ ông có thể xây dựng được một quân đội hữu hiệu cho miền Nam Việt Nam.

TỰ DO VÀ AN NINH

Chính quyền và các phương tiện truyền thông luôn luôn đồng ý với đề nghị tổng quát rằng không tin nào cố tình cách xâm phạm nền an ninh quốc gia được phép công bố trong thời kỳ khủng hoảng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đưa ra, đã không có sự thỏa thuận về những gì thật đúng thuộc phạm vi nền an ninh quốc gia. Kế đó, trách nhiệm qui định những tin tức nào cần được dấu là do Chính Phủ thi hành đầu tiên. Tuy nhiên, khi và nếu báo chí hiểu được rằng tin tức đã bị giữ lại một cách sai lầm vì những lý do khác hơn là an ninh quốc gia, nhiệm vụ của họ là tiết lộ ngay những tài liệu đó cho công chúng.

Sự tranh chấp căn bản này giữa một chính phủ dân chủ và báo chí tự do đã là đề tài của những cuộc thảo luận liên tiếp trong nhiều năm giữa các ký giả và các nhân viên có trách nhiệm. Mỗi liên lạc này dĩ nhiên không phải chỉ được tiến hành ở Hoa Kỳ. Vào thời xảy ra cuộc chiến tranh ở Crime xa xôi khoảng giữa thế kỷ 19, những tiết lộ của thông tin viên William Howard Ruasell về sự đi đầu hành thiếu sót thâm của quân đội Anh đã mang lại uy tín rực rỡ cho tờ báo *The Times* xuất bản ở London và khiến cho Chính Phủ Aberdeen (Tô Cách Lan) bị sụp đổ. Những trường hợp này được ghi nhận trong bất cứ nền dân chủ thực hành nào gồm có một nền báo chí hữu hiệu, có tài năng và phê bình tự do.

Lý luận chiếm ưu thế là quyền lợi công chúng sẽ được phục vụ bởi một cuộc ganh đua giữa hai lực lượng. Tuy nhiên, nếu cuộc chiến tranh bị đẩy lên đến cực độ và nếu mọi giới hạn đầu bị cả chính phủ lẫn báo chí hủy bỏ thì có lẽ kết quả sẽ đưa đến tình trạng hỗn loạn vô trật tự.

Trong các vấn đề quốc gia và quốc tế, thường có nhiều đi đầu va chạm đến vấn đề an ninh quốc gia, thông tin viên và chủ biên của anh đều ý thức rõ rằng mọi triết lý hùng biện của cả hai khía cạnh của vấn đề có nên tiết lộ hoặc phải che dấu. Dù họ bị rất nhiều áp lực, nhưng cuối cùng cũng chính họ quyết định tài liệu nào sẽ được công bố. Đây là trách nhiệm nặng nề

nhất của một xã hội cởi mở. Để thi hành trách nhiệm này, thông tin viên phải đứng vững hoặc ngã theo sự phán đoán của riêng mình.

CUỘC HỌP BÁO CỦA TỔNG THỐNG

Một tập quán đặc biệt của Hoa Kỳ là vị Tổng Thống thường xuyên đương đầu với những câu hỏi của nhà báo, phóng viên hãng thông tấn, tạp chí thời sự, truyền thanh và truyền hình. Cho mãi tới đầu thế kỷ này, vẫn không có một Tổng Thống nào làm việc này, và báo chí cũng không đặc biệt lưu ý tới. Rồi Tổng Thống Theodore Roosevelt khởi sự nói chuyện với các phóng viên và gửi họ vào “Ananias Club” mỗi khi họ đăng những tin mà ông không thích.

Sự tổ chức cuộc họp báo của Tổng Thống như ngày nay chúng ta biết, là công của Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt. Là một người nắm vững nghệ thuật đối xử với phóng viên và chủ biên, và là một chính trị gia thích đối đầu với báo chí, ông thấy cần họp báo trung bình mỗi tuần hai lần trong suốt nhiệm kỳ bốn năm của ông. Tổng Thống Truman tiếp tục lối làm việc của Franklin Delano Roosevelt nhưng không mở nhiều cuộc họp báo bằng người tiền nhiệm của ông.

Dưới thời Tổng Thống Eisenhower, chiếc mợ cuối cùng che chở vị lãnh đạo Hành Pháp đã bị tước bỏ. Theo truyền thống, Tổng Thống được quyền đòi những câu trả lời của mình đăng dưới hình thức một cuộc đàm thoại gián tiếp. Việc Tổng Thống cho phép trích dẫn trực tiếp vài chữ hoặc một câu nói là cả một biến cố quan trọng. Nhưng, khi Tổng Thống Eisenhower cho phép đài truyền hình ghi âm cuộc họp báo và phát ra cùng với hình ảnh sau khi đã duyệt xét lại, thì không còn có thể ngăn cấm báo chí dùng những lời trích dẫn trực tiếp được nữa. Do đó, sau một cuộc kiểm soát ngặt, người ta thấy các cuộc họp báo của Tổng Thống Eisenhower là để phổ biến.

Thời đại Kennedy. Trong một ngàn ngày cầm quyền của Tổng Thống Kennedy, cuộc họp báo truyền hình đạt tới mức độ toàn hảo như một màn kịch (a dramatic spectacle), bất kể người ta đã nói gì về sự lợi ích của nó như là một phương tiện để tiết lộ cho công chúng biết tin tức về chính phủ. Tổng Thống Kennedy thường rất thích những cuộc họp báo. Ông là một

người trình diễn đúng với ý nghĩa tốt đẹp nhất của danh từ. Thay vì cứ ở trong Tòa Bạch Ốc và khiến cho các thông tin viên phải xếp hàng thành từng nhóm một cách không thoải mái trước bàn giấy của ông, ông đã chuyển cả cuộc trình diễn sang phòng họp rộng rãi của Bộ Ngoại Giao. Nó trở thành một buổi văn nghệ và trong bất cứ lúc nào ông cũng là ngôi sao. Đó là phong thái Kennedy. Ông loại bỏ việc xem lại cuốn băng ghi cuộc họp báo truyền hình của ông và với thái độ tự tin cao độ, ông còn cho trực tiếp truyền hình.

Rong ruổi theo Johnson. Trong những năm ông Johnson làm Tổng Thống, phong thái của ông thật khác biệt rõ ràng với phong thái của ông Kennedy. Con người Texas tự lự ấy — trong suốt thời gian ở Tòa Bạch Ốc — đã mang một mối ác cảm với báo chí. Một hậu quả tai hại là cuộc họp báo Tổng Thống xoay như chong chóng. Thường thường, khi Tổng Thống gọi phóng viên, ông cho báo trước rất ít và hay đặt các nhóm truyền hình trong tình trạng rất khó làm việc. Lề lối của ông là tụ tập mọi người chung quanh ông và dùng rất nhiều thì giờ để đọc những lời loan báo. Ông không dấu diếm ác cảm với nhiều phóng viên và họ cũng vậy. Điềm này là lý do chính của tình trạng tệ hại của báo chí dưới thời Johnson.

Những năm của Nixon. Mặc dầu Đảng Cộng Hòa có rất nhiều sử hữu chủ trong các phương tiện truyền thông, Tổng Thống Nixon ít khi được lòng báo chí cho mãi đến kỳ tuyên cử năm 1972. Trừ vài trường hợp mạo hiểm của ông trong chính sách đối ngoại ngoài chiến cuộc Việt Nam, ông thường phải đối đầu với những lời chỉ trích trên các trang xã luận các báo. Ông Nixon không có cái duyên của ông Eisenhower và cũng không dấu diếm sự ngờ vực của ông đối với đoàn báo chí thủ đô Washington, nên ông họp báo ít hơn bất cứ vị Tổng Thống nào kể từ thời Herbert Hoover. Hơn nữa, ông thường tỏ ra có thiện cảm với thái độ của phó Tổng Thống Spiro Agnew trong những vụ công kích một cách gay gắt và chua chát báo chí, tuồn báo thời sự và các phương tiện quảng bá. Sự việc này tạo ra bầu không khí không tốt quanh Tòa Bạch Ốc khi sự xung đột giữa báo chí và chính phủ trở thành gay gắt đến cực độ và gây ra những cuộc điếu tra dai dẳng về vụ tiết lộ những hồ sơ Ngũ Giác Đài.

Họp báo đang bị giảm giá [trị]. Điềm rõ ràng là cuộc họp báo của Tổng

Thống đã mất dần tính cách hữu ích và tình trạng này còn kéo dài bao lâu nữa thì không ai thực sự biết được. Nhưng trừ ra đối với các “diễn viên hữu danh” như Tổng Thống Kennedy, cuộc họp báo là một “nhiệm vụ nhàm chán” một gánh nặng chính trị ti tiện ản cho mọi vị Tổng Thống. Đối với đa số các vị này sự liều lĩnh rủi ro không tương xứng với những gì gặt hái được trong sự xuất hiện trước công chúng.

TIN LIÊN HIỆP QUỐC

Tường thuật tin Liên Hiệp Quốc không khó. Nếu có một vài phái đoàn đại diện các quốc gia không thích liên lạc, giao thiệp thì phần đông viên chức báo chí các phái đoàn khác lại rất vui vẻ, dễ chịu, tuy vậy cũng có nhiều cách săn tin khác. Chính Liên Hiệp Quốc cũng có một ban báo chí tài năng và kinh nghiệm, rất quen thuộc việc tường trình báo chí với từng cá nhân hoặc từng nhóm. Họ được huấn luyện về việc tường thuật tin chính xác và thẳng thắn hơn là những kỹ thuật tuyên truyền. Các thông tin viên rất dễ tìm chi tiết của các buổi họp sắp tới về bất cứ vấn đề gì trong quây đưng tài liệu Liên Hiệp Quốc, trong các niên giám của tổ chức này và các tài liệu khác. Ngoài ra hàng ngày cũng có tài liệu và quyết nghị của các phiên họp hội đồng hay khoáng đại đang diễn ra. Tất cả các vị Tổng Thư Ký đều chứng tỏ, bằng cách này hoặc cách khác, thiện chí tranh đấu cho các nguyên tắc của việc thông tin, tường thuật hơn là tuyên truyền.

Thủ tục, vấn đề tổ chức, qui lệ các cơ quan phụ thuộc, và việc dẫn giải Hiến Chương rất phức tạp nhưng cũng không rắc rối hơn những vấn đề tương lai của Quốc Hội và Hiến Pháp Hoa Kỳ Các thông tin viên đã tỏ ra đủ khả năng đương đầu với những phức tạp của tin tức tại Washington không nên nản lòng nếu được phái đến Liên Hiệp Quốc.

Hết năm này sang năm khác, các phóng viên thường trực săn tin Liên Hiệp Quốc, và chỉ những dịp khủng hoảng mới có thêm vài bộ mặt quen thuộc. Các thông tin viên, chủ biên, chủ nhiệm, thỉnh thoảng ghé qua nơi đó, luôn luôn lý luận rằng tin tức lập di lập lại, hoặc rắc rối quá, hoặc không thích hợp với độc giả trung bình ở Hoa Kỳ. Họ đòi những tin tức “sát thực tế” — dẫu với ý nghĩa nào — và giản dị. Người ta thường mong mỗi đi ều này, nhưng thử hỏi liệu sự tường thuật về Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ được giản dị như thế nào?

Tin ở đó sống động và đầy ý nghĩa. Một vài tin được đăng vì bắt buộc phải đăng, những tin khác vì nên đăng, và Liên Hiệp Quốc thuộc loại sau. Cơ hội vẫn ở đó, dù có được chú ý hay bị lãng quên. Trong nghề nghiệp, có nhiều thông tin viên đầy đủ khả năng và thực tài có thể viết những tin về Liên Hiệp Quốc nếu họ có cơ hội. Trong tương lai, sẽ có nhiều phóng viên đầy khả năng như vậy, vì các môn học sâu rộng về Liên Hiệp Quốc được giảng dạy tại các đại học Mỹ.

Phương pháp và nguồn tin. Sau đây là bốn nguồn tin của một tin về Liên Hiệp Quốc:

1. Các phiên họp khai mạc, diễn văn, quyết nghị của các cơ quan thuộc Liên Hiệp Quốc, chính yếu gồm có Đại Hội Đồng, Hội Đồng Bảo An, Hội Đồng Kinh Tế và Xã Hội, Hội Đồng Bảo Trợ cùng các Ủy Ban phụ thuộc.
2. Các phái đoàn ngoại quốc, dù có thân trọng thế nào trong các công việc riêng của họ, thường giúp ta có thể dựa vào họ qua những phương thức không chính thức để thu lượm những chi tiết căn bản về đi đâu xảy ra ở hậu trường. Trừ một số ít, các phái đoàn đều giống như những luật sư thường sẵn sàng nêu những vụ của họ trên báo chí trong và ngoài nước nếu họ thấy có lợi.
3. Phái bộ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc là một chi nhánh của Bộ Ngoại Giao nhưng phái bộ có công việc riêng và các nhân viên thông tin riêng với một thư viện rất đầy đủ. Ban Thông Tin rất thông thạo nhưng thường không được hưởng quyền tự do rộng rãi vì những lý do rõ ràng. Không phải mọi cuộc đàm phán có thể thực hiện rùm beng.
4. Ban Thông Tin riêng của Liên Hiệp Quốc và tài liệu của ông Tổng Thư Ký. Qua nhiều năm, Liên Hiệp Quốc đã phát triển một hệ thống tường thuật biên niên với những bản sao có sẵn để cung cấp cho các phóng viên chỉ khoảng một giờ sau hoặc hơn thế đôi chút. Bản tin tức ít người nhưng đầy khả năng làm việc tại tầng lầu thứ hai của văn phòng Tổng Thư Ký, và các phóng viên có thể tiếp xúc, tham khảo ý kiến với họ. Do đó, một phóng viên có thể sẵn tin tất cả các buổi họp chính của Liên Hiệp Quốc trong một ngày định sẵn nếu có thời hạn rộng rãi và kiên nhẫn đọc thật nhiều, tra cứu và tìm những chi tiết căn bản.

Vị Tổng Thư Ký, có trách nhiệm với toàn thể hội viên Liên Hiệp Quốc nên ta không thể trông đợi ông tuyên bố những câu này lừa ảnh hưởng tới họ, nhưng ông cũng cố gắng đưa tin bằng cách riêng tại các cuộc họp báo định kỳ trong năm và trong các bản tường trình của ông cho tổ chức này. Một số phụ tá chính thức của ông cũng rất thạo trong việc tiếp xúc với báo chí và lặn lẽ đưa ra các tin tức bối cảnh như bất cứ người nào trong Bản Tin Tức của Bộ Ngoại Giao Anh. Ban Liên Lạc Báo Chí của Liên Hiệp Quốc với những nhân viên lão thành, bổ túc đầy đủ bản kê khai các nguồn tin tại Liên Hiệp Quốc.

Trung tâm tin tức Liên Hiệp Quốc ở tầng thứ ba của tòa nhà văn phòng Tổng Thư Ký, gồm phòng liên lạc báo chí, phòng tài liệu, phòng hội và phòng dành cho một số thông tin viên. Ngoài ra, còn có các cơ sở về điện tín, điện báo, điện thoại và các phương tiện truyền thống khác. Chứng thư hành nghề được cấp phát dễ dàng mà không trải qua những thủ tục hành chính “rùa”. Những đòi hỏi chính gồm một lá thư của vị Tổng Thư Ký Tòa Soạn (Managing Editor) hoặc một giới chức tương đương xin đặc quyền cho thông tin viên ấy.

Các phóng viên nhà nghề, biết rõ đường đi nước bước, thường ít khi tham dự các buổi họp thường lệ. Họ bắc loa phóng thanh truyền những cuộc họp này tới tận phòng riêng tại trụ sở Liên Hiệp Quốc Các bài diễn văn quan trọng và các quyết nghị đều có sẵn trước. Một phóng viên tường thuật tin hành lang biết cảnh giác, thường có thể nhặt được tin về những quyết nghị này ngay từ khi đang soạn thảo, nhưng anh ta cũng phải biết coi chừng bản thảo cuối cùng. Trong việc giao dịch giữa các quốc gia, cũng như giữa các cá nhân, rất nhiều đề nghị được đưa ra để mặc cả rồi bị bãi bỏ.

Kể từ khi thành lập vào năm 1945, số hội viên Liên Hiệp Quốc đã tăng lên gấp đôi và theo đó nhiệm vụ của người phóng viên cũng phức tạp hơn nhiều.

Ngày nay, với hơn 130 quốc gia hội viên trong tổ chức quốc tế này, không có gì là chắc chắn. Cả Hoa Kỳ lẫn Nga Xô đã mất khá nhiều uy thế trong các khối do họ cầm đầu và không thể tự cho phép lên tiếng một cách quả quyết cho những nước đồng minh với họ. Thời vận của Anh Quốc cũng đã xuống dốc, London không còn là phát ngôn viên không thể chối cãi được cho khối Liên Hiệp Anh. Rhodesia và Nam Phi — chỉ cần kể hai nước này — cũng đã chống đối chính sách của Anh trong quá khứ và dường như sẽ chống đối nhiều hơn trong tương lai. Người Ả Rập cũng chia rẽ. Châu Mỹ

La Tinh, sau Castro, ít khi hòa hợp. Người Phi Châu đang công khai nổi dậy chống lại ảnh hưởng của Tây Phương. Và tại Á Châu, việc thừa nhận Trung Hoa (lục địa) như một đại cường có quyền phủ quyết trong Liên Hiệp Quốc đã cho chính phủ Bắc Kinh uy tín lớn lao trong khi Nhật Bản là một cường quốc kinh tế và Ấn Độ có một ưu thế trong vùng Nam Á; thêm vào đó, sự giảm bớt ảnh hưởng của Hoa Kỳ từ chiến cuộc Việt Nam đã làm thay đổi mạnh mẽ ngôi thứ của các thế lực. Người thông tin viên khi sẵn tin tại một tổ chức loại này nếu chỉ dùng vài cú điện thoại đúng chỗ cần thiết sẽ có nhiều ngạc nhiên, nhưng là những ngạc nhiên không thích thú. Hơn thế nữa, ngay cả tin về một tổ chức tương đối yếu được ráp lại thường ít khi được hệ thống truyền thông thế giới chú ý đến.

THÔNG TIN VIÊN QUỐC NGOẠI

Người thông tin viên quốc ngoại trung bình không phải là một thanh niên bất chấp sự đời. Luôn lĩnh đầu vào vài thành tích vĩ đại đời trẻ nhưng đầy quyến rũ, mà đúng ra là người đi êm tĩnh, yên phận gia đình với một nền giáo dục và gia cảnh tốt. Anh luôn luôn đi công tác xa văn phòng chính của anh và văn phòng này cũng thường thay đổi mỗi hai hoặc ba năm. Nếu anh phải liêu lĩnh trong công việc thường lệ ít nguy hiểm của anh, đó là vì nghề nghiệp đòi hỏi chứ không phải để vui chơi. Tại những nơi có chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh du kích, anh ta cũng như người lính là một mục tiêu có giá trị của kẻ thù thường chẳng mấy khi tôn trọng thỏa ước Genève

Muốn trở thành một TTV quốc ngoại. Phương pháp để trở thành một thông tin viên quốc ngoại vẫn còn là một điếu không thể nhất định được, dù người ta đã nói nhiều tới phương pháp tân kỳ huấn luyện nhân viên. Vài người được chọn rồi được huấn luyện một cách ráo riết tại những lớp đặc biệt của các đại học nổi danh với những giờ thực hành ngoại ngữ. Nhiều người khác tình cờ ở vào đúng chỗ, vào đúng lúc, rồi rơi vào hoàn cảnh ấy. Vài người thích phiêu lưu thuyết phục chủ biên cho họ làm thử, và kết quả dĩ nhiên khác hẳn nhau (dù đôi khi có những ngạc nhiên, bất ngờ thích thú). Số thông tin viên quốc ngoại còn lại khởi nghiệp dần dần tại các hãng thông tấn và tòa báo có ban quốc ngoại và thường được các tuần báo

thời sự và vô tuyến truyền hình luôn luôn canh chừng chộp lấy cho ban quốc ngoại riêng của họ.

Trong khi phần đông các thông tin viên lão thành đáng tin nhiệm và một vài nữ phóng viên có thể đòi được lương cao, những người trẻ tuổi lại sẵn sàng nhận thù lao ít hơn là họ có thể kiếm được khi săn tin cảnh sát trong nước. Chỉ khi nào công việc thật vất vả và thật nguy hiểm, những người trẻ mới được ưa thích hơn, ưu tiên hơn, đặc biệt là tại các vùng có chiến tranh. Trong cuộc chiến đầu tiên trên màn hình truyền hình — cuộc chiến ở Việt Nam — các thanh niên đã nổi bật hơn hết trong việc săn tin chiến trường. Nhưng khi việc săn tin quốc ngoại phức tạp hơn, dù ở trong hay ngoài vùng chiến tranh, các nhà báo lão thành thường có ưu thế hơn và một số cũng bị giao phó những công tác nguy hiểm nhất. Keyes Beech của tờ *Chicago Daily News* đã 58 tuổi khi ông già từ chiến trường Việt Nam năm 1971 sau gần 10 năm săn tin chiến sự. James Reston của tờ *The New York Times* đã 63 tuổi mà còn làm việc ở Bắc Kinh, nơi ông đã được chữa bệnh bằng cách châm cứu sau một cuộc giải phẫu ruột dư. Harrison E. Salisbury cũng của tờ *Times* này đã 58 tuổi khi ông gửi những bài tường thuật từ Hà Nội về trong năm 1967. Peter Kalischer của hãng CBS đã quá 50 khi ông dẫn đầu đoàn điện ảnh viên vào tận sào huyệt Việt Cộng tại Nam Việt để có những phóng sự chiến trường. Leland Stowe cũng đồng tuổi khi ông đoạt giải Pulitzer vì công trình tường thuật cuộc tấn công bất ngờ của quân Đức Quốc Xã tràn ngập Na Uy trong Thế Chiến Thứ Hai. Và Herbert L. Mathews còn già hơn khi ông xâm nhập căn cứ Cuba trong vùng núi non để thực hiện cuộc phỏng vấn Fidel Castro đầu tiên cho Hoa Kỳ năm 1957, lúc Castro chỉ là một lãnh tụ du kích quân.

Quy chế phóng viên quốc ngoại. Mặc dù các thông tin viên quốc ngoại Hoa Kỳ chu toàn công việc của họ tới mức nào — trong nhiều trường hợp người phóng viên thành công mỹ mãn — ít người thỏa mãn với mức độ nghệ thuật. Các chủ biên còn áy náy hơn dù đã có sự tăng gia chậm chạp nhưng rõ ràng trong việc quàn chúng đòi hỏi tin tức quốc ngoại có phẩm chất cao hơn và việc sử dụng tin của các phương tiện truyền thông quan trọng.

Một cảm tưởng chung tại hầu hết các tòa soạn nơi có những vấn đề này là tin ngoại quốc quan trọng thường không được viết với những chữ dễ hiểu cho một người trung bình. Kết quả của các cuộc khảo cứu cho thấy phần

đông báo chí Hoa Kỳ sử dụng tin ngoại quốc tới mức tối thiểu đã gây thất vọng cho phóng viên liên hệ vì họ biết họ đã tốn biết bao tài năng, cố gắng để tường trình, để sẵn tin. Phải nhìn nhận rằng, tin về khủng hoảng và chiến tranh được đăng tải, tràn giang đại hải. Nhưng ngọn rơm trong gió, dấu hiệu tiên khởi của sự nguy hiểm, những tin đáng lẽ khiến người Mỹ phải đề phòng, lại có vẻ không được tiêu thụ rộng rãi, trừ các báo lớn, đầy uy tín và ảnh hưởng.

LƯU LƯỢNG TIN TỨC QUỐC NGOẠI

Tin quốc ngoại không thiếu. Cả hãng AP lẫn UPI có lẽ dùng trung bình khoảng 200.000 chữ một tuần trong các tin quốc ngoại đánh về để phân phối cho các hội viên của AP và khách hàng của UPI. Nếu báo chí chỉ dùng trung bình khoảng 10.000 chữ một tuần (truyền hình, truyền thanh có lẽ còn dùng ít hơn) các chủ biên của các hãng thông tấn coi việc này như là một chiến thắng. Vài tờ báo có bản tin tức quốc ngoại và cung cấp tin cho các báo khác có lẽ cung cấp một số lượng tương tự hoặc nhiều hơn cho khách hàng.

Độc giả. Không ai biết rõ con số độc giả của tin quốc ngoại ở Hoa Kỳ dù cả chủ biên các hãng thông tấn và tổ hợp đồng ý rằng số lượng đang tăng gia chậm chạp theo ước tính của các thống kê về độc giả. Sau đây là một phần bằng chứng:

Trong vài năm, tờ *Los Angeles Times* đã thiết lập cơ sở báo chí quốc ngoại thứ hai lớn nhất thế giới với gần 20 văn phòng, và bán tin cho khoảng 200 tờ báo. Tương tự, tờ *Washington Post* đã bành trướng ban tin tức nhỏ bé thành một ngu ồn quan trọng cung cấp tin tức hải ngoại độc lập. Tờ *The New York Times* với dịch vụ quốc ngoại lớn lao nhất và dễ hiểu nhất đã phân phối tài liệu cho hơn 200 tờ báo; hơn thế, sự lôi cuốn được gần một triệu độc giả của tờ này đúng là nhờ những trang tin tức quốc nội và quốc ngoại rất phong phú.

Những cơ sở làm tin quốc ngoại mới mẻ hơn cũng đang hoạt động một cách tốt đẹp, trong số có Copley và Cowles, và những cơ sở thiết lập đã lâu như tờ *Christian Science Monitor*, *Chicago Daily News* và *Baltimore Sun*, đang được phục hồi sinh lực. Cũng đáng kể nữa là tờ *Monitor*, trong

một cuộc thăm dò về những độc giả mới, cho thấy rằng 60% cần tờ báo xem vì những tin ngoài nước. Các báo như tờ *St. Louis Post Dispatch* và tờ *Miami Herald* hiện gửi chuyên viên hoặc từng đoàn đi khắp thế giới để săn tin. Các báo như tờ *Washington Star* đã lập tại ngoại quốc những đoàn ký giả lưu động thường trực.

Ở khu vực có những nhật báo nghèo nàn với những trang tin quốc nội và quốc tế ít ỏi, các tạp chí thời sự lại bán được nhiều trong số bảy triệu ấn bản mỗi tuần với những phần tin quốc ngoại đầy đủ chi tiết. Còn như các hệ thống truyền hình, trong khi lấy hầu hết tin tức từ các hãng thông tấn cũng đã gia tăng các đoàn ký giả hải ngoại thường làm việc đầy đủ với các thu hình viên. Các tổ chức làm tin thương mại như Dow Jones, McGraw-Hill và Fairchild có đặt những nhân viên hữu hiệu săn tin tại tất cả mọi trung tâm thương mại quan trọng ở ngoại quốc.

Phần dành cho tin quốc ngoại. Những báo chí phẩm chất cao hơn có các bài tường thuật tin tức ngoài nước đầy đủ và tự hào về việc sau tin của họ, bất kể những hành động và thái độ thiếu sáng suốt của đa số các phương tiện truyền thông. Tờ *The New York Times* đăng trung bình từ 16 tới 18 cột mỗi ngày, về những tin tức quốc ngoại và còn nhiều hơn nữa trong thời chiến. Tờ *Los Angeles Times* có phần tin tức quốc ngoại trung bình khoảng 10 hoặc 11 cột, tờ *Washington Post* khoảng 9, tờ *Christian Science Monitor*, 9 hoặc 10; và có lẽ 30 tờ báo lớn khác — hay hơn thế — với số phát hành tổng cộng khoảng 10 triệu tới 12 triệu, đăng ở bất cứ trang nào từ 4 tới 10 cột tin quốc ngoại mỗi ngày.

Tờ *Wall Street* đăng đầu từng định kỳ một bản tin quốc ngoại quan trọng của một trong những ký giả xuất sắc với sức thu hút quan trọng hơn một triệu người đọc trong nước. Và khi tạp chí *New Yorker* đăng một câu chuyện nước ngoài do một ký giả trong một nhóm ít người nhưng tài giỏi về các vấn đề quốc tế, cũng thường có một lần ảnh hưởng trên toàn quốc. Trường hợp tương tự cũng đúng với các tài liệu truyền hình hiếm có về các vấn đề quốc ngoại.

Điều này không biện minh cho kết quả kém khả quan của các tờ nhật báo và tuần báo ở Mỹ có ưu thế trong việc đăng các bản tin quốc ngoại hoặc sự nghèo nàn của tài liệu này loan trên đài phát thanh khi không có chiến tranh. Nhưng như đã chứng tỏ, nhìn một cách tổng quát, mô thức này bị lẫn lộn. Nó có thể tốt đẹp hơn nhiều nhưng cũng là một sự tệ hại hơn nhiều.

CÔNG VIỆC CỦA THÔNG TÍN VIÊN QUỐC NGOẠI

Nhiệm vụ các thông tin viên quốc ngoại là thuật chuyện dân chúng ở quốc gia nơi họ được phái đến công tác, không hẳn chỉ thuật những hành động công khai của chính phủ và các lời tuyên bố của các tùy viên báo chí. Đó là một công việc khó khăn, khẩn yếu, đòi hỏi nhiều giờ làm việc cả ngày và đêm, một công việc thường bất tiện cho bất cứ ai có gia đình. Các sự kiện là nền tảng của bất cứ bài tường thuật nào và các sự kiện phải được giải thích sao cho đầy đủ ý nghĩa qua các phương pháp của nền báo chí tân tiến. Khi một người được đi săn tin trên toàn thể một nước, đi đâu hoàn toàn hiển nhiên là người này phải tin cậy vào các phương tiện truyền thông của xứ sở ấy để chính mình được thông báo luôn luôn về các luồng tin tức rộng rãi. Anh ta không thể chỉ đọc báo, nghe đài phát thanh, xem những tin của AP hoặc UPI, thân thiện với nhân viên thông tin của chính phủ, còn ngoài ra bỏ mặc. Anh phải tự mình phát triển các nguồn tin riêng ở mọi trình độ, và việc đó đòi hỏi một sự đầu tư thời gian khổng lồ, và thường khi cả tiền bạc nữa. Không có chủ biên nào lại vui lòng thỏa mãn các ngân khoản thường xuyên về các bữa tiệc tùng, chè chén cho những nguồn tin ngoại quốc, như đã ghi trên bản chiết tính phí khoản.

Ở những nước Nga Xô và Trung Hoa, một thông tin viên thường bị ràng buộc ít nhiều vào những nguồn tin chính phủ. Tuy nhiên, ở những nước dân chủ Tây phương, thông tin viên có sự tự do hành động nếu biết phải làm gì và làm như thế nào. Dĩ nhiên, lúc khởi đầu một nhiệm vụ mới, người ấy phải tự giới thiệu với nhân viên thuộc đài vô tuyến và các cơ quan truyền thông khác mà anh ta đã liên lạc, trình diện với Tòa Đại Sứ Mỹ và Bộ Ngoại Giao của quốc gia nơi anh được phái đến và tự chọn một tin. Ngay vấn đề làm thế nào để phát triển sự thông tin cũng tùy thuộc nhiều vào hoàn cảnh và những đặc tính cá nhân của thông tin viên, nhưng không có thông tin viên nào có thể đủ tư cách nếu chỉ thu thập một số sự kiện và truyền đạt các sự kiện này.

Tuyên truyền. Thật là một sự thất vọng lớn lao của quần chúng khi cho rằng người Mỹ trung bình ở hải ngoại là nạn nhân của mảnh khoé tuyên truyền ngoại quốc. Chính khách Mỹ khi tham dự một cuộc họp báo ở ngoại

quốc thường bị thất vọng ngay từ đầu. Đối với thông tin viên ngoại quốc, ngay cả những chủ biên của chính họ cũng thường không tin họ, nếu câu chuyện của họ trùng hợp với những lời tuyên bố đã được một cơ quan tuyên truyền loan ra.

Sự khó khăn căn bản ở đây là định nghĩa tuyên truyền và phân biệt tuyên truyền với tin tức của báo chí. Tuyên truyền không nhất thiết phải xây dựng trên việc thông tin sai lầm hoặc lạc hướng. Trong quá khứ, lời “nói dối lớn lao” thật ra đã kém hiệu quả hơn là sự thật, cả khi sự thật tình cờ phục vụ cho những mục tiêu tuyên truyền. Dĩ nhiên ít nhân viên tuyên truyền lại ngờ ngợ đến nỗi nói rõ về mục tiêu tuyên truyền của những hoạt động tế nhị, nhưng chẳng có nhà tuyên truyền nào lại có thể đánh lừa được một thông tin viên lão luyện trong một khoảng thời gian lâu dài.

Cuộc cách mạng thông tin. Với lối hoạt động hiện thời của tổ chức làm tin để truyền đi một khối lượng tin tức lớn lao, các mạch điện được sử dụng trên căn bản thời gian. Một hãng thông tấn thế giới, chẳng hạn, sẽ giữ cho mạch điện chạy liên tục 24 tiếng đồng hồ để truyền tin hai chiều qua Đại Tây Dương. Trong những trường hợp đó, bản sao được truyền đi qua đại dương cũng như trên đất liền hoặc trong phòng tin tức của một cơ quan lớn. Những thông điệp mật mã kiểu cũ nay chỉ dùng trong nội bộ của cơ quan.

Đối với một cơ sở dịch vụ quốc ngoại như của tờ *The New York Times*, công cuộc truyền đi những bản tin từ 1.000 tới 1.500 chữ một phút thì rất thông thường. Hơn nữa, hệ thống đọc tin qua điện thoại vào những máy ghi âm, thường được thực hiện nhanh chóng, đang có ưu thế ở một số địa điểm hải ngoại để cạnh tranh với việc truyền tin bằng điện báo. Về truyền hình, hệ thống vệ tinh đã có ích lợi lớn lao; với sự tăng vệ tinh và sự phát triển các băng tần tinh vi, những cải tiến vĩ đại đang thành hình. Trước khi thập niên 1970 chấm dứt, chỉ riêng các vệ tinh xuyên Đại Tây Dương sẽ cung cấp chừng 42.000 băng tần phát thanh cùng một lúc, hoặc 24 băng tần truyền hình màu toàn thời gian. Sau cùng tia sáng “laser” sẽ được phát triển theo đúng đường lối để cung cấp khả năng truyền tin hầu như vô hạn.

Phí tổn. Dĩ nhiên cũng có một vết đen trong sự sáng chói không nghi ngờ được của thời đại điện tử, đó là phí tổn. Trong khi một vài khoản chi phí được giảm bớt nhờ sự gia tăng vận tốc và số lượng truyền đạt, việc gửi

chữ và hình ảnh từ ngoại quốc vẫn khó thực hiện được trong vòng một ngày trừ các hãng tin lớn nhất và giàu nhất. Dĩ nhiên là một vài tổ chức nhỏ cũng có phóng viên tại hải ngoại nhưng họ phải dè dặt trong chi phí.

Giá cả về báo chí vẫn do Liên Hiệp Viễn Thông Quốc tế ấn định, tại các buổi họp hàng năm của các nước hội viên ở Genève hoặc ở một nơi khác. Thủ tục thông thường buộc phải tính giá cả theo như chính phủ ấn định. Giá cả này thay đổi khác nhau và tính theo giá từng chữ thay vì theo thời gian nhất định.

Với những chi phí gia tăng người ta không ngạc nhiên khi bưu chính lại được dùng tới. Phản lực cơ nối liền New York với Âu Châu hoặc Los Angeles với Tokyo trong vài giờ đồng hồ đã khiến việc gửi tin bằng đường bưu chính hàng không trở nên tiện dụng hơn là gửi theo giá điện báo hoặc vô tuyến điện. Tuy nhiên vẫn cần phải đợi trông ngày (LONDON, 00 THÁNG BA...) để có thể đi đến ngày đăng vào. Nhưng liệu thể thức này còn được chấp nhận trong bao lâu? Việc chuyển vận siêu thanh (supersonic transport) có lẽ sẽ giúp các báo nhỏ có sẵn tin hải ngoại hơn là các vệ tinh, hệ thống điện báo tinh vi hoặc hệ thống viễn ký vẫn còn thông dụng nhưng ít đáng tin cậy.

Từ khi các báo Nhật và Anh được xuất bản hàng loạt dùng bản in bằng lối truyền chân (fascimile) cho các ấn bản địa phương, và tờ *Wall Street Journal* ở Hoa Kỳ cũng đang dò dẫm trong lãnh vực này, điều hiển nhiên là “tờ-báo-trong-nhà” không còn chỉ là một giấc mơ nữa. Phối hợp giữa việc truyền đạt bằng điện tử và các kỹ thuật chuyên bản (reproduction devices) máy truyền hình có thể trở thành một phương tiện gửi các bản in truyền chân mà chỉ cần bấm nút. Nếu có một luật lệ nào khó thay đổi của báo chí thì đây là luật thay đổi.

KIỂM DUYỆT

Một trở ngại còn lớn hơn phí tổn truyền đạt các luồng tin xuyên qua các biên giới quốc gia là việc gia tăng kiểm duyệt dưới những hình thức mới và tệ hại hơn. Trong lớp áo này hoặc lớp áo khác, kiểm duyệt hiện diện trên hơn 3/4 trái đất và còn đang lan rộng ngay cả trên miền của tự do phát biểu: Tây Âu.

Việc kiểm duyệt toàn diện và thô bạo của đầu thế kỷ 20, khi mà những bài tường thuật bị chặn lại, bị cắt xén từng phần hoặc toàn thể, không còn lan rộng như trước nữa. Thay vào đó, đặc biệt trong thế giới Cộng Sản, hệ thống này đã biến đổi, đặt người phóng viên vào hoàn cảnh phải tự kiểm duyệt vì sợ bị trục xuất. Do đó, Nga Sô đã chính thức bãi bỏ kiểm duyệt từ năm 1961 và cho phép các ký giả Tây Phương mở hệ thống liên lạc viễn ký song phương với cơ sở tại nước họ nếu họ muốn. Rồi có thêm một chút tự do nữa. Các thông tin viên trong khi thận trọng thử thách điểm sôi động của chế độ, tìm ra rằng họ có thể chuy ền tin về một vài chỉ trích nhẹ và ngay cả nghiên cứu những biến cố sau bức màn sắt. Nhưng họ cũng khám phá rằng Nga Sô trục xuất rất nhanh chóng, như đã từng làm, các thông tin viên mà họ cho rằng không mấy thân thiện với Nga Sô, và cấm ngặt các hãng tin thù ghét Nga Sô không được nhập nội. Tại Trung Hoa (lục địa) cũng vậy, các thông tin viên thấy rằng không có kiểm duyệt chính thức theo nghĩa có thể chấp nhận được nhưng họ rất bị hạn chế về di chuyển cũng như về những ngu ền tin được phép tiếp xúc. Tây Phương đã phải tùy thuộc phần lớn vào các thông tin viên Nhật, Reuters và AFP để lấy tin về các biến cố sôi nổi trong cuộc cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông vào cuối thập niên 1960. Cả trong thập niên 1970, các đại diện của các tổ chức làm tin của Hoa Kỳ chỉ được phép vào Trung Hoa Lục Địa nếu được sự chấp thuận của Chính Phủ Bắc Kinh.

Nhân viên kiểm duyệt mà thông tin viên không bao giờ nhìn thấy và giọng nói giận dữ cắt đứt cú điện thoại xin xác nhận sự chính xác của ngu ền tin là hai bằng chứng trong mô thức kiểm duyệt khó chịu đựng nhất. Luôn luôn, có những viên chức nhò với một mớ chỉ thị sẵn mà họ thường thì hành một cách cứng rắn vô lý. Thông tin viên chỉ có cách là phản đối và trình nội vụ với tòa đại sứ của nước mình và với chính quyền địa phương. Ít khi anh ta chiến thắng, nhưng anh phải luôn luôn tranh đấu, giữ vững lập trường của anh càng lâu càng tốt.

CHƯƠNG 27. CHUYÊN VIÊN

Hiện nay đang có một nhu cầu rất dễ chứng minh trong việc làm tin tức chuyên hóa tại mọi cấp bậc của ngành báo chí. Người làm tin tức tổng quát thường cảm thấy và biết rõ rằng công việc trong nhiều lãnh vực đã vượt quá khả năng của mình. Những chủ biên của thế hệ cũ có thể lý luận rằng những chuyên viên thường có khuynh hướng biết quá nhiều trong một phạm vi quá hẹp và thường làm cho phải chi tiêu nhiều hơn mức chi tiêu dành cho họ. Tuy nhiên, giới trẻ nói chung vẫn đạt được tiếng tốt, và con số về giới này đang gia tăng dần dần.

Trong những ngành đang phát triển như tiêu thụ và sinh thái học, một mức độ nào đó về kiến thức căn bản và kinh nghiệm là đi đầu phải có, nhất là đối với những phóng viên đi đầu tra. Không một người nào mới bước chân vào nghề lại có thể thuyết phục được những nhà lãnh đạo ngành kỹ nghệ xe hơi phế bỏ 7,3 triệu chiếc xe để thiết lập một hệ thống an toàn mới phát minh. Phải có một người chuyên môn lão luyện cỡ Bob Irvin của tờ *Detroit News* mới có thể làm chuyện đó được. Loại người thấu đáo công việc như vậy cũng cần thiết trong những lãnh vực khác như khoa học, giáo dục, tôn giáo, y tế, nhà cửa, các vấn đề đô thị và an sinh xã hội. Công việc thám hiểm không gian và những hậu quả của nó, một phần cốt yếu của tin tức trong thời đại này, không thể đem giao phó cho một phóng viên săn tin cảnh sát như một công việc làm thêm. Cho nên nhiều chủ biên không nghĩ là khôn ngoan khi giao công tác cho những người thiếu kinh nghiệm trong các lãnh vực chuyên biệt như xây cất nhà cửa, du lịch, giải trí và thăng tiến cá nhân. Dầu sao các phương tiện truyền thông cũng phải tìm tòi các tài nguyên, cả về phương diện nhân lực lẫn phương diện tài lực, để thỏa mãn những yêu cầu ngày càng gia tăng của quần chúng để săn tin hữu hiệu hơn trong các lãnh vực chuyên biệt. Và nhiều ký giả trẻ sẽ có dịp nhận thấy rằng việc mình đầu tư thời giờ để có kiến thức sâu rộng về một khía cạnh chuyên môn nào đó thật ra cũng đáng.

VẤN ĐỀ TIÊU THỤ

C.A. McKnight, chủ biên tờ *Charlotte (N.C) Observer* và cũng từng làm

chủ tịch Hội Chủ Bút Nhật Báo Hoa Kỳ, đã cảnh cáo các chủ nhiệm toàn quốc như sau: “Trường thuật về giới tiêu thụ là một trong những lãnh vực mới mẻ và quan trọng đối với chúng ta. Bảo vệ giới tiêu thụ là một sự kiện của đời sống. Nó không biến mất. Nó có thể làm cho những nhà quảng cáo của các ông phải rùng mình”.

Sự thử thách. Đối với một nghề mà hậu thuẫn quá lệ thuộc vào quảng cáo, nghề đó chính là một thử thách vậy. Nghề này ít khi là riêng của một số nhỏ phóng viên làm tin tổng quát, được phái đi công tác một cách ngẫu nhiên khi những câu chuyện liên quan đến vấn đề tiêu thụ xảy ra, để trường thuật riêng rẽ từng chuyện một. Tổ chức làm tin có trách nhiệm nhiều hơn thấy cần phải duy trì một số phóng viên hiểu biết các vấn đề tiêu thụ và thỉnh thoảng được nhân viên tòa soạn tăng cường. Ngay trong những tòa báo nhỏ hơn nhưng thường chú trọng đến các tin tức của giới tiêu thụ ít nhất cũng có một phóng viên thường xuyên săn tin trong giới này.

Hơn hẳn bất cứ lãnh vực chuyên môn nào khác của nghề báo, những tin tức về giới tiêu thụ đòi hỏi một sự phân nhiệm hẳn hoi giữa tòa soạn và các cục quảng cáo và kinh doanh, nếu tờ báo muốn duy trì sự tín nhiệm đối với công chúng. Những tin tức về tiêu thụ không thuộc những mục thông thường từ phụ nữ, tài chính đến thể thao và thường ngự trị ngay trên trang Nhất.

Một biến đổi lớn lao. Vài tổ chức của giới tiêu thụ tiên phong, với những tài nguyên ít ỏi và những ấn phẩm yếu kém, đã tranh đấu hàng năm để gây sự chú ý của quần chúng trong một chiến dịch chống lại những sản phẩm tồi tệ, sự bán quá giá, quảng cáo sai lạc, và những lỗi lầm khác trong một kỷ nguyên quá trọng thương mại. Nhưng đi đầu quan trọng trong thế kỷ này là đã có một vài chủ biên và quản lý cấp tiến của các phương tiện truyền thông tỏ ra có lương tâm. Đọc theo đại lộ Madison, người ta đã ám chỉ một cách gắt gao rằng về những người nghi ngờ sự trung thành của các nhà đại quảng cáo thì hoặc họ là nạn nhân của bọn Cộng Sản lừa bịp hoặc họ là những kẻ âm mưu chống lại an ninh của nền Cộng Hòa.

Người đầu tiên phá tan sự thờ ơ là luật sư Ralph Nader. Là một người có tinh thần phục vụ đại chúng, ông đã kêu gọi được sự ủng hộ của một nhóm người trẻ tuổi có tài năng phát động một loạt những chiến dịch bảo vệ quyền lợi của người tiêu thụ. Sau đó, trong thời kỳ lạm phát năm 1970 làm

cho giá cả thực phẩm tăng vọt, công chúng bắt đầu tự động chống lại tình trạng nguy khốn. Các trường đại học trên toàn quốc, rất nhạy cảm trước những phong trào đó, là những địa điểm tốt để các nhóm tiêu thụ tìm kiếm những “đồng chí” mới. Và ít nhất vấn đề tiêu thụ đã trở thành một sự kiện của đời sống đối với báo chí Hoa Kỳ. Cả các phương tiện bí âm cũng ghi nhận khi có một chiến dịch chống lại thuốc lá tới mức độ nào đó thì luật pháp phải có quyết định về những loại thuốc lá thương mại.

Vài thành tích săn tin giới tiêu thụ. Năm 1967, khi tờ *Des Moines Register* và tờ *Minneapolis Tribune* đăng những bài báo của Nathan K. (Nick) Kotz về những điều kiện thiếu vệ sinh trong nhiều xưởng máy thực phẩm đóng hộp. Bài tường thuật của ký giả này đã được coi là hiếm có và xuất sắc khiến ông được giải thưởng Pulitzer. Thêm vào đó, ông được coi như là một người đã góp phần vào việc đảm bảo sự thông qua luật tinh khiết hóa thực phẩm đóng hộp của Liên Bang năm 1967.

Ngày nay, những bài tường thuật như vậy được tiếp tục thực hiện trên khắp nước và không có một ngành kỹ nghệ nào không bị xem xét một cách kỹ lưỡng. Trong số những tờ báo mở những chiến dịch lâu dài và đã thành công trong năm mới đây, có những tờ *Chicago Today*, *Miami Herald*, *Minneapolis Star*, *National Observer*, *Niagara Falls Gazette*, *Rocky Mountain News* và *Washington Star-News*, tờ tạp chí *New York* thì căn cứ nhiều vào lời kêu gọi của nó về tường thuật các vấn đề tiêu thụ để viết bài, Ngành kỹ nghệ xe hơi, mặc dầu có những ngân khoản lớn lao dành cho quảng cáo, đã phải giữ thế thủ trong nhiều trường hợp để chứng minh những tiêu chuẩn và lệ lối buôn bán. Mục thực phẩm của những trang phụ nữ từ lâu không bị phê bình gì cả nay đã bị soi mói kỹ lưỡng.

Bởi vậy, vấn đề tiêu thụ đã bắt đầu được đề cập đến dưới nhiều khía cạnh. Báo chí đăng tải tin tức, đặc ký hoặc ý kiến không đếm xỉa gì đến các quyền lợi và ý muốn của các nhà quảng cáo quan trọng thì vẫn chưa đủ. Các báo có ảnh hưởng trong các khu vực, cả lớn lẫn nhỏ, nay đã bắt đầu làm những cuộc đi điều tra riêng để đáp ứng những lời phàn nàn của công chúng. Và tất cả các báo, kể cả những tờ biếng nhác nhất, cũng đã phải xét lại những chính sách về việc in những tài liệu mà trước kia được coi là một món tiền thưởng vô hại cho những nhà quảng cáo vững chắc. Truy tìm hình cũng vậy, thường hay nhút nhát ở những nơi nào mà các nhà quảng cáo có liên hệ, đã chạy theo báo in.

Việc tường thuật các vấn đề tiêu thụ sẽ được bành trướng như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng và sự tận tâm của các ký giả quyết chọn ngành chuyên biệt này và vào sự ủng hộ mà các ký giả đó nhận được từ các tổ chức làm tin của họ. Hàng trăm ký giả loại này hiện đang hoạt động. Nhưng mặc dầu nay rất nhiều trở ngại đã được khắc phục, chắc chắn là không thể có sự trở lại tình trạng dễ chịu khi mà các nhà quảng cáo quan trọng cảm thấy rằng một tờ báo trung bình lúc nào cũng cố gắng thực hiện trong bộ phận làm tin tức bất cứ đi đâu gì có hại cho họ trên những dòng “tít” của trang Nhất.

SINH THÁI HỌC

Không kém vấn đề tiêu thụ, mối liên hệ của con người với hoàn cảnh và sự quan tâm của công chúng ngày càng gia tăng về vấn đề ô nhiễm đã tạo ra một số lượng tin tức lớn lao trong vòng mười năm gần đây. Các kỹ nghệ lớn làm ô nhiễm không khí một cách táo bạo, làm mất vẻ mỹ quan của trái đất này và làm dơ bẩn nước được cung cấp cho dân chúng là những vấn đề đang được chú ý. Các thành phố đã cầu thả trút nước cống vào các sông hồ và biển nay lại tự cảm thấy bị đe dọa bởi những đống dơ bẩn của chính mình. Và cả những công dân có thiện ý cũng nhận thấy rằng, qua các cách thức kém cỏi trút rác rến của họ, họ đang ở trong số những người gây ô nhiễm nhiều nhất.

Một cách đo lường sự tiến bộ. Người ta nhận thấy rằng luôn luôn có một sự quan tâm nào đó trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở Hoa Kỳ và phát triển các tài nguyên trên trái đất để làm lợi cho con người. Nhưng hơn một thế kỷ sau khi lập quốc, các biện pháp xây dựng của báo chí chỉ hạn chế ở những sự cải tiến của Benjamin Franklin, chủ biên tờ *Pennsylvania Gazette*, là người đã đem cây hoàng dương xỉ vào Châu Mỹ và chế tạo ra hệ thống cột thu lôi thực tiễn.

Những người tố cáo những âm mưu đen tối về chính trị hoặc thương mại khoảng đầu thế kỷ 20 này là những người tiên phong của các chuyên gia về môi sinh ngày nay. Nhưng nói chung, ảnh hưởng của họ bị giới hạn cho mãi đến thời kỳ ông Theodore Roosevelt làm tổng thống, trước hết bởi vì ông này rất lưu tâm đến việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và không ngần

ngại công kích những người “bất lương giàu có”. Tuy nhiên, không có một tờ báo nào mà lại chính một tiêu thuyết gia bất bình là Upton Sinclair đã đả kích kỹ nghệ thịt hộp trong cuốn “The Jungle”. Và cũng không có một ký mục gia nào mà lại chính một giáo sư hóa học ít được biết đến là Edwin Fremont Ladd, khi làm chủ biên cho tạp chí *Farmer and Sanitary Home* ở North Dakota, đã là một trong số những người đầu tiên sách động cuộc tranh đấu đòi hỏi phải có những luật lệ cho thực phẩm và dược phẩm tinh khiết. Trừ vài trường hợp, báo chí đã bận rộn với những “vụ xì-căng-đan” chính trị và thương mại hàng ngày.

Đĩ nhiên, những sự biến chuyển của môi sinh cũng có được đề cập đến nhưng hình như không có sự lưu tâm đặc biệt nào đến tình trạng của địa cầu và bầu không khí bao quanh nó, cả ngay sau Đệ Nhị Thế Chiến. Một lần nữa, cuốn sách “Silent Spring” (Mùa Xuân Yên Lặng) của Rachel Carson đã lôi kéo sự chú ý của quần chúng đối với môi sinh về ảnh hưởng của thuốc sát trùng DDT trên đời sống hoang dã. Trong những cuộc tranh luận theo sau, một ý thức mới về tính chất mỏng manh của tài sản con người đã xuất hiện. Đó là lúc mà quần chúng bắt đầu để ý đến những lời cảnh cáo về sự thặng dư dân số, sự giảm sút những tài nguyên dùng vào việc nuôi dưỡng con người và mối đe dọa ngày càng gia tăng của sự ô nhiễm. Sinh thái học, một chữ mà nhiều chủ biên phải lật tự điển trước khi hiểu được nghĩa của nó, đã trở thành một thứ thời trang trong giới Đại Học. Và cuối cùng, báo chí đã nắm lấy vấn đề

Báo chí và ngoại cảnh. Những nhật báo trong nước đã không phải chờ đợi một thời gian quá lâu để chứng tỏ sự hữu hiệu của chúng như là những cơ quan tranh đấu để bảo vệ ngoại cảnh. Qua những thành quả đạt được, báo chí đã tiến được một bước xa để bù lại những năm đầu mà báo chí xao lãng vấn đề. Hình như không có một sự khác biệt nào giữa một tờ báo lớn và một tờ báo nhỏ nếu chúng đều có một chủ nhiệm có tinh thần phục vụ đại chúng, một chủ bút quyết tâm và một ban biên tập có khả năng tận tụy với nghề nghiệp. Tờ báo đó có thể — và đã — đạt được nhiều kết quả.

Một giải thưởng Pulitzer về phục vụ công ích đã được tặng cho tờ *Winston Salem Journal* và *Sentinel* vì đã ngăn cản được một vụ phá mỏ có thể mang đến những tổn hại không thể chữa được cho vùng đồi núi đẹp đẽ ở tây bắc Tiểu Bang North Carolina. Những giải Pulitzer khác đã [được] tặng

cho tờ *Milwaukee Journal* vì đã thành công trong chiến dịch ủng hộ đạo luật chống ô nhiễm nước ở Wisconsin, cho báo *Louisville Courier-Journal* vì đã tấn công ngành kỹ nghệ khai mỏ bằng mìn ở Kentucky và cho Robert Cahn của tờ *Christian Science Monitor* vì loạt bài nghiên cứu và phê bình tương lai của hệ thống công viên quốc gia Hoa Kỳ.

Mỗi khi có một người đoạt giải như vậy, lại có một số nhật báo khác và những ký giả khác đã tự đứng ra tranh đấu cho quyền lợi của quần chúng. Tờ *Bend (Oregon) Bulletin* đã bảo vệ một tài nguyên quốc gia lớn lao (Rock Mesa) khỏi bị việc sử dụng mìn phá hoại. Tờ *Casper (Wyoming) Star Tribune* đã kiên nhẫn viết những bài báo dài nhằm mục đích ngăn cản những người làm rẫy tàn sát giống chim ó. Báo *Durango (Colorado) Herald* đã đả kích việc gây ô nhiễm trong vùng bình nguyên rộng lớn ở Colorado. Trong cuộc tranh đấu chống sự ô nhiễm vì dầu ở Santa Barbara Channel, Tiểu Bang California, báo *Santa Barbara News Press* đã xứng đáng là một tờ báo tranh đấu kiên nhẫn và tận tâm. Và ở bờ biển phía Đông Hoa Kỳ, những tờ báo như *Long Island Press*, *Newsday*, *Newark Star Ledger* và *Providence Journal Bulletin* đã tranh đấu chống lại sự ô nhiễm vì dầu và việc tháo nước cống dọc bờ biển. Trong số hàng trăm những loại bài hữu hiệu nhất và đặc biệt nhất được đăng tải trong những năm gần đây là loạt bài “Địa Cầu và Eric Matus” của tờ *Detroit News* mô tả sự phiêu lưu của một gia đình đơn độc trong việc chống lại sự ô nhiễm môi sinh.

Những phóng viên chuyên về ngoại cảnh như Fred Garretson của tờ *Oakland Tribune*, Karl Grossman của tờ *Long Island Press* và Gladwin Hill của tờ *The New York Times* đã đi vào lịch sử. Sau này sẽ còn nhiều người khác nối gót họ và đến một lúc nào đó, truyền hình sẽ nhận thức rằng ký giả phát thanh có thể biến thành một người bênh vực môi sinh hữu hiệu nhất.

TIN KHOA HỌC

Bước nhảy vọt khổng lồ của con người lên không gian ngay từ buổi đầu của thời đại nguyên tử đã tác động mạnh mẽ vào cao trào chuyên hóa. Sự kiện những người Mỹ đi bộ trên mặt trăng và lái những chiếc xe trên đó đã kích thích thiên hạ chú ý đến nhiều lãnh vực khoa học, cả khi sự đầu tư của quốc gia vào những công cuộc nghiên cứu tốn kém đó bị giảm sút. Và khi

hàng trăm người chen chúc nhau để được nhìn trong chốc lát một cục đá nhỏ xíu lấy từ mặt trăng đem trưng bày tại Hội Chợ Quốc Tế Osaka, thì đó là bằng cứ hùng hồn chứng tỏ sự quan tâm của quần chúng đối với mọi bí mật của khoa học.

Hiện nay, việc làm tin các vụ phóng hỏa tiến lên không gian và các biến cố liên hệ rất là ngoạn mục và sống động khiến cho các nhật báo và tạp chí thời sự phải hướng về những phương pháp truyền bá tin tức khoa học trên giấy trắng mực đen một cách rộng rãi hơn. Các xưởng ngôn viên truyền thanh và phóng viên báo chí được huấn luyện về khoa học chiếm ưu thế hơn đám anh em kém khả năng bởi vì họ có thể giải thích bằng ngôn ngữ giản dị những cái gì mà công chúng đã được trông và nghe thấy.

Việc làm tin khoa học hiện nay được thực hiện khá hữu hiệu và có cơ phát triển. Khoảng 20 năm trước Đệ Nhị Thế Chiến, đám ký giả khoa học tương đối thừa thớt rất ít được chú ý đến ngoại trừ những giải Pulitzer được tặng cho vài người trong bọn họ năm 1923 và năm 1937, nhưng họ vẫn kiên trì cung cấp những tin tức khoa học cho những người không quan tâm mấy đến khoa học.

Nhờ những nhà tiên phong mà các khoa học gia, vốn nặng óc hoài nghi và thích dấu diếm, dần dần biết tin cậy vào các ký giả khoa học để tiết lộ những bí mật chuyên môn. Đáp lại, các phóng viên tìm cách chuyển những điếu trừu tượng của khoa học thành những bài báo và đưa cho các khoa học gia coi và kiểm lại trước khi đăng. Do đó, niềm tin hỗ tương cứ phát triển làm lợi cho cả đôi bên, nhà khoa học và nhà báo. Trong Đệ Nhị Thế Chiến, sự cộng tác còn tăng. Từ đó về sau, trong những năm đầu của kỷ nguyên nguyên tử và bước vào kỷ nguyên không gian, các ký giả khoa học đã có chỗ đứng riêng. Các chuyên gia cũ Jules Bergman của ABC (American Broadcasting Company) và Earl Ubell của CBS (Columbia Broadcasting System) đem đến cho truyền hình một uy tín và nền kiến văn đủ để ganh đua với các cây viết khoa học thượng thặng của nhật báo và tuần báo. Thế hệ trẻ tiến vào, các thủ lãnh các ngành truyền thông đã phân phối họ vào việc săn tin khoa học thường hơn.

Ngày nay, một hội nghị quan trọng của các khoa học gia, y sĩ hay kỹ sư thuần túy, cũng là một sinh hoạt quốc gia có sự theo dõi săn tin của mọi tổ chức làm tin trong nước. Trên bình diện quốc tế, bất cứ một phiên họp nào liên quan đến nguyên tử năng hoặc thám hiểm không gian cũng lôi cuốn một số phóng viên đông không kém một cuộc họp thượng đỉnh. Cả lực

lượng phóng viên 500 người đổ xô về Geneva vì một hội nghị nguyên tử cũng không còn là đi đầu nữa. Trong dịp này, các khoa học gia tên tuổi tự biến thành các thuyết trình viên cho báo chí và thường rất thành công. Các hãng thông tấn, những cơ sở làm tin chưa hề phí chữ trong các bản tin, cũng không ngần ngại gửi đi những bài dài cả ngàn chữ tường thuật những diễn biến khoa học quan trọng.

Làm tin về cái gì? Trong số lượng tài liệu khổng lồ phổ biến trên các tạp san khảo cứu và khoa học, rõ ràng chỉ có một phần nhỏ được diễn giải ra ngôn ngữ thông thường để cho quần chúng lĩnh hội. Do đó, đa số các tin tức khoa học thường được đăng tải trên các xuất bản phẩm chuyên biệt trước. Các hội nghị khoa học dựa vào các tin tức khoa học khởi nguồn cho các phát triển mới và ý tưởng mới. Tự họ, các ký giả khoa học phải tìm hiểu mọi thứ dính dáng đến việc phát triển nguyên tử năng và thám hiểm không gian để làm căn bản cho một bài báo có ý nghĩa. Có khi họ nghe được những tin đó từ những nguồn tin riêng của họ trong chính quyên hay ngành kỹ nghệ, có khi họ diễn dịch từ những điểm mấu chốt của các phát triển tương lai nhờ kiến văn và học thức riêng của họ.

Sự quan tâm ngày một gia tăng tới những công trình khảo cứu về không khí và ô nhiễm đã làm quần chúng chú ý tới vấn đề này hơn và giúp cho phạm vi làm tin khoa học đại chúng hóa được mở rộng. Sự quan tâm đến tin tức y khoa và những tiến bộ của các bệnh viện cũng thế. Nhưng các môn khác như toán học, lý hóa và các môn khoa học tự nhiên vẫn chưa được báo chí đại chúng hóa vì các lãnh vực này vẫn còn cao hơn mức hiểu biết của quần chúng nhiều. Đối với đài truyền hình, khó mà cạnh tranh nổi với báo in trong việc tường thuật các tin khoa học, ngoại trừ những cảnh phóng phi thuyền. Vấn đề là làm thế nào để vừa thông tin vừa giáo dục được quần chúng.

TIN KINH TẾ

Một trong những phát triển nổi bật trong vòng hai thập niên vừa qua là sự vươn lên của loại tin kinh tế rất đại chúng, không cầu kỳ và không phức tạp. Dù đề tài chính là kinh doanh hay lao động, thị trường chứng khoán hay ngoại thương, hay vô vàn vấn đề liên hệ, các nhà cải cách trong tờ

Wall Street Journal và trong các trang kinh doanh của các báo lớn cũng không thêm đếm xỉa đến những cách làm tin tài chính cổ truyền đầy vẻ lỗi thời và bẽ bộn. Đó cũng là lý do khiến cho tờ *Wall Street Journal* tạo nên hiện tượng bành trướng để vọt lên hạng nhì về số phát hành toàn quốc, mỗi ngày bán hơn một triệu tờ (mỗi tờ 15 xu), và in ở nhiều nhà in rải rác khắp nước. Dĩ nhiên, bán chạy như thế, còn có lý do khác là tờ *Wall Street Journal* là báo kinh tế tài chính hoàn toàn, trong một quốc gia có hầu hết công dân trẻ coi thành công tài chính là cái đích chính của cuộc đời.

Cũng không phải chỉ có tờ *Wall Street Journal* là tờ báo duy nhất biết khai thác việc làm tin kinh tế. Các tạp chí của nhóm McGraw-Hill, dẫn đầu là tờ *Business Week*, và của nhóm Fairchild với tờ *Women's Wear* đứng đầu, đều phát đạt vì đã tận tâm khai thác những đề tài hấp dẫn và khác lạ trong các lãnh vực của mình. Sylvia F. Porter, một ký mục gia kinh tế tài chính, đã thu hút độc giả toàn quốc và đạt được cả danh vọng lẫn tiền tài nhờ những bài báo mà thoạt đầu chỉ là những lời mách giúp cho các bà nội trợ, với số thù lao 50 Mỹ Kim một tuần.

Câu chuyện kinh tế không còn là một môn “khoa học tế ngắt” đối với làng báo, vì các nhật báo lớn và các tạp chí thời sự, tạp chí doanh nghiệp đã đưa nó ra khỏi cái khuôn cổ hủ. Tuy nhiên, cũng có lúc người ta còn phải nghe một bài nhận định tình hình kinh tế trong ngày đại khái có những câu như “mức trung bình ở Dow Jones được thêm ba điểm, và một cổ phần ở thị trường chứng khoán New York tăng trung bình hai xu rưỡi”. Thuật ngữ kiểu này thật chẳng khác “khỉ kêu chí choé”, vì đối với một thính giả trung bình, có lẽ ngay xướng ngôn viên cũng chỉ hiểu lơ mơ.

Các ký mục gia kinh tế tài chính phổ thông, các nhà “thông dịch” tin kinh doanh, tài chính ra ngôn ngữ bình dân, các loạt bài đặc ký đủ loại, cùng sự chú trọng vào khía cạnh làm tin dễ hiểu, tất cả đã giúp cho các trang báo kinh tế tài chính bớt tế nhị, bớt khô khan. Một vài lối viết đặc biệt của các cây viết kinh tế tài chính còn nhảy lên trang Nhất và tung hoành ở đây.

Về tin lao động, quả thực chưa theo kịp đã vươn lên của tin kinh doanh và kỹ nghệ. Trong một quốc gia nhan nhản những liên đoàn có thế lực, có những liên đoàn đủ khả năng làm đình trệ rình hoạt nhiều ngành kỹ nghệ và ngay cả nhiều đô thị nếu muốn, mà tin lao động lại chỉ dựa vào một dùm phóng viên lao động của vài tờ báo lớn, vài tạp chí thời sự, và mãi về sau mới có loại tuần báo lao động. Truyền thanh và truyền hình hầu như không

làm loại tin này, ngoại trừ trường hợp có cuộc xung đột trong ngành lao động đưa đến những câu tuyên bố hoặc những hành động hung hãn.

Một điều hoàn toàn đúng là các nhật báo và tạp chí thời sự lớn có ảnh hưởng khắp nước đã có những phóng viên lao động trong nhiều năm và nói chung đã viết những bài về lao động một cách công bằng và vô tư. Thật ra ngày nay khó tin được rằng một tờ báo “đàn anh” ở New York, Chicago, Pittsburgh, Detroit hoặc Los Angeles chẳng hạn lại không có nơi một bộ phận thường xuyên làm tin về các vấn đề lao động. Nhưng ở nhiều nơi khác trong nước, cho mãi đến những ngày gần đây, tin tức lao động thường vẫn chỉ được tường thuật một cách không liên tục. Trong khi nhiều tờ báo nhỏ và vài đài bá âm địa phương cố gắng bằng những phương tiện riêng cân bằng những tin tức lao động và quản trị, thì một số tờ báo khác lại lờ đi.

Trong những cột của một tờ báo tốt, tin tức lao động không phải chỉ hạn chế trong những cuộc đình công, hoặc những vụ từ chối không cho công nhân vào sở làm hoặc những vụ bạo động giữa hàng ngũ những toán người gác đình công. Vì càng ngày người ta càng chú ý nhiều đến việc tường thuật những cuộc tranh chấp giữa giới chủ và thợ trong các ngành kỹ nghệ nên một tờ báo tốt phải cẩn thận không để mang tiếng là thân giới chủ trong mọi cuộc tranh chấp và phải cố gắng loan tin về cả hai bên.

Gene Roberts, một cựu phóng viên lao động sau trở thành chủ bút tờ *Philadelphia Inquirer* đã đưa ra ý kiến rằng các phóng viên trẻ tuổi ít bị lôi cuốn vào việc làm tin lao động hơn là những vấn đề như sinh thái học và tiêu thụ, Ông nói rằng đó là một lý do khiến cho có ít thành tích trong việc làm tin lao động.⁸⁴

TIN GIÁO DỤC

Với trên 60 triệu người Mỹ đang cấp sách đi học và gần nửa dân số ở lứa tuổi dưới 25, tin tức về giáo dục trở thành một thách đố cho mọi ngành truyền thông. Cái thời của “phóng viên trường học”, một anh chạy tin khốn khổ bị giao cho việc săn tin giáo dục mỗi ngày vài đoạn cho một tờ báo, đã chấm dứt từ hồi Đệ Nhị Thế Chiến. Thế mà còn có nhiều vị chủ biên vẫn chưa nhận thức được điều đó. Trong mục học đường của nhiều báo vẫn chỉ là một mớ tin vụn vặt không hấp dẫn, không cần thiết. Còn trên truyền

hình, mỗi khi có chương trình về giáo dục, những “bổn cũ soạn lại” làm nhà giáo rùng mình. Thực ra trong môi trường giáo dục, người ta có thể cải tiến việc săn tin mạnh mẽ hơn hết. Nhưng cần có những ký giả đàn ông cũng như đàn bà được huấn luyện đầy đủ mới được và những ký giả phải hiểu rõ những vấn đề của nhà trường và biết cách viết về những vấn đề đó.

Nhược điểm cố hữu của báo chí cứ ưa nhấn mạnh vào cái xấu hơn là phô bày thành tích tốt chính là một phần của sự khó khăn để đạt tới một sự quân bình trong việc trình bày tin tức giáo dục. Tại nhiều thị trấn, sự ngại ngùng của nhà trường trước viễn tượng bị chỉ trích còn cản trở luôn cả những người muốn bên vực nhà trường trong nhiệm vụ đi tìm sự thật của họ. Nhà báo bị chỉ trích ở trong vùng cũng tỏ ra ngại ngùng không kém. Trong những trường hợp như vậy, thật khó mà tạo được cuộc đối thoại xây dựng, kết cuộc là nhà báo và nhà trường bị đẩy vào cái thế thù nghịch lẫn nhau. Chuyện này thường xảy ra nhiều ở những tỉnh miền Bắc Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, các trường học trở thành quan trọng trong tin tức, việc làm tin phải ôn hòa, cẩn thận và vô tư. Trường hợp làm tin của tờ *Pontiac Press* ở Tiểu Bang Michigan về những vụ lộn xộn trong cộng đồng trong niên học 1971-72 thật đáng là một khuôn mẫu.

Các phóng viên của báo này không chú trọng đến sự huyền ảo của các đường phố và nói chuyện thân mật với nhiều trẻ em, làm việc chung với các giáo chức trong các lớp quanh khu vực và đã thực hiện được một công ích. Qua những quan điểm quân bình về những biến cố như vậy ở Michigan mà tình hình được yên tĩnh trở lại. Đó cũng là một biện pháp chứng tỏ sự hữu hiệu của công việc làm tin về giáo dục.

Những tờ báo lớn của những đô thị như Richmond (tiểu bang Virginia), Charlotte (North Carolina), San Francisco (California) và nhiều tờ báo trong các cộng đồng khác đối với các vấn đề xe buýt và các vấn đề liên hệ, đã theo gương báo *Pontiac Press* trong công việc làm tin khi có những cuộc khủng hoảng trong khu vực của mình. Đó là một khuynh hướng đáng khích lệ.

TIN TÔN GIÁO

Từ lâu, tin tôn giáo vẫn bị hết sức thiệt thòi trong báo hàng ngày, ngoại trừ

những tờ phát hành sáng thứ Hai và những ngày lễ tôn giáo. Thái độ thay đổi rõ ràng trong báo chí, kể cả truyền hình, ngày nay chưa hẳn có nghĩa là các chủ biên bỏch chức khoái tôn giáo. Bất quá, các tu sĩ của các tôn giáo lớn ở Hoa Kỳ đã có những cố gắng nhậ nhàng, nếu chưa chặt chẽ, trong các công tác nội vi cũng như ngoại vi nhà thờ với tầm rộng lớn hơn trước. Phong trào công giáo hoàn cầu, bắt đầu từ triều đại Giáo Hoàng John XXIII, tiếp nối bởi người kế vị là Giáo Hoàng Paul VI, đã góp phần rất lớn vào việc làm cho người Công giáo và cả người không Công giáo chú ý tới một sinh khí mới bừng lên từ Tòa Thánh La Mã. Sự tham dự thường xuyên của giáo sĩ mọi giáo hệ vào các cuộc vận động dân quyền trong thập niên 1960 cũng tạo thêm sự quan tâm đối với công việc nhà thờ. Sau đó, một nhóm người bỗng khởi sự bàn cãi những đi ều mơ hồ và các báo khắp nước cho nổ tung những tít như: “Thượng Đế Đã Chết Chăng?” Còn trên các đài truyền thanh và truyền hình, thì có những cuộc thảo luận về “tân thần học” và những tín ngưỡng cấp tiến. Đương nhiên các nhà truyền giáo cựu trào nhờ không khí đấu tranh này mà thành nổi tiếng. Chẳng hạn như Mục Sư Tiến Sĩ Billy Graham, chẳng ai không biết ông là người thường ra vào Tòa Bạch Ốc.

Thế nên các cột về thuyết pháp của các báo ra sáng thứ Hai mỗi tuần (có khi, ở những khu có nhà thờ lớn, ra ngày Chủ Nhật) không còn đủ để loan tin tôn giáo nữa. Từ các hãng thông tấn lớn đến các nhật báo và tuần báo thời sự cũng đều có chủ biên chuyên về tôn giáo. Và cũng chẳng có gì lạ khi các giáo sĩ xuất hiện trong các cuộc tranh luận trên truyền hình, trao đổi ý kiến với nhau hoặc với người thế tục.

TIN VĂN HÓA

Ở nhiều thủ phủ lớn của Hoa Kỳ ngày nay, số người theo dõi những hoạt động văn hóa đông hơn cả số người hâm mộ thể thao. Tuy nhiên, trừ vài trường hợp hãn hữu, các phương tiện truyền thông không đủ sức tung ra một nhóm phê bình gia hữu hạng để thẩm định các hoạt động văn hóa trong vùng được.

Chắc chắn là Mỹ Châu, với số thì giờ rảnh rỗi khá nhiều, thật xứng đáng được thưởng thức việc phê bình các bộ môn văn học hơn. Các nhóm độc giả, khán thính giả phải có những tiêu chuẩn thưởng thức cao hơn. Nếu các

phương tiện truyền thông không mở rộng được ban phê bình với những nhân viên trẻ và có kiến thức cần thiết ngay trong tòa soạn thì sẽ phải sử dụng tài liệu của các hãng đặc ký và thông tấn hoặc tuyển các nhà học thức ở các trung tâm kế cận. Nhưng thật là phi lý khi người ta dồn mọi nỗ lực và tiền bạc của cộng đồng vào việc thiết lập một trung tâm nghệ thuật, một hội viện, một ban nhạc đại hòa tấu thượng hạng mà vẫn để cho các phương tiện truyền thông trong vùng giữ cái tiêu chuẩn phê bình “viết thuê” hoặc chẳng có phê bình chút nào.

Trên nhật báo, có hai cách làm tin văn hóa. Cách thứ nhất, phổ thông trong làng báo Mỹ, là đăng tin hoặc điểm qua một cuốn sách, một vở kịch, một cuốn phim, một buổi hòa nhạc hoặc một cuộc triển lãm mới. Cách thứ hai, ít báo theo nhưng lại có ảnh hưởng nhiều nhất, là vừa có bài điểm, vừa phê bình mọi sinh hoạt văn hóa. Đáng buồn là có những vị lãnh tụ và ngay cả các chuyên gia quảng cáo vẫn coi loại phê bình đứng đắn là một sự tấn công vào danh tiếng của một cộng đồng. Nhiệm vụ của một tờ báo đứng đắn là phải cung cấp những bài điểm (review) và bài phê bình (critique) trung thực đối với mọi sinh hoạt văn hóa, và không một thế lực nào được phép xen vào công việc này.

Dĩ nhiên có một khác biệt sâu xa giữa một bài “điểm” với một bài “phê bình”. Bài điểm thường được viết vội vã cho kịp hạn kỳ, trong khi bài phê bình thường được một chuyên gia cân nhắc kỹ lưỡng về một cuộc trình diễn, một cuốn sách, một cuộc triển lãm.

Như thế thì một bài điểm và một bài phê bình có thể do cùng một người viết, bài này cho các báo hàng ngày, bài kia cho báo Chủ Nhật. Hoặc, một người chuyên điểm trên nhật báo có thể viết cho một nguyệt san một bài dài hơn và sâu sắc hơn, hoặc trình bày ý kiến trên truyền hình, nếu có đài truyền hình chịu lưu tâm đến các vấn đề văn hóa. Dầu sao, trong sinh hoạt văn hóa trên báo chí, một bài phê bình thường tăng cường ảnh hưởng cho bài “điểm” viết vội, trừ phi hai bài do hai người viết. Một nhà phê bình ít khi thay đổi ý kiến; vả lại, nếu vạn nhất có người công khai nhận mình lầm lẫn, chuyện này cũng đáng đăng trong các cột “tin tức” rồi.

Trong mục văn hóa đứng đắn, bài “điểm” là hình thức được dùng nhiều trên báo hàng ngày và tạp chí thời sự. Các nguyệt san và báo chuyên môn, như từ *New Yorker*, lại chạy bài phê bình vì báo này có các cộng tác viên và nhiều thì giờ để viết cho hay. Mặc dầu bút pháp của những người điểm sinh hoạt văn hóa không ai giống ai, nhưng những đòi hỏi của hạn kỳ trong

ngành báo có lẽ ảnh hưởng vào lối kết cấu chung. Do đó, nói chung, hầu hết các bài điểm thường bắt đầu bằng một nhận định tổng quát về đề tài và phản ứng của người viết về đề tài đó. Nếu cần kể lại câu chuyện, phần đó cũng vắn tắt — thường không dài quá hai hoặc ba đoạn. Không gì tệ hơn việc kể lại từng li từng tí nội dung một tác phẩm. Tác phẩm của một nhà văn, nhà soạn nhạc, hoặc các kịch sĩ cần được tóm lược, so sánh đúng lúc với các tác phẩm khác với các tác phẩm trước. Các chi tiết khác chỉ cần một hoặc hai đoạn. Trong đoạn kết, đi đầu nhận định ở đoạn đầu cần được quảng diễn và nhấn mạnh sao cho độc giả nhìn rõ quan điểm người viết.

Về cách bố cục, bài “điểm” theo sát loại chuyện thời sự, nhưng chặt chẽ, cô đọng hơn. Bài điểm phải tránh nói trắng ra là cái này dở cái kia hay, mà phải thẩm định phản ứng chuẩn xác hơn và nói cả lý do thẩm định nữa. Hơn nữa, bài điểm phải có tinh thần thượng võ. Không nên “đánh gục” một cuộc trình diễn vở *Dear Brutus* do học sinh trung học ngây thơ diễn xuất, hoặc “đập nát” một màn non văn sĩ, hoặc phá tan hy vọng của một cô bé dễ thương bị khớp và lạc giọng trong một cuộc hợp xướng trong nhà thờ. Trong những trường hợp này, tiêu chuẩn của người điểm sinh hoạt văn hóa chuyên nghiệp là càng viết ít càng tốt. Nhưng nếu có một nhà văn hữu hạng viết một cuốn sách “rẻ tiền” hoặc một kịch tác gia nổi tiếng đưa ra một vở kịch tẻ nhạt, vô nghĩa, thì dĩ nhiên bốn phận của người điểm chân thành là phải nói thế, và nghĩa vụ của một tờ báo lương thiện là phải để cho người điểm làm việc đó. Dĩ nhiên đôi khi phê bình gia cũng lấm lẩn, nhưng thà là phê bình lấm còn hơn là không phê bình gì hết.

Sách. Sự bộc phát của phong trào sách ở Hoa Kỳ là một hiện tượng văn hóa. Tiền bán sách năm 1954 là 700 triệu Mỹ Kim, ngày nay đã tăng lên trên ba tỷ. Số nhan sách mới cũng tăng, từ 10.000 đến hơn 30.000 trong vòng chưa đầy 20 năm. Nhiều người đọc sách hơn bao giờ hết và nhiều tác giả có sách xuất bản hơn bao giờ hết — ấy thế mà cũng chỉ có một dúm người làm công việc điểm sách hàng ngày.

Do đó, người điểm sách chuyên nghiệp lúc nào cũng có nhiều công việc để làm. Các phê bình gia và người điểm sách làm việc toàn thời gian cho các trang chuyên về sách của khoảng một chục tờ nhật báo nhiều lắm chỉ có thể đề cập đến 300 tác phẩm trong một năm là cùng. Dĩ nhiên còn có khoảng 300 tờ nhật báo khác có phần điểm sách vào ngày Chủ Nhật hoặc các trang điểm sách hàng tuần do nhiều cộng tác viên phụ trách. Các báo lớn trả tiền

cho các bài phê bình sách hoặc lập riêng một ban chuyên làm tin sách. Các tạp chí thời sự phần lớn đăng các bài điểm sách của ban biên tập trong khi các báo chuyên hóa có một ban điểm sách hỗn hợp gồm nhiều biên tập viên và cộng tác viên danh tiếng. Tuy vậy, cũng như trường hợp nhật báo định kỳ, chỉ có một phần của tổng số lượng tác phẩm hàng năm được các báo “ngó” đến mà thôi.

Tác phẩm của một nhà văn lớn hoặc một nhân vật nổi tiếng thường luôn luôn được điểm, giống như những cuộc tuyển lựa của các hội chơi sách. Các sách viết về những người nổi tiếng hoặc không nổi tiếng, những sách biên khảo về các biến cố trọng đại được viết theo lối tiểu thuyết, và những tiểu thuyết về các nhân vật lừng danh được thay đổi đôi chút và viết theo lối biên khảo, tất cả đều được các nhà điểm sách đề cập đến. Các bài điểm sách cũng thường dành cho những sách dẫn đầu các thư mục của những nhà xuất bản lớn, một tác phẩm có chủ đề hoặc có ảnh hưởng lớn ở địa phương, và sau rốt, một số vô tình được điểm.

Sân khấu. Kịch trường Broadway đã suy giảm cả về tính hữu hiệu lẫn uy thế đến một mức độ khiến cho thành phố New York không còn là một trung tâm không đối thủ của sân khấu Hoa Kỳ. Hiện nay, có một số những ban kịch lớn ở Los Angeles, Washington và một số ban đáng kể ở những thành phố nhỏ hơn đang được nể vì. Chicago, Boston, Minneapolis, Houston và San Francisco không còn bị coi như là những thành phố chỉ có những “gánh hát rong” như trong thời kỳ khu Broadway là trung tâm quan trọng nhất của kịch nghệ Hoa Kỳ. Tất cả những thành phố kể trên đã chứng minh rằng có thể và sẽ trình diễn được một số kịch loại lớn. Hơn nữa, nhờ sự giúp đỡ của các viện đại học, phong trào sân khấu nhỏ đã bành trướng mạnh mẽ trong nhiều khuôn viên đại học và làm bừng sáng đời sống văn hóa của những cộng đồng buôn tẻ này.

Với một sự thay đổi sâu xa như vậy trong chiều hướng và nội dung sân khấu ca kịch Hoa Kỳ, kỷ nguyên phê bình vô giới hạn đang đi đến chỗ kết thúc không một tiếng vang nào. Như vậy không có nghĩa là sự phê bình trên một nhật báo lớn hoặc trên truyền hình không còn chút ảnh hưởng nào nữa. Ngược lại, các nhà phê bình vẫn còn nắm giữ một vai trò quan trọng, nhưng họ không còn có thể thi hành một uy quyền sinh sát đối với các ban kịch trừ phi trong một nghĩa hẹp và với những lý do chuyên biệt. Sân khấu

Hoa Kỳ đã phát triển và vượt khỏi khả năng của một thiểu số người kiểm soát số mệnh của nó. Dĩ nhiên việc này là một khích lệ lớn lao đối những ai yêu chuộng sân khấu và không muốn thiếu nó.

Dù có giá trị như thế nào, sản phẩm sân khấu vẫn còn tiếp tục ra mắt và tàn lụi ở thành phố New York nhiều hơn ở bất cứ trung tâm văn hóa nào trên đất Mỹ. Nhưng, ngoài khu vực Broadway, sân khấu của Đại Hội Shakespeare ở New York đã tỏ ra đặc sắc hơn sân khấu Broadway huy hoàng và đã từng oanh liệt này. Ngay cả những thất bại của sân khấu thuộc Trung Tâm Lincoln cũng gây nhiều chú ý hơn nhiều cuộc quảng cáo thương mại khác.

Điều nay có nghĩa là, trong phạm vi của báo chí không cần phải chú trọng nhiều ở New York như xưa nữa. Thêm vào đó, sự suy sụp của mọi phương tiện truyền thông, trừ ba tờ nhật báo còn lại, đã làm giảm con số những tay phê bình kịch chuyên nghiệp của tờ *Times*, *News* và *Post*, những cơ quan thông tấn, những tạp chí thời sự và văn học, nhưng đài truyền hình và một số báo khác, trong đó có những tờ *Wall Street Journal*, *Women's Wear* và *Village Voice*. Một nhà phê bình cũ Clive Barnes của tờ *The New York Times* đã dành một số thời gian làm việc đáng kể trong những buổi tối của ông cho những buổi trình diễn trên sân khấu nên ông viết được những bài một cách thật sáng suốt và tài tình.

Tuy nhiên, sự suy sụp của nền ca kịch ở Broadway và hiện trạng phê bình ở New York không nguy hại đối với những nơi khác trên nước Mỹ. Phê bình sân khấu trước đây được coi như là một dịp cho người phóng viên hưởng một đêm đi chơi phố và xem trình diễn, hiện nay đã được vài nhật báo lớn xem là một vấn đề quan trọng. Trong khi một số báo vẫn còn đặt bài phê bình sân khấu chung với mục điểm phim, những tờ báo khá hơn thấy rằng phê bình sân khấu là một công việc đòi hỏi nhiều thời giờ nên thường phái phóng viên đi New York, Washington và đến những trung tâm văn hóa khác để làm những bài tường thuật sốt dẻo. Các hãng đặc ký cũng như các hãng thông tấn đã mở rộng nhiệm vụ của những nhà phê bình sân khấu các hãng đó.

Tóm lại, sự phát triển của sân khấu như là một thực thể của quốc gia đã mang lại một sự quan trọng mới cho các nhà phê bình sân khấu của các tạp chí có ảnh hưởng khắp nước như những tờ *New Yorker*, *Time*, *Life*, *Newsweek* và nhiều tờ khác nữa. Trong khi truyền hình quyết tâm đào tạo một phê bình gia hữu hạng theo kiểu của mình, các phê bình gia trong nước

và của tờ *The New York Times* đặt ra các tiêu chuẩn cho việc phê bình sân khấu. Đó là một nghệ thuật hay biến đổi nhưng nó vẫn còn là một nghệ thuật quan trọng.

Điện ảnh. Nhiều nhật báo chỉ thuật lại chuyện phim nhưng ít khi thăm lượng giá trị của chính cuốn phim đó. Chỉ có vài tờ báo lớn thường đăng những bài điểm phim có ý nghĩa nhắm mục đích hướng dẫn quần chúng với sự trung thực căn bản trong các bài phê bình nghệ thuật khác. Các tạp chí, nói chung, ít gò bó hơn vì ít phải bận tâm về quảng cáo phim ảnh. Còn ở truyền hình, sự hiện diện của một nhà điểm phim thượng thặng như Judith Crist trong chương trình “Today” (Hôm Nay) của đài NBC là một chuyện đáng kể. Thật ra không có lý do nào ngăn cản truyền hình điểm phim kỹ lưỡng và sắc bén như một nhật báo lớn. Truyền hình có một số khán thính giả lớn lao thì lại càng có lý do để điểm phim.

Những phê bình gia sắc bén đã không gia tăng về số lượng, phạm vi hoạt động và tầm quyên mặc dầu có nhu cầu đòi hỏi phải gia tăng nhiều hơn. Đây là một địa hạt trong đó nhiều nhật báo có thể thực hiện được những sự cải thiện sắc bén và tức thời để có lợi cho chính mình, cho độc giả và nhất là cho ngành điện ảnh. Đó cũng là một bộ môn của nền báo chí phê bình (critical journalism) mà truyền hình có thể thực hiện được một cách mạnh mẽ hơn. Vì số khán giả đông hơn, truyền hình càng có lý do để làm như vậy.

Các phương tiện truyền thông. Phê bình với tính cách là một nhiệm vụ của báo chí, thường bị các chủ biên ương ngạnh coi là một điều phiền phức chứ không phải là một mục hấp dẫn, một thứ gây rối, không thể nào lôi cuốn được độc giả hoặc khán thính giả và cũng không thể làm hài lòng được ai trừ một thiểu số trí thức. Một chương trình truyền thanh có tính cách phê bình nhật báo — đó là chương trình “Gặp gỡ Báo Chí” của hãng CBS (CBS Views the Press) — có một số người theo dõi tương đối nhỏ nhưng quá khích. Song các nhà quảng cáo chẳng ai chịu bảo trợ cho nó cả. Người ta đã cố gắng nhiều để làm cho chương trình đó sống động hơn hoặc có được người bảo trợ, nhưng đều thất bại. Còn nhật báo, chỉ có những báo lớn ở các thủ phủ quan trọng mới có những phê bình gia chuyên phê bình truyền thanh và truyền hình. Nhưng tựu chung chưa có ai phê bình mạnh mẽ và hùng hơn bằng Edward R. Murrow. Ông này đã đưa ra

nhận xét: “Vào những giờ đông khán thính giả, truyền hình nói chung đã cô lập chúng ta khỏi những thực tại của thế giới mà chúng ta đang sống. Nếu tình trạng này cứ kéo dài, có lẽ chúng ta phải đổi câu châm ngôn của quảng cáo thành câu: “Xem trước, trả sau”. Vì chắc chắn chúng ta phải trả tiền cho việc sử dụng cái phương tiện truyền thông mạnh nhất này — mà phương tiện truyền thông này lại cô lập quần chúng khỏi những thực tại phù phàng và cấp thiết cần phải đương đầu nếu muốn tồn tại”.

Trong khi Murrow càn đầu nhóm phê bình gia truyền hình với sự trợ giúp của đồng nghiệp là Fred W. Friendly, thì việc phê bình hữu hiệu nhất của báo chí trong kỷ nguyên này lại xuất phát từ những nhà báo như Walter Lippmann và James Reston cộng với vài chủ biên chính trực như Norman Isaacs của tờ *Louisville Courier Journal* và *Times*. Tạp chí *Columbia Journalism Review* đã tạo ra cả chục tờ báo phê bình nhưng tiếc thay những tờ báo đó không sống được lâu. Còn tờ *Washington Post*, trong một nỗ lực khuyến khích A. J. Liebling của tờ *New Yorker* làm công việc phê bình, đã chỉ định Richard Harwood làm một tay phê bình nội bộ trong một thời gian với nhiệm vụ chỉ trích những nhược điểm của đồng nghiệp. Khi gần hết nhiệm kỳ ngắn ngủi của công việc phê bình này, Harwood viết:

*“Tôi thiết nghĩ rằng vấn đề chính mà chúng ta khám phá được là hầu như chúng ta không biết chúng ta đang làm gì và trong khi thiếu những tiêu chuẩn cho tin tức, chúng ta vẫn hành động tùy theo sự thúc đẩy và thói quen hơn là hành động bằng lý trí và trên những quy tắc.”*⁸⁵

Chỉ có một số ít người như Harwood dám tuyên bố công khai rằng mình hiểu thấu nghề mình. Họ biết rõ những nhược điểm của báo chí và không ngần ngại thảo luận những nhược điểm đó. Nhiêu phê bình gia khác rắng theo gương trung thực của những người này.

TIN VỀ CÁC DỊCH VỤ

Các trang phụ nữ của các nhật báo, bị lơ là trong nhiều năm, đang tự cố gắng để trở thành phương tiện truyền thông và bình luận về những mục phụ nữ thích đọc như nhà cửa, thời trang, nội trợ, nghệ thuật và mỹ nghệ. Công việc đầu tiên trong cuộc cải cách để thỏa mãn nhiều nhu cầu này là phải quét sạch những mục quảng cáo lảng nhãng choán hết chỗ trên trang phụ nữ trong nhiều năm. Các vị chủ biên sáng suốt cũng đã giới hạn việc

“tán dóc” vì thấy rõ rằng những bài “tán dóc” là những sự thanh toán về quảng cáo dưới hình thức này hoặc hình thức khác. Dĩ nhiên khó mà loại bỏ được loại “quảng cáo bổ não” đã từng là một mục tiêu của đám chuyên viên liên lạc báo chí. Nhưng ở chỗ nào có sự kiểm soát, chỗ đó thấy ngay có sự tiến bộ rõ rệt.

Còn một cố gắng đáng kể nữa mà nhiều trang phụ nữ đang thực hiện để trình bày những tin tức về các dịch vụ, đó là đăng những bài về xây dựng gia đình, trang trí, mỹ nghệ trong thế giới thời trang, cách sử dụng đồ đạc tân thời và đồ ăn thức uống, du lịch, y dược và sức khỏe, lợi tức gia đình và những cách dùng thời giờ rảnh rỗi. Ngoài ra, lại còn có thêm một lối loan tin bằng hình ảnh trên nhiều trang phụ nữ — những hình ảnh lạ và hấp dẫn thay vì những bức ảnh chụp cô dâu trong ngày cưới.

Một số phụ nữ sách động trong làng báo đang muốn bỏ hoàn toàn những trang phụ nữ và phân phối những bài thuộc loại này vào những cột tin tổng quát của tờ báo. Giải pháp cải tổ toàn diện này không được hoan nghênh và cũng không nên đem thực hiện. Nhưng có những vấn đề bị cấm trong nhiều năm trên những trang phụ nữ như những chuyện phá thai, ghiền ma túy và mãi dâm, hiện đã được nhiều tờ báo chấp nhận. Các trang phụ nữ đang mở rộng phạm vi. Hầu hết những sự thay đổi trên báo chí ngày nay đều làm cho mọi việc được tốt đẹp hơn. Còn đối với truyền hình, đây là một lãnh vực trong đó phương tiện truyền thông này có một ưu thế hơn báo in nhiều.

TIN THỂ THAO

Những trang thể thao đã sản xuất được nhiều áng văn hay cho nền báo chí Mỹ và cũng để ra nhiều bài lãng nhách. Những ký giả thể thao thượng thặng luôn luôn phải nắm vững cách hành văn cũng như luật chơi của các môn thể thao, và sử dụng thận trọng. Họ dựa vào quyền tự do phát biểu ý kiến, quyền bẩm sinh của ký giả thể thao, để chuyển đạt tới quần chúng qua những thuật ngữ độc đáo hoặc ít hoặc nhiều.

Sự hấp dẫn cao độ của truyền hình, bằng sự trình chiếu các trận đấu với đầy đủ chi tiết quyến rũ, cũng chưa giải quyết được vấn đề làm tin thể thao lắm cảm trên báo, như nhiều người đã tưởng. Chỉ có một số ít nhà bình thuyết thể thao cứ để cho khán giả theo dõi trận đấu mà chỉ hướng dẫn

hoặc giải thích khi cần. Còn hầu hết, khán giả phải chịu đựng một thứ văn chương khó hiểu của các nhà bình thuyết nói tràng giang đại hải mà lại vô duyên, xen lẫn với những phần quàng cáo tràn ngập thành thử khán giả không được xem liên tục và thỉnh thoảng bị khó chịu vì thứ văn chương đó. Lý do là các phóng viên thể thao tài tử chưa hề nắm vững luật chơi của môn thể thao cũng như văn phạm của ngôn ngữ. Họ viết hoặc nói về những trận thể thao giản dị bằng những danh từ quá chuyên môn, hoặc nhét đầy bài tường thuật của họ bằng những câu lặp lại của người khác, chỉ làm độc giả bực mình. Thay vì sử dụng quy ước phát biểu ý kiến, một cách có duyên và đầy đủ ý nghĩa, họ lạm dụng quy ước đó bằng cách viết toàn những điếu không cần thiết. Họ thường tâng bốc các đấu thủ có tiếng, bất kể các đấu thủ này có xứng đáng hay không. Thỉnh thoảng họ cũng la lối mắng mỏ một cầu thủ tự để hụt một trái banh và làm thua trận đấu. Và đó là trọng tâm của vấn đề. Các ký giả tài tử không hề học cách chơi môn thể thao đó — đúng ra, đó mới là phần quan trọng trong công tác một phóng viên thể thao. Và đó cũng là điểm phân biệt giữa bọn tài tử và một nhóm nhà nghề — nhóm này vẫn ngự trị trên diễn đàn thể thao.

Những mô thức của tin thể thao. Vì hầu hết những người ưa chuộng thể thao đầu đã biết kết quả cuối cùng của một trận đấu qua truyền thanh hoặc truyền hình trước khi các báo phát hành, điếu quan trọng trong việc viết tin thể thao trên báo là nói rõ kết quả đạt được bằng cách nào và tại sao. Thế có nghĩa là những kỹ thuật của người viết đặc ký đã trở thành chính yếu trong các trang thể thao mặc dầu vài chủ biên vẫn còn đòi hỏi lối viết mở đầu trực thuật tóm lược (làm như không có sự hiện diện của truyền hình trên thế gian này). Nhưng nếu phải đọc một bài tường thuật tỉ mỉ một hiệp đấu của một trận túc cầu nào đó mà trận này lại kết thúc từ lâu trước khi báo ra, thì cũng chán thật. Nhật báo đã phải mất nhiều năm mới thích nghi được với thực tế là phải tranh đua với các ngành truyền thông điện tử, ấy thế mà cũng còn có một số báo chưa thích nghi nổi. Nhưng những báo tiến bộ đã biết áp dụng những phương pháp giúp cho việc viết tin nói chung có hiệu lực và dễ hiểu hơn và đã dùng những phương pháp này vào việc viết tin thể thao nữa.

Dĩ nhiên, cả xưởng ngôn viên truyền thanh truyền hình lẫn ký giả nhật báo không thể chu toàn công tác sản tin thể thao nếu không hiểu rõ về những chuyện mình sắp diễn tả, ở cả hai ngành làm tin, có hai điếu kiện cần thiết

nhất là sự chính xác và sự cô đọng. Khách mộ điệu thể thao thường tự hào mình là tay sành sỏi. Họ muốn được nghe hoặc đọc để biết những cái “bên trong” của trận đấu, giống như các nhà văn chăm chú suốt ngày vào những nhân vật nổi tiếng có thể dùng làm mẫu mực cho những nhân vật của một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn. Tuy nhiên, có những môn thể thao dễ diễn tả, có môn khó, lại phải tùy theo những mô thức môn thể thao đó.

Một môn rất dễ tường thuật là môn dã cầu. Những “pha” của trận cầu, kết quả cùng những nguyên do thắng bại, có thể tóm tắt nhanh chóng, và dẫn chứng bằng những pha then chốt. Thêm vài chi tiết nữa là bản tin có thể coi như đầy đủ. Sau hết, không phải trận đấu nào cũng có thể viết như thế đó là một trận quốc tế.

Quyền Anh và đua ngựa cũng vậy, chỉ cần những mô thức giản dị chứ không cần kiểu cách phức tạp. Điều quan trọng ở đây, nhất là trên truyền hình, là cái chi tiết khiến cho những hình ảnh nhỏ bé trên màn ảnh trở nên sống động — từng cú đấm trong trận quyền Anh, hoặc từng đợt vọt lên của cuộc đua ngựa. Nói chung, những bài tường thuật những cuộc đua tranh toàn đội như bơi, quần vợt, polo, khúc côn cầu, đấu tương đối dễ viết.

Tuy nhiên, môn túc cầu có lối chơi phức tạp và khó theo dõi. Người thuyết minh một trận túc cầu phải giản dị hóa, và phải giảng giải cho khán giả biết cái gì đang diễn ra, tại sao như thế, chứ không nên xa xả nói về những chi tiết kỹ thuật rắc rối. Tóm lại, dù nói hay viết cũng cần phân tích kết quả trận đấu, chọn lựa những pha chính yếu, và tạo cho quần chúng cái cảm giác như chính họ tham dự trong bài tường thuật.

Những môn thể thao, ở thao trường và sân banh, mỗi môn đều có những khúc mắc cần được các tay nhà nghề thông thạo môn đó hướng dẫn mới hiểu nổi. Điều này đặc biệt đúng trong những kỳ Thế Vận Hội tổ chức bốn năm một lần. Tiếc thay tin tức trong những kỳ Thế Vận Hội này thường dở ẹc thay vì hứng thú, chỉ vì các phóng viên và các người diễn giải chỉ biết có các đấu thủ “gà nhà”, và chỉ tường thuật kết quả những vụ Hoa Kỳ thắng hay bại mà thôi. Thực ra, trong bất cứ cuộc đua tranh thể thao nào, việc tường thuật cũng có thể hấp dẫn, tốt đẹp được nếu phóng viên hôm đó chịu khó làm quen trước với các đội dự tranh, tìm trước các thành tích và tài liệu bổ túc về các đội này, tới thao trường sớm hơn mọi người để phối kiểm lần cuối. Nếu chờ cho đến lúc trận đấu bắt đầu rồi mới viết thì sẽ sa lầy giữa đám chi tiết. Nhưng nếu biết trước rằng các môn thi nhảy sào, chạy nhanh và nhảy rào có thể là những môn hào hứng, thì cuộc đua trở

thành dễ dàng theo dõi ngay. Cái không thể đoán trước được là biến cố bất ngờ như vụ nhóm du kích Ả Rập tàn sát các lực sĩ Do Thái gây ra một thảm cảnh trong kỳ Thế Vận Hội 1972.

Nói về bóng rổ, với đội bóng bảy người và lối tính điểm rắc rối, thì đây là một môn hợp với một kỹ toán viên hơn là một phóng viên. Chơi bóng rổ thì khoái, nhưng xem đấu trên truyền hình, hoặc viết tường thuật trận đấu thì chán chết.

Như vậy, hiển nhiên là mô thức của môn thể thao liên quan mật thiết đến mô thức tin tức thể thao. Những môn chơi tốn tiền nhiều như đua ngựa, quyên Anh, dã cừu, túc cừu, là những môn hấp dẫn; nói chung, những môn thể thao nhà nghề có đông người xem hơn. Những môn thể thao tài tử thường chỉ hấp dẫn đối với các cựu học sinh, sinh viên các trường hoặc thân hữu các đấu thủ, ngoại trừ những đội túc cừu của các trường tranh giải toàn quốc hàng năm, vừa thu lời vừa có danh nhờ những hợp đồng ký với đài truyền hình.

Tuy nhiên, sự khai triển mới nhất trong lãnh vực thể thao, tức là sự gia tăng số người theo dõi các môn như đua xe hơi, đua thuyền máy và thuyền buồm, săn bắn, câu cá, trượt tuyết và lướt băng, đã mở ra nhiều viễn ảnh mới cho các trang thể thao. Những môn này lại khó theo dõi trên truyền hình một cách liên tục. Và lại, một tôn thờ xe hơi đã phổ quát trong giới trẻ đến nỗi một tờ bình thường không đáp ứng được đòi hỏi của họ. Tom Wolfe có lần đã nói quá đáng khi cho rằng trong các ngành truyền thông hiện đại không có gì tượng trưng được đúng những khao khát của đám thanh thiếu niên ưa chuộng thể thao. Hơn nữa, đúng ra có một số rất lớn các bạn trẻ bỏ khán đài để nhảy vào sân chơi. Thời đại của các đấu thủ lão thành chưa thể chấm dứt được, nhưng theo ý của Wolfe, các đấu thủ tài tử đang phát triển nhiều điều hấp dẫn mới khiến cho tài nguyên của các phương tiện truyền thông phải cạn dần.

Làm tin thể thao. Ký giả thượng thặng Red Smith, xem trận túc cừu Bộ Binh và Hải Quân ở Philadelphia, đã viết như sau:

Như một sử gia nào đó chuyên về vấn đề giải trí ở Mỹ đã viết hồi xưa: “Đó là một ngày lý tưởng cho túc cầu — một ngày quá lạnh đối với khán giả mà cũng quá lạnh đối với cầu thủ nữa”. Đối với 100.000 khách từ đủ các quốc gia đến, kể cả Nga Sô và Monaco, ngồi xem với hai hàm răng rung cầm cập như tiếng phách gõ vào cỗ chai ở Vận Động

Trường Đô Thành hôm qua, câu nói trên có vẻ tóm lược đủ diễn tiến trận cầu thứ 59 giữa Bộ Binh và Hải Quân.

Sau đó, Smith nói loanh quanh để nhắc đến tỷ số 22/6 phần thắng về đội Bộ Binh, chuyện này đối với Smith không quan trọng mấy vì ai đọc tin này cũng đều đã biết rồi. Điều quan trọng hơn đối với độc giả là quan điểm của Smith về trận đấu:

Trận đấu hình như tẻ nhạt nếu so với các trận trước đây giữa hai đội Bộ Binh và Hải Quân chỉ vì trời lạnh chết người. Dù không muốn bỏ dở một trận cầu mà họ tấn công từ xa xôi lặn lội tới coi, khán giả cũng tà tà chuồn ra trên con đường lạnh tẻ người ngay khi nửa trận đấu vừa dứt, để tìm về một căn phòng khách sạn ấm cúng, có khi còn được xem ở phía bên kia sân cảnh tượng một anh đàn ông đánh vợ, thú hơn...

Không giống Red Smith, một ký giả thể thao và người diễn giải trung bình tự đắm mình vào chi tiết kỹ thuật nhiều quá đến nỗi họ quên tuốt luôn chính trận đấu và những người tham dự trong trận đấu hoặc xem trận đấu. Các ký giả điện tử thì lại trở thành nô lệ cho một đồng hồ đồng hồ và những nhân viên họ mang theo. Còn các phóng viên nhật báo lo viết sao có ba bài riêng biệt về một trận đấu để đăng trên nhiều báo — thật là một phương thức tốn thì giờ, tốn tiền mà lại chẳng lợi lộc gì ở cái thời đại truyền thông khoảng khắc này.

Vì kỹ thuật viết nhiều bài về một tin vẫn có nhiều nhật báo dùng nên ở đây cũng xin ghi những điều quan yếu, mặc dầu không ai tin rằng kỹ thuật này sẽ tồn tại lâu dài:

1. *Bài viết sẵn* (advance story): Bài này bắt đầu bằng một phần mở nói về tình trạng liên quan tới hai đội cầu hoặc những con ngựa đua đã sẵn sàng cho trận đấu hoặc cuộc đua. Phần còn lại của bài chỉ đưa thêm tài liệu bổ túc về câu chuyện, nếu có thêm chi tiết về đấu thủ và khán giả cũng nên cho vào, rồi kết thúc làm cho có thêm tin tức về phần đầu của trận đấu càng hay. Nếu trận đấu khởi sự trước khi báo lên khuôn, có thể thêm bài chèn (insert) nói về kết quả sơ khởi. Nên nhớ rằng dù báo ra sớm thì bài viết sẵn cũng có vẻ kỳ kỳ. Phải giả thiết là độc giả hoàn toàn dựa vào báo mình để biết tin tức, và sẽ mua tiếp tờ buổi chiều để biết cả các chi tiết. Giả thiết này hồi xưa còn đúng, nhưng lâu nay đã sai hết rồi.
2. *Bài tiếp theo* (running story): Tùy loại báo, bài viết theo thì biên niên (theo thứ tự thời gian) được coi là bài B (B copy hay B matter)

hoặc chỉ cần ghi chữ “còn tiếp” khi báo ra, phóng viên tại chỗ, hoặc chủ biên ngồi nhà chỉ cần chụp lên đầu “bài” đó một phần mà hai đoạn. Khi trận đấu kết thúc, một phần mở khác có tính cách tổng kết lại được đặt vào, cùng với những chi tiết kết thúc.

3. Nếu loại “bài tiếp theo” được viết khéo léo và vừa chỗ, nó có thể dùng được. Nhưng thông thường, các ký giả thể thao lại ham viết đi viết lại, lấy lý là lần sau văn phải hay hơn lần trước. Đáng tiếc là ít khi hay hơn.

Trong những hoàn cảnh khốn khổ này chẳng ai làm xuất sắc được. Nếu mục đích là để theo kịp truyền thanh và truyền hình, thì mục đích này chẳng thể nào đạt được. Nếu là để tiết kiệm chỗ trên trang báo, thì thiếu thực tiễn. Tiết kiệm kiểu này chỉ làm tốn chỗ thêm. Các tạp chí thời sự biết cách làm tin tóm tắt mỗi tuần mà không khiến cho độc giả khoái tin thể thao phải nghĩ rằng họ bị lừa. Chẳng sớm thì muộn rồi các nhật báo cũng phải chấp nhận một điều hiển nhiên là cách tốt nhất để làm tin thể thao là chờ cho mãn cuộc và viết thật cẩn thận. Chẳng có mấy trận đấu quan trọng đến độ phải đăng bài nhiều kỳ báo để chạy đua với truyền thông điện tử.

Thế hệ trước đã say mê lối viết tin thể thao theo trường phái “A, tuyệt diệu!” của cây viết sành sỏi Heywood Broun. Thế hệ này lại khoái lối bình luận hời hợt của Heywood Hale Broun (con ông Broun kia), trên truyền hình. Và đó cũng là thức đo hồ ngăn cách giữa hai thế hệ trong việc làm tin thể thao.

CHƯƠNG 28. BÁO CHÍ PHỤC VỤ CÔNG ÍCH

Phục vụ công ích là một truyền thống đáng hãnh diện nhất của làng báo Hoa Kỳ. Người ta vẫn thường cho rằng ký giả là người lính canh những quyền lợi công cộng. Từ thời Benjamin Franklin, người đã tranh đấu trên tờ *Pennsylvania Gazette* đòi hỏi nhà cầm quyền phải bảo vệ an ninh nhiều hơn nữa cho người dân ở Philadelphia, lịch sử báo chí đã đầy rẫy những trường hợp trong đó các phóng viên, biên tập viên và chủ biên kiên quyết và tận tâm góp phần vào việc cải thiện đời sống những người đã tin cậy họ. Nếu lý tưởng này không cổ vũ được tất cả các phương tiện truyền thông nói chung và nếu vẫn còn có quá nhiều trường hợp thờ ơ và cả phản bội quyền lợi của công chúng giữa một nhóm người chỉ chuyên đặt tư lợi lên hàng đầu thì cũng không thể làm giảm bớt sự phục vụ hăng say của những người lãnh đạo các nhật báo và thông tấn xã, các tạp chí và các phương tiện truyền thông điện tử. Họ đã tô một điểm son cho làng báo Hoa Kỳ trong việc phục vụ công ích.

Nếu nhật báo đi tiên phong và đông đảo hơn hết trong địa hạt này thì đó là vì nhật báo đã sống lâu năm hơn và đã có nhiều kinh nghiệm hơn trong các vấn đề quan trọng liên hệ đến quần chúng. Nhưng các tạp chí cũng có những thành tích sáng chói khi chống lại những vụ hủ hóa ngay từ đầu thế kỷ này. Còn về truyền hình, chỉ cần gọi lại chuyện ký giả Edward R. Murrow tranh đấu chống chủ thuyết McCarthy hoặc cuộc tấn công của hệ thống truyền hình CBS vào cuộc tuyên truyền quân sự trong vụ “Bán Đứng Ngũ Giác Đài” cũng đủ chứng minh lợi ích của nó trong việc phục vụ công ích.

Dù có bao nhiêu khó khăn chằng nữa, người ta cũng đã phải công nhận rằng ở Hoa Kỳ ngày nay cứ tỏ ra quan tâm đến công ích là nắm được một trong những chìa khóa để làm báo thành công trong kỷ nguyên này.

BÁO CHÍ VÀ QUẦN CHÚNG

Thật không có cách nào giúp cho một tờ báo chiếm được sự kính trọng và lòng mến chuộng của cộng đồng lại tránh được mọi rủi ro, rắc rối và đôi khi cả một cuộc tranh đấu gay go để sống còn. Các chủ biên và các chủ

nhiệm thực tiễn đầu biết đi đầu đó. Ấy thế mà, ngày qua ngày khác, giữa thời buổi đen tối vì khủng hoảng triền miên này, các nhật báo dù cỡ, dù khuynh hướng chính trị vẫn chấp nhận sự thách đố là phục vụ công ích.

Những người tranh đấu. Với sự hỗ trợ của những chủ nhiệm có tinh thần phục vụ quần chúng, nhiều chủ biên đã đặt nguyên tắc cho mình là đứng ở thế cô đơn trong một cuộc khủng hoảng. Các nhà phê bình báo chí có thể nhận rõ và chứng minh được rằng đảm lược của báo chí có tính cách thương mại hơn đôi khi thay đổi tỉ lệ thuận với khoảng cách từ vùng hiểm nguy. Tuy nhiên, trong vòng 60 năm nay, hồ sơ của giải Pulitzer đã từng được tô điểm bằng những gương sáng của các báo, lớn cũng như nhỏ, dám chọn vị thế cô đơn căn cứ trên nguyên tắc mặc dầu đứng ngay ở địa đầu giới tuyến của cuộc đấu tranh.

Khi Thống Đốc Tiểu Bang Florida đang chống lại một lệnh của tòa án về việc bãi bỏ nạn kỳ thị chủng tộc một cách ôn hòa tại các trường của Tiểu Bang, báo *Gainesville Sun* đăng một loạt những bài xã luận mạnh mẽ của Horance G. Davis Jr. bênh vực trường hợp thuần nhất chủng tộc. Trong thành phố thép Bethlehem, Tiểu Bang Pennsylvania, khi cả cộng đồng sôi động vì những cuộc đụng độ giữa cảnh sát và công nhân người Puerto Rican, chính chủ biên tờ *Globe-Times* ở đó là Joha Strohmeier đã đứng về phía thiểu số người Puerto Rican và liên tiếp công kích cảnh sát.

Còn có nhiều trường hợp khác tương tự bị dưới áp lực nặng nề. Một nữ phóng viên và một nhật báo nhỏ ở Texas — cô Care Brown và tờ *Alice Echo* — đã cùng cật lực đầu một cuộc vận động và đã chấm dứt được tệ trạng bè phái cai trị bằng bạo lực của một nhóm chính trị ngay ở Quận Duval kề cận. Trong Tiểu Bang Oregon, chủ biên Robert W. Ruhl và tờ *Mail Tribune* ở Melford cũng dấn thân vào một vụ tương tự trong một hoàn cảnh không kém phần nguy hiểm. Trong Tiểu Bang California, tờ *Register-Pajaronian* ở Watsonville đã phơi bày một vụ tham nhũng tại văn phòng địa phương khiến một ông quận trưởng phải từ chức. Đó không phải là chuyện tầm thường đối với một tờ báo nhỏ. Tờ *Globe* ở Boston cũng đã cho thấy khả năng của một tờ báo lớn trong một trường hợp tương tự bằng cách cung cấp hơn 100 lời tố cáo sau cuộc đi đầu tra của chính quyền địa phương ở Somerville thuộc Tiểu Bang Massachusetts và tờ *Newsday* ở ngoại ô Long Island đã công kích chính sách đi đầu địa của một guồng máy chính quyền

tàn bạo làm cho nhiều viên chức hành chính và chánh trị gia địa phương phải từ chức.

Những chiến sĩ truyền thanh. Không còn có gì để nghi ngờ về ảnh hưởng của người ký giả truyền thanh. Khi được phép hoạt động vì công ích, ký giả này sẽ có một tiếng nói mạnh mẽ nhất. Thật vậy, vào những ngày trước khi Đệ Nhị Thế Chiến xảy ra, một nhóm phê bình gia trên đài phát thanh do Elmer Davis dẫn đầu đã là những người đầu tiên cho quốc dân biết mối nguy ghê gớm do các cường quốc thuộc khối Trục gây ra. Đi đầu này cũng lại đúng trong những ngày truyền hình mới bắt đầu hoạt động khi nhóm Edward R. Murrow và Fred W. Friendly tranh đấu để phục vụ công ích. Và cũng lại càng đúng ngày nay khi chỉ trong vòng có một năm, nhiều tài liệu “động trời” được tiết lộ như “Cuộc Bán Đứng Ngũ Giác Bài” của hệ thống CBS, “Công Lý ở Hoa Kỳ” của hệ thống NBC, “Người của Chú Sam” nói về việc Quân Đội coi giữ thường dân, “Cơ Quan Biều Tra Liên Bang FBI” và “Cuộc Khủng Hoảng Dược Phẩm ở Đông Harlem” của đài WABC-TV. Những đài nhỏ hơn cũng tỏ ra không kém phần quan trọng và cũng đã tranh đấu cho chính nghĩa với đầy đủ khả năng và nhiệt tâm mặc dầu có những bất lợi thông thường là quá ít thời gian phát thanh và ngân sách eo hẹp.

Vậy thì cái gì là sai lầm? Theo bản nghiên cứu về Báo Chí Truyền Thanh của Tổ chức Dupont-Columbia khoảng đầu thập niên 1970, nếu ảnh hưởng gia tăng thì thời lượng chính yếu mà các hệ thống phát thanh dành cho tin tức và các dịch vụ công cộng lại bị giảm xuống một cách không chối cãi được. Trong thời kỳ đó, thời lượng kể trên chỉ chiếm khoảng hai phần trăm thời lượng của hệ thống truyền hình và có thể còn kém nữa tại nhiều đài địa phương. Một ký giả truyền thanh rất nhiệt tâm, Andrew Rooney, đã phàn nàn: “Đi đầu làm tôi sửng sốt là ở truyền hình có một quan niệm rằng cái gì không phải giả tưởng không thể lôi cuốn được khán giả”. Khốn thay, có trường hợp chứng minh: trong bảng liệt kê hàng năm của Nielsen về 188 chương trình đặc biệt, tài liệu đi đầu tra đặc sắc nhất trên truyền hình “Đứa Bé Này Bị Coi Là Tục Tũ” bị sắp hạng thứ 114”.⁸⁶

Tuy nhiên, việc này không có nghĩa là chương trình đặc biệt về dịch vụ công cộng hoặc phóng sự đi đầu tra luôn luôn không được ưu đãi trên truyền hình. Trải qua năm thế kỷ, khi trí thông minh của con người chỉ được lưu

truyền bằng hình thức ấn loát, sự thờ ơ của dân chúng thật là dai dẳng và nặng nề. Nhưng khi gặp lúc, luôn luôn có những tiếng nói mạnh mẽ đáp lại sự thách đố, như William Lloyd Garrison đã làm về vấn đề nô lệ ở Hoa Kỳ. Ông nói: “Không nên thúc dục tôi phải ôn hòa trong trường hợp này. Tôi đang hăng say. Tôi sẽ không mơ hồ. Tôi sẽ không lùi một bước và *tiếng nói của tôi sẽ có người nghe*”.

Về thí dụ những việc mà truyền hình có thể làm được, đài KNBC ở Los Angeles đã mạnh dạn dẫn thân vào ngành báo chí bảo vệ môi sinh với tài liệu “The Slow Guillotine” làm xôn xao cả vùng khác, nhất là vùng phía Tây Bắc Thái Bình Dương, nơi mà đài KING-TV ở Seattle công kích sự ô nhiễm qua một loạt chương trình liên tiếp mệnh danh là “Ngày Thứ Tám” (The Eight Day). Đây không phải là những loại chương trình được các nhà quảng cáo hoan nghênh. Những cuộc nghiên cứu về môi sinh không được phần lớn giới kinh doanh và kỹ nghệ ưa chuộng, như vậy có nghĩa là ký giả truyền thanh không đếm xỉa gì đến dấu hiệu “bảng đỏ” khi gặp phải những trường hợp ô nhiễm địa phương. Cho thấy cá chết trên sông Rhin rất có thể được; tuy nhiên, vấn đề lại khác đi nếu ở trên sông Hudson, Ohio hoặc Duwamish.

Truyền hình cũng đã mạo hiểm đi vào những lãnh vực khó khăn khác. Một trong những lãnh vực này là quan hệ giữa các chủng tộc ở Jackson, Tiểu Bang Missouri, đài WLBT-TV đã đi đầu tra về sự kỳ thị trong vấn đề nhà cửa mặc dầu sự thù nghịch ở địa phương này rất sâu đậm. Đài WMC-TV ở Memphis cũng thực hiện một chương trình tương tự mệnh danh là “Một Nơi Cư Trú An Toàn” (One Good Abode). Và ở Los Angeles, đài KNXT đã nghiên cứu kỹ lưỡng về nghịch cảnh của giới lao động bất hợp pháp gốc Mỹ Tây Cơ trong miền California, dưới nhan đề “Xa Lạ và Bất Hợp Pháp” và đài KUTV ở thành phố Salt Lake cũng đã tường thuật về những nỗi khó khăn của người Da Đỏ ở Tiểu Bang Utah trong chương trình “Người Chiến Sĩ Không Một Khí Giới” (Warrior Without a Weapon).

Ghiền thuốc, tù tội, rượu chè và xả dầu ra ngoài biển (gây ô nhiễm) là những đề tài lôi cuốn những chiến sĩ truyền thanh. Đi đầu đáng phàn nàn là con số những ký giả này vẫn còn quá ít.

Những môi trường phục vụ công ích. Trong khi vai trò “lính canh” do các phương tiện truyền thông đảm nhận để hỗ trợ chính quyền trở nên quen thuộc và phổ quát nhất thì mũi dùi của ngành báo chí phục vụ công

ích hiện nay lại hướng về các môi trường mới đang được mở rộng như quyền công dân, giới tiêu thụ, lạm phát, bảo vệ sức khỏe, cuộc chiến chống nghèo đói trong tất cả các khía cạnh của nó. Nhiều nhật báo và đài phát thanh đã nghiên cứu rất tỉ mỉ những cộng đồng da đen, Puerto Rican và những gì có thể thực hiện được để cải thiện cuộc sống của họ. Những vấn đề mới khác cũng được nghiên cứu như vậy. Một trong những cuộc thí nghiệm gây nhiều chú ý nhất trong những năm gần đây là nỗ lực của hệ thống báo chí Gannett trong việc tìm kiếm và đăng tải những câu chuyện về những thành công trong cuộc tranh đấu cho quyền công dân, nhằm “phản pháo” cái cảm tưởng nặng nề về xung đột và thất bại...

Vấn đề cải thiện chế độ lao tù cũng được một số lớn nhật báo và đài phát thanh quan tâm đến luôn luôn với những bài tường thuật trên báo và những cuốn phim tài liệu ghi lại những điều kiện sinh hoạt bên trong nhà lao. Những ký giả Harold Eugene Martin của tờ *Montgomery Advertiser* và tờ *Alabama Journal* đã phá vỡ mô thức cũ bằng một bài tường thuật về một kế hoạch thương mại dùng phạm nhân ở Alabama để thí nghiệm được phẩm và lấy huyết thanh của những người này. Và đài KLZ ở Denver đã cho phổ biến một cuộc phỏng vấn năm tử tội đang ngồi chờ giờ hành quyết; hai người trong số này sau đó đã bị bắn chết trong khi toan tính đào tẩu.

Trong cuộc tranh đấu cho việc phân định lại nhiệm vụ lập pháp theo phán quyết của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ là các quận phải có quyền tương đối ngang nhau — nghĩa là “mỗi người dân, một lá phiếu” — nhiều nhật báo nhất định hành động để đem lại những cải cách bầu cử [ở] tiểu bang mình. Một trong những thành công lớn là tờ *Hutchinson News* ở Kansas đã phải “đáo tọng đình” để đạt được sự phân lại nhiệm vụ lập pháp thực sự. Ở New York, đài phát thanh WMCA cũng đóng một vai trò then chốt trong cuộc tranh đấu đòi phân lại nhiệm vụ lập pháp này.

Còn có nhiều nỗ lực lớn khác trong những lãnh vực làm tin phục vụ công ích. Tờ *Post Dispatch* ở Saint Louis đã mở đường cho cuộc lạc quyền để gây quỹ tân trang cho trung tâm cũ nát của thành phố. Báo này đã thành công mặc dầu lúc đầu bị thất bại. Ở hàng chục cộng đồng khác, nhật báo cũng được coi là điểm tựa chính cho các nhóm cải tiến dân vụ đấu tranh đòi tái thiết đô thị. Tờ *Daily News* ở Chicago phát động một cuộc vận động bất thường là phổ biến quan niệm và cách thức hạn chế sinh đẻ trong các gia đình nghèo túng ở Illinois, và cung cấp cho họ mọi giải đáp thắc mắc

với phí tổn được Tiểu Bang đài thọ. Và tờ *Free Press* ở Detroit cũng có công lớn trong việc phổ biến cả tin tức lẫn sự hiểu biết về phong trào phổ quát do Công Đền Vatican phát động.

Các phương tiện truyền thông có thể và sẽ làm được nhiều việc nữa trong lãnh vực này và những lãnh vực phục vụ công ích khác.

Cái không phải là phục vụ công ích. Dĩ nhiên, có nhiều cách giả mạo mục đích phục vụ công ích trong báo chí. Nhưng nhờ uy tín của nền báo chí Mỹ, chỉ có một ít nhật báo, tạp chí và đài truyền thanh truyền hình vô liêm sỉ đến độ tìm cách câu độc giả hoặc thính giả bằng những thủ đoạn khả nghi. Đó đây, người ta có thể tìm ra một cơ sở báo chí nào đó khai thác những vụ liên quan đến nghiện ngập, dâm loạn, nhưng lại tránh né việc đụng chạm với một bộ máy chính trị. Đôi khi, có tờ báo giữ một bề mặt nghiêm chỉnh, chống lại mọi hình thức cờ bạc, nhưng vẫn đăng kết quả số đề. Có lúc người ta thấy một đài bá âm, một tạp chí, hoặc một nhật báo quây lên một loạt bài công kích tội lỗi nhưng sau khi cho thấy tội lỗi có thực, lại bỏ mặc phần tường thuật đi vào những chi tiết đầu đầu để câu độc giả.

Loại bài công kích giả tạo đó chẳng đánh lừa được ai, nhất là quần chúng. Nếu lúc đầu có nâng cao được số phát hành báo hoặc số thính giả hoặc khán giả, thì cuối cùng cũng “xum” luôn. Chỉ có bộ biên tập là “lãnh đủ” vì thấy rõ tư cách của các bậc lãnh đạo của mình hoàn toàn là con số không. Người đảng hoàng không thể cộng tác lâu dài với một cơ sở tũn bại được,

Truyền thông lương tâm. Hãy đối chiếu những trò hề báo chí giả bộ phục vụ công ích vừa nói với mỗi quan tâm đích thực do Ashmore nói lên trong ngày kỷ niệm hai mươi năm thiết lập Học Bổng Nieman ở Đại Học Harvard, để xem báo chí đúng đắn có thực sự thông tin cho dân chúng Mỹ hay không.

Có lẽ điều cần thiết nhất đối với chúng ta chỉ là lòng can đảm trong những điều tin tưởng của chính chúng ta — nghĩa là nhận định được rằng tin tức không phải chỉ là bản ghi những sự kiện và những ý kiến khả tín mà là một thứ sử ký biên niên về thế giới chúng ta đang sống trong khuôn khổ của những giá trị đạo đức. Chắc hẳn chúng ta sẽ lâm lộn và bị lạm dụng nữa — nhưng ít nhất chúng ta giữ được vị trí cao điểm của một tháp canh, cố gắng tường thuật tin tức trong tất cả các khuôn khổ của nó.

Chính loại xác tin này đã mang những giải Pulitzer về phục vụ công ích tới cho các chủ biên và các nhật báo đã từng phục vụ công ích. Bên những người đoạt giải, còn biết bao người ở mọi cấp bậc trong làng báo đã đổ mồ hôi mà không cần đoạt giải hoặc ít được nổi danh trên khía cạnh nhỏ bé nhưng không kém quan trọng của làng báo hôm nay.

Đó là truyền thống cao cả nhất của nghề báo — truyền thống lương tâm, theo lối nói của Joseph Pulitzer Jr.. Thiếu truyền thống này, một chủ biên chỉ còn là một con dấu cao su khắc với những thành kiến của đám đông hỗn loạn; và tờ báo chỉ còn là một mớ giấy vô dụng hoặc được dùng để gói cá, thay vì phải là một tờ ký sự đáng kính của chính đời sống.

LOẠI BÀI XÃ LUẬN

Trang xã luận đang trải qua một thời kỳ phục sinh tối cần thiết, và chương trình bình luận trên truyền thanh và truyền hình cũng trở nên mạnh hơn. Ngay cả các tạp chí thời sự cũng đang đi đến chỗ cần có một phần riêng biệt cho bình luận hàng tuần. Sự lưu tâm thêm vào loại bài xã luận có được là nhờ phần lớn ở sự bành trướng của nền báo chí phục vụ công ích; vì, nếu không có sự yểm trợ mạnh mẽ của phần bình luận cũng như sự huy động các tài nguyên của đoàn thể tổ chức làm tin thì rất nhiều cuộc vận động đã bị tàn lụi trong vòng vài ngày.

Có nhiều định nghĩa thế nào là quan điểm tòa soạn và một trang xã luận hoặc một chương trình bình luận đứng đắn phải được thực hiện như thế nào. Hiển nhiên đó phải là một cái gì cao cả hơn tiếng nói của một chủ nhân, hơn chiếc xe vận chuyển tài lợi và thành kiến của ông ta hoặc của các chủ biên cao cấp. Muốn cho được đúng mức thì mục bình luận phải đại diện cho cả cộng đồng hoặc một vùng trong quốc gia. Dĩ nhiên có lắm tờ tự xưng là nói lên tiếng nói của toàn dân, nhưng chẳng mấy tờ chứng minh được điều đó. Và lại, mục bình luận phải là một thị trường tự tưởng, chứ không phải một cái giỏ đựng một mớ cột báo và bài in lại nhằm thỏa mãn mọi thành phần độc giả.

Điều người chủ biên tin tưởng. Người ta dự đoán vào năm 1980 sẽ có khoảng 85 phần trăm thanh niên Hoa Kỳ từ 18 đến 21 tuổi theo học đại học và đến năm 1985 sẽ có khoảng 88 triệu sinh viên tốt nghiệp. Như vậy,

những người được tuyển vào làng báo của chúng ta ngày nay mà mục đích sau này trở thành những nhà lãnh đạo nền báo chí Hoa Kỳ không thể là những kẻ bảo thủ ngu dốt, thiên cận và đậy thành kiến. Họ phải được chuẩn bị để tiến bộ theo thời gian — nói giản dị — có nghĩa là lãnh đạo. Và trong ngành báo chí, tài lãnh đạo có thể được sử dụng thích hợp nhất, đúng mức nhất trong phần xã luận, trang xã luận, hoặc chương trình bình luận.

Trong bất cứ cuộc thảo luận nào về nhiệm vụ biên tập, người ta thường ghi nhận những trang xã luận đứng hạng khá thấp trong các cuộc nghiên cứu ý kiến độc giả về tờ báo; và các chương trình truyền thanh, truyền hình chuyên về bình luận cũng thường bị sắp hạng gần cuối trong những thống kê đo lường khán thính giả. Dĩ nhiên, đi đâu mà các cuộc nghiên cứu này không cho thấy là loại người nào thường đọc trang xã luận hoặc nghe các chương trình bình luận. Trong nhiều cộng đồng, các nhà lãnh đạo là những người đầu tiên lưu tâm đến nội dung bài xã luận và dường như cũng là những người dễ bị ảnh hưởng nhất. Như vậy, mặc dù phần xã luận không được nhiều người đọc lắm nhưng lại có thể có một tác dụng quan trọng trong việc tiến tới các quyết định. Những người lãnh đạo cộng đồng đầu biết rõ đi đâu này.

Một vài đài truyền hình đã có khuynh hướng xã thuyết hóa nhưng thật ra cũng vẫn chưa có tầm quan trọng như phần bình luận của báo chí và dường như không có ảnh hưởng bằng báo chí trong tương lai gần đây. Một phần cũng vì những phương tiện truyền thông điện tử này có quá nhiều giới hạn. Phần khác vì các nhà xã luận của đài truyền hình vẫn còn đang dò dẫm ngó hòi thiết lập cho mình một chỗ đứng trong một lãnh vực của các phương tiện truyền thông đại chúng mà mục đích đầu tiên là để giải trí; Sau hết, vì không có nhiều người viết xã luận tài ba muốn hoàn toàn phục vụ ngành truyền hình.

Đi đâu này không có nghĩa là cả truyền thanh lẫn truyền hình không đạt được một cuộc khởi đầu tốt đẹp trong việc sử dụng cơ năng xã thuyết. Trong vài trường hợp, việc xã thuyết hóa của truyền hình đã tỏ ra rất can đảm và xuất sắc, và chắc chắn là sẽ còn có thêm nhiều thành quả khác nữa. Nhưng có đi đâu là trong số những đài truyền hình do khoảng 130 tờ báo trên toàn quốc làm chủ hoặc chiếm đa số cổ phần lại rất ít đài áp dụng việc xã thuyết hóa một cách hăng say như báo chí đã làm. Stimson Bullitt, chủ ba đài truyền hình ở West Coast đã cho rằng những bài bình luận của các đài bá âm là “Chúng kiểm nhận những con dấu Giáng Sinh”. Tất nhiên, khi

các phương tiện truyền thông điện tử đạt được vị thế và kinh nghiệm, sẽ có thêm nhiều đài tranh đua với chính sách độc lập của nhật báo và tạp chí thời sự. Nhưng phong trào này cũng cần phải một thời gian mới mong có được một đà chuyển động.

Như vậy, hiệu quả của chữ viết vẫn giữ được tiêu chuẩn theo đó ảnh hưởng của xã luận được phán xét trong làng báo Hoa Kỳ. Hiệu quả này có thể rất sâu rộng. Vì những chủ biên ở Hoa Kỳ, lúc đất này còn là thuộc địa, tin tưởng ở tự do nên họ đặt căn bản cho bản Tuyên Ngôn Độc Lập trong đầu óc đồng bào họ. Vì Mohandas K. Gandhi đọc tác phẩm “Bất Tuân Chính Quyên” của Henry David Thoreau “nên ông đã rèn luyện một vũ khí dư luận hùng mạnh giúp toàn bán đảo Ấn thoát khỏi ách cai trị của người Anh.

Trong những trang xã luận của báo chí có quá đủ bằng chứng cho thấy rằng người viết xã luận có thể là một sức mạnh đầy hiệu quả trong cộng đồng của họ nếu họ có đủ chất liệu để làm việc và tự do để sử dụng chất liệu đó với mục đích phục vụ quần chúng.

Viết xã luận. Một trang xã luận xuất sắc chỉ có rất ít hạn chế, cho nên những bài xã luận có hiệu quả, thường khác nhau hoàn toàn từ văn thể đến bố cục. Do đó, thật là phí thời giờ vô ích nếu phác họa một khuôn mẫu cho một bài xã luận dù hay dù dở. Tự bản chất, những bài xã luận phản ảnh tổng quát thị hiếu và tính tình của người viết cũng như hương vị của tờ báo. Trong những trang xã luận của những nhật báo lớn có các buổi họp hàng ngày để ấn định đường lối, để lựa chọn các đề tài thích đáng và để bàn cãi công việc, sự khác biệt về văn thể của từng cá nhân người viết xã luận có thể chịu thêm ảnh hưởng cá tính của chủ biên. Trong các báo nhỏ, chủ biên thường tự viết bài xã luận nếu văn thể của ông có vẻ mạnh hơn.

Ngoài những khác biệt này, hầu hết các bài xã luận đều có vài điểm chung. Những bài này thường ngắn, từ một hai câu đến 1.000 chữ hoặc nhiều hơn nữa. Chúng luôn luôn có một cái chốt liên hệ đến thời sự và một đoạn dẫn đầu loan báo đề tài của toàn bài và liên kết với diễn biến thời sự.

Trong phần khai triển quan điểm về đề tài, những lập luận mạnh mẽ nhất và hùng hồn nhất được sắp đặt theo một khuôn mẫu hợp lý đã thuyết phục độc giả. Hơn nữa, người viết xã luận phải biết xét đoán những lập luận nào có thể đưa ra trong phần phỉ bác và dùng chúng để trả lời trước. Sau cùng, bài xã luận phải chấm dứt với một kết luận vững chắc, rõ ràng và hợp lý, nếu muốn có một hiệu quả nào đó.

Những bài xã luận hùng hồn nhất thường bình tĩnh, không gò bó theo khuôn thức và lý luận vững vàng, tránh dùng sáo ngữ ước lệ. Ngay cả người đọc không mấy trí thức cũng phải cười những bài theo khuôn mẫu “nhìn với sự báo động”, “đưa ra với sự hãnh diện” chỉ gồm một số giải pháp mà không có kết luận nào hoặc chấm dứt với một lời cảnh cáo ẩn ý với độc giả “TÙY ÔNG PHÁN XÉT” (Những chữ Hoa này là do Arthur Brisbane, một bình luận gia của hệ thống báo chí Hearst thuộc trường phái cũ, muốn đưa ra để nhấn mạnh vào điểm đó). Độc giả cũng bực mình trước thái độ ngạo mạn của một số người viết xã luận không nghĩ đến việc giải thích các vấn đề và quay cuồng với lối nói mập mờ quanh co. Dưới đây là một trong những bài xã luận hay nhất của báo chí Hoa Kỳ:

GỬI NGƯỜI BẠN ƯU TU

Bạn bảo tôi rằng luật pháp vượt trên tự do ngôn luận. Tôi xin trả lời rằng bạn không thể có luật pháp khôn khéo trừ phi dân chúng có tự do diễn tả sự khôn khéo — và than ôi — cả sự đại dột của họ nữa. Nhưng nếu có tự do, sự đại dột sẽ tự diệt do chính chất độc của nó và sự khôn ngoan sẽ tồn tại. Đó là lịch sử của loài người. Bạn nói rằng chưa phải lúc đề cao tự do ngôn luận, tôi xin thừa một sự đáng buồn là chỉ vào lúc cần đề cao, tự do ngôn luận mới bị đe dọa. Chẳng ai hỏi đến tự do trong những ngày thanh bình vì không cần thiết. Vấn đề đặt ngược lại cũng đúng nữa, chỉ khi nào tự do ngôn luận bị tiêu diệt, nó mới cần thiết và khi đã cần thiết mới càng cốt yếu cho công lý. Hòa bình thật tốt đẹp. Nhưng nếu bạn thiết tha với hòa bình bằng bạo lực mà không đếm xỉa tới tự do thảo luận nghĩa là phát biểu trong hoàn cảnh và trật tự, thì quan niệm của bạn về hòa bình thật không đáng kể. Hòa bình không công lý là bạo tàn bất luận bạn dùng cách, nào để phủ lên nó một lớp bọc đường. Xứ sở này hôm nay còn bị hiểm nguy trước sự đàn áp hơn là bạo lực, rốt cuộc thì đàn áp cũng đưa tới bạo tàn. Thật vậy, bạo tàn là con đẻ của đàn áp. Bất cứ ai bênh vực công lý đều giúp vào việc duy trì hòa bình; và bất cứ ai chà đạp lên lời biện hộ cho công lý, một nền công lý tạo lập dưới danh nghĩa hòa bình, chỉ nhục mạ hòa bình và tiêu diệt một điều tốt đẹp trong tâm hồn con người mà Thượng Đế đã đem đặt để vào, ngay từ khi ta mới sinh ra làm kiếp con người. Khi điều ấy bị tiêu diệt thì hung bạo lại gặp hung bạo ở mỗi đâu đường.

Bạn thân mến, vì lẽ trên, xin bạn hãy gạt bỏ sự sợ hãi ra ngoài tâm hồn bạn. Quốc gia này sẽ tồn tại, đất nước này sẽ thịnh vượng, sự hoạt động của đời sống sẽ chỉ tuân tự tiến bộ khi con người có thể nói lên bằng bất cứ cách nào để diễn tả những điều ấp ủ trong tâm hồn — bằng lời nói, bằng bưu thiếp, bằng thư từ hoặc bằng báo chí. Chính nghĩa không bao giờ phản bội con người. Chỉ có bạo lực và sự đàn áp mới gây ra những sụp đổ trong thế gian này.

William Allen White

trong tờ Emporia (Kan.) Gazette, 27-7-1922 được giải Pulitzer năm 1923.

KÝ MỤC GIA VÀ BÌNH LUẬN GIA

Một loại báo chí cá nhân khác hiện đang phát triển ở Hoa Kỳ. Loại báo chí này không liên hệ gì với nguyên tắc cá nhân xa xưa của nền báo chí được trưng trưng bởi Greeley và Dana, Pulitzer và Hearst, Victor Fremont Lawson, Adolph S. Ochs và những người cộng tác với họ. Nói một cách khác, nó đánh dấu sự phát triển cá nhân không có quyên lợi chủ nhân trong báo chí và đôi khi còn đối nghịch với đa số chủ nhân nữa.

Lúc biểu dương quan trọng nhất là lúc đóng vai trò ký mục gia với bài báo có ký tên xuất hiện định kỳ trên trang xã luận của một nhật báo lớn và được đem phổ biến rộng rãi qua tổ hợp báo chí, Walter Lippmann là người quan trọng nhất trong số những người này cho tới khi hời hựu vào lúc 77 tuổi và đã gây được một ý thức bền vững cho bộ môn này. Jack Anderson, người kế vị Lippmann, đã luôn luôn tỏ ra là người tranh đấu và có nhiều kinh nghiệm. Còn Drew Pearson, người được coi là ưa tranh luận nhất, đã liên tiếp thực hiện những vụ tiết lộ quan trọng để cho dân chúng biết những tài liệu mật của chính phủ.

Hiện nay, có rất nhiều ký mục gia cũng như đang có nhiều quan điểm về các vấn đề chính trị, xã hội và kinh tế. Trong số những bậc đàn anh của giới này, có James Reston và Joseph Kraft thuộc phe tự do, William F. Buckley và Joseph Alsop thuộc phe bảo thủ, và nhóm của Rowland Evans và Robert Novak gồm những phóng viên làm tin tổng quát và bình luận gia. Ký mục gia phụ nữ gây nhiều ảnh hưởng nhất là Sylvia F. Porter vì đã làm cho môn kinh tế trở thành dễ hiểu đối với độc giả trung bình. Một đi đầu lạ

lùng là với sự gia tăng số lượng ký mục gia đứng đắn, những người bàn phiếm luận nổi tiếng trong thập niên 1930 đã dần dần biến mất. Còn những cây viết hài hước, điển hình là Art Buchwald, vẫn là một khuôn mặt cực hiếm trong đám ký giả.

Trong lãnh vực truyền thanh và truyền hình, những người có quyền lực và uy thế nhất là những người bình luận tin tức. Những đàn anh trong nhóm này là Walter Cronkite, Eric Sevareid, John Chancellor, David Brinkley, Harry Reasoner, Howard K. Smith và một số nhân vật trong ngành truyền hình địa phương ở rải rác khắp nơi và đã đứng vững trước sự thử thách của thời gian. Đem số sánh với số lượng đông đảo hơn nhiều về những bình luận gia của báo in, giới truyền thanh quả thật ít ỏi và tầm mức ảnh hưởng của giới này cũng không được chắc chắn. Trong khi một Lippmann hoặc một Reston ăn mừng một phần lớn của đời mình dành cho sự nghiệp, một bình luận gia cỡ Cronkite lại nghỉ rằng 10 năm thành tích trong lãnh vực này cũng đáng được kỷ niệm rồi.

Trang đối diện với trang xã luận. Sự thúc đẩy phải có một cái gì trên báo để làm hài lòng nhiều người đã đưa đến việc làm tái sinh trang báo mà Herbert Bayard Swope dùng dưới danh hiệu “trang đối diện với trang xã luận” (Op Ed Page) trong tờ *World* ở New York. Nhưng ở nơi nào trang này nổi bật với vài nhân vật danh tiếng trong làng báo Mỹ — bình luận gia, tham luận gia, nghệ sĩ và cả những cây viết hài hước nữa — nó thường có khuynh hướng nặng nề về chính trị. Trừ trường hợp những ký mục gia thành danh giữ mục thường xuyên trên các nhật báo vững chãi như tờ *The New York Times* chẳng hạn, tài liệu đăng trên trang này có tính cách nghiêm trang và nặng nề Nội dung của nó tốt, đứng đắn nhưng không chói sáng.

Thư độc giả. Cứ nhìn số thư từ tới buổi sáng gửi cho một chủ biên, người ta có thể định rõ một cách rất nhanh mức độ tin tưởng của quần chúng dành cho một tờ báo. Những bức thư đăng lên được phán xét qua ngu ồn gốc và nội dung cũng là một cách đo lường tốt đẹp. Bởi vì nếu những cột thư tín không được coi là quan trọng hoặc nếu những cột này do các ký giả bán chuyên nghiệp chỉ muốn thấy tên mình trên mặt báo phụ trách, thì lúc đó chúng mới có thể là sự phản ảnh mức độ phát hành của tờ báo trong cộng đồng. Không một tờ báo nào hằng lưu tâm đến việc phục vụ công ích lại thờ ơ với một trong số những công việc quan trọng nhất là tiếp xúc với

độc giả — mục thư tín hàng ngày. Mục này phải được chuẩn bị để đăng một cách cẩn thận như bất cứ mục nào khác.

BÁO BÍ MẬT

Trong Đệ Nhị Thế Chiến, khi quân Đức Quốc Xã chiếm đóng nhiều nước Đông Âu, nhiều báo bí mật xuất hiện ở Pháp, Ý và một số quốc gia khác để chứng tỏ sức sống của các dân tộc bị áp bức và chống lại quân xâm lăng. Sự kiện này đánh dấu sự phát sinh loại báo bí mật dưới một hình thức mới. Sau khi Hitler và các nước trong khối Trục thất bại, một số những tờ báo bí mật nổi tiếng ra công khai và đứng vững trong cộng đồng. Còn những tờ khác thì đình bản.

Báo bí mật ở Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ, vào lúc phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam lên đến cực độ, một loạt báo non nớt thành hình bởi vì nhiều nhóm thanh niên, nhất là thanh niên ở các trường đại học trên khắp nước, rất hoài nghi loại báo trực thuật (straight press) và cho rằng loại báo này không bao giờ thực sự đại diện cho họ. Loại báo luân chuyển mới này — tự cho là báo bí mật trong một thời gian — không giống loại báo bí mật ở Âu Châu ngoại trừ ý chí chống đối.

Những báo này trong số có từ *Brab* ở Berkeley, tờ *Rat*, tờ *Movement*, ưa đá kích, không theo những qui tắc của tòa soạn và viết theo sở thích. Nếu chúng có đầy rẫy những chuyện mâu thuẫn và tục tĩu, thiếu số trang và ra không đều, đi đâu đó không đáng kể. Chủ đích của chúng là công hiến cho những thanh niên đang nổi giận cái gì mà họ muốn; loại báo này cũng được dân ưa chuộng trong một thời gian. Năm sáu tờ có một số lượng phát hành khá nhưng đa số không sống được lâu.

Báo bí mật thường gặp khó khăn trong việc duy trì số nhân viên tòa soạn chuyên nghiệp nhưng cũng có những tờ chiếm được chỗ đứng ngay cả khi phong trào phản chiến bắt đầu đi xuống. Tờ báo chắc chắn được coi là đàn anh ngày nay về ảnh hưởng chứ không phải về số lượng phát hành là tờ *Village Voice* ở thành phố New York. Tờ này đã đưa các ký giả Jack Newfield và Jules Feiffer lên đài vinh quang. Tuy nhiên, tờ *Voice*, ra mắt từ năm 1955, lúc nào cũng cố gắng để trở thành một xí nghiệp kinh doanh và cũng không được coi là thành phần của báo bí mật. Từ *Rolling Stone*, mỗi

tuần ra hai kỳ, được thành lập từ năm 1967, đặc sắc hơn, xuất thân từ bí mật và rất được ưa thích. Một tờ khác cũng thành công là tờ *Free Press* ở Los Angeles.

Còn rất nhiều tờ khác nữa ở rải rác khắp nước thường cố gắng hoạt động trên quan niệm phục vụ công ích nên được sự kính trọng của một số độc giả cụ thể. Trong số những tờ khá nhất, có tờ *Observer* ở Dallas (Texas) và tờ *Bay Guardian* ở San Francisco (California); cả hai đều được coi là những tờ làm rạng danh cho nền báo chí phục vụ công ích. Trong khi tương lai của những tờ báo này không được chắc chắn vì ít khi có sự bảo đảm về phương diện tài chính, chúng đã làm hồi sinh nền báo chí độc lập ở Hoa Kỳ.

Một phân tích của chủ biên. Một khi phong trào báo bí mật đã đi qua độ chót, có một số ký giả, trẻ cũng như già, đã sẵn sàng “tự viết ai tín” cho mình. Như Jann Wenner, chủ biên tờ *Rolling Stone* đã nhận xét, có nhiều lý do vững chắc chứng minh sự thất bại của nhiều tờ báo bí mật:

Chúng (các báo bí mật) thất bại trong việc phát triển khả năng của những biên tập viên giỏi và phóng viên giỏi. Nhưng người chuyên nghiệp tốt nhất cộng tác với báo bí mật đã bỏ ra đi bởi vì không bao giờ họ thấy may mắn để các tiêu chuẩn nghề nghiệp được duy trì hoặc để xuất hiện trong một phương tiện truyền thông đứng đắn. Báo bí mật thiết lập tòa soạn một cách bất thường với một chiếc máy đánh chữ và dùng chiêu bài tranh đấu khó được tin cậy để quấy rầy độc giả. Tôi không cần phải viện dẫn một lập trường chính trị nào... Nó hùng biện thật đấy nhưng dân chúng lại không quan tâm đến sự hùng biện vô tận, trừ phi nó liên quan trực tiếp với dân chúng. Bọn có thể thấy rõ điều đó trên nhiều tờ báo bí mật.

*Rất ít bài phân tích, không có diễn giải và rất ít điểm chứng tỏ là loại báo tốt.*⁸⁷

TƯỜNG THUẬT ĐIỀU TRA

Tựa đề in đậm nét về việc tường thuật điều tra được dùng cho những tin tức do phóng viên cung cấp hoặc có hoặc đôi khi không có sự hướng dẫn của tòa soạn. Nó chỉ ngụ ý là một hoặc nhiều phóng viên đi điều tra về một

câu chuyện, thường là sau khi tiếp nhận một nguồn tin ở văn phòng hoặc của một độc giả hoặc một nơi nào, rồi trở về làm một tin quan trọng chưa từng được khai triển qua các nguồn tin thông thường hoặc chính thức. Tự bản chất, việc tường thuật đi đầu tra đã có lần được xem như là công việc “mật thám” trong lãnh vực trọng tội, nhưng nó thực sự lan tràn trên một lãnh vực rộng lớn hơn nhiều. Các phóng viên phải đi xem xét các bệnh viện hoặc dưỡng trí viện, các tổ chức từ thiện tư hoặc các chi phí cao .về giáo dục, các phương pháp kỳ quái của một vài nhà soạn thảo ngân sách và các tài liệu phức tạp chứng minh các khoản chi của Quốc Hội; họ đã gặp phải trường hợp khó khăn y như bất cứ tay Sherlock Holmes tài tử nào khi phải lên đường để tóm cổ một kẻ sát nhân.

Những người “đào tin”. Bên cạnh chủ nhiệm cung cấp phương tiện và chủ bút cống hiến thiện chí và các nguồn tin thời sự phong phú, người phóng viên đi đầu tra là chìa khóa cho bất cứ sự dò tin nào có kết quả tốt. Và trong khi nhật báo bắt đầu áp dụng thủ tục đi đầu tra, một số tạp chí đã thi hành tốt đẹp công việc này và các phương tiện truyền thông điện tử đang khởi sự đào tạo những “thám tử cừ khôi” và những phóng viên “đào tin” riêng của những cơ quan đó.

Các phóng viên đi đầu tra, làm việc đơn độc hoặc từng nhóm, đã nhận những công tác hời hợt như không thể hoàn tất được và đã thành công bằng lòng can đảm và nỗ lực hoàn toàn của mình. Họ cũng cần đôi chút may mắn nhưng thường họ phải tự cố gắng. Nhờ đó mà một vụ hà lạm trong việc phân chia đất đai ở Quận Suffolk (New York) được phanh phui trên nhật báo *Newsday* và kết quả là có bảy người bị kết tội và 30 viên chức từ dịch. Tương tự như vậy, một toán phóng viên do George Reardon cam đầu đã trình bày những việc làm bậy trong guồng máy chính quyền ở Los Angeles trên tờ *Los Angeles Times*. William Jones của tờ *Chicago Tribune* đã làm tài xế cho một hãng xe cứu thương của tư nhân và đã lôi ra ánh sáng những vụ đối xử tàn nhẫn với người nghèo khiến cho toàn thể hệ thống xe cứu thương tư phải lung lay và phải cải tổ. Trong lãnh vực tạp chí, thành tích lớn lao nhất trong những năm gần đây là cuộc tường thuật trên tờ *Life* khiến cho phụ tá Thẩm Phán Abe Fortas của Tối Cao Pháp Viện Liên Bang Hoa Kỳ phải từ chức.

Các phương pháp. Robert Greene của tờ *Newsday*, một ký giả đàn anh

từng thành công trong nhiều vụ đi điều tra quan trọng, lúc nào cũng khuyến khích các đồng nghiệp trong nhóm đi điều tra của ông phải nghiên cứu các tài liệu công cộng — bán đất, thu thuế, thế nợ, vân vân, để xem có thể có cái gì giúp cho việc khám phá ra những vụ sai lầm. Loại công tác này, không có gì là thích thú, lại là chính yếu của việc tường thuật đi điều tra. Nó đòi hỏi nhiều thời giờ và rất nhiều tiền. Nhưng nếu không có những vụ phối kiểm tài liệu như vậy thì những tờ *Newsday*, *Los Angeles Times*, *Boston Globe* hoặc *Life* không đạt được tiến bộ.

Một chiến thuật phổ thông khác, đặc biệt khi một cuộc đi điều tra có liên hệ đến các nguồn tin của chính phủ, là cho phóng viên làm việc trực tiếp với một viên chức hoặc một ủy ban có quyền đòi người ta ra hầu tòa. Giả thử trong khi một số nhà chức trách không chịu hợp tác với một phóng viên hoặc một nhóm phóng viên, thì cũng có trường hợp một phóng viên đi điều tra khéo hợp tác biết tìm cách này nọ để có được sự giúp đỡ của các nguồn tin chính thức.

Wallace Turner, mà công việc đi điều tra đã giúp vào việc trình bày tin tức về vụ tổng tiền trong lãnh vực lao động ở Oregon khi ông làm cho tờ *Portland Oregonian*, đã đưa ra lời khuyên cáo về phương pháp như sau:

Viên chức quan trọng nhất đối với phóng viên là ông biện lý. Bạn phải dựa vào ông ta. Một tờ báo cứ chịu đựng một viên biện lý không hữu hiệu là không quan tâm đến quyền lợi của chính mình và quyền lợi của công chúng. Nên tránh viên chức không hữu hiệu này. Những quyền lợi rộng của một ủy ban Quốc Hội có thể giúp đỡ hoặc làm thiệt hại cho những nỗ lực của bạn. Những nỗ lực này tùy thuộc vào cái mà tòa soạn và ủy ban muốn làm. Quyết định của bạn có công tác hay không đều phải căn cứ trên các sự kiện được đưa ra đúng lúc.

Vài bậc đàn anh. Jack Anderson, một ký mục gia, nói rằng sở dĩ ông trở thành phóng viên đi điều tra là vì ông đã “được huấn luyện về ý thức trách nhiệm”. Ông tự cho mình là người “lính canh” về các vấn đề chính phủ ở thủ đô Washington và rất hiếm người có thể phủ nhận được tài năng và sự hữu hiệu của ông. Anderson và nhóm của ông lúc nào cũng canh chừng nam nữ nhân viên hay nổi xung trong chính quyền hoặc những viên chức bất mãn quá trớn trong việc chống lại lẽ lối đặc biệt hoặc chính sách mà không đếm xỉa gì đến cả sinh kế lẫn sự nghiệp rồi đi giúp đỡ một cuộc

phanh phui. Những người đó thuộc trong số những ngu ồn tin có thể tiết lộ các giấy tờ mật và các biên bản. Nhưng không phải công việc của Anderson chỉ có thế. Ông tiếp xúc với các ngu ồn tin ở những nơi khó gặp, phối kiểm các giấy tờ ủy nhiệm và mức độ tin cần, và cố gắng tránh việc bị chê là khinh xuất trong công việc thu thập các dữ kiện. Trong trường hợp của Thượng Nghị Sĩ Thomas Eagleton ở Tiểu Bang Missouri, người mà vì áp lực trong năm 1972 đã từ khước tư cách ứng cử viên Phó Tổng Thống của đảng Dân Chủ, ký giả Anderson đã phải xin lỗi vì tố cáo sai lầm trên đài bá âm rằng nhân vật này đã lái xe trong lúc say rượu. Một nhân viên công quyền đã nói về Anderson như sau: “Ông ta đã duy trì một số người chính trực”.

Clark Mollenhoff của tờ *Registrar Tribune* ở Des Moines, một trong những phóng viên đi đầu tra tài ba của Hoa Kỳ, có lúc muốn làm một nhân viên đi đầu tra của chính phủ, đã giữ một vai trò quan trọng trong những vụ liên hệ đến hai người được mến chuộng nhất của Tổng Thống là Sherman Adams trong thời Eisenhower và Robert G. (Bobby) Baker trong thời Johnson. Ông đưa ra quan điểm như sau:

Thật đáng ngờ nếu cho rằng chúng ta sẽ có ngày tiêu diệt được nạn tham nhũng trong chính phủ Liên Bang nhưng ít ra chúng ta cũng phải kiểm soát được một cách chặt chẽ hơn tệ đoan này nếu không nó sẽ lan tràn với một ảnh hưởng tàn phá ghê gớm. Không gì làm gia tăng sự bành trướng tham nhũng bằng chính sách nuôi dưỡng sự bí mật độc đoán. Bí mật làm cho những vụ tai tiếng, xấu xa nhỏ thành những vụ tai tiếng, xấu xa lớn, gây tổn kém cho những người đóng thuế, phá hoại các chương trình ngoại viện của chúng ta, khả năng đáp ứng quốc phòng của chúng ta cùng như tình thân quốc gia chúng ta.

Neil Sheehan, người đã thu thập được những hồ sơ Ngũ Giác Đài cho tờ *The New York Times*, không bao giờ nghi ngờ về quyền chính đáng khi công bố những tài liệu như vậy trong việc phục vụ công ích. Thông tín viên Sheehan đã nói như sau:

Chúng tôi nghe thấy nói rằng khi soạn thảo Tu Chính Án thứ Nhất theo đó “Quốc Hội sẽ không làm một đạo luật nào hạn chế tự do phát biểu hoặc tự do báo chí”, các nhà lập pháp tiến bộ của chúng ta cố ý muốn cho chúng ta một ưu đãi để tường thuật và công bố, một sự cho phép có thể bị bác bỏ hoặc hạn chế nếu những người cai trị chúng ta cho rằng

“cần phải bãi bỏ hoặc hạn chế khi thấy làm thế có lợi cho quốc dân hơn”. Những người nào tán thành quan điểm đó sẽ nhận thấy rằng các ký giả làm việc đứng đắn bác bỏ quan điểm đó bất kể những hậu quả đến cho họ. Các nhà lập pháp tiên bối không cho chúng ta một ưu đãi tùy thuộc vào sự thích nghi của chính phủ. Khi soạn thảo Tu Chính Án Thứ Nhất, các nhà lập pháp tiên bối của chúng ta phải có một bổn phận, một trách nhiệm xác nhận quyền của dân chúng Hoa Kỳ được biết sự thật và buộc những người cai trị họ phải thi hành.

Trong khi thi hành nhiệm vụ đó, một số đồng nghiệp của chúng tôi trong đó có vài người bạn của tôi, đã hy sinh tính mạng ở Việt Nam. Khi tòa báo *The New York Times* cho in những hồ Sơ Ngũ Giác Đài, các ông chủ bút và chủ nhiệm của tôi cũng tìm cách làm bổn phận đó và thi hành nhiệm vụ đó.

Mặc dù những hậu quả và những lời chỉ trích nặng nề từ những viên chức chính quyền và nhiều người khác, Sheehan vẫn tiếp tục duy trì những nguyên tắc bởi vì chúng là trọng điểm công việc của ông.

Nhiều tờ báo nhỏ hơn, như tờ *Times* ở St. Petersburg (Florida), tiến triển với việc xem các cuộc đi điều tra như là một vấn đề chính sách công cộng và đôi khi hoàn tất được những kết quả tốt đẹp vượt hẳn khuôn khổ của tờ báo. Trong một trường hợp, một nhóm phóng viên của tờ *Times* này, đã cho biết rằng hệ thống xa lộ Florida đang được nói rộng qua những thủ tục hành chính tốn kém và đáng nghi ngờ. Kết quả là nên hành chính của hệ thống xa lộ tiểu bang này bị xét lại từ đầu đến cuối và sau đó có những cuộc cải tổ khiến cho người đóng thuế tiết kiệm được hàng triệu Mỹ Kim và có đường xá tốt hơn.

Nghệ thuật đi điều tra không phải chỉ dành riêng cho nam giới. Hai phụ nữ trong những phóng viên hoạt động và thành công nhất là Miriam Ottenberg [của] tờ *Washington Star-News*, người đã viết nhiều bài đặc biệt về tội ác tống tiền, và Lois Wille của tờ *Chicago Daily News*, mà sự nghiệp gồm từ những cuộc đi điều tra các tổ chức cướp vị thành niên đến sự lan tràn của những phương pháp hạn chế sanh đẻ. Họ hoạt động riêng rẽ hoặc chỉ là một phần tử trong một nhóm với những phương tiện đồng đều.

Mục “Đường Hành Động”. Một trong những cải tiến mới nhất của công việc tường thuật đi điều tra là sự tăng trưởng của cái gọi là mục “đường hành động”. Đây là một mục chuyên môn đặc biệt phát sinh từ tờ *Chronicle* ở

Houston và được hàng chục tờ báo khác cũng như đài truyền thanh truyền hình bắt chước rất nhanh, nhằm giúp những người dân có thắc mắc khiếu nại. Đây là một công việc được cá nhân hóa cao độ. Một người nào đó có thể viết hoặc gọi điện thoại đến một phóng viên phụ trách mục “đường hành động” về một vấn đề thuế má, một vụ tài sản bị sai áp, một vụ sơ xuất của chính quyền hoặc ngay, cả vụ mất một con vật nuôi trong nhà chẳng hạn như con vẹt biết nói. Sau đó, “đường hành động” (có nhiều tên khác nhau tùy theo sở thích của chủ biên) bắt đầu có hành động về lời khiếu nại. Có điều ngạc nhiên là nhiều vụ đã được thực hiện và kết quả được đăng hàng ngày trên báo hoặc loan trên đài phát thanh. Vài tờ báo và đài đã để cho các phóng viên trẻ có khi cả sinh viên, báo chí nữa đảm nhận công việc này. Những tờ báo khác như tờ *Star News* ở Washington tin rằng vấn đề rất quan trọng và nhiều phóng viên có uy tín như Miriam Ottenberg đã được giao phó công tác đó trong những thời kỳ đặc biệt.

VIẾT NHỮNG BÀI ĐIỀU TRA

Những bài đi điều tra có thể viết bằng nhiều cách khác nhau. Khi đề tài quen thuộc và không cần giải thích nhiều, cách hành văn của tin tức trực thuật thường được áp dụng. Nhưng khi cuộc đi điều tra liên hệ với một vấn đề phức tạp hơn, đặc biệt là trong lãnh vực chính quyền, ta phải sắp đặt tài liệu dẫn giải để dùng khi cần đến. Tuy nhiên, một bài đi điều tra không nên giống một bài xã luận hoặc một mục có ký tên trừ phi có một quyết định hẳn hoi của cấp trên báo phải trình bày câu chuyện theo cách thức này. Nói một cách khái quát, một bài đi điều tra đạt được hiệu quả nếu được viết một cách bình tĩnh, thận trọng và vô tư, dựa trên lý lẽ hơn là vì quá xúc động. Nếu có một tội ác nào trong việc viết bài đi điều tra thì đó chính là sự hỗn hợp của sự thiếu chính xác và trì hoãn.

Dưới đây là phần đầu của một loạt bài đi điều tra bất thường về ô nhiễm do James W. Treloar viết cho báo *Detroit News*, trong đó đời sống hàng ngày của một gia đình đã được nghiên cứu để biết ảnh hưởng của nó đối với ngoại cảnh;

“Bây giờ hãy nghe đây! Ông tới làm việc cho hãng Ford”. Bà Barbara Matus nói như vậy. Và tôi nghĩ rằng những ống khói đều rất đẹp. Tôi có thể nhớ lại những lúc mẹ tôi đón tôi ở khu xưởng máy Highland Park,

và khi những ống khói kia cứ tiếp tục nhả khói tôi cảm thấy mọi việc đều tốt đẹp cả”.

Không phải từ lâu những ống phun khói tượng trưng cho sản xuất, cho sự toàn dụng nhân công và cả cho sự ân cần và an ninh nữa.

Những ống khói không hoạt động trông xấu lắm.

Những danh từ như “ô nhiễm”, “khói mù”, “ngoại cảnh” và “sinh thái học” chỉ gần đây mới có trong ngôn từ của chúng ta.

Hôm nay, tờ *Detroit News* bắt đầu một loạt những câu chuyện về sự biến đổi của chúng ta và về thái độ đổi thay của chúng ta đối với ngoại cảnh.

Bởi vì ô nhiễm và thái độ là những sản phẩm của con người nên chúng tôi nói chuyện về ngoại cảnh qua con mắt và đời sống của một gia đình.

Chúng tôi đã chọn gia đình Eric Matus ở Southfield. Hơn nữa, chúng tôi lại còn coi đó là một “gia đình tiêu biểu”. Với chữ “tiêu biểu”, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng gia đình Matus có ba đứa trẻ, hai chiếc xe hơi, có nhà riêng, sống ung dung giữa đám dân ba triệu rưỡi người của ba quận này và có một lợi tức trung bình...

Những người trong gia đình Matus là những người gây ô nhiễm trung bình và đó là chuyện chúng tôi muốn nói ở đây.

Một lối viết hoàn toàn khác hẳn đã được William Jones của tờ *Chicago Tribune* sử dụng, để mô tả ngày làm việc đầu tiên của ông với tư cách một tài xế lái xe tư nhân tải thương ở Chicago:

Còi của chiếc xe tải thương rú lên hồi cuối cùng khi chúng tôi đến trước cửa phía Nam của một cao ốc cũ kỹ.

Tôi nhảy vội xuống xe, tim đập mạnh. Đây là ngày đầu tiên mà tôi làm việc với tư cách là một nhân viên trợ tá của chiếc xe tải thương và đây cũng là lần đầu tiên tôi được gọi đi cấp cứu.

Tôi có lý do chính đáng để bối rối. Mới nhận việc chưa đầy một tiếng đồng hồ, tôi đã được giao phó ngay công tác trên một chiếc xe tải thương, không được huấn luyện về việc khiêng cáng hoặc sử dụng dưỡng khí, tôi gặp ngay phải một nạn nhân đau tim đang cố vật lộn với tử thần. Luật lệ thành phố buộc rằng chỉ những người có huấn luyện về cấp cứu mới được phép làm công việc của nhân viên săn sóc.

Đây là câu chuyện đầu tiên có thể trở thành một trong số những câu chuyện rùng rợn liên hệ đến những con buôn điều hành vài công ty tư nhân tải thương ở Chicago. Cuộc điều tra hai tháng được tiến hành với

sự cộng tác của Hiệp Hội Cải Tiến Chính Phủ đã cho thấy tình trạng quản trị quá kém, săn sóc cầu thả, sa đọa và đút lót cảnh sát trong một xí nghiệp tư nhân tải thương với dịch vụ hàng nhiều triệu Mỹ Kim mỗi năm.

Trước khi phiên luân chuyển 24 giờ này qua, tôi được mục kích vài trường hợp săn sóc cầu thả những người đau ốm và bị thương. Tôi lại còn bị đe dọa đánh đập khi một trong số những người chủ của tôi nghi tôi là một nhân viên điều tra tư...

Hai ký giả Jones và Treloar dùng những lối viết hoàn toàn khác nhau để gây sự chú ý của công chúng. Đó là đi đâu quan trọng hơn hết mà người viết phải làm để đạt được kết quả.

Loại bài đả kích là một từ ngữ dùng trong sách truyện. Đối với những nhà báo chuyên nghiệp ít lộ cảm xúc được giao cho công tác này thì loại bài đả kích có thể được gọi bằng bất cứ tên gì khác — chiến dịch (campaigns), bài đi điều tra (investigations), bài đăng nhiều kỳ (series), bài tường thuật (reports) hoặc (tùy theo người phụ trách) một “công việc của tay đao phủ”. Nếu được gọi là “người viết bài đả kích” thì nhà báo có cảm giác khó chịu như thể mình là người quá đạo đức, mặc dầu đó là một từ ngữ mà cha con ông Joseph Pulitzer, với bản tính thích tranh đấu kịch liệt, lấy làm hãnh diện.

Thế nào là loạt bài đả kích? Loạt bài này có nhiều loại; có loại được thực hiện với sự bình tĩnh của một ban kèn đồng đi giữa hai đội cầu thủ của một trận đá banh; có loại lại được xúc tiến âm thầm đến nỗi lẫn lộn với tin tức thông thường. Loạt bài đả kích thường được định nghĩa như là một công tác mà tờ báo đảm nhiệm bằng cách tận dụng khả năng của các chủ biên, biên tập viên, và phóng viên để phục vụ công ích. Nhờ vậy, nó khác với loại bài đi điều tra không nhằm mục đích nào khác hơn là trình bày tất cả các sự kiện trong một hoàn cảnh hiện hữu nào đó. Tuy nhiên, có nhiều loại bài thoát đầu chỉ làm công việc đi điều tra rồi từ từ biến thành loạt bài đả kích vì có liên hệ đến mọi phần khác của tờ báo. Đặc điểm duy nhất của loạt bài đả kích là nó cốt nhắm vào việc thực hiện một công ích.

Các giải thưởng Pulitzer. Chính ông Pulitzer I đã gây dựng loạt bài công kích thành một nền nếp cho báo chí Hoa Kỳ và đã ghi khắc ý tưởng đó bằng những phần thưởng mang tên ông dành cho báo chí. Ông đã thấp lên

ngọn đuốc phục vụ công chúng cho báo chí Hoa Kỳ sao cho ánh sáng lan tràn khắp nơi u tối — một ngọn đuốc đã được tất cả những người noi gương ông hãnh diện giơ cao.

Chiến dịch công kích bắt đầu như thế nào? Tùy trường hợp, một chiến dịch công kích có thể phát khởi do định ý hoặc hoàn toàn do ngẫu nhiên.

Một nhiếp ảnh viên ở Buffalo tình cờ chụp được một tấm hình một chiếc xe vận tải của chính phủ đang giỡ hàng ở một hãng thầu tư, như vậy là vạch ra một vụ “xì-căng-đan” làm Tòa Đô Chính phải lung lay. Một vài dấu hiệu viết bằng bút chì trên một tấm thiệp, do một phóng viên báo *Times* ở Seattle tìm thấy đã giúp cho một giáo sư của một trường đại học ở Washington thoát khỏi tội hoạt động cho Cộng Sản. Nhờ một mảnh báo nhàu nát nói về một trung úy không quân đang bị mất quyền lợi vì một vài người bà con ông ta là cảm tình viên khuynh tả, mà một cuốn phim truyền hình vĩ đại đã được Edward R. Murrow thực hiện. Một tài liệu của một cựu chiến binh Mỹ về vụ bắn thường dân Việt Nam đã khiến cho Seymour M. Hersh khám phá ra vụ thảm sát dân làng Mỹ Lai.

Sự phát triển của chiến dịch công kích. Đôi khi, một chiến dịch tập trung vào kết quả của cuộc đi đầu tra của một người. Cũng có lúc hiệu lực của nó lại tùy thuộc vào mức độ áp lực có thể tăng cường trên trang xã luận. Những chiến dịch công kích khác lại cần đến sự hợp lực toàn diện của báo chí biểu hiện bằng các bộ phận khác nhau trong một tờ nhật báo — phóng viên đi đầu tra, người viết xã luận, ký mục gia, nhiếp ảnh viên, hí họa viên, chủ bút và chủ nhiệm, tất cả phải hợp tác với nhau. Bất kể theo phương pháp nào, bí quyết thành công của mọi chiến dịch là nhóm chỉ huy cao cấp phải cương quyết, kiên trì và tận lực hỗ trợ tất cả các nhân viên tòa soạn đang thực hiện công tác đó. Không có phóng viên nào, chủ biên nào có thể đưa chiến dịch đến mục tiêu nếu không được sự giúp sức đó. Họ cũng không thể làm việc hữu hiệu nếu họ còn một chút nghi ngờ về sự ủng hộ của tờ báo trong trường hợp họ bị quá nhiều rắc rối. Khi các chiến dịch thất bại thì không phải vì sự thiếu cố gắng mà chính vì sự thiếu ủng hộ mới là nguyên nhân chính yếu.

Đi đầu này đúng với báo chí cũng đúng với các tạp chí và truyền hình. Dù cho chiến dịch có giá trị như thế nào, một nhà báo đơn độc hoặc một nhóm

thông tin viên cũng không làm được bao nhiêu, trừ phi tất cả các tài nguyên của tổ chức làm tin đều được huy động để hỗ trợ họ.

Giống chuông báo động. Không thể có sự lẩn lẩn khi mở đầu một chiến dịch. Không giống tin tức có tính cách vô tư và công bình, loạt bài chiến dịch giống lên một tiếng chuông báo động. Mục đích của nó là thức tỉnh độc giả hoặc khán giả để làm cho những người này nhận ra rằng đang có cái gì chống lại quyền lợi của cộng đồng, làm cho họ tham dự chiến dịch và được sự ủng hộ của họ.

Nhiều tờ báo ở miền bờ biển California đã công kích việc gây ô nhiễm bằng dầu. Vấn đề này tạo ra một phong trào bình luận và phong trào đã lan đến những cộng đồng nhỏ nhất trong vùng và được cả các tuần báo tham gia nữa. Đây là một thí dụ lấy trong tuần báo *Pacifica Tribune*, nói về trường hợp gây ô nhiễm bằng dầu đăng trên trang Nhất:

Dầu! Dầu! Dầu!

Dầu đã đổ ra quá nhiều ở vùng bãi biển Thái Bình Dương trong ngày hôm qua giết chết không biết bao nhiêu hải điểu, làm cho nhiều con khác bị tàn phế và khiến cho hàng ngàn người phải đổ xô ra biển để đôi phó với nạn này.

Dầu đã rỉ ra trên bờ biển trong đêm hôm thứ Hai, rồi đến buổi sáng, nước thủy triều lên cao kéo dầu xuống bãi tắm làm cho những đọt sóng biển đều có những vệt dầu và trên mặt biển hiện vẫn còn hai vùng dầu loang to lớn...

Trong khi công kích cuộc khủng hoảng về nhà cửa, tờ *Globe Democrat* ở St.Louis đã bắt đầu bài báo như sau:

Tháng Tư vừa qua, viên thanh tra Sở Cứu Hỏa Arthur C. Neiman đã cho vấn đề gây hỏa hoạn là một mối đe dọa trầm trọng cho tương lai của thành phố. Sau đó, một đại úy và một số nhân viên cứu hỏa đã bị chết vì hỏa hoạn do những kẻ cố ý gây ra và không biết bao nhiêu ngàn Mỹ Kim đã bị thiệt hại trong những khu xóm tồi tàn.

Trong vài chiến dịch, những cột tin tức chỉ đăng những sự kiện và được viết với một giọng từ tốn nhưng sự báo động được nhấn thật mạnh trên trang xã luận. Đó là trường hợp của tờ *Winston Salem (N.C.), Journal and Sentinel* trong chiến dịch thành công chống lại việc khai thác mỏ làm mất vẻ đẹp của phong cảnh trong vùng đồi núi miền Tây Bắc Carolina. Dưới đây là một trong những bài xã luận được viết trong chiến dịch này:

Vùng đồi núi và thung lũng ở Tây Bắc Carolina là một trong những thắng cảnh đẹp nhất so với bất cứ nơi nào. Nhưng vùng này gồm những Quận Ashe, Alleghany, Wilkes và Surry sẽ không còn đẹp nữa nếu ngành hầm mỏ có được một thế đứng vững chãi trong khu vực.

Ngành hầm mỏ có thể có được cái thế đứng đó nếu các chủ đất và các công dân liên hệ ở miền Tây Bắc Carolina không cẩn thận. Tổ Hợp khai thác Gibbsite Hoa Kỳ đã được phép chọn hàng ngàn mẫu (Anh) trong vùng Tây Bắc Carolina và vùng Tây Nam Virginia, và đang nghiên cứu để xem chất “gibbsite” — một khoáng chất mới tìm được trong khu vực — có thể lấy lên dễ dàng và với giá rẻ để sản xuất “nhôm” không? Nếu các cuộc nghiên cứu chứng tỏ rằng việc khai thác mỏ có thể có thể có lợi thì Tổ Hợp Khai Thác Gibbsite Hoa Kỳ sẽ quyết định chọn vùng Tây Bắc Carolina.

Một khí giới chống lại việc này là dân chúng phải lên tiếng, Giống như cuộc phản đối đã giúp cho Quận Orange ngăn cản được Công Ty Texas Gulf Sulphur làm hư vẻ đẹp của cảnh vật Quận đó, có lẽ cuộc chống đối lan rộng trong dân chúng sẽ làm cho Tổ Hợp Khai Thác Gibbsite nghĩ lại.

Nếu dân chúng vùng Tây Bắc (Carolina) cứ để cho ngành hầm mỏ có được một thế đứng cụ thể và nếu phần lớn đất đai của thắng cảnh này trở thành một vùng hoang tàn trong vòng mười năm nữa, họ sẽ không có một người nào để trách cứ mà chính họ sẽ tự trách mình.

Thiết tưởng khỏi cần phải nhấn mạnh vào điểm nào nữa. Nếu một chiến dịch cốt để nói lên một cái gì thì nó phải được thực hiện một cách mạnh mẽ và được các tài nguyên của toàn thể tờ báo yểm trợ — từ trang Nhất đến trang xã luận, từ hình ảnh đến hí họa.

Làm thế nào để có kết quả? Trong khi các tổ chức làm tin lớn có một thế lực thực sự để đưa một chiến dịch đến thành công, các hồ sơ của giải thưởng Pulitzer đã đây rẫy những trương hợp của các tờ báo ở thị trấn nhỏ làm cho ảnh hưởng của những tổ chức làm tin lớn kia phải thất bại. Một trong số những tờ báo nhỏ nhất, tờ *Cuerto Record* ở Texas, đã phơi bày một vụ “xì-căng-đan” về đất đai trong Tiểu Bang này, Và tờ *News Herald* ở thành phố Panama, tiểu bang Florida, với một tòa soạn chỉ có sáu người,

đả tấn công một thế lực vững chắc và nạn tham nhũng trong vùng và đạt được những kết quả tốt đẹp.

Nhưng không phải tờ báo nhỏ nào thực hiện được một thành tích có lợi cho cộng đồng trong đó nó phục vụ là có thể đoạt được giải thưởng. Thật vậy, điểm lợi quan trọng nhất mà một tờ báo tìm được trong một chiến dịch là niềm tin và sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng, như đã cho thấy qua kinh nghiệm của cuộc điếu tra trong hai tháng của tờ *Press Enterprise* ở Riverside (Tiểu Bang California) về Viện Đại Học Riverside. Loạt bài này bắt đầu như sau:

Bốn năm trước, nó vẫn là Trường Kinh Doanh Riverside mặc dầu nó đã hoạt động được 73 năm rồi.

Ngày nay, nó là Viện Đại Học Riverside và không những nó chỉ có một trường kinh doanh mà còn có thêm trường luật khoa, trường báo chí, trường đào tạo kỹ sư và giảng dạy các nghề tự do, và có nhiều chương trình hoạt động cho cộng đồng.

Trong thời gian ngắn hoạt động dưới danh nghĩa một Viện Đại Học, nó đã có gấp đôi số sinh viên ghi danh, được mở rộng với nhiều tiện nghi và được sự ủng hộ của một số nhà lãnh đạo cộng đồng.

Nhưng nó lại có những lỗi lầm làm việc khả nghi trong việc tuyển chọn sinh viên và trong vấn đề tài chính, gặp khó khăn với nhiều hiệp hội và cơ quan công quyền nên bị nghi ngờ nhiều trong cộng đồng.

Nó có xứng đáng với vai trò giáo dục không, nhất là đối với những người đi tìm cơ may để được học cao hơn?

Nó vẫn còn là một trường kinh doanh bành trướng thành một viện đại học hay không? Hay nó chỉ là một xưởng làm bằng cấp?

Hậu quả xảy ra sau loạt bài của tờ *Press Enterprise* rất tai hại cho Viện Đại Học Riverside. Cơ quan Giáo Dục Hoa Kỳ ngưng chương trình cho trường vay tiền với bảo đảm. Ông Trưởng Lý Tiểu Bang California đưa Viện Đại Học đó ra tòa, Cơ Quan Hành Chính của các Cựu Chiến Sĩ không ủng hộ trường nữa. Và chỉ trong một thời gian ngắn trường phải đóng cửa,

Loạt bài chiến dịch có hại không? Rất ít chiến dịch làm tăng một cách cụ thể số lượng phát hành của một tờ báo. Trên thực tế, vài chiến dịch đã làm giảm sút quảng cáo. Thí dụ một tờ báo ở vùng bờ biển miền Tây mở một chiến dịch công kích những người bán xe cũ đã mất nhiều quảng cáo trong

một thời gian. Và trong một trường hợp “cổ điển”, tờ *Wall Street Journal* đã tiết lộ quá sớm những mẫu xe mới trong khi những mẫu xe cũ vẫn còn đang bày bán và Công Ty General Motors đã rút lại những quảng cáo mà công ty dành cho tờ báo đó. Một chủ biên ở một thị trấn nhỏ dù cố gắng đã thất bại trong một chiến dịch có mục đích rất tốt vì chiến dịch này không được hưởng ứng lắm.

Thật ra, một chiến dịch trên báo chí không phải là chuyện dễ. Cũng không phải bất cứ việc gì quan trọng trong cộng đồng đều có thể hoàn tất nhanh chóng và ít tốn tiền bằng cách chỉ dùng sự báo động để nhấn mạnh. Nhiều chiến dịch được thành công bằng công việc tận tụy, liên tục và được chủ bút chủ nhiệm kiên quyết hỗ trợ. Đó là trường hợp của tờ *Courier-Journal* ở Louisville tranh đấu để tăng cường các luật lệ ở Kentucky chống lại ngành hầm mỏ. Việc này kéo dài suốt bốn năm trước khi nền lập pháp Kentucky thông qua một đạo luật về hầm mỏ có thể nói được là “cứng rắn nhất ở Mỹ”.

Vấn đề không phải là báo chí mở chiến dịch có bị thiệt hại hay không mà là nó có cần thiết hay không. Câu trả lời nhất định phải là có.

HƯỚNG VỀ TƯƠNG LAI

Sự thay đổi lớn của báo chí trong hơn một phần tư thế kỷ vừa qua vẫn là niềm tin tưởng của những người liên hệ sâu xa tới việc sản tin thu thập, phân phối và trình bày tin tức. Bởi lẽ dù người ta gán cho tin tức ý nghĩa nào, nó vẫn là đi đầu mà các nhà báo đã viết ra. Ngày nay, với sự gia nhập của một lớp nhà báo mới, phần lớn có học đại học và có nhiều bằng cấp, việc làm tin cũng thay đổi nhiều. Lại thêm có sự lấn áp của truyền hình trong việc cung cấp tin tức bằng hình về những biến cố quan trọng như du hành không gian hay chiến cuộc, đã đưa thêm một yếu tố mới vào lãnh vực báo chí. Cho nên, dù sao các nhật báo và tạp chí cũng phải cố gắng trình bày tin tức sâu sắc hơn, tạo thêm bối cảnh và giải thích tin tức kỹ càng hơn. Sự phát triển dù chậm nhưng có ý nghĩa mà quỳn chúng đòi hỏi trong việc cải tiến báo chí đã chứng tỏ tất cả nỗ lực đang được thực hiện.

Dĩ nhiên, đây không có nghĩa là ngành truyền hình thương mại nhất đán giải quyết được những vấn đề trọng đại. Truyền hình phải tiến xa trong việc sáng tạo các chương trình thời sự để được sâu sắc hơn những chương

trình hiện đang thực hiện. Truyền hình của chính phủ cũng không thể hoàn tất trong một hoặc hai năm những gì mà các hệ thống truyền hình thương mại đã cố gắng thực hiện khi còn hăng say trong hơn 20 năm. Còn về báo chí, loại báo giật gân vẫn chưa thất nghiệp. Chỉ cần đi ngang liếc qua một sạp báo, ta có cảm tưởng rằng có nhiều tạp chí loè loẹt, rẻ tiền hơn là những loại đứng đắn.

Tuy nhiên, ý kiến đang thịnh hành, ít nhất cũng trong hình thái tư tưởng, là báo chí chỉ có thể kiếm lợi nhất thời bằng cách làm những tin nhằm tăng thêm số bán hoặc lôi cuốn khán giả bằng những yếu tố bất ngờ và giật gân. Ở đây, có một điểm mà ngay cả những người ít hiểu biết nhất cũng không còn bị xúc động, nhưng chỉ giữ thái độ lãnh đạm. Báo chí phải đại diện cho một cái gì nếu nó muốn được kính trọng. Không kém việc đi đâu khiến một công quyên, công việc khó khăn của báo chí loan tin cho dân chúng là một hành động phải được dựa trên niềm tin chân thành, Do đó, không thể không nghĩ rằng quan niệm báo chí là một dịch vụ công cộng là do ở sự gia tăng hiệu năng của nó. Ngày nay, báo chí là một huynh hướng. Ngày mai, nó sẽ thiết yếu.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục I: DANH TỪ BÁO CHÍ

1. Báo in

2. Báo phát thanh

Phụ lục II: DẤU HIỆU SỬA BÀI

Phụ lục III: QUI CHUẨN NGHỀ NGHIỆP

PHỤ LỤC I. MỘT SỐ DANH TƯ BÁO CHÍ

BÁO IN (PRINT JOURNALISM)

A copy: *Phần A.* Còn gọi là *A Matter*. Một phần của bài báo căn cứ vào tài liệu có sẵn và sau đó hoàn tất bằng phần mở. Phần này có thể hủy bỏ (xem chữ *B Copy*)

Ad: chữ viết tắt của Advertisement: *Quảng cáo.*

Add: Phần thêm của bài báo đã viết sẵn.

Advance: *Bài viết trước,* Bài báo căn cứ vào tài liệu nói về một biến cố sẽ xảy ra. Thí dụ: Bản sơ thảo về một buổi diễn thuyết hoặc về một cuộc diễn binh, vân vân.

Agate: *Chữ cỡ Agate, cỡ chữ 5½.* Tính theo đơn vị quảng cáo thì 14 hàng cỡ chữ Agate tương đương một cột một “inh” (inch).

AMs: *Báo buổi sáng.*

Angle: *Khía cạnh.* Chiều hướng dẫn nhập một bài báo; còn dùng để chỉ các phần khác nhau của một bài báo.

ANPA: Tên tắt của American Newspaper Publisher Association: *Hội Chủ Báo Hoa Kỳ.*

AP: Tên tắt của Associate Press, một hãng Thông Tấn Hoa Kỳ.

ART: *Hình trên báo,* Tất cả các hình ảnh trên báo.

Assignment: *Công tác.* Công việc trao cho một ký giả.

Automatic Typesetting: *Sắp chữ tự động.* Hệ thống sắp chữ tự động bằng băng đục lỗ.

Bank: *Dòng tit nhỏ.* Còn gọi là *Deck.* Một dòng tit thường được in dưới dòng tit lớn.

Banner: *Tit măng-sét.* Một hàng tit lớn chạy suốt trang Nhất cỡ bốn cột trở lên. Đôi khi còn gọi là *Streamer.* Thường lẫn lộn với một “*binder*” một tit lớn chạy suốt hàng đầu trang trong.

B copy: *Phần B.* Còn gọi là *B Matter.* Một phần của bài báo căn cứ vào tài liệu có sẵn và sau đó bổ túc thêm phần A và một phần mở. Nhiều tờ báo không đăng *phần A* mà đăng *phần mở* và *phần B.*

Beat: *Tin độc đáo.* Đôi khi có nghĩa là một số các địa điểm mà một phóng viên thường đến săn tin.

Ben Day: *Phương pháp Ben Day.* Ben Day là tên của vị Chủ nhiệm tờ *New York Sun*. Theo phương pháp này người ta dùng cái khuôn mờ có những chấm hoặc đường kẻ dùng làm bối cảnh cho hình ảnh, chữ hoặc những đường kẻ trong việc khắc hình.

BF: Chữ viết tắt của Bold-Face: *Chữ Mập.* Một kiểu chữ lớn và đậm hơn kiểu chữ thường.

Body: *Thân bài.* Phần kế tiếp phần mở của một bài báo.

Box: *Bài đóng khung.* Bài ngắn được đóng khung. Ngày nay, có nhiều bài đóng khung chỉ có hai đường biên trên và dưới. Những bài đóng khung nhỏ ở giữa bài đóng khung lớn gọi là bài xen kẽ (drop-ins).

Bulldog: *Báo phát hành sớm..*

Bulletin: *Tin vắn quan trọng.* Một bản tin ngắn gồm khoảng từ 40 đến 50 chữ.

Byline: Bài báo có ký tên tác giả.

Caps: Chữ viết tắt của Capital letters: *Toàn Hoa.* Đôi khi còn gọi là *upper case.*

Caption: *Lời chú giải.* Phần chú thích dưới một hình ảnh, một hí họa.

C & LC: Chữ viết tắt của Caps and Lower Case: *chữ hoa và chữ thường.*

Chase: *Khuôn.* Trang báo mẫu bằng kim khí trên đó người ta sắp chữ.

City editor: *Chủ biên đô thành.* Ở Hoa Kỳ, đó là vị chủ biên của bản tin tức ở một thành phố. Còn ở Anh, thì đó là viên giám đốc tài chính của tờ báo — (chữ City phải viết hoa).

Cityroom: *Phòng tin tức.* Nơi tập trung tin tức bài vở nghĩa là nơi đi đầu hành công việc làm tờ báo.

Clip: *Báo cắt.* Người Anh gọi là *cutting.*

Center spread: *Trang giữa.* Còn được gọi là *double truck* trong những tờ báo khổ nhỏ. Đó là hai trang ngay chính giữa tờ báo.

Copy: *Bài báo.* Bài đó các phóng viên viết.

Copydesk: *Tòa soạn.* Nơi các bài được tập trung để sửa chữa, cắt xén và đặt tít. Không nên lẫn lộn với phòng sửa bản “vỗ” (morasse).

Copy editor: *Thư ký tòa soạn.* Còn gọi là *copyr eader,* có nhiệm vụ sửa chữa và đặt tít các bài. Không nên lẫn lộn với những người sửa “bản vỗ” (proofreader).

Correspondent: *Thông tin viên.* Khi một phóng viên đi săn tin ở một nơi khác, thỉnh thoảng anh ta tự gọi là thông tin viên. Trong ngành truyền thanh và truyền hình, thông tin viên thường quan trọng hơn phóng viên.

Cover: *Làm tin.* Gồm việc săn tin, sắp xếp và viết tin.

Credit line: *Dòng xuất xứ.* Dòng ghi chú về xuất xứ của một bức hình hoặc một tranh hí họa.

Crop: *Xén.* Cắt giảm kích thước của một bức hình trước khi đặt vào khuôn in.

Crusade: *Loạt bài xách động hoặc công kích.* Còn được gọi là một chiến dịch (campaign) hoặc một xê-ri (series), một thiên phóng sự (long reporting job). Đó là một nỗ lực của toàn ban biên tập nhằm thuyết phục quần chúng hành động hoặc từ chối hành động trong vài vấn đề liên hệ tới quyền lợi chung.

Cub: *Tay mơ.* Ký giả chưa thạo việc (thiếu kinh nghiệm), thường dùng cho phóng viên chưa lành nghề. Danh từ này thông dụng trong quân chúng, nhưng với báo chí thì đó là phóng viên tập sự.

Cut: *Bản kèm hình.* Còn được dùng để chỉ tất cả các loại hình ảnh đăng báo.

Cutlines: *Chú thích hình.* Một phần của lời chú giải (caption) giới thiệu bức hình, thường được in đậm.

Dateline: *Nơi săn tin.* Địa điểm gửi các bản tin. Ngày nay, nhiều tờ báo đã bỏ không để ngày trên các bản tin đó.

Deadline: *Hạn chót.* Thời hạn chót cho các bài phải nộp. Có nhiều hạn kỳ khác nhau đối với phòng tin, tòa soạn và phòng sắp chữ.

Deskman: Một *trưởng biên* trong tòa soạn.

Dingbat: *Trang trí bằng chữ.*

Dope story: *Tin phong thanh.* Cũng gọi là *think piece*; tin căn cứ trên dư luận đáng tin cậy và sự việc có thể xảy ra theo chiều hướng đó.

Dummy: “*Ma-két*”. Phác họa bố cục của các bài, tranh ảnh, trên trang báo.

Dupe: Phó bản. Còn gọi là *blacksheet*.

Ears: *Tai.* Những khung ở hai bên của tờ báo nơi trang Nhất, mà thường khung bên này đăng vài tin về thời tiết, khung kia là tên của lần phát hành trong ngày, hoặc ghi những tin quan trọng hoặc quảng cáo.

Edition: *Ấn bản phát hành.* Đó là ấn bản sau khi đã được sắp xếp, sửa chữa các trang kể cả trang Nhất.

Editorial: *Xã luận*. Quan điểm của tờ báo về một tin tức, nhằm tạo hay ảnh hưởng đến tư tưởng quần chúng.

Em: Đơn vị đo lường của chữ in — nó có thể dùng thay cho chữ *pica*. Nguyên thủy của nó là một hình vuông của bất cứ chữ *in* nào. Một EM là một hình vuông có cạnh khoảng 4,2 mm (1/6 inch).

En: *En*. Một đơn vị đo lường của chữ in. Một En bằng 1/2 Em. Còn gọi là *Nut* để tránh sự lẫn lộn khi phát âm.

File: *Gửi tin*. Việc chuyển tin về trung tâm tin tức hoặc tin được đánh đi từ trung tâm này ngoài trừ trường hợp mang tay.

Filler: *Bài trám*. Những khoảng nhỏ để trám ngoài cột báo, trong những bài báo lớn thì dùng để bít kín những cột báo. Chữ Filler còn được biết bằng những danh từ như: AOT viết tắt của chữ *any old time* (bất cứ câu chuyện nào), CGO viết tắt của chữ *can go out* (có thể in), và một số thành ngữ hoàn toàn địa phương.

Flag: *Mãng-sét*. Tên của tờ báo in ở trang Nhất.

Flash: *Tin chớp nhoáng*. Đối với tin tức tổng quát, đây là một bản tin vắn gọn ít chữ, mô tả một biến cố bất chợt. Nó chỉ gồm nơi gửi, một bài không quá sáu chữ, chữ ký của người gửi, và ngày giờ gửi. Trong lãnh vực thể thao, tin chớp nhoáng được dùng cho những kết quả chung cuộc.

Folio: Số trang và tên của tờ báo.

Folo: *Bài nối tiếp*. Còn gọi *follow*, *follow-up*, *follow-story*. Một bài tiếp theo về một biến cố sau một thời gian gián đoạn.

Fudge: *Tin giờ chót*. Còn gọi là *stop-press* hay *last minute news*. Cách thức in tin giờ chót bằng máy rotative, dùng quen — nên được hiểu là tin giờ chót.

Future book: *Sổ công tác dự trừ*. Sổ để ghi các biến cố trong tương lai. Các đề mục được ghi vào sổ này gọi là *Futures*.

Gang coverage: *Sẵn tin tự do*. Sự tường thuật một biến cố lớn bởi một số đông người không hạn chế, đổi lại tường thuật từng nhóm (*pool coverage*).

Handout: *Tin phát sẵn*. Tiếng dùng chỉ các tài liệu viết sẵn để phổ biến.

Head: *Tít*. Tên gọi chung các nhan đề bài báo.

Hellbox: *Hộp chữ cũ*. Hộp chứa các chữ không dùng được.

Hold for release: *Bài chờ lệnh*. Còn gọi W.O. hoặc *wait order*. Chỉ thị ghi trên bản tin chưa được lệnh sử dụng.

HTK: *Chờ tít*. Viết tắt của chữ *Head to Kum* (theo cách đọc của thợ in). Chỉ thị này thường được viết trên một bài đã sửa chờ đặt tít.

Human interest: *Tin nhân cảm.* Tin hoặc ký sự có tính cách gọi cảm, hoặc dí dỏm.

Insert: *Bài chèn.* Bài viết thêm vào một bài báo. Bài đó viết như thế nào để có thể đặt vào bất cứ nơi nào giữa phần cuối của đoạn đầu và phần đầu của đoạn cuối.

Italic: *Chữ nghiêng (xiên).*

Jim-dash: *Gạch dài.* Gạch dài cỡ 3 em.

Jump: *Bài sang trang.* Phần tiếp của một bài ở trang khác.

Jump line: *Dấu nối tiếp.* Dòng chữ hay dấu hiệu cho biết bài nối tiếp ở trang sau hoặc trang trước.

Justify: *Trám chỗ.* Thêm vào cho đủ một dòng, một cột hay một trang xếp chữ in.

Kill: *Bỏ.*

Layout: *Trình bày.* Sự sắp xếp các hình ảnh trên trang báo.

Lead: *Phần mở đầu* một bản tin, có thể dài một câu, một đoạn, hoặc nhiều đoạn, tùy thuộc vào sự phức tạp liên hệ (của nội dung bản tin).

Legman: *Chân chạy.* Để chỉ phóng viên, thường là những người săn tin chứ không viết tin.

Libel: *Phỉ báng.* Tội phỉ báng là sự làm ô danh một cá nhân bằng bài viết, sách báo, hoặc một hình thức rõ ràng nào đó, Nói cách khác, tội phỉ báng là bất cứ đi đâu gì làm phương hại đến nghề nghiệp cá nhân hoặc làm cho cá nhân đó trở thành bị khinh bỉ, lố bịch, thù ghét hoặc chê trách của dư luận,

Ligature: *Chữ liền.* Hai hoặc nhiều chữ cùng loại liền với nhau, để sắp chữ cho nhanh — như ae, fi, ph...

Lobster: *“Ca buổi sáng”.* Phiên làm việc ở tòa báo hoặc hãng tin, thường bắt đầu từ nửa đêm và kéo dài suốt tới khoảng 10 hay 11 giờ sáng. Những thời khoảng từ nửa đêm đến 8 giờ sáng, 1 giờ sáng tới 9 giờ sáng, 2 giờ sáng tới 10 giờ sáng thường gọi là ca sáng hoặc phiên sáng.

Lockup: *Giờ lên khuôn,* Hạn chót đem các bát chữ từ phòng sắp chữ sang phòng đúc chữ.

Logotype: *Chờ đúc sẵn.* Những chữ thường dùng được đúc sẵn để xếp chữ cho nhanh. Thí dụ: AP, UPI, AFP... tên các hãng thông tấn.

Lowercase: *Chữ thường.* Mẫu tự thường (không phải chữ hoa).

Makeup: *Sắp bài.* (trên trang báo). Công việc sắp đặt các bài vở trên khuôn khổ tờ báo hoặc tạp chí của phòng sắp chữ.

Markup: *Bản vẽ có dấu sửa.* Không nên lẫn với bản vẽ chưa được sửa (proof).

Masthead: *Danh biểu.* Khung ghi chú tên chủ báo, địa chỉ, nhà in, vân vân, thường đặt ở trang bình luận.

Matrix: *Khuôn*

Morgue: *Phòng lưu trữ tin đã đăng*

Must: *Phải đăng.* Khi chữ này được ghi trên bản thảo (nguyên cáo) có nghĩa là bài này phải được đăng. Chỉ những chủ bút thẩm quyền mới có thể ghi chữ “phải đăng”.

New lead: *Phần mở mới.* Còn gọi là *Newtop*, *Nulead* hay *NL*. Đó là một đoạn mở đầu mới của một bản tin đã gửi đăng hay đã được đăng trên mặt báo; phần này được viết sao cho ăn khớp với bản cũ, ở một đoạn văn đặt ở phần cuối của phần mở mới. *Lead all* là một đoạn mở ngắn hợp với nội dung các phần mở mới.

Obit: *Ai tít.* Một tin gồm một tiêu sử dài vừa đủ, tùy theo tầm mức quan trọng của đề mục tin.

Overnight: *Bài hôm sau.* Còn viết là *overnite* hay *overniter*. Đó là một bản tin do phóng viên gửi về hay bài viết lại dùng cho ấn bản đầu tiên của tờ báo phát hành chiều hôm sau hoặc dùng cho mỗi đợt chuyển tin. Dùng cho báo buổi sáng, *overnight* chỉ một công tác phải được thực hiện ngày hôm sau.

Overset: *Chữ còn thừa (nhà in).* Chữ in còn lại sau khi sắp xong ấn bản.

Pi: *Xếp chữ sai.* Xếp ngược hoặc xếp lộn kiểu chữ.

Pica: *Chữ Pica.* Kích thước cỡ 12 (4,2mm) Cũng gọi là một EM (dù rằng về phương diện kỹ thuật chữ này dùng không đúng).

Pickup: *Tin gián tiếp.* Bài viết của một phóng viên không trực tiếp tham dự biến cố, nhưng viết bài dựa vào tin tức do một nguồn cung cấp đáng tin cậy.

Pickup line: *Dòng nối tiếp.* Dòng ở đầu bản điện tín gồm chữ ADD, nơi đánh bản tin và một vài chữ cuối của trang trước. Dòng này để xếp lại toàn bản tin theo thứ tự.

Pix: *Hình ảnh.* Chữ tắt, của chữ “Pictures.”

Play: *Bài trí.* Cách trình bày một bài báo hoặc hình ảnh mà không thay đổi nội dung.

Point: *Điểm.* Một đơn vị đo lường căn bản dùng trong ngành in, tương đương với 1/72 inch.

PMs: *Báo buổi chiều.*

Pool: *Tổ hợp.* Một hay một nhóm ký giả được chọn lựa để làm tin chung cho tất cả.

Precede: *Lời tòa soạn.* Một đoạn văn ngắn giới thiệu bài báo và được phân biệt với bài báo bằng một gạch ngang.

Printer: *Máy viễn ấn.* Còn gọi là Teletype hay TWX.

Proof: *Bản vố* hay “mo-rát”.

Query: *Tin gửi đăng.* Điện văn ngắn do thông tin viên gửi đăng báo.

Replate: *Sửa trang.* Còn gọi là *Makeover* hoặc *Extra.* Công việc sửa lại một hoặc nhiều trang báo giữa hai lần xuất bản.

Rewriteman: *Người cải biên.* Nhân viên tòa báo hoặc hãng thông tấn có nhiệm vụ sửa chữa bài của các phóng viên hoặc viết lại bài dựa trên các sự kiện do thông tin viên dẫn về.

Rocket: *Điện khẩn,* Câu hỏi khẩn tòa soạn gửi cho phóng viên.

Run: *Tin độc đáo,* Xem chữ BEAT.

Running story: *Tin chạy đủ.* Cách thức viết tin theo thứ tự Lead - A copy - B copy. Thường chỉ một biến cố theo thứ tự thời gian với các phần mở kế tục khi tin tức thay đổi.

Runover: *Sang trang.* Một tên khác dùng cho chữ *jump* hoặc sự liên tục từ trang này sang trang khác.

Schedule: *Lịch công tác.*

Scoop: *Tin độc đáo,* (Xem chữ *beat*).

Shirttail: *Tin thêm,* Phần bổ sung vào một bản tin và đặt tách rời bằng một gạch ngang.

Short: *Tin ngắn* (vắn).

Sidebar: *Tin liên hệ.* Bài riêng có liên hệ đến một đề tài chính.

Situationer: *Tin sự kiện.* Tin mô tả một sự kiện đặc biệt khác với tiếng *background,* là tin mô tả bối cảnh sự kiện có hoặc không có lời bình giải.

Slot: Bàn giấy của tổng thư ký tòa soạn. *Slotman* là tổng thư ký tòa soạn.

Slng: *Danh hiệu.* Tên của một bài được dùng lại ở các phần kế tiếp trên bất cứ trang nào của tờ báo.

Split page: Phần hai của trang đầu được chia hai.

Spread: *Bài quan trọng trang trong.* Bài có tit lớn đặt trên đầu trang trong.

Stereotype: *Bản kẽm.* Khuôn chữ có bề mặt cong được lắp vào máy in Rotative.

Stet: *Lệnh giữ nguyên.* Chỉ thị của chủ biên hoặc thợ in để “giữ nguyên” phần của bản tin, một câu hoặc chữ đã bị bỏ đi vì chữa lỗi.

Stick: Loại chữ in cỡ hai inches.

Stringer: *Phóng viên bất thường xuyên.* Còn gọi là *tipster*, Một phóng viên được trả lương theo từng bài viết.

Swing shift: *Ca luân phiên,*

Take: *Bát chữ.* Một trang của bài báo, có thể gồm ít dòng hoặc một đoạn

Thirty: Chấm hết. Ký hiệu Morse của điện tín viên dùng thay cho chữ “Hết”, ngày nay ít khi dùng, để chỉ phần cuối bản tin. Thường thường, chữ này được dùng thay bằng những ký hiệu như sau XXX hoặc bằng các chữ đầu tên người viết và thời điểm viết xong bản tin.

Tight: *Đầy bài.* Trang báo đã đầy, có nghĩa là không còn chỗ để đăng thêm tin.

Trim: *Cắt.* Cắt ngắn bớt một bản tin.

Turn Rule: Chờ tin thêm. Đôi khi viết tắt là Rule hay T.R.. Khi chữ này được dùng làm chỉ thị ghi trên bản tin, có nghĩa là thợ in phải tìm xem những chỗ thay đổi trong bản tin. Như vậy “TR for NULEAD STORM” có nghĩa là phải chờ phần tin thêm lần thứ nhì vào bản tin về một trận bão hoặc “TR for NULEAD STORM” có nghĩa là phải chờ phần mở mới cho bản tin nói về một trận bão. Nhưng chỉ thị chờ tin thêm phải được xếp thành chữ và thợ in sẽ vớt đi khi làm xong chỉ thị.

UPI: Tên tắt United Press International, một hãng thông tấn của Mỹ.

Wrapup: Tin tóm lược. Còn gọi là *Roundup*. Bản tóm tắt những biến cố xảy ra trong một hoàn cảnh tin được tường thuật tổng quát.

Wireservice: Hãng tin.

BÁO PHÁT THANH (BROADCAST JOURNALISM) ⁸⁸

ABC: Tên tắt của American Broadcasting Company, tên một hãng truyền thanh và truyền hình lớn tại Hoa Kỳ.

Academy leader: *Lít-đơ.* Đoạn phim ghi chú bằng giấy được nối liền với phim thời sự làm phần dẫn nhập.

Anchor man: *Trưởng bản tin tức.*

Arbitron: Dụng cụ thăm dò khán thính giả do Văn Phòng Nghiên Cứu Hoa Kỳ sử dụng (American Research Bureau).

Asmospherics: *Nhiều loạn không khí.*

Audio: *Sự phát và nhận âm thanh.*

Audio frequency: *Tần số mà tai con người có thể nghe được.*

Audiometer: Dụng cụ thăm dò khán giả do Công Ty A. C. Nielsen sử dụng.

BBC: Tên tắt của British Broadcasting Corporation một tổ chức truyền thanh và truyền hình lớn tại Anh Quốc.

Back timing: *Thời lượng tin chót.* Thời lượng chính xác được ấn định trước của đoạn kết trong một chương trình tin tức giúp quyết định lúc nào phải khởi sự đoạn này để kết thúc chương trình đúng giờ đã dự liệu.

Balop: *Ba-lốp.* Một tấm bìa, một tấm hình hay là một dụng cụ tương tự được chiếu lướt trên màn ảnh truyền hình.

Blooper: Một sự lộn lẩn phiền toái.

Blowup: *Phóng đại.* Phóng đại toàn thể hay một phần hình ảnh, biểu đồ hoặc bản đồ.

Bridge: *Đoạn chuyển mục.* Đoạn văn chuyển tiếp giữa các phim thời sự có đề tài khác nhau.

Bring it up: *Lệnh tăng âm lượng.*

CATV: Tên tắt của cable television. *Hữu tuyến truyền hình.* Một hệ thống truyền hình cung cấp chương trình cho người thuê bao bằng đường dây để thu lệ phí hàng tháng cộng thêm phí tổn trang bị lúc đầu.

CBC: Tên tắt của Canadian Broadcasting Company. Một hãng truyền thanh và truyền hình lớn tại Gia Nã Đại.

CBS: Tên tắt của Columbia Broadcasting System. Một hãng truyền thanh và truyền hình lớn tại Hoa Kỳ.

Close up: *Cận ảnh.*Viết tắt CU.

Cathode hay Tube: *Đèn quang tuyến âm.* Một bóng đèn cung cấp hình ảnh trên một màn ảnh rộng có huỳnh quang (fluorescent) bằng tia điện tử phát ra từ âm cực.

Call letters: *Bài hiệu.*

Communications Satellite (viết tắt COMSAT). *Vệ tinh viễn thông.* Vệ tinh được đặt vào quỹ đạo quanh trái đất để làm dễ dàng sự truyền dữ kiện bằng tín hiệu truyền thanh truyền hình và vô tuyến điện thoại. Vệ tinh đầu

tiên Echo 1 được phóng đi vào năm 1960. Những vệ tinh khác: Telstar, Relay, Syncom.

Coaxial Cable: Ống đồng dài chứa đựng nhiều dây dẫn điện có thể dùng để chuyển cùng một lúc các tín hiệu truyền hình, điện thoại và điện tín.

Compatibility: *Tương hợp.* Hệ thống làm cho máy VTTM đen trắng nhận được hình ảnh đen trắng của các tín hiệu truyền hình màu.

Cue: *Dấu hiệu khởi đầu.* Dấu hiệu trong bản văn, hoặc bằng tay hoặc bằng lời để khởi đầu hoặc chấm dứt lời nói, hoạt động, phim, băng từ tính, tiếng động, âm nhạc hoặc các phần của một chương trình.

Cut: (Bông từ): *Cắt bỏ, ngưng lại.*

(Danh từ): *Một trong nhiều chương trình được thu vào cùng một cuốn băng từ tính.* Thí dụ: Cut I, Cut II, vân vân.

Cutaway: cảnh phụ. Những cảnh phụ được ghép thêm vào hoạt động chính.

Dead area: “*Vùng chết*”. Còn gọi là Spot. Những vùng khó nhận tín hiệu, khó bắt đài.

Diode: *Đi-ốt.* Bền hai phân tử hoặc hai chất bán dẫn, đòi điện xoay chiều thành điện một chiều.

Double projection: *Máy chiếu đôi.* Hệ thống dùng hai máy chiếu phim, một cho âm thanh và một cho hình ảnh, để sản xuất một đoạn phim thời sự có âm thanh.

ECU: Chữ tắt của Extreme Close Up. *Cận ảnh cực điểm.*

ET: Chữ tắt của Electrical Transcription. *Sang bằng điện.* Cách thức in phôi bản, phim ảnh, băng từ tính, vân vân, băng điện.

ETV: Chữ tắt của Educational Television. *Truyền hình giáo dục.*

Easel shot: *Tĩnh vật.* Còn gọi là LIMBO. Một vật như một tấm hình, một biểu đồ hay một bản đồ được thu hình trong phim trường.

Electron: *Điện tử.* Thành tố âm của nguyên tử.

Ether: *Ê-te.* Vùng thượng tầng không khí hoặc chất liệu trong vùng đó.

FCO: Tên tắt của Federal Communications Commission: *Ủy Hội Viễn Thông Liên Bang.*

FM: Chữ tắt của Frequency Modulation. *Biến điện tần số.* Một hệ thống phát thanh hầu như không có ký sinh âm. Nó điểu chỉnh tần số của làn sóng phát thanh theo âm thanh được chuyển đi, trái ngược với AM, biến điện biên độ, điểu chỉnh làn sóng theo sự phát khởi tối đa.

Fading: Biến đổi âm thanh hoặc hình ảnh trong chương trình phát thanh, phát hình. (*Fade in:* Rõ dần; *Fade out:* Mờ dần).

Feedback: Tiếng hú hoặc tiếng ù do việc đặt máy vi âm sát miệng xưởng ngôn viên quá gần.

Fidelity: *Trung thực.* Mức độ chính xác của âm thanh hoặc hình ảnh được tái tạo trên truyền thanh và truyền hình.

Flipcard: *Bảng lật.* Tấm bảng ghi tài liệu như biểu đồ, hình ảnh, chữ số, vân vân, có thể lật giở trước máy thu hình trong phim trường.

Fluff : *Đọc lỗi.* Một lỗi lẩn khi nói hoặc đọc từ một bản văn.

Frame: Một trong một loạt hình ảnh trên phim; khi chiếu, có từ 24 đến 28 hình ảnh xuất hiện trong một giây.

From the top: *Bắt đầu lại từ đầu.*

Facsimile: *Phương pháp hoặc hệ thống truyền chân.* Phương pháp hoặc hệ thống phát truyền bằng điện tử các tài liệu viết in hoặc bằng hình ảnh. Tại Nhật Bản, hệ thống này được sử dụng thường xuyên để tái tạo các ấn bản của nhật báo Asahi tại Tokyo, Sapporo ở đảo Hokkaido về phía bắc và nhiều nơi khác. Phương pháp này được sử dụng trong nhiều lãnh vực tại Anh-Mỹ.

Geiger Counter: Dụng cụ thăm dò phóng xạ.

Generator: *Máy phát điện.* Máy đổi cơ năng thành điện năng.

Ground: *Dây đất.* Sự nối liền từ máy thu thanh xuống đất.

Heaviside layer: *Tầng Heaviside.* Còn gọi là tầng Kennelly - Heaviside. Đó là tầng khí quyển dẫn điện bắt đầu từ 40km trên mặt đất giúp cho làn sóng phát thanh truyền đi xa.

HF: Chữ tắt của High Frequency. *Tần số cao.* Tần số là số toàn thể chu kỳ của dòng điện xoay chiều xảy ra trong một giây. Tần số cao bao gồm từ 6.000 đến 30 000 kilo chu kỳ.

Iconoscope: *Icon.* Một bóng đèn của máy thu hình dùng tia điện tử để đổi sự phát hình ảnh thành tín hiệu truyền hình.

Image orthicon tube Viết tắt 10 Tube. *Đèn 10.* Một bóng đèn của máy thu hình tân tiến hơn loại Iconoscope.

Interlock: Hình ảnh và âm thanh được chiếu riêng biệt nhưng được điểu chỉnh làm sao để có hình ảnh và âm thanh đồng bộ. Thí dụ: 16m/m color interlock = Phim màu 16 ly đồng bộ.

Interference: *Giao thoa.* Ảnh hưởng hỗ tương của hai làn sóng điện.

Intro: *Phần giới thiệu.* Phần giới thiệu của một đoạn phim hoặc bằng từ tính của một chương trình dưới hình thức chữ hoặc lời.

Jamming: Giao thoa làm ngăn trở việc tiếp nhận tín hiệu.

Jim cut: Những sọc ngang chuyển động liên tục bất ưng trên màn ảnh truyền hình.

Kenotron: Một bóng đèn đi-ô-chính-điện-tử.

Kinescope: Một bóng đèn tiếp thu hình ảnh trực tiếp hoặc bằng phóng chiếu. Còn gọi là “Kinnie”, một cuốn phim được thực hiện bằng máy Kinescope trong một chương trình đang diễn tiến.

Kilowatt: “*Ki-lô-vát*”. Một đơn vị điện năng. Một watt là công suất của một ampère dưới áp suất một volt. Một kilowatt là một ngàn watt.

LS: Chữ tắt của Long Shot. *Viễn ảnh.*

LASER: Chữ tắt của Light Amplification by Stimulated Emission of Radiation. *Tia sáng Laser.*

Level: Âm lượng được phát thanh.

Live: *Trực tiếp truyền thanh hoặc truyền hình.*

Live mike: *Máy vi âm mở.*

Limbo: Xem chữ EASEL SHOT.

Long wave: *Làn sóng dài.* Làn sóng phát thanh với chiều dài bằng hoặc hơn 600 thước và tần số dưới 500 kilo chu kỳ.

LF: Chữ tắt của Low Frequency. *Tần số thấp.* Một tần số thấp hơn tần số phát thanh, thường từ 10 đến 100 kilo chu kỳ, mà tai con người có thể nghe được; một tần số nghe được.

MCU: Chữ tắt của Medium Close Up. *Cận ảnh trung bình.*

MS: Chữ tắt của Medium Shot. *Trung ảnh.*

Microwave: *Vi-ba.* Làn sóng điện từ rất ngắn, thường dài từ 1 đến 100 cut; căn bản của hệ thống vi điện tử trong sự thu phát trên đường thẳng và khoa học không gian.

Monochrome image: *Hình ảnh đen trắng.*

Monitor: Xem hoặc nghe một chương trình.

NAB: Tên tắt của National Association of Broadcasters. Hiệp Hội các nhà truyền thanh, truyền hình quốc gia.

NBC: Tên tắt của National Broadcasting Company, tên một hãng truyền thanh, truyền hình Hoa Kỳ.

Newsfilm: *Phim thời sự.* Phim quay các biến cố thời sự để chiếu trên hệ thống truyền hình. Sau khi rửa, phim âm được dùng để in một dương bản

để phát hình.

Night effect: *Ảnh hưởng đêm.* Sự giảm thiểu cường độ tín hiệu phát hoặc thu sau khi mặt trời lặn, gây nên do sự biến chuyển của tầng khí quyển ion hóa (ionosphere).

On camera: Ghi chú trên bản văn những gì sẽ được trình chiếu.

Out cue: *Dấu hiệu chấm dứt.* Một vài chữ cuối cùng trong âm mạch trên phim hoặc băng từ tính báo hiệu phần kế tiếp của bản tin phải được bắt đầu.

PBL: Chữ tắt của Public Broadcast Laboratory. Hệ thống truyền hình giáo dục đang được thí nghiệm.

Pan: Xoay chuyển máy thu hình, máy quay phim theo chiều ngang để bao gồm nhiều đối tượng hoặc phong cảnh.

Photoelectric cell: *Pin quang điện.* Tế bào chứa đựng một chất nhạy cảm với ánh sáng, kiểm soát sự phát của điện tử từ đèn quang tuyến âm (Cathode Ray Tube) hoặc tương tự.

Prop: *Dụng cụ trang trí,* dùng trong chương trình truyền hình tin tức hoặc tài liệu.

RP: Chữ tắt của Rear Screen Projection. *Màn ảnh sau lưng.* Dùng một màn ảnh trong suốt để chiếu hình ở phía sau lưng xướng ngôn viên truyền hình.

RPM: Chữ tắt của Revolutions Per Minute. *Số vòng xoay trong một phút.* Máy thu âm và máy hát thường có 33, 45 và 78 RPM.

Radiation: *Phóng xạ.* Sự phát các làn sóng phát thanh đi khắp mọi hướng trong không gian. Theo nghĩa rộng, danh từ chỉ mọi hình thức phóng xạ ion hóa gồm cả điện tử, nguyên tử và âm thanh.

RadioChannel: *Băng tần.* Tần số phát thanh được phép hoạt động.

Radio frequency: *Tần số phát thanh.* Tần số mà tai con người không thể nghe được, tương phản với tần số nghe được (xem chữ Low frequency),

Radiowire: *Hữu tuyến viễn âm.* Nhiều máy viễn âm được nối liền vào nguồn trung ương cung cấp tin tức cho truyền thanh và truyền hình vào giờ định trước.

Rollcue: *Máy chạy.* Báo hiệu dài ba đến bốn giây trước khi phim thời sự được trình chiếu trong một chương trình tin tức.

SL: Chữ tắt của Silent Film. *Phim câm.*

SOF: Chữ tắt của Sound On Film. *Âm thanh trên phim.*

SOT: Chữ tắt của Sound On Tape. *Âm thanh trên băng từ hình.*

Scan: Tạo ra một tia điện tử lướt nhanh trên một mặt phẳng bằng những đường liên tục sát nhau và thay đổi độ sáng sao cho hình ảnh được phát hình thật trung thực. Tại Hoa Kỳ, tiêu chuẩn là 525 đường trong 1/30 giây.

Segue: (Đọc là Seg-way). Lời đối thoại, âm nhạc chồng lên nhau, một nốt lên, một nốt dãn.

Signal: *Tín hiệu.* Điện năng chuyển vận tin tức kết hợp.

Split page: *Cách thức viết bản tin truyền hình.* Trang giấy được chia làm đôi, một bên ghi chú âm thanh một bên ghi chú hình ảnh.

Static: *Nhiều xạ, ký sinh âm.* Ảnh hưởng do hiện tượng điện tính trong không khí gây nên, làm gián đoạn âm thanh trong các máy thu điện tử.

Still: *Tấm hình.* Một tấm hình cỡ 18x24 dùng trong truyền hình. Đôi khi dùng cả hình cỡ khác nữa.

Standby: *Bài phòng hồ.* Bài viết về một biến cố để dùng trong trường hợp không thực hiện được phim. Khi đó phải đọc bài phòng hồ.

Sng: *Danh hiệu.* Tiêu đề cho đoạn phim hoặc mỗi đoạn viết trong một chương trình truyền hình hoặc truyền thanh.

Straight up: Khi kim giây chỉ đúng số 12,

Switch: *Chuyển cảnh.* Chuyển từ nơi xảy ra biến cố này đến nơi xảy ra biến cố khác để trình bày sự thay đổi cảnh tượng.

Switcher: *Người chuyển cảnh.* Người thi hành việc thay đổi cảnh tượng theo lệnh của đạo diễn tin tức.

TCU: Chữ viết tắt của Tight Close Up. *Cận ảnh hẹp.*

Telenews: Nghiệp đoàn phim thời sự, có tên chính thức là “Tin trong ngày” hoặc “Tin hôm nay (News of The Day).

Telop: *(Tê-lốp) (Xem chữ Balop).*

Transistor: Hợp chất dẫn điện, thường bằng germanium và silicon, phân cách bằng một khoảng chân không dùng để thay thế bóng đèn. Transistor được dùng để khuếch đại điện thế và thực hiện những nhiệm vụ khác của bóng đèn.

UHF: Chữ viết tắt của Ultra High Frequency: *Siêu tần số.* Gồm băng tần 14 đến 83.

UPI newfilm: Phim thời sự do hãng United Press International phát hành.

VCU : Chữ viết tắt của Very Extreme Close-Up. *Cận ảnh tột điểm.*

VHF: Chữ viết tắt của Very High Frequency. *Tần số rất cao.* Gồm băng tần thương mại từ 2 tới 13.

VO: Chữ viết tắt của Voice Over. *Lời dẫn giải.* Lời đối thoại hoặc hoạt động trong phim trường.

VTR: Chữ viết tắt của Videotape Recorder. *Máy ghi hình.*

Video: Liên quan tới hoặc dùng trong việc thu và phát hình ảnh trên truyền hình, trái ngược với audio chỉ liên quan đến âm thanh mà thôi.

Videotape: Băng từ hình. Một băng từ tính có thể dùng thời ghi hình ảnh và âm thanh. Có thể xem lại và cuộn lại trong vài giây. Có thể lưu trữ vô thời hạn, xóa đi, dùng lại nhiều lần trong nhiều năm.

Vidicon: Một loại máy thu hình thường dùng cho công tác truyền mạch kín, kỹ nghệ và quân sự.

Vizmo: Một tấm bìa trong suốt cỡ 13 x 18 cm dùng để chiếu lên màn ảnh sau lưng xương ngôn viên. Số phiếu của Vizmo là VIZS.

Viznews (hoặc là Visnews): Một nhóm thực hiện phim thời sự trong Liên Hiệp Anh gồm các nước Anh, Úc, Tân Tây Lan, Ấn Độ, v.v.

VOA: Tên tắt của Voice of America. Đài phát thanh “Tiếng Nói Hoa Kỳ” thuộc Cơ Quan Thông Tin Hoa Kỳ (US Information Agency).

Wave: *Làn sóng điện.* Sự chuyển động điều tử trong không gian có những chu kỳ đều đặn.

Wavelength: *Chiều dài sóng.* Khoảng cách giữa một điểm trên một làn sóng điện với một điểm tương ứng trên làn sóng điện ngay trước hoặc sau.






Wavetrapp: *Lọc hình hoặc lọc âm.* Một mạch điện dùng để loại bỏ những tín hiệu không cần thiết.

Wired radio: *Hữu tuyến truyền thanh.* Một hình thức truyền thanh bằng cách giữ tín hiệu qua hệ thống giây được thiết lập trước như giây điện thoại và điện tín. Hình thức truyền hình tương tự gọi là CATV (Cable Television): Hữu tuyến truyền hình.

Wrapup: *Tin tóm lược.* Lời dẫn giải hoặc phim thời sự tóm lược một biến cố quan trọng hoặc tin tức trong ngày.

PHỤ LỤC II. DẤU HIỆU SỬA BÀI

<u>Dấu hiệu</u>	<u>Ý nghĩa và chỉ dẫn</u>
... <u>bản</u> <u>khoản</u> . <u>Bà</u> ta nói...	Bắt đầu một đoạn văn mới. Sử dụng dấu góc quay sang phía tay mặt (phải).
NO IP	Không xuống hàng thành đoạn văn mới.
<u>MORE</u> <u>CÒN TIẾP</u> →	Câu chuyện (bài viết) còn tiếp nối. Khoanh tròn những chữ còn tiếp hoặc dùng mũi tên chỉ sang phía tay mặt.
(30) XXX # # #	Dấu chấm hết câu chuyện (bài báo). Dùng một trong ba dấu này.
Ông <u>t</u> ổng <u>t</u> rưởng <u>t</u> ài <u>ch</u> ính. <u>U</u> nesco	Thay bằng chữ hoa. Dùng hai gạch dưới chữ hoặc những chữ muốn đổi.
Đăng trên báo <u>Ch</u> ính <u>L</u> uận	Thay bằng chữ nghiêng (xiên). Dùng một gạch dưới chữ hoặc những chữ muốn thay bằng chữ nghiêng.
BF (Gras)	Thay bằng loại chữ mập (đậm nét).
⊙ ⊗	Đặt dấu chấm câu. Khoanh tròn dấu chấm hoặc chữ thập chéo.
,/ /	Đặt dấu phẩy. Nên đặt một gạch chéo bên cạnh dấu phẩy ở nơi muốn đặt và ở ngoài lề thuộc dòng chữ muốn thêm dấu phẩy.
↓ lý tưởng cao đẹp ^	Thêm dấu ngoặc kép. Dùng dấu hiệu như trình bày ở bên.
<u>không</u> Điều ấy <u>^</u> cần thiết.	Thêm chữ. Dùng dấu ^ ở chỗ muốn thêm chữ
thực <u>^</u> hiện	Thêm một gạch ngang. Dùng dấu dưới gạch ngang ở chỗ muốn thêm.
⑥ ⊕	Thay chữ số hoặc chữ viết tắt bằng cả chữ (thí dụ 6 bằng sáu, TT bằng Thủ Tướng).

	Khoanh tròn những chữ muốn thay.
mười hai	Thay bằng chữ số. Khoanh tròn những chữ muốn thay.
STET	Lấy lại đoạn văn hoặc những đoạn văn bị loại bỏ vì lậ̀n. Dùng chữ STET ở những chỗ muốn lấy lại.
văn họ hiện thực	Sửa lại những chữ bị sắp lộn. Dùng dấu 
	Cho lùi vào từ phía trái sang phía mặt.
	Cho lùi vào từ phía mặt sang phía trái.
 	Cho lùi vào cả hai bên (vào giữa).
khôn̄g thể đượ̄c	Sắp li ệ̀n lại. Dùng dấu nối li ệ̀n như chỉ dẫn ở bên.
Việt Nam	Cách ra. Dùng dấu cách như chỉ dẫn ở bên.
Đây là một Phương Pháp	Thay bằng chữ thường. Gạch chéo trên những chữ muốn thay bằng chữ thường.
Đứa bé đẹp đó. Việc này không thể không thể nào thực hiện được.	Loại bỏ. Gạch ngang chữ hoặc những chữ muốn loại bỏ.
2 cột 10	Chỉ thị cho thợ in: không dùng loại chữ đã sắp mà thay hai cột bằng cỡ chữ 10.

PHỤ LỤC III. QUI CHUẨN NGHỀ NGHIỆP

1. TIÊU CHUẨN NGHỀ NGHIỆP hoặc NHỮNG GIÁO ĐIỀU CỦA LÀNG BÁO

Hiệp Hội các Chủ Bút Nhật báo Hoa Kỳ (American Society of Newspaper Editors)

Nhiệm vụ đầu tiên của báo chí là truyền đạt tin tức cho nhân loại về những cái gì mà con người làm, cảm thấy và nghĩ đến. Do đó, báo chí đòi hỏi những người hành nghề (practitioners) phải có một trình độ hiểu biết, kiến văn và kinh nghiệm sâu rộng nhất cũng như những khả năng do thiên phú hoặc do huấn luyện về quan sát và suy luận. Thêm vào tư cách là một biên niên ký, báo chí có những nghĩa vụ (obligations) không thể tách rời được là giáo huấn và dẫn giải.

Muốn làm tròn nhiệm vụ, phải có một số tiêu chuẩn hành nghề và đó cũng là những ước nguyện của báo chí Hoa Kỳ. Những giáo điều (canons) đó đã được đặt ra như sau:

I

Trách nhiệm. Quyền của một tờ báo để lôi cuốn và duy trì độc giả không thể bị hạn chế vì bất cứ lý do nào ngoài lý do phúc lợi công cộng. Việc sử dụng một tờ báo để gây sự chú ý của công chúng cũng phải dùng để định rõ ý thức trách nhiệm mà mọi nhân viên trong tòa soạn đều phải chia sẻ gánh vác. Một ký giả dùng quyền lực của mình cho lợi riêng hoặc nói một cách khác cho mục tiêu thấp hèn thì không xứng đáng với một kỳ vọng cao cả nào.

II

Tự Do Báo Chí. Tự do báo chí được coi như là một quyền sống còn của nhân loại. Đó là quyền không thể chối cãi được về việc thảo luận bất cứ

cái gì không bị luật pháp cấm chỉ minh bạch, kể cả sự thận trọng của bất cứ điều lệ hạn chế nào.

III

Độc lập. Không bị gò bó bởi bất cứ sự ràng buộc nào trừ lòng trung thành với lợi ích công cộng là điều thiết yếu.

1. ủng hộ bất cứ quyên lợi riêng tư nào ngược lại với phúc lợi chung dù với bất cứ lý do nào đều không tương hợp với nền báo chí liêm chính. Những cái gọi là truy vấn đạt tin tức từ các nguồn tin riêng tư không được phổ biến nếu không công bố nguồn tin hoặc không chứng minh được là có giá trị của tin tức, cả về hình thức lẫn nội dung.
2. Óc bè phái, trong bài bình luận xa rời sự thật một cách rõ ràng, làm tổn thương cho tinh thần cao cả của nền báo chí Hoa Kỳ; trong tin tức, nó làm hại cho nguyên tắc căn bản của nghề nghiệp.

IV

Thành thật, sự thật, chính xác. Giữ tín nhiệm với độc giả là nền tảng của tất cả các ngành báo chí xứng đáng với danh nghĩa đó.

Qua mọi khía cạnh của sự tín nhiệm, một tờ báo bắt buộc phải nói lên sự thật. Nó không thể nào được tha thứ vì thiếu sự đầy đủ hoặc thiếu chính xác trong phạm vi kiểm soát, của nó, hoặc thất bại trong việc thực thi những đức tính đó.

Những đề mục (tít) phải được hoàn toàn bảo đảm bởi nội dung của những bài báo mà chúng chế ngự.

V

Vô Tư. Cách thức làm việc chắc chắn cho thấy có sự phân biệt rõ ràng giữa tường thuật tin tức và bày tỏ ý kiến. Tường thuật tin tức phải không bị gò bó bởi ý kiến hoặc bất cứ sự thiên lệch nào.

Qui tắc này không nên đem áp dụng cho cái gọi là bài đặc biệt chỉ dùng để biện minh hoặc có chữ ký cho phép có những kết luận hoặc dẫn giải của người viết.

VI

Công bình. Một tờ báo không được đăng những lời buộc tội không chính thức làm hại danh giá và đạo đức mà không cho bị cáo có cơ hội bào chữa; cách thức làm việc đứng đắn đòi hỏi phải cho có cơ hội như vậy trong tất cả trường hợp tố cáo nghiêm trọng ngoài những biên bản của tư pháp.

1. Một tờ báo không được xâm phạm những quyền riêng tư hoặc những cảm nghĩ (của con người) nếu không chắc chắn trong việc phân biệt quyền của công chúng với sự hiếu kỳ của công chúng.
2. Đặc quyền cũng như bốn phận của một tờ báo là phải sửa chữa ngay và đầy đủ những lỗi lầm về sự kiện và ý kiến của báo đó bất cứ phát xuất từ đâu.

Đứng đắn. Một tờ báo không thể tránh khỏi tội thiếu thành thật nếu trong khi đề cao tinh thần nghề nghiệp lại đi cung cấp những yếu tố có tính cách kích thích để làm căn bản cho cách thức cư xử như đã thấy những chi tiết về tội ác và tội xấu; phổ biến những điếu như vậy rõ ràng không có gì cho ích lợi chung. Vì thiếu uy quyền để bắt buộc thi hành những giáo điều của mình, báo chí có đại diện ở đây chỉ có thể bày tỏ hy vọng rằng sự phớt lờ cố ý cho những bản năng xấu xa sẽ bị công chúng không tán thành hoặc bị đóng nghiệp kết án.

2. QUI CHUẨN TRUYỀN HÌNH CỦA HIỆP HỘI QUỐC GIA CÁC NHÀ QUẢNG BÁ (TRÍCH LƯỢC)

V. Trình bày tin tức và các biến cố công cộng

TIN TỨC

1. Một chương trình thời sự của một đài truyền hình cần phải thích hợp và rất quân bình.
2. Tường thuật tin tức phải có sự kiện, vô tư và không thiên lệch.
3. Một nhà quảng bá truyền hình phải có nhận thức đặc biệt trong việc chấp nhận, phân phối và trình bày quảng cáo trong những chương

- trình thời sự để cho quảng cáo được phân biệt rõ ràng với nội dung của tin tức.
4. Bất cứ lúc nào, tài liệu hình ảnh và lời nói về tin tức và hình luận phải phù hợp với những điều khoản khác của những tiêu chuẩn đó ở những nơi nào mà những điều khoản này được áp dụng một cách hợp lý.
 5. Trong việc chọn lọc và trình bày tin tức, phải có sự đứng đắn; cần phải loại bỏ những chi tiết có tính cách bệnh hoạn, giật gân và gây kinh hoàng không cần thiết cho việc tường thuật sự kiện, nhất là khi có liên hệ với các câu chuyện tội ác và tình dục: Tin tức phải được loan đi bằng cách nào mà không gây sợ hãi và kinh hoàng không cần thiết.
 6. Các bài bình luận và phân tích phải được trình bày rõ ràng để không lẫn lộn với loại bài khác.
 7. Tài liệu hình ảnh phải được chọn lựa một cách cẩn thận và không được trình bày với tính cách lừa gạt.
 8. Tất cả những chương trình phỏng vấn thời sự phải theo những tiêu chuẩn đạo đức của báo chí, theo đó, người đi phỏng vấn chọn những câu hỏi sẽ được nêu ra. Ở nơi nào có sự thỏa thuận trước về sự hạn chế phỏng vấn trong một lãnh vực quan trọng và đáng làm tin tức, người đi phỏng vấn sẽ nói trong chương trình rằng đã có sự thỏa thuận về sự hạn chế đó. Sự tiết lộ này phải được nêu ra nếu người được phỏng vấn đòi phải đưa trước các câu hỏi hoặc nếu người ấy tham dự vào việc chuẩn bị ghi âm cuộc phỏng vấn trước khi sử dụng.
 9. Một nhà quảng bá truyền hình phải có sự cẩn thận cần thiết trong việc kiểm soát nội dung, kích thước và cách thức sắp đặt các đợt loan tin phát xuất từ đài của mình và trong việc tuyển chọn những người chuyên tin, bình luận gia và phân tích gia.

BIẾN CỐ CÔNG CỘNG

1. Nhà quảng bá truyền hình có một trách nhiệm rõ ràng là lúc nào cũng phải biết những biến cố công cộng và cho sẵn tin để loan báo cho các công dân.

2. Việc trình bày những biến cố công cộng của một nhà quảng bá truyền hình phải có một cuộc săn tin thích hợp.

VI. Trường hợp tranh luận công khai

1. Truyền hình phải cung cấp một diễn đàn xứng đáng để trình bày những quan điểm có trách nhiệm về những vụ tranh luận có tính cách công khai. Nhà quảng bá truyền hình phải cố gắng khai triển với những cá nhân, những nhóm và những tổ chức có trách nhiệm, những chương trình liên hệ đến những vụ tranh luận công khai có ảnh hưởng đến quốc dân và tạo cơ hội cho những phe đối lập trình bày ý kiến trong những vụ có liên hệ đến đời sống hoặc phúc lợi của một nhóm dân chúng cụ thể.
2. Những lời yêu cầu của những cá nhân, những nhóm hoặc tổ chức xin thời lượng để thảo luận về những quan điểm liên hệ với những vụ tranh luận công khai phải được xét đến trên căn bản giá trị cá nhân và sự đóng góp của những lời yêu cầu đó cho lợi ích chung và cho sự quân bình của chương trình.
3. Chương trình dành cho cuộc tranh luận công khai phải được nói rõ như vậy. Nó không được trình bày một cách có thể làm cho thính giả oặc khán giả nghĩ lầm rằng chương trình chỉ có tính cách giải trí hoặc thời sự hoặc có tính cách nào khác.
4. Những đợt phát tin trong đó đài trình bày ý kiến riêng của đài về những trường hợp có tính cách lợi ích chung phải được nói rõ là mục xã luận. Chúng phải được nhận rõ là ý kiến của đài và phải được phân biệt với tin tức và tài liệu khác của chương trình.

VII. Chương trình phát hình chính trị

1. Những chương trình phát hình chính trị phải được nhận rõ như vậy. Chúng không thể được nhà quảng bá truyền hình trình bày bằng một cách làm cho khán thính giả hiểu lầm tính chất của chương trình.

(Tham chiếu Luật Truyền Thông năm 1934 đã được tu chính- các khoản 315 và 317 — và những qui tắc của Ủy Hội Truyền Thông Liên Bang — các khoản 3-654, 3-657, 3-663 — như đã được thảo luận trong Hiệp Hội Quốc Gia các Nhà Quảng Bá).

3. QUI CHUẨN HÀNH NGHỀ CỦA HIỆP HỘI QUỐC GIA CÁC NHÀ TRUYỀN THANH (TRÍCH LƯỢC)

1. Những tiêu chuẩn của chương trình

A. TIN TỨC

Truyền thanh là phương tiện duy nhất đưa đến cho một số dân chúng đông đảo nhất những bài tường thuật về những biến cố thông thường xảy ra. Lợi thế này trong cuộc tranh đua đòi hỏi sự thận trọng — nhanh nhất không phải bao giờ cũng quan trọng hơn là đúng. Những tiêu chuẩn sau đây đã được xác nhận từ quan điểm đó:

1. **Nguồn tin.** Những người có trách nhiệm về tin tức truyền thanh phải luôn luôn áp dụng đức tính thận trọng của nghề nghiệp trong việc chọn lựa các nguồn tin để có được đầy đủ tin tức; tiếng tốt của đài như một phương tiện truyền đạt tin tức có uy thế tùy thuộc phần lớn vào sự liên hệ với những nguồn tin đó.
2. **Tường thuật tin tức.** Việc tường thuật tin tức phải căn cứ vào sự thật và phải có tính cách khách quan. Phải có sự đứng đắn trang nhã trong việc chọn lọc và trình bày tin tức. Cần phải loại bỏ những chi tiết có tính cách bệnh hoạn, giật gân và gây kinh hoàng không cần thiết. Các nhà quảng bá phải chuyên tâm kiểm soát nội dung, kích thước và cách thức trình bày các chương trình và cũng phải chuyên tâm không kém trong việc tuyển chọn các chủ biên và phóng viên có trách nhiệm trong việc thu thập và phổ biến tin tức từ khi thành tích của đài trong lãnh vực thông tin quan trọng này tùy thuộc phần lớn vào họ.
3. **Bình luận và phân tích.** Những nghĩa vụ đặc biệt được giao phó cho những người phân tích và/hoặc phê bình những tiến triển của tin tức và việc điểu hành phải làm thỏa mãn hoàn toàn các thính giả. Chương trình phân tích và bình luận phải được nhận rõ như vậy, để phân biệt với những tin tức trực thuật.
4. **Xã luận.** Những đợt phát tin trong đó đài trình bày ý kiến riêng của đài về những trường hợp có tính cách lợi ích chung phải được nói

rõ là mục xã luận. Chúng phải được nhận rõ là ý kiến của đài và phải được phân biệt với tin tức và tài liệu khác của chương trình.

5. **Tường thuật tin tức và những biến cố công cộng.** Trong việc tường thuật tin tức và những biến cố công cộng, nhà phát thanh có quyền có thêm những phán xét trong khuôn khổ những tiêu chuẩn đã được báo chí chấp nhận và đặc biệt là những đòi hỏi phải đứng đắn trang nhã trong việc loan tin về các vấn đề công cộng và của tòa án.

6. **Phân phối quảng cáo.** Nhà phát thanh phải có nhận thức đặc biệt trong việc chấp nhận, phân phối và trình bày quảng cáo trong những chương trình thời sự để cho quảng cáo được phân biệt rõ ràng với nội dung của tin tức.

B. TRƯỜNG HỢP TRANH LUẬN CÔNG KHAI

1. Truyền thanh phải cung cấp một diễn đàn xứng đáng để trình bày những quan điểm có trách nhiệm về những vụ tranh luận có tính cách công khai. Nhà quảng bá truyền thanh phải khai triển những chương trình liên quan đến những vụ tranh luận công khai có tính cách quan trọng đối với quốc dân và để cho những phe đối lập trình bày những trường hợp thực sự có ảnh hưởng đến đời sống và phúc lợi của một số dân chúng cụ thể.
2. Những yêu cầu của những cá nhân, những nhóm hoặc tổ chức xin thời lượng để thảo luận về những quan điểm liên hệ đến những vụ tranh luận công khai phải được xét đến trên căn bản giá trị cá nhân và sự đóng góp của những lời yêu cầu đó cho lợi ích chung.
3. Chương trình dành cho cuộc tranh luận công khai phải được nói rõ như vậy. Nó không được trình bày bằng một cách có thể gây ra cảm tưởng là chương trình có một tính cách khác với chương trình về một cuộc tranh luận công khai.

C. TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

1. Nhà phát thanh và những nhân viên của ông có một trách nhiệm trong cộng đồng và phải làm quen với những nhu cầu cùng những

đặc điểm của cộng đồng để phục vụ phúc lợi của các công dân trong đó,

2. Những lời yêu cầu để có thời lượng cho những vụ loan báo hoặc chương trình phục vụ công ích phải được xét đến một cách cẩn thận với sự tôn trọng tính cách và danh tiếng của nhóm hoặc tổ chức liên hệ, nội dung của thông điệp phục vụ công ích và cách thức trình bày.

4. BÁO CHÍ TỰ DO VÀ XỬ ÁN VÔ TƯ

Những đi ều chỉ dẫn sau đây đã được sự chấp thuận chung giữa các phương tiện truyền thông, tòa án và giới luật sư trong Tiểu Bang Washington về việc tường thuật những vụ xử về tội ác và trở thành một khuôn mẫu cho sự cộng tác tự nguyện để bảo vệ những quyền tự do báo chí và xử án vô tư.

Nền tư pháp có trách nhiệm đối với tòa án, giới luật sư, biện lý cuộc, các nhân viên thi hành luật pháp, các phương tiện truyền thông và công chúng. Không ai được loại bỏ phần gánh vác của những giới đó trong trách nhiệm kể trên hoặc mưu toan chà đạp hoặc sửa đổi sự phán xét của người khác. Không ai tha thứ được những bất công, viện cớ là những bất công đó rất hiếm.

Sự quan tâm lớn nhất đến tin tức thường xảy ra trong giai đoạn trước khi xử một vụ trọng tội. Sau đó là ảnh hưởng lớn nhất đối với tâm trí quần chúng. Đó là lúc mối nguy lớn nhất xảy ra cho việc xử án vô tư. Tòa án, giới luật sư và các phương tiện truyền thông phải phán xét một cách minh mẫn để quân bình việc loan tin với sự chú ý thực sự của quần chúng. Tuy nhiên, những đi ều này không cần thiết khi một phụ thẩm đoàn đã được tuyển chọn. Đi ều tất nhiên trong quan niệm tự do báo chí là các phương tiện truyền thông phải được tự do tường thuật nhưng cái gì xảy ra trong phiên xử công khai, thí dụ các vụ hình. Trong khi xử, bốn phận của tòa án là phải có những biện pháp thích hợp để đảm bảo rằng những cuộc thảo luận của phụ thẩm đoàn đã được căn cứ trên những gì đã được đệ trình ở tòa án.

Những đi ều chỉ dẫn này được đề nghị như một phương tiện làm quân bình quyền của công chúng được thông tin với quyền của người bị cáo được xét xử vô tư trước một phụ thẩm đoàn vô tư.

1. Có thể công bố những tin tức sau đây về bị cáo:
 - (a). Tên tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp, tình trạng hôn thú của bị cáo và những tài liệu bối cảnh tương tự. Không có một sự hạn chế nào về lý lịch miễn là phải chính xác và đúng đắn.
 - (b). Nội dung hoặc bản văn buộc tội như lời khiêu nại, lời tố cáo, tin tức hoặc lý lịch của nguyên đơn.
 - (c). Lý lịch, của cơ quan đi điều tra và bắt giữ và thời gian đi điều tra.
 - (d). Hoàn cảnh ngay khi xảy ra vụ bắt bớ, kể cả ngày giờ và địa điểm, sự kháng cự, rượt bắt, cam giữ và sử dụng vũ khí, sự kê khai những đồ vật tịch thu lúc xảy ra vụ bắt bớ.
2. Việc giới chức thi hành luật pháp và giới luật sư tung ra vài loại tin tức và việc các phương tiện truyền thông phổ biến những tin đó thường gây ra những nguy hiểm có hại mà không giúp ích gì cho việc thi hành luật pháp hoặc lợi ích công cộng. Do đó, tất cả những giới liên hệ đều phải ý thức những mối nguy hiểm có hại trong việc tiết lộ cho công chúng biết trước khi xử án những điều sau đây:
 - (a). Những ý kiến và tính nết của bị cáo, sự có thể có tội hoặc không có tội.
 - (b). Những sự công nhận hoặc tự thú tội lỗi hoặc nội dung của lời tuyên bố, lời khai có thể gán ghép cho bị cáo.
 - (c). Những tài liệu của kết quả của cuộc đi điều tra như dấu tay, so chữ hoặc những cuộc trắc nghiệm ở phòng thí nghiệm.
 - (d). Những lời tuyên bố của những người có thể là nhân chứng.
 - (e). Những ý kiến liên quan đến chứng cứ và lý lẽ dù chứng cứ đó hoặc lý lẽ đó có sẽ được dùng trong vụ xử án hay không.

Có thể có những ngoại lệ nếu việc thông tin cho dân chúng tỏ ra cần thiết để bắt một kẻ tình nghi hoặc để phục vụ quyền lợi công cộng.
3. Trước khi những lời buộc tội và kết tội là những tài liệu công khai và sẵn sàng cho các phương tiện truyền thông sử dụng, các cơ quan thi hành luật pháp có thể cung cấp tin tức cho các phương tiện truyền thông khi có lời yêu cầu chính đáng. Sự tiết lộ của một phương tiện truyền thông cho công chúng biết tin tức này có thể rất có hại mà không có ích gì thêm cho nhu cầu của công chúng muốn được thông tin. Sự phổ biến tin tức như vậy cần phải được xét một cách thận trọng.

4. Giới chức thi hành luật pháp và tòa án phải đề phòng việc chụp hình các bị cáo khi họ ở những nơi công cộng ngoài pháp đình. Các giới chức đó không nên khuyến khích việc chụp hình hoặc quay phim, để đưa bị cáo lên truyền hình.
5. Các hình ảnh về một người tình nghi có thể được giới chức thi hành luật pháp cung cấp trong trường hợp sự tiết lộ này được coi là cần thiết để công chúng giúp đỡ trong việc bắt bớ những kẻ tại đào. Sự tiết lộ này có thể gồm cả hình ảnh lẫn tài liệu về những vụ bắt bớ và kết án đã có trước.
6. Các phương tiện truyền thông được tự do tường thuật những cái gì xảy ra trong quá trình của một vụ án. Giới chức tòa án phải sử dụng những biện pháp như thăm vấn có hiện diện của luật sư, phòng thảo luận kín cho phụ thẩm đoàn và nghe những lời đối chất sau khi phụ thẩm đoàn đã được tuyển chọn, để đảm bảo rằng những cuộc thảo luận của phụ thẩm đoàn được căn cứ trên những chứng cứ đã được đệ trình tại tòa.
7. Các nhân viên của tòa án, của giới luật sư và của những phương tiện truyền thông hoặc của các cơ quan thi hành luật pháp không nên cho công chúng biết tin tức nào có mục đích ảnh hưởng đến kết cuộc của một vụ xử tội ác.
8. Tính cách giật gân phải bị loại bỏ bởi tất cả những người và cơ quan liên hệ đến vụ án hoặc cuộc tường thuật một vụ xử về tội ác.

CHÚ THÍCH

[←1]

Joseph Pulitzer, trong *The North American Review*, số tháng Năm 1904.

[←2]

James Reston, trong một cuộc nói chuyện với tác giả.

[←3]

Walter Cronkite, “Truyền Hình và Tin Tức” (Television and the News) trong *The Eight Art*, New York, 1960, tr. 245.

[←4]

Wes Gallager, “A Changing AP Looks to the Future”, *The AP World*, Hè 1971, tr. 8.

[←5]

Paul Swenson: từng làm giám đốc Quỹ Báo Chí (The Newspaper Fund) trong nhiều năm, đã cho tác giả con số ước lượng này căn cứ trên những cuộc nghiên cứu của ông. Con số 60.000 ký giả là một con số thường được James Reston sử dụng. Tác giả nghĩ rằng con số đó có thể chính xác.

[←6]

Những con số này căn cứ trên những phúc trình mới đây của Quỹ Báo Chí.

[←7]

Những con số thống kê này là của Hiệp Hội các Nhà Xuất Bản Báo Hoa Kỳ (*The American Newspapers Publishers Association*).

[←8]

Tập *The Editor and Publisher International Year Book* cho biết rằng ở Hoa Kỳ có gần 150 nhóm nhật báo làm chủ quá nửa số nhật báo trên toàn quốc.

[←9]

Những con số thống kê này căn cứ trên những phúc trình gửi cho Ủy Hội Viễn Thông Liên Bang (Federal Communication Commission—F.C.C.), những tài

liệu trong cuốn sách nhỏ “Kích Thước của Truyền Hình” (Dimensions of Television) do Hiệp Hội Quảng Bá Quốc Gia (National Association of Broadcasters) ở Hoa Kỳ xuất bản và trên những nhận xét riêng của tác giả.

[←10]

Tạp chí *Life* cũng đã phải đình bản vào giữa năm 1973 (LDG).

[←11]

Quý Báo Chí ở Princeton, tiểu bang New Jersey, có làm một cuộc nghiên cứu về số lương khởi thủy dành cho các sinh viên tốt nghiệp báo chí ở Hoa Kỳ từ 1964 đến nay và cho biết năm 1972, lương trung bình cho những người có bằng cử nhân (B.A) là 146 Mỹ Kim mỗi tuần trong nhật báo, 127 Mỹ Kim trong tuần báo, 156 Mỹ Kim trong thông tấn xã, 135 Mỹ Kim trong truyền hình, 136 Mỹ Kim trong truyền thanh, 143 Mỹ Kim trong tạp chí, 165 Mỹ Kim trong ngành giao tế quần chúng và 162 Mỹ Kim trong ngành quảng cáo. Những người có bằng cao học (cả M.A. lẫn M.S) trong đó một số người đã có ít nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp, được thêm khoảng từ 20 đến 35 Mỹ Kim mỗi tuần trong mỗi lĩnh vực kể trên. Đối với những ký giả có khá kinh nghiệm nghĩa là từ ba đến năm năm trong nghề, số lương tối thiểu được trả tăng một cách nhanh chóng. Thật sự từ tháng tám 1973, số lương tối thiểu mà tờ *Washington Post* trả cho nhân viên tòa soạn là 400 Mỹ Kim mỗi tuần. Nhiều tòa báo khác và thông tấn xã đã áp dụng số lương tối thiểu khá cao từ 1972 như *Washington Star*: 380 Mỹ Kim, *New York Times*: 361,67, *New York Post*: 338,85, *New York Daily News*: 336,43, hãng thông tấn Reuters: 330, *Courier-Express* ở Buffalo, New York: 314, *Mercury News* ở San Jose, California: 331,21, hãng Associated Press và United Press International: 300. Vấn đề trả lương cho các thông tin viên truyền hình ở các đô thị lớn phức tạp hơn, trung bình, lương căn bản là 350 Mỹ Kim mỗi tuần cộng thêm những khoản phụ trội đặc biệt tùy theo tình hình quảng cáo.

[←12]

Tom Wicker, trong cuốn *The Kennedy Years*, New York 1963.

[←13]

Los Angeles Times, 5 và 6 tháng sáu 1968.

[←14]

Unesco, *World Communications*, bìa in lần thứ tư.

[←15]

Thống kê của tiến sĩ Jon G. Udell, Trường Cao Học Kinh Doanh, Viện Đại Học Wisconsin.

[←16]

Martin Chown, trong tạp chí *The New Scientist* số ra ngày 16-7-1970, tr. 14-16.

[←17]

Trong *Headlines*, một ấn phẩm của Hiệp Hội các Nhà Xuất Bản Báo Hoa Kỳ, tháng Chạp 1971, tr. 3.

[←18]

Những con số thống kê về truyền thanh và truyền hình là của Cục Thông Tin thuộc Hiệp Hội Quốc Gia các nhà quảng bá và của Văn Phòng quảng cáo truyền thanh.

[←19]

Những con số thống kê này là của Văn Phòng Quảng Cáo các Tạp Chí thuộc Hiệp Hội các Nhà Xuất Bản Tạp Chí (Magazine Advertising Bureau of the Magazine Publishers Association). Xem thêm phúc trình của tờ *The New York Times*, ngày 11-3-1971, tr. 1.

[←20]

Thống kê trong *Publisher's Weekly*.

[←21]

Tóm lược Columbia-du Pont về báo chí phát thanh 1970-71. tr. 14.

[←22]

Dẫn trong ANPA Newsletter, ngày 31 tháng Chạp 1971, tr. 1.

[←23]

Biên bản các cuộc thảo luận của Hiệp Hội các Chủ Bút Hoa Kỳ (American Society of Newspaper Editors) năm 1965, tr. 41,

[←24]

Theo bài tường thuật trong tạp chí *Education USA*, số tháng mười 1971.

[←25]

Bản phúc trình Roper năm 1972 cho biết 60 phần trăm công chúng nhờ vào truyền hình để được biết những tin tức đầu tiên. Một cuộc nghiên cứu của Tổ Chức Opinion Research Corporation cũng trong năm đó cho biết 43 phần trăm sinh viên tốt nghiệp đại học và 27 phần trăm học sinh tốt nghiệp trung học coi truyền hình ít hơn những năm trước trong khi 43 phần trăm sinh viên tốt nghiệp đại học và 41 phần trăm học sinh tốt nghiệp trung học đọc báo nhiều hơn năm trước. Cuộc thăm dò của Roper là do ngành truyền hình Hoa Kỳ nhờ thực hiện, còn cuộc nghiên cứu của Tổ Chức ORC là do Hiệp Hội các Nhà Xuất Bản Báo Hoa Kỳ nhờ làm.

[←26]

Trích trong bản tin của Hội Chủ Bút Hoa Kỳ (American Society of Newspaper Editors), ngày 1-1-1956, tr. 7.

[←27]

Trích trong cuốn *Blue Book* của Associated Press Managing Editors, 1957

[←28]

Linotype; máy sắp chữ tự động, đúc thành dòng chữ chì (LDG)

[←29]

Bernstein, *Watch Your Language*, trang 6-7.

[←30]

Andrew C. Lang, *The AP Radio News Style Book*, trang 5.

[←31]

Thực ra, Harry S. Truman đắc cử. (LDG)

[←32]

Đi đầu này đối với báo Việt ngữ không thành vấn đề vì các *thì* của động từ không gò bó như Anh ngữ. (LDG)

[←33]

“Not guilty” và “innocent” đều có thể dịch là “vô tội”, nhưng trong danh từ pháp luật phải dùng “not guilty”.

[←34]

Vấn đề này không có đối với Việt ngữ (LDG) Mạo từ (article) ở Việt ngữ không quan trọng như mạo từ của Anh ngữ.

[←35]

Nguyên văn: Whatever the people say is okay by me, the people “peak real good”, Bernstein muốn mĩa mai nên đưa một câu văn nói chường tai sai qui tắc ra làm thí dụ.

[←36]

The Washington Post, ngày 21-4-1972, trang 1.

[←37]

Bản tin Reuters, ngày 16-12-1971

[←38]

Aldeo Whitman. “So you want to be an obit writer” *Saturday Review*, 11-12-1971. tr 71.

[←39]

Xem trang 108 trên đây (LDG)

[←40]

Theo bản tin của A.P. ngày 27-1-1967.

[←41]

Trích *The New York Times*, ngày 30-6-1971.

[←42]

Đây là đoạn văn mô tả một cuộc đua xe hơi với những âm thanh và màu sắc đặc biệt của những chiếc xe đua. (LDG)

[←43]

John Tabbel, “The Old New Journalism”, tạp chí *Saturday Review*, ngày 13-3-1971, tr. 96.

[←44]

Năm 1971, hãng AP cho biết có 1.263 hội viên báo hàng ngày và 3.347 hội viên truy ền thanh và truy ền hình ở Hoa Kỳ với một ngân sách 69,7 triệu Mỹ Kim để chi tiêu cho tất cả các hoạt động. Tính đến ngày 31-3-1972, UPI có 1.130 khách hàng báo chí và 3.382 khách hàng truy ền thanh và truy ền hình ở Hoa Kỳ và tổng số chi cho năm 1971 là 57,3 triệu Mỹ Kim. Cả hai đều có nhiều khách hàng báo chí và phát thanh phát hình ở ngoại quốc.

[←45]

Tass, tên viết tắt của hãng thông tấn Sô Viết: Telegrafnoie Agentstvo Sovietskavo Soyuz, được thành lập từ năm 1925. (LDG)

[←46]

Chúng tôi cho in lại trong Chương này nguyên văn những bản tin bằng Anh ngữ được chọn làm thí dụ cùng với bản dịch để bạn đọc nhận rõ cách thức làm tin và chuyển tin của các hãng thông tấn. (LDG)

[←47]

The du Pont-Columbia Survey of Broadcast Journalism, 1970-1971, tr. 104.

[←48]

Ibid, tr. 106.

[←49]

Dưới chế độ “Thông báo Quốc Phòng” (D. Notice — D, chữ đầu của Defense: Quốc Phòng) của Anh Quốc, báo chí cộng tác với chính phủ để loại bỏ những tài liệu có hại cho an ninh quốc gia. Những thông báo của Chính Phủ Anh được gửi đến các phương tiện truy ền thông cho biết những bài thuộc vài loại đề tài nào đó có thể vi phạm “luật bảo vệ bí mật quốc gia”. Những thông báo quốc phòng đầu do một ủy ban phổ biến, ủy ban này được thành lập từ 1912 gồm có 11 nhân viên thuộc các phương tiện truy ền thông và năm nhân viên thuộc chính phủ.

[←50]

John Hobenberg. *Between Two Worlds: Policy, Press and Public Opinion in Asian-American Relations*, New York : 1967, p. 4.

[←51]

Lombroso Cesare (1835-1909), luật gia người Ý chuyên nghiên cứu về các tội ác. (chú cước của tác giả)

[←52]

Henry Woodward Sackett, Harold L. Cross và B. Douglas Hamilton, “Những Điều Cần Biết Về Luật Phỉ Báng” (*What You Should Know About The Law Of Libel*) do Trường Cao Học Báo Chí, Viện Đại Học Columbia phổ biến tr. 4.

[←53]

Harold L. Cross, *The People's Right to Know*, New York, Columbia University Press, 1953, tr. 115-116.

[←54]

The Constitution of the United States: Analysis and Interpretation (Hiến Pháp Hoa Kỳ: Phân Tích Và Diễn Giải) của thư viện Quốc Hội, do Edward S. Corwin xuất bản, Washington, 1953 tr99-100.

[←55]

The New York Times vs. Sullivan (376 U.S 254).

[←56]

Editor and Publisher, 12-6-71. Tr.9

[←57]

Sackett, Cross và Hamilton “Bạn phải biết gì về luật phỉ báng” (*What you should know about the law of libel*), tr. 21

[←58]

S.D.Warren và L.D.Brandeis. “*The Right To Privacy*”, Harvard Law Review (1890). Tr. 193

[←59]

Wilson W. Wyatt, “*The Right of Privacy Doctrine*”, *ASNE Bulletin* tháng 11-1967, tr. 3.

[←60]

The New York Times, ngày 11-11-1967, tr. 14 và 24; tạp chí *Editor and Publisher*, ngày 14-1-1967, tr.11

[←61]

Wyett, “Lý Thuyết Về Quyền Riêng Tư” (*The Right of Privacy Doctrine*), *ASNE Bulletin*, November 1967, tr.4

[←62]

The New York Times, 1-7-1971, tr. 1

[←63]

The Miami Herald, 4-7-1971, tr.6A

[←64]

Editor and Publisher, 26-6-1971, tr.12

[←65]

Peter. H. Schuck, luật sư của Trung Tâm Nghiên Cứu Luật Đáp Ứng (Center For Responsive Law) của Ralph Nader, phát biểu ý kiến ngày 15-3-1972 trước Tiểu Ban Hạ Viện phụ trách Hoạt Động của Chính Phủ do Dân Biểu W.S.Moorhead (Dân Chủ, tiểu bang Pennsylvania) làm chủ tịch.

[←66]

The New York Times, 30-6-1972, tr. 1: *Editor and Publisher*, 8-7-1972, tr.11.

[←67]

The New York Times. 23-6-1966

[←68]

Bản dịch Tu Chính Án Thứ Năm của Hiến Pháp Hoa Kỳ: Không một người nào sẽ bị chịu trách nhiệm về một trọng tội quan hệ đến sinh mệnh hoặc một gia nhục khác nếu không có cáo trạng do Đại Phụ Thẩm Đoàn lập ra , trừ những trường hợp xảy ra trong lục quân hoặc hải quân hoặc dân quân, khi quân đội này hiện diện trong thời kỳ chiến tranh hoặc thời kỳ quốc biến; không một người nào bị xử hai lần một trọng tội có thể nguy hại đến tính mệnh của mình. Không một người bị bắt buộc làm chứng có hại cho mình, hoặc bị tước mất quyền sống, quyền tự do, hoặc tài sản nếu không được xét xử theo đúng luật pháp.

Không một tư hữu tài sản nào bị lấy để dùng vào việc công mà không được bồi thường một cách công bình. (cước chú của dịch giả)

[←69]

Báo *The New York Times* số ra ngày 14-6-1966 và tạp chí *Time* ngày 29-4-1966 tr. 57

[←70]

Xem thêm văn bản đầy đủ về vấn đề này trong phụ lục III, phần 4. (LDG)

[←71]

Columbia Journalism Review, số tháng Chạp 1971, tr 22-27

[←72]

John Steinbeck, “*Making of a New Yorker*”. Tạp chí *The New York Times*. Số 1-2-1953

[←73]

Michigan Press Association Inc. *Editor Bulletin*. Số 9 22-6-1950 tường thuật cuộc diễn thuyết của chương lý Stephen J. Roth ngày 2-5-1950

[←74]

Harold L. Cross, *The People's Right To Know*, New York, Columbia University Press, 1953, tr.95-96

[←75]

San Francisco Chronicle, 14-9-1971. Tr. 1.

[←76]

The New York Times, 8-6-1965.

[←77]

The New York Times, 7-6-1966

[←78]

Mann Act, do Nghị sĩ Mỹ James R. Mann (1856-1922) đệ trình và được ban hành năm 1910 (LDG).

[←79]

The New York Times, 27-5-1972, tr. 1.

[←80]

Alexis de Tocqueville, *Democracy in America*, Vintage Press, New York, 1954, Bộ 1, tr.129

[←81]

Walter Lippmann, *Public Opinion*, Macmillan, New York, 1922, tr. 197

[←82]

Walter Lippmann, op crit, tr.1225

[←83]

W.Phillips Davison, *International Political Communication*, Praeger, New York, 1966, tr. 66

[←84]

The Bulletin of the American Society of Newspaper Editors, số tháng Sáu 1971, tr.1

[←85]

The Bulletin of the American Society Newspaper Editors, số tháng Hai 1972, tr.1

[←86]

Phúc trình dupont-Columbia về Báo Chí Phát Thanh 1970-71, tr. 7-14.

[←87]

Bulletin of the American Society of Newspaper Editors, số tháng Chín 1971, tr.6.

[←88]

Gồm cả những danh từ thường dùng trong truyền thanh, truyền hình và điện ảnh.